SAO Y; SỞ XÂY DỰNG; Thời gian ký: 2025-11-25T12:47:13+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 7186/SXD-QLXDCT

Về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Capitaland Tower
(Địa chỉ: tầng 6 và tầng 7, tòa nhà Mê Linh Point Tower, số 2 đường Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh)

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 29/2025/CV-CTC ngày 04 tháng 11 năm 2025 (kèm hồ sơ liên quan) của Công ty TNHH Capitaland Tower đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ như sau:

I. Thông tin chung về dự án

1. Tên dự án: Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ.

Công trình: Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1.

2. Mã số thông tin dự án: *(sẽ được cập nhật sau khi có hướng dẫn của Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).*

3. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: dự án nhóm A, công trình dân dụng, cấp I; thời hạn sử dụng theo thiết kế: không nhỏ hơn 100 năm. Đối với dự án Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1: dự án nhóm A, công trình dân dụng, cấp III.

4. Người quyết định đầu tư: Tổng giám đốc Công ty TNHH Capitaland Tower.

5. Tên Chủ đầu tư: Công ty TNHH Capitaland Tower. Địa chỉ: tầng 6 và tầng 7, tòa nhà Mê Linh Point Tower, số 2 đường Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa điểm xây dựng: 417 lô đất (chi tiết tại khoản 1 Mục III Văn bản này) tại Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh *(Bản đồ vị trí phân lô tổng thể số 11/ĐĐ-TNMT do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kiểm duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2025).*

7. Giá trị tổng mức đầu tư *(Sở Xây dựng không thẩm định nội dung này)*: 13.875.539.757.000 đồng (theo Tờ trình của Chủ đầu tư).

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác.

9. Tiến độ thực hiện dự án: trước ngày 01 tháng 01 năm 2031 (theo Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư).

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thiết kế cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

11. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần Vinhomes.

12. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật.

13. Nhà thầu thẩm tra: Trung tâm các dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng.

II. Hồ sơ trình thẩm định

1. Văn bản pháp lý

1.1. Về pháp lý đầu tư:

- Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư mở rộng Dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư.

1.2. Về pháp lý quyền sử dụng đất:

- Quyết định số 3086/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao đất tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ cho Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ để đầu tư xây dựng hệ thống công trình du lịch biển và hạ tầng kỹ thuật (phần diện tích biển 600 ha) thuộc dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ.

- Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh Quyết định giao đất và giao bổ sung đất đồng thời giao bổ sung khu vực biển cho Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ để đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ. Diện tích: 28.700.033,5 m^2; gồm: 15.128.833,5 m^2 khu bãi bồi và 13.571.200 m^2 khu vực biển *(theo Bản đồ vị trí phân lô tổng thể số 11/ĐĐ-TNMT do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kiểm duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2025).*

- Công văn số 5022/SNNMT-QLĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ (chuyển chượng một phần dự án cho Công ty Ngôi sao Phương Nam và một phần dự án cho Công ty Capitaland Tower); theo đó, Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ *"đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 490/TB-TPHCM về việc xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước"* và *"có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất"*.

- Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án bất động sản số 3009/HĐCNMPDABĐS/DLCG-CTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ và Công ty TNHH Capitaland Tower.

1.3. Về quy hoạch xây dựng

- Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ quy mô 2.870 ha, tại xã Long Hòa và thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ.

- Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh (04 phân khu A, B, C và D_E).

- Công văn số 455/TC-QC ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu về việc chấp thuận độ cao tĩnh không xây dựng công trình tại Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ (nay là xã Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.4. Về môi trường: Quyết định số 517/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ".

1.5 . Về đấu nối hạ tầng kỹ thuật

- Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng hạng mục lấn biển thuộc dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ.

- Công văn số 2681/UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc thỏa thuận vị trí xây dựng điểm đấu nối giao thông cho dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ.

- Văn bản số 1402/EVNHCMC-KH ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp điện cho dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ.

- Văn bản số 1947/TCT-KTCN ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên về việc đấu nối cấp nước cho Dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, quy mô 2.870 ha.

- Thỏa thuận chung về phát triển và quản lý hạ tầng kỹ thuật và tiện ích cảnh quan ngày 30 tháng 9 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ (với tư cách là Chủ đầu tư cấp 1) và Công ty TNHH Capitaland Tower (với tư cách là Chủ đầu tư thứ cấp).

1.6. Về thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Báo cáo kết quả thẩm tra số 222/2025/TTQT/02 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm các dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế

- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Thiết kế cơ sở (bao gồm bản vẽ và thuyết minh);

- Báo cáo khảo sát địa chất công trình;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

3.1. Nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng:

- Trung tâm Nghiên cứu địa kỹ thuật; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003297 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 09 tháng 8 năm 2022, hạng I, có giá trị đến ngày 09 tháng 8 năm 2032.

- Chủ trì khảo sát địa chất công trình: Trần Thị Phi Nga; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00017850 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 29 tháng 12 năm 2022, hạng I, thời hạn hiệu lực đến ngày 29 tháng 12 năm 2027.

3.2. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Công ty Cổ phần Vinhomes; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001415 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 10 tháng 12 năm 2018, hạng I, thời hạn hiệu lực đến ngày 19 tháng 5 năm 2027.

- Chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế kiến trúc: Nguyễn Sơn Tùng; Chứng chỉ hành nghề kiến trúc số HAN-30-2024-03 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 10 năm 2024, thời hạn hiệu lực đến ngày 08 tháng 10 năm 2034.

- Chủ trì thiết kế kết cấu: Nguyễn Sơn Tùng; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00144673 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 17 tháng 6 năm 2022, hạng I, thời hạn hiệu lực đến ngày 17 tháng 6 năm 2027.

- Chủ trì thiết kế điện: Đồng Trọng Hào; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00131071 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025, hạng I, có hiệu lực đến ngày 25 tháng 7 năm 2035.

- Chủ trì thiết kế cấp - thoát nước: Đinh Duy Khang; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00153643 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 19 tháng 9 năm 2022, hạng I, có hiệu lực đến ngày 19 tháng 9 năm 2027.

3.3. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

- Trung tâm các dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00061976 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 3 năm 2022, hạng II, thời hạn hiệu lực đến ngày 15 tháng 3 năm 2032.

- Chủ nhiệm thẩm tra, chủ trì thẩm tra bộ kết cấu: Đặng Thanh Dương; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNT-00186087 do Hiệp hội các Nhà thầu Xây dựng Việt Nam cấp ngày 02 tháng 5 năm 2024, hạng II, thời hạn hiệu lực đến ngày 02 tháng 5 năm 2029.

- Chủ trì thẩm tra bộ kiến trúc: Lê Bật Vinh; Cchứng chỉ hành nghề kiến trúc số HAN-12-2024-01 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 5 năm 2024, thời hạn hiệu lực đến ngày 08 tháng 5 năm 2034.

- Chủ trì thẩm tra bộ cơ điện: Vũ Mạnh Hà; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00010845 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ

Xây dựng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2022, hạng I, thời hạn hiệu lực đến ngày 28 tháng 10 năm 2027.

- Chủ trì thẩm tra bộ môn cấp, thoát nước: Tống Tiến Tuyến; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00004477 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 17 tháng 6 năm 2022, hạng I, thời hạn hiệu lực đến ngày 17 tháng 6 năm 2027.

- Chủ trì thẩm tra bộ môn phòng cháy chữa cháy: Lê Văn Phương; Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy số 0532/2023/PCCC do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an cấp ngày 14 tháng 4 năm 2023.

III. Nội dung hồ sơ trình thẩm định

1. Quy mô công trình:

- Tổng diện tích đất của Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 gồm 5.097 căn nhà ở liên kế và nhà ở biệt thự, thuộc 417 lô đất (5.097 thửa đất) với tổng diện tích đất 904.203,3 m^2, tổng diện tích sàn xây dựng 1.793.828 m^2, dân số 30.703 người; cụ thể:

TT	Loại hình	Lô đất theo quy hoạch	Tầng cao	Số lượng thửa đất (số căn nhà)	Tổng DT đất (m^2)	Dân số (người)	Tổng DT sàn XD (m^2)
I	PHÂN KHU A - giai đoạn 1						
1	Nhà ở liên kế	**Tổng số 47 lô, gồm:** + A3-01-01 đến A3-01-11. + A3-02-01 đến A3-02-07. + A3-03-01 đến A3-03-11. + A3-04-01 đến A3-04-06. + A3-05-01 đến A3-05-03. + A4-06-01 đến A4-06-04. + A4-07-01 đến A4-07-05.	4-5 tầng	787	69.009,3	8.177	211.522,0
2	Nhà ở biệt thự song lập	**Tổng số 13 lô, gồm:** + A4-06-05, A4-06-07, A4-06-09, A4-06-11. + A4-07-07, A4-07-09, A4-07-10, A4-07-12, A4-07-13, A4-07-15, A4-07-16, A4-07-18, A4-07-19.	3 tầng	192	49.386,7	2.442	80.241,2
3	Nhà ở biệt thự đơn lập	**Tổng số 21 lô, gồm:** + A3-02-08, A3-02-09, A3-02-10, A3-02-11. + A3-04-07, A3-04-08, A3-04-09, A3-04-10, A3-04-11, A3-04-12. + A3-05-04, A3-05-05,	3 tầng	94	35.262,0	1.103	48.542,0

TT	Loại hình	Lô đất theo quy hoạch	Tầng cao	Số lượng thửa đất (số căn nhà)	Tổng DT đất (m^2)	Dân số (người)	Tổng DT sàn XD (m^2)
		A3-05-06. + A4-06-06, A4-06-08, A4-06-10. + A4-07-06, A4-07-08, A4-07-11, A4-07-14, A4-07-17.					
4	**Tổng phân khu A - giai đoạn 1**	**81 lô**		**1.073**	**153.658,0**	**11.722,0**	**340.305,2**
II	**PHÂN KHU B - giai đoạn 1**						
1	Nhà ở liên kế	**Tổng số 165 lô, gồm:** + B3-05-01 đến B3-05-07. + B3-09-01 đến B3-09-03. + B3-12-01 đến B3-12-03. + B3-13-01 đến B3-13-03. + B3-14-01 đến B3-14-13. + B3-15-01 đến B3-15-08. + B3-16-01 đến B3-16-08. + B3-17-01 đến B3-17-08. + B3-19-01; B3-19-02. + B3-24-01 đến B3-24-04. + B3-25-01 đến B3-25-04. + B3-26-01 đến B3-26-13. + B3-27-01 đến B3-27-18. + B3-28-01 đến B3-28-15. + B4-04-01; B4-04-02. + B4-05-01 đến B4-05-10. + B4-06-01 đến B4-06-05. + B4-07-01 đến B4-07-08. + B4-08-01 đến B4-08-07. + B4-11-01; B4-11-02. + B4-18-01 đến B4-18-06. + B4-30-01 đến B4-30-03. + B4-31-01 đến B4-31-04. + B4-33-01 đến B4-33-09.	4-5 tầng	2.154	221.063,1	7.564	650.100,5
2	Nhà ở biệt thự song lập	**Tổng số 85 lô, gồm:** + B3-17-10. + B3-18-02; B3-18-04; B3-18-06. + B3-19-03; B3-19-05. + B3-20. + B3-21. + B3-22-02. + B3-23-02. + B4-03-08; B4-03-11; B4-03-14; B4-03-16.	3 tầng	1.576	402.583,1	9.293	632.812,9

TT	Loại hình	Lô đất theo quy hoạch	Tầng cao	Số lượng thửa đất (số căn nhà)	Tổng DT đất (m^2)	Dân số (người)	Tổng DT sàn XD (m^2)
		+ B4-04-03; B4-04-05. + B4-09-02. + B4-10-01; B4-10-03; B4-10-05; B4-10-07; B4-10-09; B4-10-11. + B4-11-05; B4-11-07. + B4-12-01; B4-12-04. + B4-13-01; B4-13-03. + B4-14-01; B4-14-03; B4-14-05; B4-14-08. + B4-15-01; B4-15-03. + B4-16-01; B4-16-03. + B4-17-01. + B4-19-01; B4-19-03. + B4-20-01; B4-20-03; B4-20-06; B4-20-10. + B4-21-01; B4-21-03; B4-21-05; B4-21-07; B4-21-11. + B4-22-01; B4-22-03. + B4-23-01; B4-23-03. + B4-24-01; B4-24-04; B4-24-06; B4-24-08. + B4-25-01; B4-25-03; B4-25-06; B4-25-08; B4-25-12; B4-25-14; B4-25-16. + B4-26-01; B4-26-03. + B4-27-02; B4-27-05. + B4-28-01; B4-28-04; B4-28-06; B4-28-07; B4-28-09; B4-28-11; B4-28-13; B4-28-15; B4-28-17; B4-28-18; B4-28-20; B4-28-22. + B4-29-02. + B4-32-01; B4-32-03. + B4-34-02. + B4-35-01.					
3	Nhà ở biệt thự đơn lập	**Tổng số 86 lô, gồm:** + B3-17-09. + B3-18-01; B3-18-03; B3-18-05; B3-18-07. + B3-19-04; B3-19-06. + B3-22-01; B3-22-03. + B3-23-01. + B4-03-07; B4-03-09; B4-03-10; B4-03-12; B4-03-13;	3 tầng	294	126.899,1	2.124	170.609,4

TT	Loại hình	Lô đất theo quy hoạch	Tầng cao	Số lượng thửa đất (số căn nhà)	Tổng DT đất (m^2)	Dân số (người)	Tổng DT sàn XD (m^2)
		B4-03-15. + B4-04-04; B4-04-06. + B4-09-01. + B4-10-02; B4-10-04; B4-10-06; B4-10-08; B4-10-10. + B4-11-03; B4-11-04; B4-11-06. + B4-12-02; B4-12-03. + B4-13-02. + B4-14-02; B4-14-04; B4-14-06; B4-14-07. + B4-15-02. + B4-16-02; B4-16-04. + B4-19-02. + B4-20-02; B4-20-04; B4-20-05; B4-20-07; B4-20-08; B4-20-09; B4-20-11. + B4-21-02; B4-21-04; B4-21-06; B4-21-08; B4-21-09; B4-21-10. + B4-22-02. + B4-23-02. + B4-24-02; B4-24-03; B4-24-05; B4-24-07. + B4-25-02; B4-25-04; B4-25-05; B4-25-07; B4-25-09; B4-25-10; B4-25-11; B4-25-13; B4-25-15. + B4-26-02. + B4-27-01; B4-27-03; B4-27-04. + B4-28-02; B4-28-03; B4-28-05; B4-28-08; B4-28-10; B4-28-12; B4-28-14; B4-28-16; B4-28-19; B4-28-21. + B4-29-01; B4-29-03. + B4-32-02; B4-32-04. + B4-34-01. + B4-35-02.					
4	Tổng phân khu B - giai đoạn 1	336 lô		4.024	750.545,3	18.981	1.453.522,8
III	Tổng phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1						
	Tổng	417 lô		5.097	904.203,3	30.703	1.793.828

- Cốt vỉa hè ±0.000 tương ứng cao độ ≥ 2,5 m (hệ cao độ quốc gia Hòn Dấu) theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt.

- Cốt sàn tầng 1 (tầng trệt): +0,45 m so với cốt vỉa hè ±0.000.

- Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ:

+ Nhà ở liên kế: ≥ 0 m.

+ Nhà ở biệt thự (song lập, đơn lập): ≥ 3 m.

- Khoảng lùi công trình so với ranh đất còn lại: ≥ 2 m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt vỉa hè ±0.000 đến đỉnh mái):

+ Phân khu A:

* Nhà ở liên kế (4-5 tầng), chiều cao: từ 15,11 m đến 18,95 m.

* Nhà ở biệt thự (song lập, đơn lập, cao 3 tầng): từ 12,45 m đến 13,00 m.

+ Phân khu B:

* Nhà ở liên kế (4-5 tầng), chiều cao: từ 15,9 m đến 19 m.

* Nhà ở biệt thự (song lập, đơn lập, cao 3 tầng): từ 12,40 m đến 14,55 m.

(Chi tiết tại:

- Phụ lục I: Thống kê chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo từng lô đất tại Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Phụ lục II: Thống kê chi tiết thông số thiết kế từng thửa đất tại Báo cáo nghiên cứu khả thi).

3. Giải pháp kết cấu chính:

- Phần móng: công trình sử dụng phương án móng cọc.

- Phần thân: công trình sử dụng phương án cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối.

4. Giải pháp thiết kế hệ thống điện: nguồn cấp từ mạng lưới cấp điện khu đô thị cấp về tủ điện tổng của từng căn nhà. Từ tủ điện tổng của từng căn nhà cấp đến các tủ điện tầng và tủ điện phòng để cấp điện phục vụ sinh hoạt, chiếu sáng.

5. Giải pháp thiết kế cấp thoát nước:

- Cấp nước: nguồn cấp từ mạng lưới cấp nước khu đô thị đến từng căn nhà qua đồng hồ nước, cấp nước đến các điểm dùng nước trong công trình.

- Thoát nước mưa (tách biệt với thoát nước thải): nước mưa từ mái nhà, ban công, lô gia được thu gom và thoát theo ống đứng xuống cống thoát nước mưa ngoài nhà, đấu nối vào cống thoát nước mưa của khu đô thị.

- Thoát nước thải (tách biệt với thoát nước mưa): nước thải từ các khu vệ sinh, nước thải từ bếp được thu gom theo các ống đứng xuống cống thoát nước thải ngoài nhà, đấu nối vào cống thoát nước thải của khu đô thị.

IV. Phạm vi, cơ sở và nguyên tắc thẩm định

- Sở Xây dựng thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14) trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định, không xem xét đánh giá các nội dung khác ngoài các nội dung quy định này;

- Nội dung thẩm định liên quan đến quy hoạch của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Luật Xây dựng chỉ trong phạm vi xem xét sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, không chịu trách nhiệm xem xét về trình tự, thủ tục phê duyệt, sự thống nhất, sự phù hợp giữa các cấp độ quy hoạch xây dựng và sự đầy đủ của nội dung đồ án quy hoạch xây dựng;

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ đánh giá sự phù hợp của dự án với nội dung trong văn bản liên quan đến thủ tục về đầu tư, thủ tục về môi trường và thủ tục về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, không xem xét và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về môi trường và pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 57 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14);

- Đơn vị trình thẩm định và người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm về tính trung thực, nội dung và các thông tin khác liên quan đến hồ sơ trình thẩm định; kết quả thẩm định của Sở Xây dựng không làm giảm trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, các nhà thầu tư vấn lập hồ sơ khảo sát, kiểm định và thiết kế về tính pháp lý, chính xác của các số liệu tại hồ sơ trình thẩm định do mình thực hiện và các sai sót (nếu có) chưa nêu trong báo cáo thẩm định.

V. Kết quả thẩm định

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án được lập cơ bản đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa

đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2021/QH14.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng, Nhà thầu lập và thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

- Các cá nhân thực hiện khảo sát xây dựng, chủ trì lập và thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng có chứng chỉ hành nghề phù hợp với công việc thực hiện theo quy định của Luật Kiến trúc và Điều 73 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ và Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ

a) Về chức năng sử dụng đất tại quy hoạch chung xây dựng

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1125/QĐ-TTg phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060.

Qua rà soát bản đồ quy hoạch chung (đang hoàn thiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 4246/UBND-ĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025), các khu đất xây dựng Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng sử dụng đất là đất phức hợp - động lực phát triển.

b) Về chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất, quy mô dân số khống chế tại quy hoạch phân khu

Đối chiếu với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3800/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 và điều chỉnh tại Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024:

Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc	Theo Quy hoạch phân khu	Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi	Đánh giá
Phân khu A – giai đoạn 1			
Diện tích	17,4 ha	15,3 ha	Phù hợp
Chức năng sử dụng đất	Đất nhóm nhà ở	- Nhà ở liên kế; - Nhà ở biệt thự.	Phù hợp
Dân số	11.722 người	11.722 người	Phù hợp
Phân khu B – giai đoạn 1			
Diện tích	98,83 ha	75,05 ha	Phù hợp
Chức năng sử dụng đất	Đất nhóm nhà ở	- Nhà ở liên kế; - Nhà ở biệt thự.	Phù hợp
Dân số	19.567 người	18.981 người	Phù hợp

c) Đối chiếu với đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 340 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh (04 phân khu A, B, C và D_E).

- Đánh giá các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của từng lô đất quy hoạch tại Báo cáo nghiên cứu khả thi so với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt: theo Phụ lục III đính kèm văn bản này.

- Đánh giá sự phù hợp của các thông số thiết kế khác so với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt:

STT	Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc	Theo QHCT 1/500 được duyệt	Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi	Đánh giá
1	Chiều cao công trình tối đa (tính từ cốt vỉa hè ±0.000 đến đỉnh mái)			Phù hợp
	- Nhà ở liên kế	19m	19m	
	- Nhà ở biệt thự	17m	14,55	
2	Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ:			Phù hợp
	- Nhà ở liên kế	≥ 0m	≥ 0m	
	- Nhà ở biệt thự	≥ 3m	≥ 3m	
3	Khoảng lùi công trình so với ranh đất còn lại			Phù hợp
	- Nhà ở liên kế	Lùi tối thiểu 2 m so với ranh đất phía sau không tiếp giáp đường giao thông. Riêng tại ranh lô/thửa đất là ranh ngắt khoảng chiều dài tối đa của lô đất xây dựng dãy nhà ở liên kế (≤ 60 m) lùi tối thiểu 2 m	Lùi tối thiểu 2 m so với ranh đất phía sau không tiếp giáp đường giao thông. Riêng tại ranh lô/thửa đất là ranh ngắt khoảng chiều dài tối đa của lô đất xây dựng dãy nhà ở liên kế (≤ 60 m) lùi tối thiểu 2 m	
	- Nhà ở biệt thự	Lùi tối thiểu 2 m; riêng biệt thự song lập xây dựng sát ranh lô/thửa đất giữa hai nhà	Lùi tối thiểu 2 m; riêng biệt thự song lập xây dựng sát ranh lô/thửa đất giữa hai nhà	

Ghi chú: Cốt vỉa hè ±0.000 tương ứng cao độ ≥ 2,5 m (hệ cao độ quốc gia

Hòn Dấu) theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt. Cao độ nền triển khai xây dựng theo quy hoạch phải đảm bảo quy định tại Điểm 2.8.1 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định pháp luật có liên quan (nếu có)

Đối chiếu với Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư:

STT	Theo chủ trương đầu tư dự án	Báo cáo nghiên cứu khả thi	Đánh giá
1	Mục tiêu dự án: xây dựng Khu đô thị lấn biển Cần Giờ gồm nhà thấp tầng (liền kề, biệt thự), nhà cao tầng và công trình du lịch nghỉ dưỡng	Chức năng công trình: nhà ở liên kế, nhà ở biệt thự	Phù hợp
2	Quy mô diện tích khu đất toàn dự án: 1.504.549,6 m^2	Tổng diện tích đất của Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1: 904.203,3 m^2	Phù hợp
3	Thời gian thực hiện dự án: trước ngày 01 tháng 01 năm 2031	Theo tiến độ tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư số 1868/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Phù hợp

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị

Việc kết nối hạ tầng kỹ thuật của dự án với hạ tầng kỹ thuật toàn khu thực hiện theo Thỏa thuận chung về phát triển và quản lý hạ tầng kỹ thuật và tiện ích cảnh quan ngày 30 tháng 9 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ (với tư cách là Chủ đầu tư cấp 1) và Công ty TNHH Capitaland Tower (với tư cách là Chủ đầu tư thứ cấp). Khi thực hiện kết nối cần kiểm tra hiện trạng và đảm bảo kết nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật toàn khu.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

5.1. Về sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng;

sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn cho công trình và các nội dung khác theo yêu cầu.

- Về sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng: Giải pháp thiết kế cơ sở công trình được đơn vị tư vấn thiết kế đề xuất, đơn vị thẩm tra xem xét và đánh giá, Chủ đầu tư chấp thuận trình thẩm định. Theo đó, tại Báo cáo thẩm tra số 222/2025/TTQT/02 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm các dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng kết luận: *"Các giải pháp thiết kế trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng"*.

- Chủ đầu tư cần tiến hành thí nghiệm hiện trường kiểm tra sức chịu tải của cọc móng, để xem xét điều chỉnh kích thước và số lượng cọc (nếu có) nhằm đảm bảo an toàn cho công trình. Do giải pháp kết cấu chính được lựa chọn sơ bộ dựa trên các thông số tổ hợp tải trọng cơ bản chưa được tính toán cụ thể, nên khi triển khai thiết kế kỹ thuật phải căn cứ trên cơ sở tính toán chi tiết dựa vào địa chất công trình và điều kiện thực tế; tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc theo quy định tại QCVN 10:2024/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng, QCVN 08:2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình ngầm đô thị, QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

5.2. Về phòng cháy chữa cháy:

Công trình nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự không thuộc Phụ lục I và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ; do đó, không thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ. Theo điểm 5.5.2 Báo cáo thẩm tra số 222/2025/TTQT/02 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm các dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, đơn vị tư vấn thẩm tra đánh giá: *"Các hạng mục công trình nhà ở thấp tầng của dự án là nhà ở riêng lẻ, không thuộc đối tượng cần trang bị báo cháy, chữa cháy theo quy định tại "TCVN 3890:2023 về Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí". Thiết kế của các hạng mục công trình đã đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy"*.

5.3. Về bảo vệ môi trường: Quyết định số 517/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ".

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án thể hiện tại hồ sơ đính kèm Tờ trình của Chủ đầu tư; hồ sơ thiết kế cơ sở cơ bản tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn hiện hành.

VI. Kết luận

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ **cơ bản đủ điều kiện** để phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo. Tuy nhiên, công trình chỉ được khởi công xây dựng sau khi Chủ đầu tư (Công ty TNHH Capitaland Tower) hoàn thành nghĩa vụ tài chính và hoàn tất thủ tục pháp lý về đất đai theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Luật Đất đai năm 2024, đồng thời đảm bảo điều kiện khởi công tại khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14); chỉ được đưa vào kinh doanh dự án sau khi đáp ứng các quy định tại Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Những yêu cầu đối với Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tham gia hoạt động xây dựng

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện hoàn thành nghĩa vụ tài chính và hoàn tất thủ tục pháp lý về đất đai theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản và pháp luật đất đai hiện hành.

- Chủ đầu tư thực hiện hoàn tất yêu cầu của các văn bản pháp lý đã nêu tại Mục II của Văn bản này.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, trường hợp dự án có sự điều chỉnh thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, đề nghị Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

- Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ thiết kế cơ sở; về an toàn và chất lượng xây dựng của công trình xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .pdf) bản vẽ thiết kế cơ sở đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để lưu trữ theo quy định.

- Cần lưu ý nghiên cứu sử dụng vật liệu không nung theo quy định tại Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; lựa chọn phương án sử dụng vật liệu và thiết bị năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Áp dụng Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng tại các lối đi, khu vệ sinh cho người tàn tật tiếp cận sử dụng; đồng thời, tuân thủ các nguyên tắc thiết kế tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn hiện hành.

- Tiến hành thí nghiệm hiện trường kiểm tra sức chịu tải của cọc móng để xem xét điều chỉnh kích thước và số lượng cọc (nếu cần thiết) đảm bảo an toàn cho công trình; áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9386:2012 Thiết kế công trình chịu động đất - Phần 1: quy định chung, tác động động đất và quy

định đối với kết cấu nhà để bảo đảm công trình có thể chịu được tác động của động đất (nếu có), TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động; đồng thời tuân thủ theo các Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Văn bản thông báo kết quả thẩm định này không có giá trị thay thế Giấy phép xây dựng (thủ tục cấp Giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành). Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14), đảm bảo quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Sở Xây dựng thông báo như trên về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà ở thấp tầng thuộc phân khu A, phân khu B - giai đoạn 1 thuộc dự án Khu phức hợp số 2 - Dự án đầu tư mở rộng dự án Khu đô thị du lịch lấn biển Cần Giờ tại xã Cần Giờ (đính kèm 03 phụ lục), đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban GĐ SXD: GĐ, PGĐ Khiết (để báo cáo);
- UBND xã Cần Giờ;
- P.KTCN, P.QLCLCT, P.KTVLXD;
- Lưu: VT, TN&THS, P.QLXDCT.LMT.

MHS: H29.18-251105-0155 (05)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Huỳnh Thanh Khiết

SỞ XÂY DỰNG

Phụ lục I

Thống kê chỉ tiêu thiết kế quy hoạch kiến trúc theo từng lô đất quy hoạch tại Báo cáo nghiên cứu khả thi

(Đính kèm Công văn số 17186 /SXD-QLXDCT ngày 24/11/2025)

STT		Tên lô đất theo QHCT	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BC NCKT
A		**PHÂN KHU A**				
I		**Đất nhà ở liền kề**				
1	a	A3-01-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.679,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.316,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.088,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	19
2	a	A3-01-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.760,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.353,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.210,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	20
3	a	A3-01-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.639,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.280,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.046,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	17
4	a	A3-01-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.696,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.318,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.095,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	21
5	a	A3-01-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.650,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.253,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.812,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	20
6	a	A3-01-06	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	1.559,2

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.193,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.705,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	17
7	a	A3-01-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.383,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.771,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.817,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	27
8	a	A3-01-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.464,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.873,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.288,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	29
9	a	A3-01-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.657,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.289,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.990,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	19
10	a	A3-01-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.860,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.434,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.524,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	22
11	a	A3-01-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.597,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.255,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.941,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	18
12	a	A3-02-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.415,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.110,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.601,5

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3
	g			Số thửa	thửa	15
13	a	A3-02-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.280,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	939,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.760,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	14
14	a	A3-02-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.263,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	975,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.054,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2
	g			Số thửa	thửa	15
15	a	A3-02-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	900,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	64,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	580,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.324,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,6
	g			Số thửa	thửa	10
16	c	A3-02-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.001,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	738,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.009,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	11
17	a	A3-02-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	900,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	612,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.489,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,8
	g			Số thửa	thửa	10
18	a	A3-02-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.704,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.318,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.361,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	19
19	a	A3-03-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.238,0
	b			Tầng cao	tầng	4

	c			Mật độ xây dựng	%	77,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	955,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.933,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2
	g			Số thửa	thửa	13
20	a	A3-03-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.395,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.049,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.317,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	16
21	a	A3-03-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.298,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.000,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.122,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2
	g			Số thửa	thửa	14
22	a	A3-03-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.377,4
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	75,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.036,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.377,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,9
	g			Số thửa	thửa	15
23	a	A3-03-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.559,1
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	71,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.110,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.662,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,6
	g			Số thửa	thửa	18
24	a	A3-03-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.555,0
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	71,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.108,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.585,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,6
	g			Số thửa	thửa	18
25	a	A3-03-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.703,5
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	71,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.214,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.899,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,5

	g			Số thửa	thửa	20
26	a	A3-03-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.546,7
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	74,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.150,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.582,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,6
	g			Số thửa	thửa	17
27	a	A3-03-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.255,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	974,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.013,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2
	g			Số thửa	thửa	14
28	a	A3-03-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.240,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	917,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.776,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	14
29	a	A3-03-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.095,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	847,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.491,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2
	g			Số thửa	thửa	12
30	a	A3-04-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.569,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.212,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.934,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	18
31	a	A3-04-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.536,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.190,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.837,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	17
32	a	A3-04-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.447,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,5

	d			Diện tích xây dựng	m²	1.137,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.376,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	16
33	a	A3-04-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.253,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	961,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.703,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	14
34	a	A3-04-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.286,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.003,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.951,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1
	g			Số thửa	thửa	14
35	a	A3-04-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.380,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.068,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.126,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	16
36	a	A3-05-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.557,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.223,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.720,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	18
37	a	A3-05-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	990,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	744,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.856,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	11
38	a	A3-05-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	900,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	615,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.384,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,6
	g			Số thửa	thửa	10

39	a	A4-06-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.415,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,6
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.083,5
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.311,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	17
40	a	A4-06-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.350,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,9
	d			Diện tích xây dựng	m^2	984,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.905,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	16
41	a	A4-06-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.505,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,2
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.087,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.307,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	18
42	a	A4-06-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.104,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	71,8
	d			Diện tích xây dựng	m^2	793,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.161,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	12
43	a	A4-07-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.486,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	71,9
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.068,3
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.164,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,8
	g			Số thửa	thửa	18
44	a	A4-07-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.666,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,2
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.203,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.691,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,8
	g			Số thửa	thửa	20
45	a	A4-07-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.678,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.165,1

	c			Tổng diện tích sàn	m^2	4.876,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	20
46	a	A4-07-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.671,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.208,0
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.935,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0
	g			Số thửa	thửa	20
47	a	A4-07-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.534,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	71,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.095,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.394,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9
	g			Số thửa	thửa	18
II		**Đất nhà ở Biệt thự**				
1	a	A3-02-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	558,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	247,0
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	727,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
2	a	A3-02-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	565,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,6
	d			Diện tích xây dựng	m^2	240,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	737,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
3	a	A3-02-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	575,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,1
	d			Diện tích xây dựng	m^2	236,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	696,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,2
	g			Số thửa	thửa	2
4	a	A3-02-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	633,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,8
	d			Diện tích xây dựng	m^2	270,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	833,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3

	g			Số thửa	thửa	2
5	a	A3-04-07	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	586,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	251,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	741,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
6	a	A3-04-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	565,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	237,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	727,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
7	a	A3-04-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	570,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	242,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	711,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,2
	g			Số thửa	thửa	2
8	a	A3-04-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	609,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	277,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	841,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,4
	g			Số thửa	thửa	2
9	a	A3-04-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	629,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	285,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	838,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
10	a	A3-04-12	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	544,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	236,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	721,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
11	a	A3-05-01	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn	Diện tích đất	m²	549,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,3

	d		Lập)	Diện tích xây dựng	m²	248,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	733,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
12	a	A3-05-05	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.366,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.634,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.893,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5
	g			Số thửa	thửa	11
13	a	A3-05-06	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	581,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	258,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	783,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	2
14	a	A4-06-05	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	374,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	203,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	604,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	2
15	a	A4-06-06	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	2.018,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	918,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.789,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,4
	g			Số thửa	thửa	5
16	a	A4-06-07	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	4.959,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.631,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.060,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	18
17	a	A4-06-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	1.260,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	628,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.867,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5
	g			Số thửa	thửa	3

18	a	A4-06-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m^2	4.966,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.634,0
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	8.032,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	18
19	a	A4-06-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	2.480,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.109,9
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.335,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	6
20	a	A4-06-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m^2	3.792,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.025,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	6.187,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	16
21	a	A4-07-06	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	474,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	232,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	702,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5
	g			Số thửa	thửa	1
22	a	A4-07-07	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m^2	3.647,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,8
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.927,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	5.956,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	16
23	a	A4-07-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m^2	8.683,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	4.142,6
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	12.331,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,4
	g			Số thửa	thửa	19
24	a	A4-07-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m^2	6.380,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	3.423,3

	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.456,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	22
25	a	A4-07-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	5.680,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.001,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.202,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	20
26	a	A4-07-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.207,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.457,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.363,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,4
	g			Số thửa	thửa	9
27	a	A4-07-12	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.104,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.623,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.962,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	16
28	a	A4-07-13	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.853,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.030,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.240,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	16
29	a	A4-07-14	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.759,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.692,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.039,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,3
	g			Số thửa	thửa	9
30	a	A4-07-15	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	4.473,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.380,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.296,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	16
31	a	A4-07-16	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	3.797,3

	b		biệt thự (BT Song Lập)	Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.977,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.068,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	16
32	a	A4-07-17	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.041,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.369,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.135,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,4
	g			Số thửa	thửa	7
33	a	A4-07-18	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.812,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.051,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.290,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	14
34	a	A4-07-19	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	546,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	292,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	900,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,6
	g			Số thửa	thửa	2
B		**PHÂN KHU B**				
I		**Đất nhà ở liền kề**				
1	a	B3-05-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.555,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.088,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.301,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,77
	g			Số thửa	thửa	18
2	a	B3-05-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.800,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.216,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.819,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,68
	g			Số thửa	thửa	22
3	a	B3-05-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.650,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,7

	d			Diện tích xây dựng	m²	1.126,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.408,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,67
	g			Số thửa	thửa	20
4	a	B3-05-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.654,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.134,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.407,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,66
	g			Số thửa	thửa	20
5	a	B3-05-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.655,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.101,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.481,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	20
6	a	B3-05-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.805,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.212,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.878,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,70
	g			Số thửa	thửa	22
7	a	B3-05-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.747,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.174,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.639,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,65
	g			Số thửa	thửa	21
8	a	B3-09-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.034,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	67,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	689,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.741,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,65
	g			Số thửa	thửa	11
9	a	B3-09-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.500,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.004,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.029,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,69
	g			Số thửa	thửa	18

10	a	B3-09-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.014,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	67,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	676,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.689,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,65
	g			Số thửa	thửa	11
11	a	B3-12-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.083,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	777,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.200,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,95
	g			Số thửa	thửa	10
12	a	B3-12-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.054,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	761,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.055,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,90
	g			Số thửa	thửa	10
13	a	B3-12-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.055,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	772,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.146,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,98
	g			Số thửa	thửa	10
14	a	B3-13-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.191,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	899,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.584,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,01
	g			Số thửa	thửa	14
15	a	B3-13-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.654,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.216,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.879,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,95
	g			Số thửa	thửa	20
16	a	B3-13-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.229,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	929,6

	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.711,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,02
	g			Số thửa	thửa	14
17	a	B3-14-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.208,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	860,6
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.432,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,84
	g			Số thửa	thửa	8
18	a	B3-14-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.290,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	71,9
	d			Diện tích xây dựng	m^2	905,5
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.636,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,82
	g			Số thửa	thửa	9
19	a	B3-14-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.196,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,2
	d			Diện tích xây dựng	m^2	855,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.411,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,85
	g			Số thửa	thửa	8
20	a	B3-14-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	568,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	84,2
	d			Diện tích xây dựng	m^2	478,6
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.022,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,56
	g			Số thửa	thửa	6
21	a	B3-14-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	880,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	88,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	749,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.011,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,30
	g			Số thửa	thửa	10
22	a	B3-14-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	557,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	88,8
	d			Diện tích xây dựng	m^2	474,3
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	1.959,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,52
	g			Số thửa	thửa	6
23	a	B3-14-07	Đất nhà ở	Diện tích đất	m^2	920,9

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	689,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.847,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,09
	g			Số thửa	thửa	10
24	a	B3-14-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.650,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.246,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.999,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,03
	g			Số thửa	thửa	20
25	a	B3-14-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	921,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	699,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.855,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,10
	g			Số thửa	thửa	10
26	a	B3-14-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.532,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.192,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.763,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,11
	g			Số thửa	thửa	18
27	a	B3-14-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.682,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	80,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.323,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.285,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,14
	g			Số thửa	thửa	20
28	a	B3-14-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.444,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.117,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.464,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,09
	g			Số thửa	thửa	17
29	a	B3-14-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.597,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.246,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.978,5

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,12
	g			Số thửa	thửa	19
30	a	B3-15-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.132,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	849,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.261,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,88
	g			Số thửa	thửa	8
31	a	B3-15-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.174,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	832,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.352,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,85
	g			Số thửa	thửa	8
32	a	B3-15-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.666,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.242,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.770,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,86
	g			Số thửa	thửa	14
33	a	B3-15-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.600,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.152,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.527,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,83
	g			Số thửa	thửa	14
34	a	B3-15-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	729,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	516,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.036,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,79
	g			Số thửa	thửa	7
35	a	B3-15-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.981,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.438,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.661,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,86
	g			Số thửa	thửa	17
36	a	B3-15-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4

	c			Mật độ xây dựng	%	72,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	995,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.911,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,79
	g			Số thửa	thửa	12
37	a	B3-15-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	733,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	545,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.078,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,84
	g			Số thửa	thửa	7
38	a	B3-16-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.101,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	788,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.229,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,93
	g			Số thửa	thửa	7
39	a	B3-16-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.013,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	731,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.913,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,88
	g			Số thửa	thửa	7
40	a	B3-16-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.119,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.576,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.406,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,02
	g			Số thửa	thửa	18
41	a	B3-16-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.600,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.186,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.859,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04
	g			Số thửa	thửa	14
42	a	B3-16-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	744,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	539,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.126,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,85

	g			Số thửa	thửa	7
43	a	B3-16-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.017,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.481,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.903,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,93
	g			Số thửa	thửa	18
44	a	B3-16-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.112,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.544,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.326,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,99
	g			Số thửa	thửa	18
45	a	B3-16-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	798,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	589,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.403,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,01
	g			Số thửa	thửa	7
46	a	B3-17-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.131,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	838,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.338,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,95
	g			Số thửa	thửa	8
47	a	B3-17-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.205,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	885,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.498,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,90
	g			Số thửa	thửa	8
48	a	B3-17-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.937,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	80,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.520,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.996,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,10
	g			Số thửa	thửa	17
49	a	B3-17-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,7

	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.499,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	6.025,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,01
	g			Số thửa	thửa	18
50	a	B3-17-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	725,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	80,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	583,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.320,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,20
	g			Số thửa	thửa	7
51	a	B3-17-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.781,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,2
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.393,5
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	5.532,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,11
	g			Số thửa	thửa	15
52	a	B3-17-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.600,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,1
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.191,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.786,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,99
	g			Số thửa	thửa	14
53	a	B3-17-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	736,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	81,9
	d			Diện tích xây dựng	m^2	587,9
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.296,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,12
	g			Số thửa	thửa	7
54	a	B3-19-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.734,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,1
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.338,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	5.454,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,14
	g			Số thửa	thửa	18
55	a	B3-19-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	867,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	81,2
	d			Diện tích xây dựng	m^2	700,5
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.871,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,31
	g			Số thửa	thửa	7

56	a	B3-24-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	868,6
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	71,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	609,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.988,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,44
	g			Số thửa	thửa	9
57	a	B3-24-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	819,2
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	72,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	594,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.907,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,55
	g			Số thửa	thửa	9
58	a	B3-24-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	819,2
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	72,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	584,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.967,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,62
	g			Số thửa	thửa	9
59	a	B3-24-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	902,7
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	74,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	656,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.220,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,57
	g			Số thửa	thửa	10
60	a	B3-25-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.014,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	67,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	670,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.680,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,64
	g			Số thửa	thửa	6
61	a	B3-25-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.323,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	901,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.620,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,74
	g			Số thửa	thửa	9
62	a	B3-25-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.290,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	945,0

	c			Tổng diện tích sàn	m²	3.722,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,88
	g			Số thửa	thửa	9
63	a	B3-25-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.273,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	953,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.761,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,95
	g			Số thửa	thửa	9
64	a	B3-26-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.363,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.102,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.308,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,16
	g			Số thửa	thửa	16
65	a	B3-26-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.278,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.007,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.004,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,13
	g			Số thửa	thửa	14
66	a	B3-26-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.004,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	733,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.962,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,95
	g			Số thửa	thửa	7
67	a	B3-26-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	801,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	540,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.183,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,73
	g			Số thửa	thửa	5
68	a	B3-26-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.285,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	986,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.937,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,06
	g			Số thửa	thửa	15
69	a	B3-26-06	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	1.015,2

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	744,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.965,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,92
	g			Số thửa	thửa	11
70	a	B3-26-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.062,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	801,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.191,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00
	g			Số thửa	thửa	12
71	a	B3-26-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	980,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	703,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.803,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,86
	g			Số thửa	thửa	10
72	a	B3-26-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	822,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	70,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	576,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.375,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,89
	g			Số thửa	thửa	8
73	a	B3-26-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	855,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	72,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	0,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.558,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,99
	g			Số thửa	thửa	8
74	a	B3-26-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	483,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	356,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.468,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04
	g			Số thửa	thửa	5
75	a	B3-26-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	603,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	456,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.853,5

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,07
	g			Số thửa	thửa	5
76	a	B3-26-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	577,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	396,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.607,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,78
	g			Số thửa	thửa	4
77	a	B3-27-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	601,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	454,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.837,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,05
	g			Số thửa	thửa	5
78	a	B3-27-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	810,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	82,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	659,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.638,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,26
	g			Số thửa	thửa	8
79	a	B3-27-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	635,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	81,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	509,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.054,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,23
	g			Số thửa	thửa	6
80	a	B3-27-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	441,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	338,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.358,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,07
	g			Số thửa	thửa	4
81	a	B3-27-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	810,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	657,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.644,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,26
	g			Số thửa	thửa	8
82	a	B3-27-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	601,1
	b			Tầng cao	tầng	4

	c			Mật độ xây dựng	%	74,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	436,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.736,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,89
	g			Số thửa	thửa	5
83	a	B3-27-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.189,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	910,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.624,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,05
	g			Số thửa	thửa	14
84	a	B3-27-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.350,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	994,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.994,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,96
	g			Số thửa	thửa	16
85	a	B3-27-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.259,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	950,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.799,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,02
	g			Số thửa	thửa	15
86	a	B3-27-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.049,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	809,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.180,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,03
	g			Số thửa	thửa	12
87	a	B3-27-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.200,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	870,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.486,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,91
	g			Số thửa	thửa	14
88	a	B3-27-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	955,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	660,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.620,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,74

	g			Số thửa	thửa	9
89	a	B3-27-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.184,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	919,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.638,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,07
	g			Số thửa	thửa	14
90	a	B3-27-14	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.262,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	929,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.678,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,91
	g			Số thửa	thửa	14
91	a	B3-27-15	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	800,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	576,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.338,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,92
	g			Số thửa	thửa	10
92	a	B3-27-16	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	962,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	707,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.854,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,97
	g			Số thửa	thửa	9
93	a	B3-27-17	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.399,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.136,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.613,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,30
	g			Số thửa	thửa	16
94	a	B3-27-18	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.214,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	84,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	998,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.040,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,33
	g			Số thửa	thửa	14
95	a	B3-28-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	882,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,9

	d			Diện tích xây dựng	m²	675,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.613,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,96
	g			Số thửa	thửa	8
96	a	B3-28-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	810,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	82,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	668,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.569,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,17
	g			Số thửa	thửa	8
97	a	B3-28-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	617,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	457,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.881,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,05
	g			Số thửa	thửa	5
98	a	B3-28-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.044,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	89,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	894,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.687,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,53
	g			Số thửa	thửa	10
99	a	B3-28-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.011,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	765,2
	c			Tổng diện tích sàn	m²	3.216,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,18
	g			Số thửa	thửa	9
100	a	B3-28-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.039,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	787,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.135,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,02
	g			Số thửa	thửa	9
101	a	B3-28-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	520,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	391,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.558,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,99
	g			Số thửa	thửa	6

102	a	B3-28-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	600,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	437,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.807,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,01
	g			Số thửa	thửa	7
103	a	B3-28-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	541,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	410,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.674,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,09
	g			Số thửa	thửa	6
104	a	B3-28-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.393,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.080,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.310,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,09
	g			Số thửa	thửa	16
105	a	B3-28-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.500,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.127,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.661,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,11
	g			Số thửa	thửa	18
106	a	B3-28-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.542,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	81,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.215,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.970,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,22
	g			Số thửa	thửa	18
107	a	B3-28-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.338,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.040,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.140,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,09
	g			Số thửa	thửa	16
108	a	B3-28-14	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.500,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.120,4

	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.494,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00
	g			Số thửa	thửa	18
109	a	B3-28-15	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.363,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	77,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.036,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.140,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04
	g			Số thửa	thửa	16
110	a	B4-04-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.032,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	82,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	850,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.349,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,24
	g			Số thửa	thửa	9
111	a	B4-04-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.050,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	79,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	797,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.226,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,07
	g			Số thửa	thửa	9
112	a	B4-05-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.480,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.014,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.073,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,75
	g			Số thửa	thửa	13
113	a	B4-05-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.624,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.516,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	22
114	a	B4-05-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.624,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.516,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	22
115	a	B4-05-04	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	2.400,0

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.629,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.372,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,66
	g			Số thửa	thửa	22
116	a	B4-05-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.627,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.373,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,66
	g			Số thửa	thửa	22
117	a	B4-05-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.622,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.508,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	22
118	a	B4-05-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.631,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.712,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80
	g			Số thửa	thửa	22
119	a	B4-05-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.637,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.669,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,78
	g			Số thửa	thửa	22
120	a	B4-05-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.624,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.516,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	22
121	a	B4-05-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.519,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.032,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.146,4

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,73
	g			Số thửa	thửa	13
122	a	B4-06-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.107,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.464,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.890,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80
	g			Số thửa	thửa	19
123	a	B4-06-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.353,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.440,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	18
124	a	B4-06-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.352,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.418,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	18
125	a	B4-06-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.352,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.418,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	18
126	a	B4-06-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.511,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.026,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.103,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	13
127	a	B4-07-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.167,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.516,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.005,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,77
	g			Số thửa	thửa	19
128	a	B4-07-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4

	c			Mật độ xây dựng	%	69,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.631,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.478,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,70
	g			Số thửa	thửa	22
129	a	B4-07-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.624,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.516,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	22
130	a	B4-07-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.201,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.501,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.114,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,78
	g			Số thửa	thửa	20
131	a	B4-07-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.301,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.562,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.419,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,79
	g			Số thửa	thửa	20
132	a	B4-07-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.116,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.432,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.745,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	18
133	a	B4-07-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.095,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.452,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.569,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,66
	g			Số thửa	thửa	18
134	a	B4-07-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.352,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.599,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.256,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,66

	g			Số thửa	thửa	21
135	a	B4-08-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.089,6
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.414,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.654,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	19
136	a	B4-08-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.088,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.418,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.689,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	18
137	a	B4-08-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.104,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.432,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.751,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,73
	g			Số thửa	thửa	18
138	a	B4-08-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.111,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.432,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.751,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,72
	g			Số thửa	thửa	18
139	a	B4-08-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.110,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	68,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.432,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.751,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,73
	g			Số thửa	thửa	18
140	a	B4-08-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.117,2
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.440,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.735,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	18
141	a	B4-08-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.133,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	69,3

	d			Diện tích xây dựng	m²	1.478,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.846,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,74
	g			Số thửa	thửa	20
142	a	B4-11-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.059,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	81,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	860,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.390,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,20
	g			Số thửa	thửa	9
143	a	B4-11-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	840,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	76,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	618,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.515,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,99
	g			Số thửa	thửa	7
144	a	B4-18-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	411,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	71,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	286,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.174,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,86
	g			Số thửa	thửa	4
145	a	B4-18-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	641,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	494,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.938,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,02
	g			Số thửa	thửa	7
146	a	B4-18-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.149,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	80,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	919,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.470,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,02
	g			Số thửa	thửa	16
147	a	B4-18-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.575,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.288,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.207,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,31
	g			Số thửa	thửa	18

148	a	B4-18-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.594,1
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,9
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.307,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	5.293,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,32
	g			Số thửa	thửa	20
149	a	B4-18-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.617,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	84,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.333,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	5.396,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,34
	g			Số thửa	thửa	20
150	a	B4-30-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.673,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.368,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	5.442,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,25
	g			Số thửa	thửa	20
151	a	B4-30-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	376,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	70,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	261,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	1.021,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,71
	g			Số thửa	thửa	4
152	a	B4-30-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	897,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,6
	d			Diện tích xây dựng	m^2	654,1
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.607,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,91
	g			Số thửa	thửa	7
153	a	B4-31-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	812,0
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	68,5
	d			Diện tích xây dựng	m^2	556,0
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.703,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,33
	g			Số thửa	thửa	5
154	a	B4-31-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.280,4
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	940,1

	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.577,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,58
	g			Số thửa	thửa	9
155	a	B4-31-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.280,3
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	940,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.577,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,58
	g			Số thửa	thửa	9
156	a	B4-31-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	939,3
	b			Tầng cao	tầng	5
	c			Mật độ xây dựng	%	70,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	660,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.213,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,42
	g			Số thửa	thửa	6
157	a	B4-33-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.652,7
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	84,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.363,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.350,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,24
	g			Số thửa	thửa	21
158	a	B4-33-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.718,9
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	81,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.398,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.540,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,22
	g			Số thửa	thửa	22
159	a	B4-33-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.742,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	83,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.423,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.665,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,25
	g			Số thửa	thửa	22
160	a	B4-33-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	859,8
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	623,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.482,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,89
	g			Số thửa	thửa	9
161	a	B4-33-05	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	919,8

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	75,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	681,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.713,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,95
	g			Số thửa	thửa	10
162	a	B4-33-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.010,0
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	74,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	750,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.100,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,07
	g			Số thửa	thửa	11
163	a	B4-33-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	833,5
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	73,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	608,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.502,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00
	g			Số thửa	thửa	8
164	a	B4-33-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	707,3
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	78,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	548,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.264,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,20
	g			Số thửa	thửa	8
165	a	B4-33-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.121,4
	b			Tầng cao	tầng	4
	c			Mật độ xây dựng	%	85,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	933,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.796,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,39
	g			Số thửa	thửa	10
II		**Biệt thự song lập**				
1	a	B3-17-10	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.504,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.393,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.209,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	24
2	a	B3-18-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.775,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.005,2

	c			Tổng diện tích sàn	m²	5.980,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,58
	g			Số thửa	thửa	20
3	a	B3-18-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.160,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.142,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.525,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	12
4	a	B3-18-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.265,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	51,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.173,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.623,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	12
5	a	B3-19-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.234,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.187,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.656,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,64
	g			Số thửa	thửa	12
6	a	B3-19-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.240,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.169,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.560,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,59
	g			Số thửa	thửa	12
7	a	B3-20	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.830,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	910,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.718,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	10
8	a	B3-21	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.906,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	941,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.810,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,47
	g			Số thửa	thửa	10
9	a	B3-22-02	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	8.204,5

	b		biệt thự (BT song lập)	Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.982,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	12.241,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	48
10	a	B3-23-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.387,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.687,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.076,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	24
11	a	B4-03-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.835,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.073,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.323,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	14
12	a	B4-03-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.567,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.014,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.962,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	22
13	a	B4-03-14	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	8.924,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.797,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	14.599,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,64
	g			Số thửa	thửa	34
14	a	B4-03-16	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.314,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.326,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.115,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	16
15	a	B4-04-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.266,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.737,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.196,8

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,59
	g			Số thửa	thửa	14
16	a	B4-04-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	7.414,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.996,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	12.161,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,64
	g			Số thửa	thửa	28
17	a	B4-09-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	14.060,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	6.946,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	21.040,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	42
18	a	B4-10-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.965,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.073,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.144,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	6
19	a	B4-10-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.591,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.422,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.413,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	18
20	a	B4-10-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.743,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.467,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.386,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	12
21	a	B4-10-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.618,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	859,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.603,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	6
22	a	B4-10-09	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	6.220,1
	b			Tầng cao	tầng	3

	c		(BT song lập)	Mật độ xây dựng	%	52,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.284,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.031,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	24
23	a	B4-10-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.994,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.059,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.263,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,64
	g			Số thửa	thửa	10
24	a	B4-11-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.181,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.712,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.234,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	12
25	a	B4-11-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.171,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	615,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.881,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	4
26	a	B4-12-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.379,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.870,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.637,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	18
27	a	B4-12-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.252,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.250,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.877,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,62
	g			Số thửa	thửa	16
28	a	B4-13-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.698,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.080,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.400,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65

	g			Số thửa	thửa	18
29	a	B4-13-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.950,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.015,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.129,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	10
30	a	B4-14-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.364,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.818,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.548,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	12
31	a	B4-14-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.352,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.424,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.382,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	30
32	a	B4-14-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	7.925,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.276,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	12.926,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	28
33	a	B4-14-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.442,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.416,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.271,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,64
	g			Số thửa	thửa	14
34	a	B4-15-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.387,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	50,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.202,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.706,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,55
	g			Số thửa	thửa	12
35	a	B4-15-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song	Diện tích đất	m²	4.036,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,9

	d		lập)	Diện tích xây dựng	m²	2.174,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.633,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,64
	g			Số thửa	thửa	14
36	a	B4-16-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.926,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	50,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.995,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.958,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,52
	g			Số thửa	thửa	20
37	a	B4-16-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	10.296,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	51,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	5.343,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	16.138,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,57
	g			Số thửa	thửa	32
38	a	B4-17-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.614,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.756,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.389,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	30
39	a	B4-19-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.476,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	51,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.267,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.873,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,56
	g			Số thửa	thửa	12
40	a	B4-19-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.779,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.989,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.060,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	14
41	a	B4-20-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.192,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.055,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.217,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	22

42	a	B4-20-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.207,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.572,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.809,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	12
43	a	B4-20-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	11.219,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	5.474,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	16.613,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,48
	g			Số thửa	thửa	42
44	a	B4-20-10	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.922,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.902,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.871,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	22
45	a	B4-21-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.698,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.531,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.684,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	26
46	a	B4-21-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	15.965,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	8.491,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	25.626,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	54
47	a	B4-21-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	13.564,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	7.212,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	21.718,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	46
48	a	B4-21-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.822,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.622,3

	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.069,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,62
	g			Số thửa	thửa	22
49	a	B4-21-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	9.003,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.839,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	14.645,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	30
50	a	B4-22-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.488,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.339,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.103,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	10
51	a	B4-22-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.719,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.467,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.485,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	10
52	a	B4-23-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.277,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.101,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.337,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,47
	g			Số thửa	thửa	8
53	a	B4-23-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.460,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.709,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.097,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,47
	g			Số thửa	thửa	14
54	a	B4-24-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.735,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.496,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.461,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	10
55	a	B4-24-04	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	7.120,2

	b		biệt thự (BT song lập)	Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.830,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.571,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	26
56	a	B4-24-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.926,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.578,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.823,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	12
57	a	B4-24-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.084,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.207,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.590,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,61
	g			Số thửa	thửa	14
58	a	B4-25-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.182,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.068,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.268,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	8
59	a	B4-25-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.020,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.936,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.980,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	22
60	a	B4-25-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	8.242,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.020,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	12.175,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,48
	g			Số thửa	thửa	30
61	a	B4-25-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.966,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.425,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.433,6

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	20
62	a	B4-25-12	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.280,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.110,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.396,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	8
63	a	B4-25-14	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.523,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.211,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.758,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	16
64	a	B4-25-16	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	7.944,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.954,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.914,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	28
65	a	B4-26-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.847,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.488,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.555,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	12
66	a	B4-26-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.725,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.458,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.453,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	10
67	a	B4-27-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.151,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	572,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.672,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,45
	g			Số thửa	thửa	4
68	a	B4-27-05	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	2.347,5
	b			Tầng cao	tầng	3

	c		(BT song lập)	Mật độ xây dựng	%	47,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.118,0
	c			Tổng diện tích sàn	m²	3.381,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	8
69	a	B4-28-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.437,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	54,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.855,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.661,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65
	g			Số thửa	thửa	12
70	a	B4-28-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.734,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	52,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	902,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.774,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	8
71	a	B4-28-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.776,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	947,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.901,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	8
72	a	B4-28-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.177,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	51,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	606,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.842,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,56
	g			Số thửa	thửa	6
73	a	B4-28-09	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	8.361,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.492,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	13.601,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	28
74	a	B4-28-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.433,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.426,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.257,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,59

	g			Số thửa	thửa	22
75	a	B4-28-13	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.121,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.556,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.807,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,54
	g			Số thửa	thửa	16
76	a	B4-28-15	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.383,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.875,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.791,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,63
	g			Số thửa	thửa	20
77	a	B4-28-17	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	548,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	263,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	807,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,47
	g			Số thửa	thửa	2
78	a	B4-28-18	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.513,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	50,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.778,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.337,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,52
	g			Số thửa	thửa	18
79	a	B4-28-20	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	15.364,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	53,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	8.144,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	24.595,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,60
	g			Số thửa	thửa	52
80	a	B4-28-22	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.378,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	51,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.231,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.788,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,59
	g			Số thửa	thửa	12
81	a	B4-29-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song	Diện tích đất	m²	3.189,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,9

	d		lập)	Diện tích xây dựng	m²	1.559,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.764,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	12
82	a	B4-32-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.496,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.589,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.895,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	28
83	a	B4-32-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.114,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.992,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.148,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,49
	g			Số thửa	thửa	22
84	a	B4-34-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.926,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.455,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.387,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50
	g			Số thửa	thửa	26
85	a	B4-35-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.724,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.320,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.045,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,48
	g			Số thửa	thửa	12
III		**Biệt thự đơn lập**				
1	a	B3-17-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	333,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	39,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	131,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	396,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,19
	g			Số thửa	thửa	1
2	a	B3-18-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	282,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	116,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	359,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,27

	g			Số thửa	thửa	1
3	a	B3-18-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	679,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	39,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	270,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	835,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,23
	g			Số thửa	thửa	2
4	a	B3-18-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	654,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	270,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	835,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,28
	g			Số thửa	thửa	2
5	a	B3-18-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	870,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	376,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.165,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,34
	g			Số thửa	thửa	3
6	a	B3-19-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	628,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	293,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	902,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	2
7	a	B3-19-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	615,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	267,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	818,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,33
	g			Số thửa	thửa	2
8	a	B3-22-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.171,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	528,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.597,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,36
	g			Số thửa	thửa	4
9	a	B3-22-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn	Diện tích đất	m²	603,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,4

	d		lập)	Diện tích xây dựng	m^2	267,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	829,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,38
	g			Số thửa	thửa	2
10	a	B3-23-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	390,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,8
	d			Diện tích xây dựng	m^2	178,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	538,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,38
	g			Số thửa	thửa	1
11	a	B4-03-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.173,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	949,7
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.900,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,33
	g			Số thửa	thửa	5
12	a	B4-03-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	456,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,1
	d			Diện tích xây dựng	m^2	214,7
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	653,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,43
	g			Số thửa	thửa	1
13	a	B4-03-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	434,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,8
	d			Diện tích xây dựng	m^2	198,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	594,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,37
	g			Số thửa	thửa	1
14	a	B4-03-12	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.217,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.070,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.236,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,46
	g			Số thửa	thửa	5
15	a	B4-03-13	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	428,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	185,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	571,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,33
	g			Số thửa	thửa	1

16	a	B4-03-15	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.162,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	955,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.941,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,36
	g			Số thửa	thửa	5
17	a	B4-04-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.921,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	857,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.553,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,33
	g			Số thửa	thửa	4
18	a	B4-04-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.783,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	39,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	696,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.143,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,20
	g			Số thửa	thửa	4
19	a	B4-09-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	788,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	362,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.104,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,40
	g			Số thửa	thửa	2
20	a	B4-10-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.629,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.228,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.777,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	6
21	a	B4-10-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.282,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	993,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.045,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,33
	g			Số thửa	thửa	6
22	a	B4-10-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	656,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	289,9

	e			Tổng diện tích sàn	m^2	866,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,32
	g			Số thửa	thửa	2
23	a	B4-10-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.859,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.328,1
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.031,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,41
	g			Số thửa	thửa	7
24	a	B4-10-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	1.865,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	38,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	709,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.191,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,17
	g			Số thửa	thửa	4
25	a	B4-11-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	1.662,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	685,6
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.118,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,27
	g			Số thửa	thửa	4
26	a	B4-11-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	404,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	165,9
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	502,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,24
	g			Số thửa	thửa	1
27	a	B4-11-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.820,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.195,5
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.673,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,30
	g			Số thửa	thửa	6
28	a	B4-12-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.546,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.154,3
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.580,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,41
	g			Số thửa	thửa	7
29	a	B4-12-03	Đất nhà ở	Diện tích đất	m^2	287,3

	b		biệt thự (BT đơn lập)	Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	117,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	357,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,24
	g			Số thửa	thửa	1
30	a	B4-13-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.058,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	860,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.666,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,30
	g			Số thửa	thửa	5
31	a	B4-14-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.339,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.035,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.092,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,32
	g			Số thửa	thửa	7
32	a	B4-14-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.957,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	40,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	799,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.454,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,25
	g			Số thửa	thửa	5
33	a	B4-14-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	473,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	202,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	620,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,31
	g			Số thửa	thửa	1
34	a	B4-14-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	4.684,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.125,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.468,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,38
	g			Số thửa	thửa	8
35	a	B4-15-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.412,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.027,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.157,0

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,31
	g			Số thửa	thửa	6
36	a	B4-16-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.005,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	882,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.633,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,31
	g			Số thửa	thửa	5
37	a	B4-16-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	464,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,6
	d			Diện tích xây dựng	m^2	211,9
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	645,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,39
	g			Số thửa	thửa	1
38	a	B4-19-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.014,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,0
	d			Diện tích xây dựng	m^2	866,4
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.589,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,29
	g			Số thửa	thửa	5
39	a	B4-20-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	1.969,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	913,1
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.761,6
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,40
	g			Số thửa	thửa	4
40	a	B4-20-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.459,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.050,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.234,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,31
	g			Số thửa	thửa	6
41	a	B4-20-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	531,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,3
	d			Diện tích xây dựng	m^2	251,7
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	765,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	1
42	a	B4-20-07	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m^2	937,5
	b			Tầng cao	tầng	3

	c		(BT đơn lập)	Mật độ xây dựng	%	48,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	450,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.349,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	2
43	a	B4-20-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	633,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	285,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	869,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,37
	g			Số thửa	thửa	1
44	a	B4-20-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	464,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	222,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	679,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,46
	g			Số thửa	thửa	1
45	a	B4-20-11	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	450,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	197,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	603,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,34
	g			Số thửa	thửa	1
46	a	B4-21-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.754,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	843,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.549,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,45
	g			Số thửa	thửa	4
47	a	B4-21-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	777,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	348,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.050,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,35
	g			Số thửa	thửa	2
48	a	B4-21-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.758,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	794,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.411,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,37

	g			Số thửa	thửa	3
49	a	B4-21-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	426,7
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	176,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	534,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,25
	g			Số thửa	thửa	1
50	a	B4-21-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	5.129,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	43,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.210,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.769,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,32
	g			Số thửa	thửa	8
51	a	B4-21-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	474,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	218,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	655,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,38
	g			Số thửa	thửa	1
52	a	B4-22-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.532,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.119,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.440,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,36
	g			Số thửa	thửa	6
53	a	B4-23-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.910,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.421,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.314,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,48
	g			Số thửa	thửa	7
54	a	B4-24-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.143,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	975,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.989,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,40
	g			Số thửa	thửa	5
55	a	B4-24-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn	Diện tích đất	m²	400,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,1

	d		lập)	Diện tích xây dựng	m²	188,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	577,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	1
56	a	B4-24-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.534,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.156,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.534,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,39
	g			Số thửa	thửa	6
57	a	B4-24-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	415,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	187,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	573,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,38
	g			Số thửa	thửa	1
58	a	B4-25-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	3.853,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.726,7
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.157,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,34
	g			Số thửa	thửa	6
59	a	B4-25-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.122,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,6
	d			Diện tích xây dựng	m²	968,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.974,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,40
	g			Số thửa	thửa	5
60	a	B4-25-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	389,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	160,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	488,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,25
	g			Số thửa	thửa	1
61	a	B4-25-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.537,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,0
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.115,3
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.430,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,35
	g			Số thửa	thửa	6

62	a	B4-25-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	503,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,1
	d			Diện tích xây dựng	m^2	236,8
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	724,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	1
63	a	B4-25-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	450,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,4
	d			Diện tích xây dựng	m^2	209,1
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	632,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,40
	g			Số thửa	thửa	1
64	a	B4-25-11	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	445,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	39,6
	d			Diện tích xây dựng	m^2	176,2
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	534,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,20
	g			Số thửa	thửa	1
65	a	B4-25-13	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	7.700,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,7
	d			Diện tích xây dựng	m^2	3.210,9
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	9.618,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,25
	g			Số thửa	thửa	13
66	a	B4-25-15	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	1.756,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	46,5
	d			Diện tích xây dựng	m^2	815,9
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.474,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,41
	g			Số thửa	thửa	4
67	a	B4-26-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	2.550,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,5
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.135,1
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.485,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,37
	g			Số thửa	thửa	6
68	a	B4-27-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m^2	442,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	48,9
	d			Diện tích xây dựng	m^2	216,4

	e			Tổng diện tích sàn	m²	646,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,46
	g			Số thửa	thửa	1
69	a	B4-27-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	476,1
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	216,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	646,5
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,36
	g			Số thửa	thửa	1
70	a	B4-27-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	469,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	47,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	222,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	676,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,44
	g			Số thửa	thửa	1
71	a	B4-28-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	889,6
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	402,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.223,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,38
	g			Số thửa	thửa	2
72	a	B4-28-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	293,3
	h			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	32,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	95,8
	e			Tổng diện tích sàn	m²	290,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	0,99
	g			Số thửa	thửa	1
73	a	B4-28-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.189,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	901,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.768,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,26
	g			Số thửa	thửa	5
74	a	B4-28-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.984,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,2
	d			Diện tích xây dựng	m²	877,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.707,0
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,36
	g			Số thửa	thửa	5
75	a	B4-28-10	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	781,3

	b		biệt thự (BT đơn lập)	Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	49,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	386,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.157,1
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,48
	g			Số thửa	thửa	2
76	a	B4-28-12	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	459,0
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	190,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	574,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,25
	g			Số thửa	thửa	1
77	a	B4-28-14	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.772,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.188,5
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.670,2
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,32
	g			Số thửa	thửa	7
78	a	B4-28-16	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	360,2
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,1
	d			Diện tích xây dựng	m²	147,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	457,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,27
	g			Số thửa	thửa	1
79	a	B4-28-19	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.699,5
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.224,1
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.762,9
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,39
	g			Số thửa	thửa	7
80	a	B4-28-21	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.255,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	42,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	953,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.925,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,30
	g			Số thửa	thửa	6
81	a	B4-29-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	422,8
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,7
	d			Diện tích xây dựng	m²	193,2
	e			Tổng diện tích sàn	m²	601,4

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,42
	g			Số thửa	thửa	1
82	a	B4-29-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	568,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	41,5
	d			Diện tích xây dựng	m²	236,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	721,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,27
	g			Số thửa	thửa	1
83	a	B4-32-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	333,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	39,8
	d			Diện tích xây dựng	m²	132,9
	e			Tổng diện tích sàn	m²	406,4
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,22
	g			Số thửa	thửa	1
84	a	B4-32-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.730,3
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	44,9
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.226,4
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.800,7
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,39
	g			Số thửa	thửa	9
85	a	B4-34-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	404,4
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	39,3
	d			Diện tích xây dựng	m²	159,0
	e			Tổng diện tích sàn	m²	471,3
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,17
	g			Số thửa	thửa	1
86	a	B4-35-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	335,9
	b			Tầng cao	tầng	3
	c			Mật độ xây dựng	%	45,4
	d			Diện tích xây dựng	m²	152,6
	e			Tổng diện tích sàn	m²	467,8
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,39
	g			Số thửa	thửa	1

SỞ XÂY DỰNG

Phụ lục II

Thống kê chi tiết thông số thiết kế từng thửa đất tại Báo cáo nghiên cứu khả thi

(Đính kèm Công văn số 17186 /SXD-QLXDCT ngày 24/11/2025)

Ký hiệu lô đất	Ký hiệu thửa đất	Chức năng sử dụng đất theo quy hoạch	Tên dãy	Tên mẫu	Diện tích đất (m^2)	DT SXD T1 (m^2)	DT SXD T2 (m^2)	DT SXD T3 (m^2)	DT SXD T4 (m^2)	DT SXD T5 (m^2)	Tổng DT SXD (m^2)	DT chiếm đất (m^2)	MĐ XD (%)	Số tầng cao (tầng)
A	PHÂN KHU A													
A3-01-01	A3-01-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.G04.1	98.2	73.5	70.7	70.7	57.5		272.4	75.2	74.8	4
	A3-01-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.A04M	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.A04	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.B04	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.B04M	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.A04M	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.A04	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.B04	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.B04M	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL1	CH02.LK02D.H04	120.0	65.3	67.3	67.3	54.8		254.7	65.9	54.4	4
	A3-01-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.G04.2	140.8	103.9	102.0	102.0	78.1		386.0	104.2	73.8	4
	A3-01-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.I04	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.B04M	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.B04	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.A04	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.A04M	80.0	67.2	69.2	69.2	56.5		262.1	67.8	84.0	4
	A3-01-01.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.B04M	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.B04	80.0	67.2	67.1	67.1	59.3		260.7	67.3	84.0	4
	A3-01-01.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL2	CH02.LK02D.H04M	120.0	65.3	67.3	67.3	54.8		254.7	65.9	54.4	4
A3-01-02	A3-01-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.H04M	120.0	66.1	66.5	66.5	55.8		254.9	66.3	55.1	4
	A3-01-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04	80.0	68.1	68.4	68.4	57.5		262.4	68.3	85.1	4

	A3-01-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04M	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04M	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.H04	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
	A3-01-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.H04	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
	A3-01-02.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04M	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.B04M	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-02.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.A04	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-02.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL1	CH03.LK02D.H04M	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
A3-01-03	A3-01-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.H04M	120,0	66,3	67,5	67,5	61,6		262,9	66,3	55,3	4
	A3-01-03.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.A04	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-03.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.A04M	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-03.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL1	CH04.LK02D.G04.1	188,9	130,3	134,0	134,0	109,2		507,5	130,3	69,0	4
	A3-01-03.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.H04	120,0	66,3	67,5	67,5	61,6		262,9	66,3	55,3	4
	A3-01-03.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.A04M	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-03.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.F04	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4

	A3-01-03.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.A04	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-03.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-03.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL3	CH04.LK02D.G04.3	170,8	129,3	135,3	133,3	108,7		504,6	129,3	75,7	4
A3-01-04	A3-01-04.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.G03.1	84,8	63,8	63,1	63,1	50,8		240,8	65,5	75,2	4
	A3-01-04.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.E03	75,0	62,2	61,9	61,9	54,3		240,3	62,2	82,9	4
	A3-01-04.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL1	CH02.LK02C.H03	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
	A3-01-04.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.G03.3	111,4	76,7	75,5	75,5	53,7		281,4	77,0	68,9	4
	A3-01-04.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-04.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-04.21	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL2	CH02.LK02C.H03M	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
A3-01-05	A3-01-05.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-05.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4

	A3-01-05.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-05.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-05.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-05.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-05.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL1	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
A3-01-06	A3-01-06.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.H03M	112,5	61,5	62,7	62,7	56,8		243,7	61,5	54,7	4
	A3-01-06.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.A03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-06.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.A03M	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-06.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL4	CH04.LK02C.G03.4	196,1	130,9	135,3	135,3	110,6		512,1	130,9	66,8	4
	A3-01-06.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.H03	112,5	61,5	62,7	62,7	56,8		243,7	61,5	54,7	4
	A3-01-06.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.A03M	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-06.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.F03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-06.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.A03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-06.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-06.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL1	CH04.LK02C.G03.1	163,1	117,1	121,1	121,1	97,7		457,0	117,1	71,8	4

A3-01-07	A3-01-07.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.G03.8	138,9	101,4	102,5	102,5	81,9		388,3	102,8	73,0	4
	A3-01-07.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-07.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-07.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.E03	75,0	62,2	61,9	61,9	54,3		240,3	62,2	82,9	4
	A3-01-07.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-07.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-07.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL8	CH02.LK02C.H03B	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
	A3-01-07.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-07.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-07.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.B03.1M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-07.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.E03	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,0	84,0	4
	A3-01-07.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.B03.1	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-07.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-07.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7	CH03.LK02C.H03.1	105,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,1	60,1	4
	A3-01-07.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL3	CH02.LK02C.G03.4	159,9	110,1	107,4	107,4	79,6		404,5	110,4	68,9	4
	A3-01-07.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL3	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-07.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL3	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-07.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL3	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-07.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL3	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-07.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL3	CH02.LK02C.H03M	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
	A3-01-07.21	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-07.22	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-07.23	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.B03.1	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-07.24	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.E03M	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,0	84,0	4
	A3-01-07.25	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.B03.1M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-07.26	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-07.27	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL7M	CH03.LK02C.H03.1M	105,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,1	60,1	4
A3-01-08	A3-01-08.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.H03.1M	105,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,1	60,1	4
	A3-01-08.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-08.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.B03.1M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-08.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.E03	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,0	84,0	4

	A3-01-08.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.B03.1	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-08.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-08.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-08.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.H03.1M	112,5	61,5	62,7	62,7	56,8		243,7	61,5	54,7	4
	A3-01-08.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.A03M	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-08.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-08.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.E03	75,0	63,3	63,1	63,9	58,5		248,8	63,3	84,4	4
	A3-01-08.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-08.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.A03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-08.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL5	CH04.LK02C.G03.5	131,1	100,5	102,4	102,4	76,6		381,9	100,5	76,7	4
	A3-01-08.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.H03.1	105,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,1	60,1	4
	A3-01-08.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-08.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.B03.1	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-08.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.E03M	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,0	84,0	4
	A3-01-08.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.B03.1M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-08.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-08.21	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL2M	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-08.22	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.H03	112,5	61,5	62,7	62,7	56,8		243,7	61,5	54,7	4
	A3-01-08.23	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-08.24	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-08.25	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.A03M	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-08.26	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.A03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-08.27	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-08.28	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-08.29	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL2	CH04.LK02C.G03.2	97,9	74,4	77,8	77,8	58,5		288,5	74,4	76,0	4
A3-01-09	A3-01-09.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.G03.5	119,3	90,2	92,2	92,2	72,8		347,4	92,2	75,6	4
	A3-01-09.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.F03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-09.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-09.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-09.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-09.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4

	A3-01-09.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-01-09.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-09.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-01-09.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL4	CH02.LK02C.H03	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
	A3-01-09.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.G04.3	146,0	105,9	104,0	104,0	78,9		392,8	106,2	72,5	4
	A3-01-09.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.I04	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-01-09.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.B04M	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-01-09.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.B04	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-01-09.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.A04M	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-01-09.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.A04	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-01-09.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.B04M	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-01-09.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.B04	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-01-09.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL3	CH02.LK02D.H04M	120,0	65,3	67,3	67,3	54,8		254,7	65,9	54,4	4
A3-01-10	A3-01-10.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-10.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-10.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-10.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-10.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.A03.3M	75,0	63,1	63,5	63,5	52,5		242,6	63,1	84,1	4
	A3-01-10.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.F03	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,5	84,0	4
	A3-01-10.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.A03.3	75,0	63,1	63,5	63,5	52,5		242,6	63,1	84,1	4
	A3-01-10.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-10.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-01-10.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-01-10.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL3	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-01-10.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.H04	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
	A3-01-10.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.A04M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-10.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.B04	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-10.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.B04M	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-10.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.A04.3	80,0	68,1	68,5	68,5	57,5		262,6	68,3	85,1	4
	A3-01-10.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.F04	80,0	68,1	70,0	70,0	58,0		266,1	68,5	85,1	4
	A3-01-10.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.A04.3M	80,0	68,1	68,5	68,5	57,5		262,6	68,3	85,1	4

	A3-01-10.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.B04	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-10.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.B04M	80,0	68,0	68,0	68,0	57,5		261,5	68,0	85,0	4
	A3-01-10.21	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.A04	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-01-10.22	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL7	CH03.LK02D.H04M	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
A3-01-11	A3-01-11.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.H03M	112,5	61,5	62,7	62,7	56,8		243,7	61,5	54,7	4
	A3-01-11.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-11.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-11.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.A03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-11.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.F03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-11.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.A03M	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-01-11.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-11.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-01-11.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL6	CH04.LK02C.G03.6	116,4	88,6	90,8	90,8	66,7		336,9	88,6	76,1	4
	A3-01-11.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.H04	120,0	66,3	67,5	67,5	61,6		262,9	66,3	55,3	4
	A3-01-11.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-11.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-11.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.A04M	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-11.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.F04	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-11.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.A04	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-01-11.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-11.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-01-11.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL4	CH04.LK02D.G04.4	163,7	117,7	121,2	121,2	97,9		458,0	117,7	71,9	4
A3-02-01	A3-02-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.G07	142,5	115,7	126,9	123,0	119,8		485,4	115,7	81,2	4
	A3-02-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01.1M	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01.1M	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01.1M	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.H01	120,0	66,4	71,0	69,1	67,6		274,1	66,4	55,3	4
	A3-02-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.G08	152,5	119,6	128,6	124,8	121,5		494,5	119,6	78,4	4

	A3-02-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01.1	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01.1	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.A01.1	80,0	67,5	72,4	70,5	69,0		279,4	67,5	84,4	4
	A3-02-01.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02D.BL4	CH01.LK02D.H01M	120,0	66,4	71,0	69,1	67,6		274,1	66,4	55,3	4
A3-02-02	A3-02-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.H03M	120,0	66,2	70,8	68,1	59,7		264,8	66,2	55,2	4
	A3-02-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.H02A	120,0	66,2	70,8	68,1	59,7		264,8	66,2	55,2	4
	A3-02-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.H03	120,0	66,2	70,8	68,1	59,7		264,8	66,2	55,2	4
	A3-02-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01M	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.A01	80,0	67,5	72,3	69,5	60,8		270,1	67,5	84,4	4
	A3-02-02.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02D.BL4	CH08.LK02D.H02AM	120,0	66,2	70,8	68,1	59,7		264,8	66,2	55,2	4
A3-02-03	A3-02-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.G01	92,3	73,2	81,6	77,8	74,6		307,2	73,2	79,3	4
	A3-02-03.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01	75,0	62,5	67,4	65,5	64,0		259,4	62,5	83,3	4
	A3-02-03.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01.1M	75,0	62,5	67,5	65,5	64,0		259,5	62,5	83,3	4
	A3-02-03.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01	75,0	62,5	67,4	65,5	64,0		259,4	62,5	83,3	4
	A3-02-03.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01.1M	75,0	62,5	67,5	65,5	64,0		259,5	62,5	83,3	4
	A3-02-03.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01	75,0	62,5	67,4	65,5	64,0		259,4	62,5	83,3	4
	A3-02-03.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01.1M	75,0	62,5	67,5	65,5	64,0		259,5	62,5	83,3	4
	A3-02-03.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.H01	112,5	61,5	66,1	64,2	62,7		254,5	61,5	54,7	4
	A3-02-03.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.G02	120,7	91,8	101,0	97,8	94,0		384,6	91,8	76,1	4
	A3-02-03.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01.1	75,0	62,5	67,5	65,5	64,0		259,5	62,5	83,3	4
	A3-02-03.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01M	75,0	62,5	67,4	65,5	64,0		259,4	62,5	83,3	4

	A3-02-03.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01.1	75,0	62,5	67,5	65,5	64,0		259,5	62,5	83,3	4
	A3-02-03.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01M	75,0	62,5	67,4	65,5	64,0		259,4	62,5	83,3	4
	A3-02-03.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.A01.1	75,0	62,5	67,5	65,5	64,0		259,5	62,5	83,3	4
	A3-02-03.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02C.BL1	CH01.LK02C.H01M	112,5	61,5	66,1	64,2	62,7		254,5	61,5	54,7	4
A3-02-04	A3-02-04.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.H01M	112,5	57,3	62,0	59,4	51,0		229,7	57,3	50,9	4
	A3-02-04.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A3-02-04.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A3-02-04.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A3-02-04.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.H03	112,5	57,3	62,0	59,3	50,9		229,5	57,3	50,9	4
	A3-02-04.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.H01	112,5	57,3	62,0	59,4	51,0		229,7	57,3	50,9	4
	A3-02-04.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A3-02-04.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A3-02-04.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A3-02-04.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL3	CH08.LK02A.H03M	112,5	57,3	62,0	59,3	50,9		229,5	57,3	50,9	4
A3-02-05	A3-02-05.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.G04	111,4	83,5	88,0	88,0	83,2		342,7	83,5	75,0	4
	A3-02-05.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.H01	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
	A3-02-05.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.G05	140,1	102,8	107,3	107,3	102,5		419,9	102,8	73,4	4
	A3-02-05.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-05.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL4	CH06.LK02B.H01M	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
A3-02-06	A3-02-06.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.H01M	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
	A3-02-06.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-06.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-06.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-06.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.H02	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
	A3-02-06.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.H01	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4

	A3-02-06.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-06.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-06.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-06.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL5	CH06.LK02B.H02M	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
A3-02-07	A3-02-07.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.G06	132,4	100,3	104,8	104,8	100,0		409,9	100,3	75,8	4
	A3-02-07.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-02-07.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.H02	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
	A3-02-07.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.G07	179,8	132,6	137,1	137,1	132,3		539,1	132,6	73,7	4
	A3-02-07.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.A02	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-02-07.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02B.BL6	CH06.LK02B.H03	120,0	65,6	67,5	67,5	65,2		265,8	65,6	54,7	4
A3-02-08	A3-02-08.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL16M	CH01.DL16M	267,7	123,5	123,5	116,7			363,7	123,5	46,1	3
	A3-02-08.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL16	CH01.DL16	290,4	123,5	123,5	116,7			363,7	123,5	42,5	3
A3-02-09	A3-02-09.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL35M	CH08.DL35M	272,8	120,4	130,7	117,8			368,9	120,4	44,1	3
	A3-02-09.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL35	CH08.DL35	292,4	120,4	130,7	117,8			368,9	120,4	41,3	3
A3-02-10	A3-02-10.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL17M	CH01.DL17M	277,8	118,1	120,4	109,7			348,2	118,1	42,5	3
	A3-02-10.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL17	CH01.DL17	297,2	118,1	120,4	109,7			348,2	118,1	39,7	3
A3-02-	A3-02-11.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL26M	CH08.DL26M	296,0	129,1	138,5	130,5			398,1	129,1	43,6	3

11	A3-02-11.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL25	CH08.DL25	337.4	141.7	151.1	142.9			435.7	141.7	42.0	3
A3-03-01	A3-03-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL5	CH01.LK01C.H03M	112.5	62.7	66.4	65.0	63.8		257.9	62.7	55.7	4
	A3-03-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL5	CH01.LK03C.A	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL5	CH01.LK03C.B	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL5	CH01.LK03C.A	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL5	CH01.LK03C.B	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL5	CH01.LK08A.G06	165.7	123.8	128.8	128.8	126.8		508.2	123.8	74.7	4
	A3-03-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK01E.H05	120.0	67.6	71.4	69.9	68.7		277.6	67.6	56.3	4
	A3-03-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK03E.A	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK03E.B	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK03E.A	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK03E.B	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK03E.A	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL3	CH01.LK06C.G10	139.8	107.9	113.1	113.1	111.6		445.7	107.9	77.2	4
A3-03-02	A3-03-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK01C.H03M	112.5	62.7	66.4	65.0	63.8		257.9	62.7	55.7	4
	A3-03-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK03C.A	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK03C.B	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK03C.A	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK03C.B	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK03C.A	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK03C.B	75.0	63.2	67.3	65.6	64.4		260.5	63.2	84.3	4
	A3-03-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL4	CH01.LK01C.H03	112.5	62.7	66.4	65.0	63.8		257.9	62.7	55.7	4
	A3-03-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK01E.H05	120.0	67.6	71.4	69.9	68.7		277.6	67.6	56.3	4
	A3-03-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK03E.B	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK03E.A	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-02.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK03E.B	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-02.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK03E.A	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-02.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK03E.B	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-02.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK03E.A	80.0	68.2	72.3	70.6	69.4		280.5	68.2	85.3	4
	A3-03-02.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL2	CH01.LK01E.H05M	120.0	67.6	71.4	69.9	68.7		277.6	67.6	56.3	4
A3-03-	A3-03-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK07A.G05	159.2	121.0	126.6	126.6	124.6		498.8	121.0	76.0	4

03	A3-03-03.02	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-03.03	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-03.04	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-03.05	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-03.06	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-03.07	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03C.BL3	CH01.LK01C.H03	112,5	62,7	66,4	65,0	63,8		257,9	62,7	55,7	4
	A3-03-03.08	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK04C.G08	131,5	92,4	97,3	97,3	95,8		382,8	92,4	70,3	4
	A3-03-03.09	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-03.10	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-03.11	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-03.12	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-03.13	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-03.14	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK03E.BL1	CH01.LK01E.H05M	120,0	67,6	71,4	69,9	68,7		277,6	67,6	56,3	4
A3-03-04	A3-03-04.01	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.G01	129,8	106,0	109,9	106,7	106,7	107,5	536,8	106,0	81,7	5
	A3-03-04.02	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02.1M	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.03	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.04	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02.1M	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.05	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.06	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02.1M	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.07	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.08	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.H04	124,5	60,7	69,2	65,5	65,5	63,0	323,9	60,7	48,8	5
	A3-03-04.09	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.G02	167,5	127,5	134,7	131,5	131,5	128,9	654,1	127,5	76,1	5
	A3-03-04.10	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02M	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.11	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02.1	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.12	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02M	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.13	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02.1	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.14	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.A02M	75,0	61,5	66,4	64,5	64,5	63,0	319,9	61,5	82,0	5
	A3-03-04.15	Đất nhà ở Liên Kề	CH01.LK02B.BL1	CH01.LK02B.H05	130,6	65,6	74,5	70,4	70,4	63,0	343,9	65,6	50,2	5
A3-03-05	A3-03-05.01	Đất nhà ở Liên Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.H04	121,5	60,7	62,6	62,6	62,6	60,3	308,8	60,7	50,0	5
	A3-03-05.02	Đất nhà ở Liên Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.03	Đất nhà ở Liên Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5

	A3-03-05.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.H04M	127,3	60,7	62,6	62,6	62,6	60,3	308,8	60,7	47,7	5
	A3-03-05.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.H04M	121,5	60,7	62,6	62,6	62,6	60,3	308,8	60,7	50,0	5
	A3-03-05.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01M	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B.A01	75,0	61,6	63,8	63,8	63,8	61,5	314,5	61,6	82,1	5
	A3-03-05.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B1.A01.1	75,0	60,2	62,4	62,4	62,4	60,1	307,5	60,2	80,3	5
	A3-03-05.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B1.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,1	60,0	304,8	60,1	80,1	5
	A3-03-05.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK03B.BL7	CH06.LK03B1.H05	138,8	68,8	70,8	70,8	70,8	68,4	349,6	68,8	49,6	5
A3-03-06	A3-03-06.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.H04	121,5	60,3	65,0	62,3	62,4	54,2	304,2	60,3	49,6	5
	A3-03-06.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.H04A	126,3	60,3	65,0	62,3	62,4	54,2	304,2	60,3	47,7	5
	A3-03-06.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.H04M	121,5	60,3	65,0	62,3	62,4	54,2	304,2	60,3	49,6	5
	A3-03-06.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5
	A3-03-06.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01M	75,0	61,5	66,3	63,5	63,5	55,1	309,9	61,5	82,0	5

	A3-03-06.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.A01	75.0	61.5	66.3	63.5	63.5	55.1	309.9	61.5	82.0	5
	A3-03-06.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02B.BL5	CH08.LK02B1.H05	135.7	66.4	71.5	68.3	68.3	59.4	333.9	66.4	48.9	5
A3-03-07	A3-03-07.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.H02	121.5	59.0	61.0	61.0	48.6	48.6	278.2	59.6	48.6	5
	A3-03-07.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.A02	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.B02M	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.B02	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.A02M	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.A02	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.B02M	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.B02	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.A02M	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL2	CH02.LK02B.H02M	125.9	59.0	61.0	61.0	48.6	48.6	278.2	59.6	46.9	5
	A3-03-07.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.H02M	121.5	59.0	61.0	61.0	48.6	48.6	278.2	59.6	48.6	5
	A3-03-07.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.A02M	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.B02	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.B02M	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.A02	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.A02M	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.B02	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.B02M	75.0	60.7	60.6	60.6	60.6	52.8	295.3	60.8	80.9	5
	A3-03-07.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.A02	75.0	60.7	62.7	62.7	62.7	50.0	298.8	61.3	80.9	5
	A3-03-07.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02B.BL1	CH02.LK02B.H02.1	134.6	66.3	68.5	68.5	54.5	54.5	312.3	67.1	49.3	5
A3-03-08	A3-03-08.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.H02	121.5	59.8	60.2	60.2	60.2	49.5	289.9	59.8	49.2	5
	A3-03-08.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.A02.2M	75.0	61.6	61.9	61.9	61.9	51.0	298.3	61.8	82.1	5
	A3-03-08.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.I02	75.0	61.6	61.4	61.4	59.0	51.5	294.9	61.6	82.1	5
	A3-03-08.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.A02.2	75.0	61.6	61.9	61.9	61.9	51.0	298.3	61.8	82.1	5
	A3-03-08.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.A02.2M	75.0	61.6	61.9	61.9	61.9	51.0	298.3	61.8	82.1	5
	A3-03-08.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.I02	75.0	61.6	61.4	61.4	59.0	51.5	294.9	61.6	82.1	5
	A3-03-08.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.A02.3	75.0	61.6	61.9	61.9	61.9	51.0	298.3	61.6	82.1	5
	A3-03-08.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL1	CH03.LK02B.G02.1	182.5	122.7	127.3	127.3	127.3	105.2	609.8	125.5	67.2	5
	A3-03-08.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.H02M	121.5	59.8	60.2	60.2	60.2	49.5	289.9	59.8	49.2	5

	A3-03-08.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.A02.2	75,0	61,6	61,9	61,9	61,9	51,0	298,3	61,8	82,1	5
	A3-03-08.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.102	75,0	61,6	61,4	61,4	59,0	51,5	294,9	61,6	82,1	5
	A3-03-08.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.A02.1M	75,0	61,6	62,0	62,0	62,0	51,0	298,6	61,8	82,1	5
	A3-03-08.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.F02	75,0	61,6	63,5	63,5	63,5	51,5	303,6	62,0	82,1	5
	A3-03-08.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.A02.1	75,0	61,6	62,0	62,0	62,0	51,0	298,6	61,8	82,1	5
	A3-03-08.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.102	75,0	61,6	61,4	61,4	59,0	51,5	294,9	61,6	82,1	5
	A3-03-08.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.A02.2M	75,0	61,6	61,9	61,9	61,9	51,0	298,3	61,8	82,1	5
	A3-03-08.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02B.BL2	CH03.LK02B.G02.2	146,2	106,9	111,0	111,0	111,0	82,9	522,8	108,9	73,1	5
A3-03-09	A3-03-09.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK05C.G09M	136,7	101,3	106,3	106,3	104,9		418,8	101,3	74,1	4
	A3-03-09.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-09.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-09.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-09.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-09.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-09.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL6	CH01.LK01E.H05	120,0	67,6	71,4	69,9	68,7		277,6	67,6	56,3	4
	A3-03-09.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK03A.G02	111,4	85,5	90,1	90,1	88,7		354,4	85,5	76,8	4
	A3-03-09.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-09.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-09.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-09.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-09.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-09.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL6	CH01.LK01C.H03M	112,5	62,7	66,4	65,0	63,8		257,9	62,7	55,7	4
A3-03-10	A3-03-10.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK01E.H05M	120,0	67,6	71,4	69,9	68,7		277,6	67,6	56,3	4
	A3-03-10.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-10.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-10.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-10.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-10.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-10.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL5	CH01.LK01E.H05	120,0	67,6	71,4	69,9	68,7		277,6	67,6	56,3	4
	A3-03-10.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK01C.H03	112,5	62,7	66,4	65,0	63,8		257,9	62,7	55,7	4
	A3-03-10.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4

	A3-03-10.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-10.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-10.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-10.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-10.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL7	CH01.LK01C.H03M	112,5	62,7	66,4	65,0	63,8		257,9	62,7	55,7	4
A3-03-11	A3-03-11.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL4	CH01.LK01E.H05M	120,0	67,6	71,4	69,9	68,7		277,6	67,6	56,3	4
	A3-03-11.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL4	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-11.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL4	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-11.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL4	CH01.LK03E.A	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-11.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL4	CH01.LK03E.B	80,0	68,2	72,3	70,6	69,4		280,5	68,2	85,3	4
	A3-03-11.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03E.BL4	CH01.LK05C.G09	126,1	101,3	106,3	106,3	104,9		418,8	101,3	80,3	4
	A3-03-11.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL8	CH01.LK01C.H03	112,5	62,7	66,4	65,0	63,8		257,9	62,7	55,7	4
	A3-03-11.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL8	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-11.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL8	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-11.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL8	CH01.LK03C.B	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-11.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL8	CH01.LK03C.A	75,0	63,2	67,3	65,6	64,4		260,5	63,2	84,3	4
	A3-03-11.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK03C.BL8	CH01.LK05A.G04	117,1	90,7	94,1	94,1	93,8		372,7	90,7	77,5	4
A3-04-01	A3-04-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.G01	144,2	111,0	115,5	115,5	110,7		452,7	111,0	77,0	4
	A3-04-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D.H02	120,0	65,6	67,5	67,5	65,2		265,8	65,6	54,7	4
	A3-04-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.G02	107,7	77,7	82,2	82,2	77,4		319,5	77,7	72,1	4
	A3-04-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-04-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-04-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-04-01.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4

	A3-04-01.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-04-01.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02M	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-04-01.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.A02	75,0	61,6	63,8	63,8	61,5		250,7	61,6	82,1	4
	A3-04-01.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL3	CH06.LK02D1.H02M	112,5	60,7	62,6	62,6	60,3		246,2	60,7	54,0	4
A3-04-02	A3-04-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.G03	102,3	76,5	81,0	81,0	76,2		314,7	76,5	74,8	4
	A3-04-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.H02	120,0	65,6	67,5	67,5	65,2		265,8	65,6	54,7	4
	A3-04-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.G04	153,9	117,0	119,3	119,3	116,7		472,3	117,0	76,0	4
	A3-04-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01M	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.A01	80,0	66,6	68,8	68,8	66,5		270,7	66,6	83,3	4
	A3-04-02.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02D.BL4	CH06.LK02D.H02M	120,0	65,6	67,5	67,5	65,2		265,8	65,6	54,7	4
A3-04-03	A3-04-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.G04.2	133,6	101,6	104,8	104,8	78,8		390,0	103,8	76,0	4
	A3-04-03.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.A04.2	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.I04	80,0	68,0	67,9	67,9	58,0		261,8	68,0	85,0	4
	A3-04-03.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.A04.2M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.A04.2	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.I04	80,0	68,0	67,9	67,9	58,0		261,8	68,0	85,0	4
	A3-04-03.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.A04.2M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL3	CH03.LK02D.H04	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
	A3-04-03.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.G04.1	114,2	86,4	88,9	88,9	65,8		330,0	88,3	75,7	4
	A3-04-03.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.A04.2M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4

	A3-04-03.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.I04	80,0	68,0	67,9	67,9	58,0		261,8	68,0	85,0	4
	A3-04-03.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.A04.2	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.A04.2M	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.I04	80,0	68,0	67,9	67,9	58,0		261,8	68,0	85,0	4
	A3-04-03.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.A04.2	80,0	68,1	68,4	68,4	57,5		262,4	68,3	85,1	4
	A3-04-03.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02D.BL2	CH03.LK02D.H04M	120,0	66,1	66,5	66,5	55,8		254,9	66,3	55,1	4
A3-04-04	A3-04-04.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.G03.1	146,3	109,4	113,8	113,8	84,6		421,6	111,8	74,8	4
	A3-04-04.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-04-04.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.B03.1M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-04-04.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.E03	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,0	84,0	4
	A3-04-04.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.B03.1	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-04-04.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-04-04.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL4	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-04-04.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.G03.2	131,9	99,7	103,4	103,4	76,9		383,4	101,8	75,6	4
	A3-04-04.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-04-04.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.B03.1	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-04-04.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.E03	75,0	63,0	65,0	65,0	53,0		246,0	63,0	84,0	4
	A3-04-04.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.B03.1M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-04-04.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-04-04.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL5	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
A3-04-05	A3-04-05.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.G03.3	138,4	109,1	113,3	113,3	90,8		426,5	109,1	78,8	4
	A3-04-05.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.A03M	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-04-05.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.B03	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-04-05.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.E03	75,0	63,3	63,1	63,9	58,5		248,8	63,3	84,4	4
	A3-04-05.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.B03M	75,0	63,3	63,3	64,1	58,5		249,2	63,3	84,4	4
	A3-04-05.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.A03	75,0	63,3	64,6	64,6	58,5		251,0	63,3	84,4	4
	A3-04-05.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02C.BL3	CH04.LK02C.H03.1	112,5	61,5	62,7	62,7	56,8		243,7	61,5	54,7	4
	A3-04-05.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.G04.2	140,4	108,4	111,5	111,5	88,9		420,3	108,4	77,2	4
	A3-04-05.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.A04	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-04-05.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.B04M	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-04-05.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.E04	80,0	68,3	68,1	68,9	63,5		268,8	68,3	85,4	4

	A3-04-05.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.B04	80,0	68,3	68,3	69,1	63,5		269,2	68,3	85,4	4
	A3-04-05.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.A04M	80,0	68,3	69,6	69,6	63,5		271,0	68,3	85,4	4
	A3-04-05.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH04.LK02D.BL2	CH04.LK02D.H04.1	120,0	66,3	67,5	67,5	61,6		262,9	66,3	55,3	4
A3-04-06	A3-04-06.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.G03.6	107,7	82,0	81,5	81,5	60,4		305,4	82,2	76,1	4
	A3-04-06.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-04-06.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.A03M	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-04-06.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-04-06.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.E03	75,0	62,2	61,9	61,9	54,3		240,3	62,2	82,9	4
	A3-04-06.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.B03M	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-04-06.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-04-06.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL5	CH02.LK02C.H03B	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
	A3-04-06.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.G04.4	110,2	84,4	82,3	82,3	66,1		315,1	87,0	76,6	4
	A3-04-06.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.A04	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-04-06.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.A04M	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-04-06.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.B04M	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-04-06.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.E04	80,0	67,2	66,9	66,9	59,4		260,4	67,2	84,0	4
	A3-04-06.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.B04	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-04-06.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.A04	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-04-06.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL4	CH02.LK02D.H04BM	120,0	65,3	67,3	67,3	54,8		254,7	65,9	54,4	4
A3-04-07	A3-04-07.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL18	CH01.DL18	292,8	133,4	133,4	126,7			393,5	133,4	45,6	3
	A3-04-07.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL17	CH01.DL17	293,5	118,1	120,4	109,7			348,2	118,1	40,2	3
A3-04-08	A3-04-08.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL28M	CH08.DL28M	272,3	118,8	126,8	118,2			363,8	118,8	43,6	3
	A3-04-08.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL28	CH08.DL28	293,6	118,8	126,8	118,2			363,8	118,8	40,5	3
A3-04-09	A3-04-09.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL03.05	CH02.DL03.05	274,6	115,0	118,5	104,4			337,9	115,0	41,9	3
	A3-04-09.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.09	CH02.DL01.09	295,7	127,9	131,9	113,4			373,2	127,9	43,3	3
A3-04-10	A3-04-10.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.03	CH03.DL02.03	296,0	132,9	140,2	130,2			403,3	134,7	44,9	3
	A3-04-10.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.04	CH03.DL02.04	313,0	144,4	151,7	141,7			437,8	146,2	46,1	3
A3-04-11	A3-04-11.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL03.02M	CH02.DL03.02M	297,8	132,9	136,4	123,2			392,5	132,9	44,6	3
	A3-04-11.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.11	CH02.DL01.11	331,3	152,1	156,1	137,6			445,8	152,1	45,9	3
A3-04-12	A3-04-12.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.01M	CH03.DL02.01M	259,5	110,3	118,1	108,0			336,4	112,4	42,5	3
	A3-04-12.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.05	CH03.DL02.05	284,8	126,0	134,8	123,8			384,6	128,2	44,2	3

A3-05-01	A3-05-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.G04.5	130,1	97,9	94,4	94,4	77,3		364,0	100,1	75,2	4
	A3-05-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.A04	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-05-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.B04	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-05-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.B04M	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-05-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.A04	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-05-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.A04M	80,0	67,2	69,2	69,2	56,5		262,1	67,8	84,0	4
	A3-05-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.B04	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-05-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.B04M	80,0	67,2	67,1	67,1	59,3		260,7	67,3	84,0	4
	A3-05-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02D.BL5	CH02.LK02D.H04	112,0	65,3	67,3	67,3	54,8		254,7	65,9	58,3	4
	A3-05-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.G03.7	125,8	94,0	90,3	90,3	73,9		348,5	95,7	74,7	4
	A3-05-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.A03.1	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-05-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-05-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-05-01.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-05-01.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.A03	75,0	62,2	64,2	64,2	51,5		242,1	62,8	82,9	4
	A3-05-01.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-05-01.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4
	A3-05-01.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL6	CH02.LK02C.H03	105,0	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	57,6	4
A3-05-02	A3-05-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL8	CH03.LK02C.G03.4	97,7	74,3	77,2	77,2	55,8		284,5	76,1	76,0	4
	A3-05-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL8	CH03.LK02C.A03	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-05-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL8	CH03.LK02C.B03M	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-05-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL8	CH03.LK02C.B03	75,0	63,0	63,0	63,0	52,5		241,5	63,0	84,0	4
	A3-05-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL8	CH03.LK02C.A03M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-05-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL8	CH03.LK02C.H03	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
	A3-05-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL6	CH03.LK02C.G03.3	142,6	105,8	110,1	110,1	80,9		406,9	108,3	74,2	4
	A3-05-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL6	CH03.LK02C.A03.2M	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-05-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL6	CH03.LK02C.I03	75,0	63,1	62,9	62,9	53,0		241,9	63,1	84,1	4
	A3-05-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL6	CH03.LK02C.A03.2	75,0	63,1	63,4	63,4	52,5		242,4	63,3	84,1	4
	A3-05-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH03.LK02C.BL6	CH03.LK02C.H03M	112,5	61,2	61,6	61,6	50,9		235,3	61,4	54,4	4
A3-05-03	A3-05-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.H03M	112,5	60,5	62,4	62,4	49,9		235,2	61,1	53,8	4
	A3-05-03.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.B03	75,0	62,2	62,1	62,1	54,3		240,7	62,3	82,9	4

	A3-05-03.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.E03	75.0	62.2	61.9	61.9	54.3		240.3	62.2	82.9	4
	A3-05-03.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.B03M	75.0	62.2	62.1	62.1	54.3		240.7	62.3	82.9	4
	A3-05-03.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.H03	112.5	60.5	62.4	62.4	49.9		235.2	61.1	53.8	4
	A3-05-03.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.H03	112.5	60.5	62.4	62.4	49.9		235.2	61.1	53.8	4
	A3-05-03.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.B03M	75.0	62.2	62.1	62.1	54.3		240.7	62.3	82.9	4
	A3-05-03.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.E03	75.0	62.2	61.9	61.9	54.3		240.3	62.2	82.9	4
	A3-05-03.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.B03	75.0	62.2	62.1	62.1	54.3		240.7	62.3	82.9	4
	A3-05-03.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH02.LK02C.BL7	CH02.LK02C.H03M	112.5	60.5	62.4	62.4	49.9		235.2	61.1	53.8	4
A3-05-04	A3-05-04.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL03.06	CH02.DL03.06	274.6	122.9	126.4	112.4			361.7	122.9	44.8	3
	A3-05-04.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL03.01	CH02.DL03.01	275.3	126.0	129.5	116.3			371.8	126.0	45.8	3
A3-05-05	A3-05-05.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL03.09	CH03.DL03.09	335.6	158.0	165.5	155.4			478.9	159.9	47.1	3
	A3-05-05.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL01.05	CH03.DL01.05	300.1	147.4	155.7	141.0			444.1	149.9	49.1	3
	A3-05-05.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL01.05	CH03.DL01.05	300.1	147.4	155.7	141.0			444.1	149.9	49.1	3
	A3-05-05.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL01.05	CH03.DL01.05	300.0	147.4	155.7	141.0			444.1	149.9	49.1	3
	A3-05-05.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.10	CH02.DL01.10	300.0	147.7	151.7	133.2			432.6	147.7	49.2	3
	A3-05-05.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.10	CH02.DL01.10	300.0	147.7	151.7	133.2			432.6	147.7	49.2	3
	A3-05-05.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.10	CH02.DL01.10	300.0	147.7	151.7	133.2			432.6	147.7	49.2	3
	A3-05-05.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL01.05	CH03.DL01.05	300.1	147.4	155.7	141.0			444.1	149.9	49.1	3
	A3-05-05.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL01.05	CH03.DL01.05	300.1	147.4	155.7	141.0			444.1	149.9	49.1	3
	A3-05-05.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL01.05	CH03.DL01.05	300.2	147.4	155.7	141.0			444.1	149.9	49.1	3
	A3-05-05.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.08	CH03.DL02.08	330.5	148.5	156.8	146.8			452.1	151.0	44.9	3
A3-05-06	A3-05-06.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL03.06	CH03.DL03.06	277.8	118.5	125.9	115.9			360.3	120.4	42.7	3
	A3-05-06.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL03.07	CH03.DL03.07	303.7	139.6	147.0	137.0			423.6	141.5	46.0	3
A4-06-01	A4-06-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.H02	105.0	63.2	64.5	64.5	57.0		249.2	63.2	60.2	4
	A4-06-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.A	75.0	63.1	64.5	66.8	57.0		251.4	63.1	84.1	4
	A4-06-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.AM	75.0	63.1	64.5	66.8	57.0		251.4	63.1	84.1	4
	A4-06-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.B	75.0	63.1	64.5	64.5	57.0		249.1	63.1	84.1	4
	A4-06-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.BM	75.0	63.1	64.5	64.5	57.0		249.1	63.1	84.1	4
	A4-06-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.A	75.0	63.1	64.5	66.8	57.0		251.4	63.1	84.1	4
	A4-06-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.AM	75.0	63.1	64.5	66.8	57.0		251.4	63.1	84.1	4
	A4-06-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL2	CH31.LK01E.H01M	112.5	56.9	58.1	58.1	51.3		224.4	56.9	50.6	4

	A4-06-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.G01	110,0	86,2	90,7	96,7	83,4		357,0	86,2	78,4	4
	A4-06-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.B	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.AM	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.A	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.BM	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-01.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.B	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-01.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.AM	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-01.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.A	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-01.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL1	CH31.LK01E.H01	112,5	56,9	58,1	58,1	51,3		224,4	56,9	50,6	4
A4-06-02	A4-06-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.H01	112,5	56,9	58,1	58,1	51,3		224,4	56,9	50,6	4
	A4-06-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.A	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.AM	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.B	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.BM	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.A	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.AM	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.H01M	112,5	56,9	58,1	58,1	51,3		224,4	56,9	50,6	4
	A4-06-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.H01M	112,5	56,9	58,1	58,1	51,3		224,4	56,9	50,6	4
	A4-06-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.AM	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.A	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.BM	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-02.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.B	75,0	63,1	64,5	64,5	57,0		249,1	63,1	84,1	4
	A4-06-02.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.AM	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.A	75,0	63,1	64,5	66,8	57,0		251,4	63,1	84,1	4
	A4-06-02.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01E.BL3	CH31.LK01E.H01	112,5	56,9	58,1	58,1	51,3		224,4	56,9	50,6	4
A4-06-03	A4-06-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.H04	113,9	55,6	56,7	56,7	50,0		219,0	55,6	48,8	4
	A4-06-03.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.A	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.AM	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.B	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-03.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.BM	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-03.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.A	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4

	A4-06-03.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.AM	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.B	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-03.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL3	CH31.LK01D.H01M	112,5	55,6	56,7	56,7	50,0		219,0	55,6	49,4	4
	A4-06-03.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.H03	116,7	58,0	59,2	59,2	52,2		228,6	58,0	49,7	4
	A4-06-03.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.AM	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.A	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.BM	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-03.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.B	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-03.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.AM	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.A	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-03.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.BM	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-03.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL4	CH31.LK01D.H01	112,6	55,6	56,7	56,7	50,0		219,0	55,6	49,4	4
A4-06-04	A4-06-04.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL2	CH31.LK01D.H01	117,0	55,6	56,7	56,7	50,0		219,0	55,6	47,5	4
	A4-06-04.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL2	CH31.LK01D.BM	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-04.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL2	CH31.LK01D.A	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-04.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL2	CH31.LK01D.AM	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-04.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL2	CH31.LK01D.B	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-04.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL2	CH31.LK01D.H02	104,4	61,7	63,0	63,0	55,5		243,2	61,7	59,1	4
	A4-06-04.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL1	CH31.LK01D.H02	126,0	61,7	63,0	63,0	55,5		243,2	61,7	49,0	4
	A4-06-04.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL1	CH31.LK01D.B	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-04.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL1	CH31.LK01D.AM	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-04.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL1	CH31.LK01D.A	75,0	61,6	63,0	65,3	55,5		245,4	61,6	82,1	4
	A4-06-04.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL1	CH31.LK01D.BM	75,0	61,6	63,0	63,0	55,5		243,1	61,6	82,1	4
	A4-06-04.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH31.LK01D.BL1	CH31.LK01D.G01	157,2	121,6	127,2	133,2	119,9		501,9	121,6	77,4	4
A4-06-05	A4-06-05.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL23	CH02.SL01.08	187,0	101,8	105,7	94,8			302,3	101,8	54,4	3
	A4-06-05.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL23	CH02.SL01.08M	187,0	101,8	105,7	94,8			302,3	101,8	54,4	3
A4-06-06	A4-06-06.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.11M	CH03.DL02.10M	367,9	167,9	177,9	166,6			512,4	170,0	45,6	3
	A4-06-06.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL03.02M	CH03.DL03.02M	415,8	200,8	212,2	198,7			611,7	203,0	48,3	3
	A4-06-06.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.02	CH03.DL04.02	498,9	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	40,0	3
	A4-06-06.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL03.03	CH03.DL03.03	363,6	173,6	184,3	171,5			529,4	176,0	47,7	3
	A4-06-06.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.14	CH03.DL02.14	372,6	177,0	183,7	175,5			536,2	178,9	47,5	3

A4-06-07	A4-06-07.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-07.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-07.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-07.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-07.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-07.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-07.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-07.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	276,1	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	52,7	3
	A4-06-07.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-06-07.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-06-07.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-06-07.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	273,9	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	53,7	3
	A4-06-07.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	273,9	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	53,7	3
	A4-06-07.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	277,5	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	53,0	3
	A4-06-07.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	270,0	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	54,0	3
	A4-06-07.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	270,2	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	54,0	3
	A4-06-07.17	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	271,0	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	53,8	3
	A4-06-07.18	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	346,6	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	42,1	3
A4-06-08	A4-06-08.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	420,0	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	49,9	3
	A4-06-08.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	420,0	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	49,9	3
	A4-06-08.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	420,6	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	49,8	3
A4-06-09	A4-06-09.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL22	CH02.SL01.07B	255,7	128,1	133,0	122,3			383,4	128,1	50,1	3
	A4-06-09.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL22	CH02.SL01.07C	293,7	134,7	141,3	129,0			405,0	134,7	45,9	3
	A4-06-09.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-09.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-09.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-09.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3

	A4-06-09.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-09.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-06-09.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	269,9	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-06-09.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,8	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	53,9	3
	A4-06-09.17	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL15M	CH01.SL01.03M	272,6	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,0	3
	A4-06-09.18	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL15M	CH01.SL08.02	363,7	183,7	192,2	183,0			558,9	183,7	50,5	3
A4-06-10	A4-06-10.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.05	CH03.DL04.05	406,9	182,2	190,7	175,9			548,8	184,1	44,8	3
	A4-06-10.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.01	CH03.DL04.02	477,0	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	41,8	3
	A4-06-10.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.01	CH03.DL04.02	476,6	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	41,9	3
	A4-06-10.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.02	CH03.DL04.02	443,3	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	45,0	3
	A4-06-10.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL02.13	CH03.DL02.13	325,7	156,3	166,2	153,7			476,2	158,2	48,0	3
	A4-06-10.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.04	CH02.DL01.04	351,0	172,9	177,5	160,1			510,5	172,9	49,3	3
A4-06-11	A4-06-11.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	234,0	125,9	136,3	127,6			389,8	128,2	53,8	3
	A4-06-11.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	234,0	125,9	136,3	127,6			389,8	128,2	53,8	3
	A4-06-11.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	234,0	125,9	136,3	127,6			389,8	128,2	53,8	3
	A4-06-11.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	234,0	125,9	136,3	127,6			389,8	128,2	53,8	3
	A4-06-11.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	234,0	125,9	136,3	127,6			389,8	128,2	53,8	3
	A4-06-11.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	234,0	125,9	136,3	127,6			389,8	128,2	53,8	3
	A4-06-11.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL03	CH02.SL01.01	234,0	126,4	134,1	122,8			383,3	126,4	54,0	3
	A4-06-11.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL03	CH02.SL02.05	282,1	132,8	140,1	125,7			398,6	132,8	47,1	3
A4-07-	A4-07-01.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.H02	114,1	67,2	65,0	65,0	59,9		257,1	67,2	58,9	4

01	A4-07-01.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.AM	75,0	59,9	61,1	61,1	50,9		233,0	59,9	79,9	4
	A4-07-01.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.A	75,0	59,9	61,1	61,1	50,9		233,0	59,9	79,9	4
	A4-07-01.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.BM	75,0	59,9	58,2	58,2	54,0		230,3	59,9	79,9	4
	A4-07-01.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.B	75,0	59,9	58,2	58,2	54,0		230,3	59,9	79,9	4
	A4-07-01.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.AM	75,0	59,9	61,1	61,1	50,9		233,0	59,9	79,9	4
	A4-07-01.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.A	75,0	59,9	61,1	61,1	50,9		233,0	59,9	79,9	4
	A4-07-01.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH27.LK01B.BL1	CH27.LK01B.H01	112,5	57,6	56,0	56,0	52,0		221,6	57,6	51,2	4
	A4-07-01.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.G01	97,4	66,6	67,3	69,5	56,2		259,6	66,6	68,4	4
	A4-07-01.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.B	75,1	57,4	57,4	57,6	54,0		226,4	57,4	76,4	4
	A4-07-01.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.AM	75,0	58,2	58,9	61,2	49,4		227,7	58,2	77,6	4
	A4-07-01.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.A	75,0	58,2	58,9	61,2	49,4		227,7	58,2	77,6	4
	A4-07-01.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.BM	75,0	57,4	57,4	57,6	54,0		226,4	57,4	76,5	4
	A4-07-01.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.B	75,0	57,4	57,4	57,6	54,0		226,4	57,4	76,5	4
	A4-07-01.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.AM	75,0	58,2	58,9	61,2	49,4		227,7	58,2	77,6	4
	A4-07-01.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.A	75,0	58,2	58,9	61,2	49,4		227,7	58,2	77,6	4
	A4-07-01.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.BM	75,0	57,4	57,4	57,6	54,0		226,4	57,4	76,5	4
	A4-07-01.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01A.BL1	CH07.LK01A.H01	112,5	55,1	55,1	55,2	51,9		217,3	55,1	49,0	4
A4-07-02	A4-07-02.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.H01	116,5	57,5	57,5	57,6	54,3		226,9	57,5	49,4	4
	A4-07-02.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.BM	75,0	59,9	59,9	60,1	56,5		236,4	59,9	79,9	4
	A4-07-02.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.A	75,0	60,7	61,4	63,7	51,9		237,7	60,7	80,9	4
	A4-07-02.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.AM	75,0	60,7	61,4	63,7	51,9		237,7	60,7	80,9	4
	A4-07-02.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.B	75,0	59,9	59,9	60,1	56,5		236,4	59,9	79,9	4
	A4-07-02.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.BM	75,0	59,9	59,9	60,1	56,5		236,4	59,9	79,9	4
	A4-07-02.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.A	75,0	60,7	61,4	63,7	51,9		237,7	60,7	80,9	4
	A4-07-02.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.AM	75,0	60,7	61,4	63,7	51,9		237,7	60,7	80,9	4
	A4-07-02.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.B	75,0	59,9	59,9	60,1	56,5		236,4	59,9	79,9	4
	A4-07-02.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH07.LK01C.BL1	CH07.LK01C.H01M	112,5	57,5	57,5	57,6	54,3		226,9	57,5	51,1	4
	A4-07-02.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.H02	124,5	65,6	67,3	61,0	56,3		250,2	65,6	52,7	4
	A4-07-02.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.B	75,0	60,7	62,3	56,6	52,4		232,0	60,7	80,9	4
	A4-07-02.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.AM	75,0	59,8	59,8	59,8	55,6		235,0	59,8	79,7	4
	A4-07-02.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.A	75,0	59,8	59,8	59,8	55,6		235,0	59,8	79,7	4

	A4-07-02.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.BM	75,0	60,7	62,3	56,6	52,4		232,0	60,7	80,9	4
	A4-07-02.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.B	75,0	60,7	62,3	56,6	52,4		232,0	60,7	80,9	4
	A4-07-02.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.AM	75,0	59,8	59,8	59,8	55,6		235,0	59,8	79,7	4
	A4-07-02.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.A	75,0	59,8	59,8	59,8	55,6		235,0	59,8	79,7	4
	A4-07-02.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.BM	75,0	60,7	62,3	56,6	52,4		232,0	60,7	80,9	4
	A4-07-02.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH22.LK01C.BL1	CH22.LK01C.H01	112,5	58,4	59,8	54,3	50,4		222,9	58,4	51,9	4
A4-07-03	A4-07-03.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.H02	119,7	56,4	64,8	61,3	58,8		241,3	56,4	47,1	4
	A4-07-03.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1M	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1M	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1M	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1M	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.H02M	112,5	56,4	64,8	61,3	58,8		241,3	56,4	50,1	4
	A4-07-03.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.H01.2	133,8	67,9	77,5	73,0	70,5		288,9	67,9	50,7	4
	A4-07-03.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01M	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01M	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01M	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01.1	75,0	58,0	63,0	61,0	59,5		241,5	58,0	77,3	4
	A4-07-03.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.A01M	75,0	58,0	62,9	61,0	59,5		241,4	58,0	77,3	4
	A4-07-03.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH01.LK02A.BL3	CH01.LK02A.H02	112,5	56,4	64,8	61,3	58,8		241,3	56,4	50,1	4
A4-07-04	A4-07-04.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.H02	117,8	59,2	63,7	63,7	58,8		245,4	59,2	50,3	4
	A4-07-04.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4

	A4-07-04.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.H02M	112,5	59,2	63,7	63,7	58,8		245,4	59,2	52,6	4
	A4-07-04.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.H01.2	128,5	68,8	73,3	73,3	68,4		283,8	68,8	53,5	4
	A4-07-04.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.19	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.A01M	75,0	60,1	62,3	62,3	60,0		244,7	60,1	80,1	4
	A4-07-04.20	Đất nhà ở Liền Kề	CH06.LK02A.BL1	CH06.LK02A.H02	112,6	59,2	63,7	63,7	58,8		245,4	59,2	52,6	4
A4-07-05	A4-07-05.01	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.H01	117,6	57,3	62,0	59,4	51,0		229,7	57,3	48,7	4
	A4-07-05.02	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.03	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.04	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.05	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.06	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.07	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.08	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.H01M	105,0	57,3	62,0	59,4	51,0		229,7	57,3	54,6	4
	A4-07-05.09	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.H01.2	127,8	66,7	72,2	68,6	59,3		266,8	66,7	52,2	4
	A4-07-05.10	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.11	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.12	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.13	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.14	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.15	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01M	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.16	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4

	A4-07-05.17	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.A01.AGM	75,0	58,5	63,3	60,5	52,1		234,4	58,5	78,0	4
	A4-07-05.18	Đất nhà ở Liền Kề	CH08.LK02A.BL2	CH08.LK02A.G03	135,9	94,9	110,9	101,6	79,5		386,9	94,9	70,9	4
A4-07-06	A4-07-06.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL14	CH08.DL14	474,7	232,4	241,3	228,8			702,5	232,4	49,0	3
A4-07-07	A4-07-07.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06M	221,8	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	53,2	3
	A4-07-07.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06	225,0	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06M	225,0	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06	225,0	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06M	225,0	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06	225,0	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL24	CH01.SL08.01	272,7	136,9	144,4	136,7			418,0	136,9	50,2	3
	A4-07-07.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL24	CH01.SL01.06	225,9	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	54,1	3
	A4-07-07.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL16	CH01.SL01.06M	225,5	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	54,2	3
	A4-07-07.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL16	CH01.SL01.06	225,3	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	54,3	3
	A4-07-07.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL16	CH01.SL01.06M	225,1	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	54,3	3
	A4-07-07.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL16	CH01.SL01.06	225,0	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	54,4	3
	A4-07-07.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06M	225,0	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06	225,1	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,4	3
	A4-07-07.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06M	225,3	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,3	3
	A4-07-07.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL20	CH08.SL01.06	225,3	117,9	130,6	118,6			367,1	117,9	52,3	3
A4-07-08	A4-07-08.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL23	CH01.DL23	422,3	190,5	196,3	179,4			566,2	190,5	45,1	3
	A4-07-08.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL21	CH01.DL21	510,6	242,0	246,8	228,0			716,8	242,0	47,4	3
	A4-07-08.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL21	CH01.DL21	521,5	242,0	246,8	228,0			716,8	242,0	46,4	3
	A4-07-08.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL08	CH01.DL08	512,1	246,5	251,2	231,8			729,5	246,5	48,1	3
	A4-07-08.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL15	CH08.DL15	410,8	200,6	210,5	195,1			606,2	200,6	48,8	3
	A4-07-08.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	412,1	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	46,9	3
	A4-07-08.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	405,0	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	47,8	3
	A4-07-08.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	411,5	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	47,0	3
	A4-07-08.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	417,5	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	50,2	3
	A4-07-08.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	417,4	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	50,2	3
	A4-07-08.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	417,5	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	50,2	3
	A4-07-08.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL11	CH01.DL11	417,4	209,5	214,6	198,3			622,4	209,5	50,2	3

	A4-07-08.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	417,4	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	46,3	3
	A4-07-08.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	417,4	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	46,3	3
	A4-07-08.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	416,4	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	46,4	3
	A4-07-08.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL01	CH08.DL01	406,7	193,4	202,6	186,3			582,3	193,4	47,6	3
	A4-07-08.17	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL39	CH01.DL39	569,3	276,4	281,0	252,8			810,2	276,4	48,6	3
	A4-07-08.18	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL39	CH01.DL39	590,4	276,4	281,0	252,8			810,2	276,4	46,8	3
	A4-07-08.19	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL39	CH01.DL39	590,4	276,4	281,0	252,8			810,2	276,4	46,8	3
A4-07-09	A4-07-09.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL20M	CH03.SL02.02M	371,9	190,7	204,6	194,4			589,7	193,1	51,3	3
	A4-07-09.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL20M	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-09.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-09.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-09.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL15	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-09.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,1	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,8	3
	A4-07-09.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL16	CH03.SL01.05M	270,7	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,7	3
	A4-07-09.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL16	CH03.SL01.05A	377,7	195,6	208,2	200,1			603,9	197,9	51,8	3
	A4-07-09.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,7	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,7	3
	A4-07-09.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,1	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,8	3
	A4-07-09.17	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-09.18	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,4	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,0	3
	A4-07-09.19	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,8	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	53,9	3
	A4-07-09.20	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,7	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	53,9	3
	A4-07-09.21	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL25	CH02.SL02.06M	375,2	206,9	215,3	198,9			621,1	206,9	55,1	3
	A4-07-09.22	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL25	CH02.SL02.06	392,1	206,9	215,3	198,9			621,1	206,9	52,8	3
A4-07-10	A4-07-10.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	307,5	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	47,8	3
	A4-07-10.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3

	A4-07-10.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270.0	147.1	154.8	146.7			448.6	147.1	54.5	3
	A4-07-10.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270.0	147.1	154.8	146.7			448.6	147.1	54.5	3
	A4-07-10.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	270.0	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	54.0	3
	A4-07-10.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	270.0	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	54.0	3
	A4-07-10.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	270.0	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	54.0	3
	A4-07-10.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	270.0	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	54.0	3
	A4-07-10.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	293.4	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	49.7	3
	A4-07-10.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	291.9	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	49.9	3
	A4-07-10.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL29	CH01.SL01.09	291.9	159.1	166.7	158.6			484.4	159.1	54.5	3
	A4-07-10.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL29	CH01.SL01.09M	292.0	159.1	166.7	158.6			484.4	159.1	54.5	3
	A4-07-10.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL29	CH01.SL01.09	291.9	159.1	166.7	158.6			484.4	159.1	54.5	3
	A4-07-10.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL29	CH01.SL01.09M	291.9	159.1	166.7	158.6			484.4	159.1	54.5	3
	A4-07-10.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL29	CH01.SL01.09	291.9	159.1	166.7	158.6			484.4	159.1	54.5	3
	A4-07-10.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL29	CH01.SL01.09M	291.9	159.1	166.7	158.6			484.4	159.1	54.5	3
	A4-07-10.17	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	291.9	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	49.9	3
	A4-07-10.18	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	291.9	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	49.9	3
	A4-07-10.19	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	291.9	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	49.9	3
	A4-07-10.20	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	270.1	145.8	158.6	145.8			450.2	145.8	54.0	3
A4-07-11	A4-07-11.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL39	CH08.DL39	399.8	195.2	204.6	188.8			588.6	195.2	48.8	3
	A4-07-11.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL26	CH01.DL26	317.0	148.3	150.7	141.9			440.9	148.3	46.8	3
	A4-07-11.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL25	CH01.DL25	430.8	187.2	192.0	174.3			553.5	187.2	43.5	3
	A4-07-11.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL24	CH01.DL24	462.0	216.5	221.3	202.1			639.9	216.5	46.9	3
	A4-07-11.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL25	CH01.DL25	418.9	187.2	192.0	174.3			553.5	187.2	44.7	3
	A4-07-11.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL27	CH01.DL27	301.8	128.4	130.7	122.0			381.1	128.4	42.5	3
	A4-07-11.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL30	CH08.DL30	268.4	131.4	138.6	132.1			402.1	131.4	49.0	3
	A4-07-11.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL30	CH08.DL30	283.6	131.4	138.6	132.1			402.1	131.4	46.3	3
	A4-07-11.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL30	CH08.DL30	325.6	131.4	138.6	132.1			402.1	131.4	40.4	3
A4-07-12	A4-07-12.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL20	CH01.SL03.01	173.9	69.7	74.8	69.4			213.9	69.7	40.1	3
	A4-07-12.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL20	CH01.SL02.02	189.0	95.8	98.9	92.9			287.6	95.8	50.7	3
	A4-07-12.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL21	CH01.SL01.16M	189.0	102.9	108.3	100.9			312.1	102.9	54.4	3
	A4-07-12.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL21	CH01.SL01.16	189.0	102.9	108.3	100.9			312.1	102.9	54.4	3

	A4-07-12.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL23	CH08.SL01.07M	189.0	106.1	117.0	104.5			327.6	106.1	56.1	3
	A4-07-12.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL23	CH08.SL01.07	189.0	106.1	117.0	104.5			327.6	106.1	56.1	3
	A4-07-12.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL23	CH08.SL01.07M	189.0	106.1	117.0	104.5			327.6	106.1	56.1	3
	A4-07-12.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL23	CH08.SL01.07	189.0	106.1	117.0	104.5			327.6	106.1	56.1	3
	A4-07-12.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL24	CH08.SL01.08M	189.0	100.4	113.0	101.1			314.5	100.4	53.1	3
	A4-07-12.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL24	CH08.SL01.08	189.4	100.4	113.0	101.1			314.5	100.4	55.0	3
	A4-07-12.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL22	CH01.SL01.17	246.8	111.7	117.6	110.9			340.2	111.7	45.3	3
	A4-07-12.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL22	CH01.SL04.04	189.5	101.8	104.9	98.9			305.6	101.8	53.7	3
	A4-07-12.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL21	CH01.SL01.16M	189.1	102.9	108.3	100.9			312.1	102.9	54.4	3
	A4-07-12.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL21	CH01.SL01.16	189.2	102.9	108.3	100.9			312.1	102.9	54.4	3
	A4-07-12.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL23	CH01.SL04.04M	189.9	101.8	104.9	98.9			305.6	101.8	53.6	3
	A4-07-12.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL23	CH01.SL06.01	224.9	105.8	111.7	104.7			322.2	105.8	47.0	3
A4-07-13	A4-07-13.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL02	CH03.SL01.01A	282.4	139.3	151.1	142.5			432.9	141.3	49.3	3
	A4-07-13.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL02	CH03.SL01.01M	234.1	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	53.8	3
	A4-07-13.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	234.1	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	53.8	3
	A4-07-13.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	234.0	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	53.8	3
	A4-07-13.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	237.1	126.4	134.1	122.8			383.3	126.4	53.3	3
	A4-07-13.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	239.3	126.4	134.1	122.8			383.3	126.4	52.8	3
	A4-07-13.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	239.4	126.4	134.1	122.8			383.3	126.4	52.8	3
	A4-07-13.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	239.3	126.4	134.1	122.8			383.3	126.4	52.8	3
	A4-07-13.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01	239.3	126.4	134.1	122.8			383.3	126.4	52.8	3
	A4-07-13.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL01	CH02.SL01.01M	239.3	126.4	134.1	122.8			383.3	126.4	52.8	3
	A4-07-13.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	239.3	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	52.6	3
	A4-07-13.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	239.3	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	52.6	3
	A4-07-13.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	239.3	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	52.6	3
	A4-07-13.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	239.3	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	52.6	3
	A4-07-13.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01	239.3	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	52.6	3
	A4-07-13.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL01	CH03.SL01.01M	238.5	125.9	136.3	127.6			389.8	128.2	52.8	3
A4-07-14	A4-07-14.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.04	CH02.DL01.04	351.0	172.9	177.5	160.1			510.5	172.9	49.3	3
	A4-07-14.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.04	CH02.DL01.04	351.0	172.9	177.5	160.1			510.5	172.9	49.3	3
	A4-07-14.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.14	CH02.DL01.14	323.9	158.0	162.6	144.4			465.0	158.0	48.8	3

	A4-07-14.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL03.10	CH03.DL03.10	366,5	166,9	175,8	164,8			507,5	169,0	45,5	3
	A4-07-14.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.01	CH03.DL04.02	489,0	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	40,8	3
	A4-07-14.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.01	CH03.DL04.02	508,9	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	39,2	3
	A4-07-14.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.DL04.01	CH03.DL04.02	477,9	199,5	208,6	191,8			599,9	201,7	41,7	3
	A4-07-14.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.13	CH02.DL01.13	411,4	201,6	206,5	183,4			591,5	201,6	49,0	3
	A4-07-14.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.DL01.01	CH02.DL01.01	480,0	221,6	226,6	206,4			654,6	221,6	46,2	3
A4-07-15	A4-07-15.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL17	CH03.SL01.05B	333,5	156,0	167,2	158,5			481,7	158,3	46,8	3
	A4-07-15.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL17	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-15.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-15.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-15.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL16	CH02.SL01.05D	303,5	158,7	165,5	153,0			477,2	158,7	52,3	3
	A4-07-15.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL16	CH02.SL01.05	270,1	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-15.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05M	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-15.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL13	CH02.SL01.05	270,0	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-15.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL15	CH02.SL01.05M	270,1	146,0	153,7	142,4			442,1	146,0	54,1	3
	A4-07-15.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH02.SL15	CH02.SL01.05C	325,1	172,7	179,4	166,6			518,7	172,7	53,1	3
	A4-07-15.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,6	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,7	3
	A4-07-15.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,3	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,8	3
	A4-07-15.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,1	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,8	3
	A4-07-15.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,1	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,8	3
	A4-07-15.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05M	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
	A4-07-15.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH03.SL15	CH03.SL01.05	270,0	145,4	156,7	147,9			450,0	147,7	53,9	3
A4-07-16	A4-07-16.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL32	CH01.SL04.03	275,4	116,3	124,4	116,3			357,0	116,3	42,2	3
	A4-07-16.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL32	CH01.SL04.02	234,0	120,4	125,7	118,2			364,3	120,4	51,5	3
	A4-07-16.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL03	CH01.SL01.01	234,0	126,5	132,8	125,7			385,0	126,5	54,1	3
	A4-07-16.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL03	CH01.SL01.01M	234,0	126,5	132,8	125,7			385,0	126,5	54,1	3
	A4-07-16.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL02	CH08.SL01.02	234,0	122,8	135,5	123,5			381,8	122,8	52,5	3
	A4-07-16.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL02	CH08.SL01.02M	234,0	122,8	135,5	123,5			381,8	122,8	52,5	3
	A4-07-16.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL02	CH08.SL01.02	234,1	122,8	135,5	123,5			381,8	122,8	52,5	3
	A4-07-16.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL02	CH08.SL01.02M	260,2	122,8	135,5	123,5			381,8	122,8	47,2	3
	A4-07-16.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL02	CH08.SL01.02	234,0	122,8	135,5	123,5			381,8	122,8	52,5	3

	A4-07-16.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL02	CH08.SL01.02M	234,0	122,8	135,5	123,5			381,8	122,8	52,5	3
	A4-07-16.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL03	CH01.SL01.01	234,0	126,5	132,8	125,7			385,0	126,5	54,1	3
	A4-07-16.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL03	CH01.SL01.01M	234,0	126,5	132,8	125,7			385,0	126,5	54,1	3
	A4-07-16.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL03	CH01.SL01.01	234,0	126,5	132,8	125,7			385,0	126,5	54,1	3
	A4-07-16.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL03	CH01.SL01.01M	234,0	126,5	132,8	125,7			385,0	126,5	54,1	3
	A4-07-16.15	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL16	CH01.SL01.06	233,9	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	52,3	3
	A4-07-16.16	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL16	CH01.SL01.06M	219,7	122,3	129,2	121,9			373,4	122,3	55,7	3
A4-07-17	A4-07-17.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL22	CH08.DL22	368,3	169,6	180,9	163,7			514,2	169,6	46,0	3
	A4-07-17.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL02	CH08.DL02	510,6	211,9	222,3	210,5			644,7	211,9	41,5	3
	A4-07-17.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL02	CH08.DL02	520,7	211,9	222,3	210,5			644,7	211,9	40,7	3
	A4-07-17.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL02	CH08.DL02	502,7	211,9	222,3	210,5			644,7	211,9	42,2	3
	A4-07-17.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.DL23	CH08.DL23	338,8	163,7	174,2	160,0			497,9	163,7	48,3	3
	A4-07-17.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL04	CH01.DL04	395,4	203,8	208,8	192,6			605,2	203,8	51,5	3
	A4-07-17.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.DL40	CH01.DL40	405,0	196,3	201,4	186,0			583,7	196,3	48,5	3
A4-07-18	A4-07-18.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.03	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.04	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.05	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.06	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.07	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	274,8	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	53,1	3
	A4-07-18.08	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	277,1	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	52,6	3
	A4-07-18.09	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	277,1	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	52,6	3
	A4-07-18.10	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	277,1	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	52,6	3
	A4-07-18.11	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05M	276,4	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	52,7	3
	A4-07-18.12	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL03	CH08.SL01.05	270,0	145,8	158,6	145,8			450,2	145,8	54,0	3
	A4-07-18.13	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03M	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
	A4-07-18.14	Đất nhà ở Biệt Thự	CH01.SL04	CH01.SL01.03	270,0	147,1	154,8	146,7			448,6	147,1	54,5	3
A4-07-19	A4-07-19.01	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL21	CH08.SL06.05	288,1	146,1	160,6	143,4			450,1	146,1	50,7	3
	A4-07-19.02	Đất nhà ở Biệt Thự	CH08.SL21	CH08.SL06.05M	258,2	146,1	160,6	143,4			450,1	146,1	56,6	3

Ký hiệu lô đất	Ký hiệu thửa đất	Chức năng sử dụng đất theo quy hoạch	Tên dãy	Tên mẫu	Diện tích đất (m^2)	DT SXD T1 (m^2)	DT SXD T2 (m^2)	DT SXD T3 (m^2)	DT SXD T4 (m^2)	DT SXD T5 (m^2)	Tổng DTS XD (m^2)	DT chiếm đất XD (m^2)	MĐ XD (%)	Số tầng cao
B	PHÂN KHU B													
B.1	Đất nhà ở liền kề													
B3-05-01	B3-05-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.G01M	140,4	74,4	74,4	74,4	74,4		297,6	74,4	53,0	4
	B3-05-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1M	CH34.LK01A.H01	112,5	56,6	56,6	55,2	55,2		223,6	56,6	50,3	4
	B3-05-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.H01M	112,5	56,6	56,6	55,2	55,2		223,6	56,6	50,3	4
	B3-05-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.A01M	75,0	59,0	59,0	57,4	57,4		232,8	59,0	78,7	4
	B3-05-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01A.BL1	CH34.LK01A.G01	139,6	74,4	74,4	74,4	74,4		297,6	74,4	53,3	4
B3-05-02	B3-05-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.H01M	112,5	53,4	53,9	53,9	50,4		211,6	55,2	49,1	4
	B3-05-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01M	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01M	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4

	B3-05-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.E01M	75,0	55,7	56,1	56,0	50,1		217,9	57,5	76,7	4
	B3-05-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01M	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01M	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.H01	112,5	53,4	53,9	53,9	50,4		211,6	55,2	49,1	4
	B3-05-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.H01M	112,5	53,4	53,9	53,9	50,4		211,6	55,2	49,1	4
	B3-05-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01M	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01M	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.17	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.E01M	75,0	55,7	56,1	56,0	50,1		217,9	57,5	76,7	4
	B3-05-02.18	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.19	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01M	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.20	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.A01	75,0	55,7	60,7	57,5	50,4		224,3	57,5	76,7	4
	B3-05-02.21	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.B01M	75,0	55,7	56,1	56,1	49,9		217,8	57,5	76,7	4
	B3-05-02.22	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01A.BL17	CH24.LK01A.H01	112,5	53,4	53,9	53,9	50,4		211,6	55,2	49,1	4
B3-05-03	B3-05-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.H01M	112,5	54,4	55,7	51,2	53,7		215,0	55,7	49,5	4
	B3-05-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01M	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01M	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01M	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01M	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.H01	112,5	54,4	55,7	51,2	53,7		215,0	55,7	49,5	4
	B3-05-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.H01M	112,5	54,4	55,7	51,2	53,7		215,0	55,7	49,5	4
	B3-05-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01M	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4

	B3-05-03.13	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.14	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01M	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.15	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.16	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01M	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.17	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.18	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.B01M	75,0	56,8	58,0	52,8	52,0		219,6	58,0	77,3	4
	B3-05-03.19	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.A01	75,0	56,8	58,0	53,2	55,9		223,9	58,0	77,3	4
	B3-05-03.20	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01A.BL1	CH19.LK01A.H01	112,5	54,4	55,7	51,2	53,7		215,0	55,7	49,5	4
	B3-05-04.1	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.H01M	116,1	54,9	53,9	53,9	50,4		213,1	54,9	47,3	4
	B3-05-04.2	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.3	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.4	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.5	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.6	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.7	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.8	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.9	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
B3-05-04	B3-05-04.10	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.H01	112,5	54,9	53,9	53,9	50,4		213,1	54,9	48,8	4
	B3-05-04.11	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.H01M	112,5	54,9	53,9	53,9	50,4		213,1	54,9	48,8	4
	B3-05-04.12	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.13	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.14	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.15	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.16	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.17	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.18	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01M	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.19	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.A01	75,0	57,2	56,3	56,3	52,4		222,2	57,2	76,3	4
	B3-05-04.20	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01A.BL1	CH20.LK01A.H01	113,8	54,9	53,9	53,9	50,4		213,1	54,9	48,2	4
B3-05-	B3-05-05.1	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.H01M	116,8	53,3	54,5	54,5	54,5		216,8	54,5	46,7	4

05	B3-05-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.H01	112.5	53.3	54.5	54.5	54.5		216.8	54.5	48.4	4
	B3-05-05.11	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.H01M	112.5	53.3	54.5	54.5	54.5		216.8	54.5	48.4	4
	B3-05-05.12	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.14	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.15	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.16	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.17	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.18	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.B01	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.19	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.A01M	75.0	55.5	56.8	56.8	56.8		225.9	56.8	75.7	4
	B3-05-05.20	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01A.BL1	CH21.LK01A.H01	113.9	53.3	54.5	54.5	54.5		216.8	54.5	47.8	4
B3-05-06	B3-05-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.H01M	116.8	53.3	54.3	53.1	54.3		215.0	55.2	47.3	4
	B3-05-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01	75.0	55.5	56.4	55.2	56.4		223.5	57.5	76.7	4
	B3-05-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01M	75.0	55.5	56.4	56.4	54.9		223.2	57.5	76.7	4
	B3-05-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01	75.0	55.5	56.4	56.4	54.9		223.2	57.5	76.7	4
	B3-05-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01M	75.0	55.5	56.4	55.2	56.4		223.5	57.5	76.7	4
	B3-05-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.C01	75.0	55.5	55.2	55.2	56.3		222.2	57.5	76.7	4
	B3-05-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01	75.0	55.5	56.4	55.2	56.4		223.5	57.5	76.7	4
	B3-05-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01M	75.0	55.5	56.4	56.4	54.9		223.2	57.5	76.7	4
	B3-05-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01	75.0	55.5	56.4	56.4	54.9		223.2	57.5	76.7	4
	B3-05-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01M	75.0	55.5	56.4	55.2	56.4		223.5	57.5	76.7	4

	B3-05-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.H01	112,5	53,3	54,3	53,1	54,3		215,0	55,2	49,1	4
	B3-05-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.H01M	112,5	53,3	54,3	53,1	54,3		215,0	55,2	49,1	4
	B3-05-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01	75,0	55,5	56,4	55,2	56,4		223,5	57,5	76,7	4
	B3-05-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01M	75,0	55,5	56,4	56,4	54,9		223,2	57,5	76,7	4
	B3-05-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01	75,0	55,5	56,4	56,4	54,9		223,2	57,5	76,7	4
	B3-05-06.16	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01M	75,0	55,5	56,4	55,2	56,4		223,5	57,5	76,7	4
	B3-05-06.17	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.C01	75,0	55,5	55,2	55,2	56,3		222,2	57,5	76,7	4
	B3-05-06.18	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01	75,0	55,5	56,4	55,2	56,4		223,5	57,5	76,7	4
	B3-05-06.19	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01M	75,0	55,5	56,4	56,4	54,9		223,2	57,5	76,7	4
	B3-05-06.20	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.A01	75,0	55,5	56,4	56,4	54,9		223,2	57,5	76,7	4
	B3-05-06.21	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.B01M	75,0	55,5	56,4	55,2	56,4		223,5	57,5	76,7	4
	B3-05-06.22	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01A.BL03	CH05.LK01A.H01	113,9	53,3	54,3	53,1	54,3		215,0	55,2	48,5	4
B3-05-07	B3-05-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.H01M	117,2	53,4	54,8	53,2	49,2		210,6	55,2	47,1	4
	B3-05-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL2	CH56.LK01A.G01	141,4	61,2	65,0	63,4	57,6		247,2	67,4	47,7	4
	B3-05-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.G01M	99,9	61,2	65,0	63,4	57,6		247,2	67,4	67,5	4
	B3-05-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.15	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.B01	75,0	55,6	56,6	56,6	52,3		221,1	57,5	76,7	4
	B3-05-07.16	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.17	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4

	B3-05-07.18	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.19	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.20	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.A01M	75,0	55,6	57,1	55,5	50,7		218,9	57,5	76,7	4
	B3-05-07.21	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01A.BL1	CH56.LK01A.H01	114,0	53,4	54,8	53,2	49,2		210,6	55,2	48,4	4
B3-09-01	B3-09-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL02	CH28.LK01E.G01M	128,6	82,6	82,1	82,5	73,3		320,5	84,4	65,6	4
	B3-09-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL02	CH28.LK01E.B02M	75,0	58,8	59,3	59,3	56,2		233,6	58,8	78,4	4
	B3-09-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL02	CH28.LK01E.A02	75,0	58,7	60,6	60,9	56,0		236,2	60,6	80,8	4
	B3-09-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL02	CH28.LK01E.A01	75,0	58,7	60,6	60,9	56,0		236,2	60,6	80,8	4
	B3-09-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL02	CH28.LK01E.B01	75,0	58,8	59,6	59,6	56,2		234,2	58,8	78,4	4
	B3-09-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL02	CH28.LK01E.H02	112,5	56,4	58,6	58,9	54,2		228,1	58,2	51,7	4
	B3-09-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL01	CH28.LK01E.H02M	112,5	56,4	58,6	58,9	54,2		228,1	58,2	51,7	4
	B3-09-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL01	CH28.LK01E.B01	75,0	58,8	59,6	59,6	56,2		234,2	58,8	78,4	4
	B3-09-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL01	CH28.LK01E.C01	75,0	58,8	60,6	60,9	56,1		236,4	60,6	80,8	4
	B3-09-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL01	CH28.LK01E.B02M	75,0	58,8	59,3	59,3	56,2		233,6	58,8	78,4	4
	B3-09-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01E.BL01	CH28.LK01E.G01	156,1	82,6	82,1	82,5	73,3		320,5	84,4	54,1	4
B3-09-02	B3-09-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.H02M	112,5	54,0	56,2	56,5	51,8		218,5	55,8	49,6	4
	B3-09-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.B01	75,0	56,3	57,1	57,1	53,7		224,2	56,3	75,1	4
	B3-09-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01M	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.B01	75,0	56,3	57,1	57,1	53,7		224,2	56,3	75,1	4
	B3-09-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01M	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.B01M	75,0	56,3	57,1	57,1	53,7		224,2	56,3	75,1	4
	B3-09-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.H02	112,5	54,0	56,2	56,5	51,8		218,5	55,8	49,6	4
	B3-09-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.H02M	112,5	54,0	56,2	56,5	51,8		218,5	55,8	49,6	4
	B3-09-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.B01	75,0	56,3	57,1	57,1	53,7		224,2	56,3	75,1	4
	B3-09-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01M	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.B01	75,0	56,3	57,1	57,1	53,7		224,2	56,3	75,1	4

	B3-09-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01M	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.A01	75,0	56,3	58,1	58,4	53,5		226,3	58,1	77,5	4
	B3-09-02.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.B01M	75,0	56,3	57,1	57,1	53,7		224,2	56,3	75,1	4
	B3-09-02.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01A.BL01	CH28.LK01A.H02	112,5	54,0	56,2	56,5	51,8		218,5	55,8	49,6	4
B3-09-03	B3-09-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL01	CH28.LK01C.H02M	112,5	55,5	57,7	58,0	53,3		224,5	57,2	50,8	4
	B3-09-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL01	CH28.LK01C.B01	75,0	57,8	58,6	58,6	55,2		230,2	57,8	77,1	4
	B3-09-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL01	CH28.LK01C.C01	75,0	57,8	59,6	59,9	55,1		232,4	59,6	79,5	4
	B3-09-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL01	CH28.LK01C.B02M	75,0	57,8	58,3	58,3	55,2		229,6	57,8	77,1	4
	B3-09-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL01	CH28.LK01C.G01	152,8	91,6	92,8	93,3	82,1		359,8	94,4	61,8	4
	B3-09-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL02	CH28.LK01C.G02	112,1	68,9	67,5	67,8	60,2		264,4	70,8	63,2	4
	B3-09-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL02	CH28.LK01C.B02	75,0	57,8	58,3	58,3	55,2		229,6	57,8	77,1	4
	B3-09-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL02	CH28.LK01C.A02	75,0	57,8	59,6	59,9	55,0		232,3	59,6	79,5	4
	B3-09-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL02	CH28.LK01C.A01	75,0	57,8	59,6	59,9	55,0		232,3	59,6	79,5	4
	B3-09-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL03	CH28.LK01C.B01M	75,0	57,8	58,6	58,6	55,2		230,2	57,8	77,1	4
	B3-09-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01C.BL02	CH28.LK01C.H02	112,5	55,5	57,7	58,0	53,3		224,5	57,2	50,8	4
B3-12-01	B3-12-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.G02	156,8	76,9	78,7	85,7	78,7		320,0	76,9	49,0	4
	B3-12-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.A01	99,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	79,0	4
	B3-12-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.B01M	98,5	78,2	83,5	80,0	80,0		321,7	80,0	81,2	4
	B3-12-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.A01M	98,1	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	79,7	4
	B3-12-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.C01	97,7	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	80,0	4
	B3-12-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.C01M	97,3	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	80,4	4
	B3-12-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.A01	97,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	80,6	4
	B3-12-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.B01	96,7	78,2	83,5	80,0	80,0		321,7	80,0	82,7	4
	B3-12-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.A01M	96,4	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	81,1	4
	B3-12-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL19	CH29.LK01F.H01	146,4	75,1	76,8	80,1	74,9		306,9	75,1	51,3	4
B3-12-02	B3-12-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.H01	143,7	73,7	75,9	76,3	71,6		297,5	75,5	52,5	4
	B3-12-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.A01	95,7	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	82,1	4
	B3-12-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.B01	95,6	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	80,3	4
	B3-12-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.A01M	95,5	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	82,3	4

	B3-12-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.A01	95,4	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	82,4	4
	B3-12-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.B01	95,4	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	80,5	4
	B3-12-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.A01M	95,5	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	82,3	4
	B3-12-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.A01	95,5	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	82,3	4
	B3-12-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.B01M	95,7	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	80,3	4
	B3-12-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.H02	146,4	73,7	75,9	76,3	71,6		297,5	75,5	51,6	4
B3-12-03	B3-12-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.H01M	144,2	72,6	74,4	74,4	74,4		295,8	74,4	51,6	4
	B3-12-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.B01	96,4	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	80,1	4
	B3-12-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.A01M	96,7	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	80,1	4
	B3-12-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.A01	97,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	79,9	4
	B3-12-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.B01M	97,3	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	79,7	4
	B3-12-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.B01	97,7	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	79,3	4
	B3-12-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.A01M	98,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	79,0	4
	B3-12-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.A01	98,5	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	78,7	4
	B3-12-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.B01M	99,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	78,3	4
	B3-12-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL1	CH42.LK01E.G01	130,7	94,2	97,0	97,0	97,0		385,2	97,0	74,2	4
B3-13-01	B3-13-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.G02	105,4	80,3	80,5	81,0	71,1		312,9	83,0	78,7	4
	B3-13-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.B02M	75,0	61,8	62,3	62,3	59,2		245,6	61,8	82,4	4
	B3-13-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.A02M	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.A01	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.B01M	75,0	61,8	62,6	62,6	59,2		246,2	61,8	82,4	4
	B3-13-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.A01M	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL02	CH28.LK01G.H01	115,9	59,3	61,5	61,8	57,1		239,7	61,1	52,7	4
	B3-13-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.H01M	113,6	59,3	61,5	61,8	57,1		239,7	61,1	53,8	4
	B3-13-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.A01	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.B01	75,0	61,8	62,6	62,6	59,2		246,2	61,8	82,4	4
	B3-13-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.A01M	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.A02	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.B02	75,0	61,8	62,3	62,3	59,2		245,6	61,8	82,4	4

	B3-13-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL01	CH28.LK01G.G01	106,3	82,1	81,7	82,1	72,8		318,7	84,5	79,5	4
B3-13-02	B3-13-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.H01	112,5	58,8	61,0	61,3	56,6		237,7	60,6	53,9	4
	B3-13-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.B01	75,0	61,3	62,1	62,1	58,7		244,2	61,3	81,7	4
	B3-13-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01M	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.B01	75,0	61,3	62,1	62,1	58,7		244,2	61,3	81,7	4
	B3-13-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01M	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.B01M	75,0	61,3	62,1	62,1	58,7		244,2	61,3	81,7	4
	B3-13-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.H02	115,8	58,8	61,0	61,3	56,7		237,8	60,6	52,3	4
	B3-13-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.H01	113,6	58,8	61,0	61,3	56,6		237,7	60,6	53,3	4
	B3-13-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.B01	75,0	61,3	62,1	62,1	58,7		244,2	61,3	81,7	4
	B3-13-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01M	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.B01	75,0	61,3	62,1	62,1	58,7		244,2	61,3	81,7	4
	B3-13-02.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01M	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.A01	75,0	61,3	63,1	63,4	58,5		246,3	63,1	84,1	4
	B3-13-02.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.B01M	75,0	61,3	62,1	62,1	58,7		244,2	61,3	81,7	4
	B3-13-02.20	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01F.BL01	CH28.LK01F.H02	112,5	58,8	61,0	61,3	56,7		237,8	60,6	53,9	4
B3-13-03	B3-13-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.H01M	112,5	59,3	61,5	61,8	57,1		239,7	61,1	54,3	4
	B3-13-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.A01	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.B01	75,0	61,8	62,6	62,6	59,2		246,2	61,8	82,4	4
	B3-13-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.A01M	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.A02	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.B02	75,0	61,8	62,3	62,3	59,2		245,6	61,8	82,4	4
	B3-13-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL03	CH28.LK01G.G03	122,9	94,2	95,9	96,4	84,4		370,9	96,9	78,8	4
	B3-13-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.G04	131,7	98,8	99,8	100,3	89,1		388,0	101,4	77,0	4

	B3-13-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.B02M	75,0	61,8	62,3	62,3	59,2		245,6	61,8	82,4	4
	B3-13-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.A02M	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.A01	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.B01M	75,0	61,8	62,6	62,6	59,2		246,2	61,8	82,4	4
	B3-13-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.A01M	75,0	61,8	63,6	63,9	59,0		248,3	63,6	84,8	4
	B3-13-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01G.BL04	CH28.LK01G.H01	112,5	59,3	61,5	61,8	57,1		239,7	61,1	54,3	4
B3-14-01	B3-14-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.G01.2MT	251,9	150,1	150,2	150,9	132,7		583,9	153,9	61,1	4
	B3-14-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.B02.2MT	125,0	101,5	102,5	102,5	96,4		402,9	101,5	81,2	4
	B3-14-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.C01.2MT	125,0	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,2	4
	B3-14-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.B01M.2MT	125,0	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,5	81,2	4
	B3-14-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.A01.2MT	125,1	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,1	4
	B3-14-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.A01M.2MT	125,1	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,1	4
	B3-14-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.B01.2MT	125,2	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,5	81,1	4
	B3-14-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL01	CH28.LK01X.H02M.2MT	206,3	101,5	105,9	106,6	96,9		410,9	105,2	51,0	4
B3-14-02	B3-14-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.H01.2MT	206,3	97,5	101,7	102,4	93,0		394,6	101,0	48,0	4
	B3-14-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.B01M.2MT	125,0	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,5	81,2	4
	B3-14-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.A01.2MT	125,0	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,2	4
	B3-14-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.A01M.2MT	125,0	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,2	4
	B3-14-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.B01.2MT	125,0	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,5	81,2	4
	B3-14-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.A01.2MT	125,1	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,1	4
	B3-14-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.A01M.2MT	125,1	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,1	4
	B3-14-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.B01.2MT	125,2	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,5	81,1	4
	B3-14-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL03	CH28.LK01X.H01M.2MT	208,7	97,5	101,7	102,4	93,0		394,6	101,0	48,4	4
B3-14-03	B3-14-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.H02.2MT	208,8	101,5	105,9	106,6	96,9		410,9	105,2	50,4	4
	B3-14-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.B01M.2MT	125,1	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,5	81,1	4
	B3-14-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.A01.2MT	125,0	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,2	4
	B3-14-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.A01M.2MT	125,0	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,2	4
	B3-14-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.B01.2MT	125,0	101,5	103,3	103,3	96,4		404,5	101,3	81,2	4
	B3-14-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.C01M.2MT	125,0	101,5	105,1	105,8	96,1		408,5	105,2	84,2	4

	B3-14-03.7	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.B02M.2MT	125,0	101,5	102,5	102,5	96,4		402,9	101,5	81,2	4
	B3-14-03.8	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01X.BL02	CH28.LK01X.G02.2MT	237,1	144,7	144,8	145,8	127,7		363,0	150,0	63,3	4
B3-14-04	B3-14-04.1	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01F.BL11	CH29.LK01F.G01	128,6	99,6	103,2	113,8	103,2		419,8	99,6	77,4	4
	B3-14-04.2	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01F.BL11	CH29.LK01F.A02M	80,0	76,4	80,0	87,0	80,0		323,4	76,4	95,5	4
	B3-14-04.3	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01F.BL11	CH29.LK01F.A02	80,0	76,4	80,0	87,0	80,0		323,4	76,4	95,5	4
	B3-14-04.4	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01F.BL11	CH29.LK01F.B02	80,0	76,4	87,0	80,0	80,0		323,4	80,0	100,0	4
	B3-14-04.5	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01F.BL11	CH29.LK01F.A02M	80,0	76,4	80,0	87,0	80,0		323,4	76,4	95,5	4
	B3-14-04.6	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01F.BL11	CH29.LK01F.H03	120,0	73,4	76,8	83,4	75,6		309,2	73,4	61,2	4
B3-14-05	B3-14-05.1	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.H01.2MT	120,0	72,6	76,5	77,1	67,8		294,0	76,0	63,3	4
	B3-14-05.2	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.A01.2MT	80,0	75,5	77,3	77,3	70,4		300,5	79,2	99,0	4
	B3-14-05.3	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.B01.2MT	80,0	75,5	79,1	79,8	70,1		304,5	75,5	94,4	4
	B3-14-05.4	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.A01M.2MT	80,0	75,5	79,1	79,8	70,1		304,5	79,2	99,0	4
	B3-14-05.5	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.A01.2MT	80,0	75,5	77,3	77,3	70,4		300,5	79,2	99,0	4
	B3-14-05.6	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.B01.2MT	80,0	75,5	79,1	79,8	70,1		304,5	75,5	94,4	4
	B3-14-05.7	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.A01M.2MT	80,0	75,5	79,1	79,8	70,1		304,5	79,2	99,0	4
	B3-14-05.8	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.A01.2MT	80,0	75,5	77,3	77,3	70,4		300,5	79,2	99,0	4
	B3-14-05.9	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.B01M.2MT	80,0	75,5	79,1	79,8	70,1		304,5	75,5	94,4	4
	B3-14-05.10	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01P.BL05	CH28.LK01P.H02.2MT	120,0	72,6	76,5	77,1	67,7		293,9	76,0	63,3	4
B3-14-06	B3-14-06.1	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01F.BL2	CH42.LK01F.H01	120,0	73,2	76,8	76,8	76,8		303,6	76,8	64,0	4
	B3-14-06.2	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01F.BL2	CH42.LK01F.B01M	80,0	76,4	80,0	80,0	80,0		316,4	80,0	100,0	4
	B3-14-06.3	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01F.BL2	CH42.LK01F.A01	80,0	76,4	80,0	80,0	80,0		316,4	80,0	100,0	4
	B3-14-06.4	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01F.BL2	CH42.LK01F.A01M	80,0	76,4	80,0	80,0	80,0		316,4	80,0	100,0	4
	B3-14-06.5	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01F.BL2	CH42.LK01F.B01	80,0	76,4	80,0	80,0	80,0		316,4	80,0	100,0	4
	B3-14-06.6	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01F.BL2	CH42.LK01F.G01	117,3	95,5	98,3	98,3	98,3		390,4	98,3	83,8	4
B3-14-07	B3-14-07.1	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL10	CH29.LK01B.G09	71,6	61,4	63,2	68,7	63,2		256,5	61,4	85,8	4
	B3-14-07.2	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL10	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-14-07.3	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL10	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-14-07.4	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL10	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-14-07.5	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL10	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4

	B3-14-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL10	CH29.LK01B.H01	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-14-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL04	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-14-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL04	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-14-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL04	CH29.LK01B.B01M	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-14-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL04	CH29.LK01B.G05	174,3	127,9	129,7	135,2	129,7		522,5	127,9	73,4	4
B3-14-08	B3-14-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-08.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-08.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-08.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-08.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-08.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-08.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-08.20	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL30	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-14-09	B3-14-09.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL3	CH42.LK01B.H01M	112,5	60,6	62,4	62,4	62,4		247,8	62,4	55,5	4
	B3-14-09.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL3	CH42.LK01B.B01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-14-09.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL3	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-14-09.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL3	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4

	B3-14-09.5	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL3	CH42.LK01B.G01	128,3	104,4	106,9	106,9	106,9		425,1	106,9	83,3	4
	B3-14-09.6	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL4	CH42.LK01B.G02	118,6	94,5	97,0	97,0	97,0		385,5	97,0	81,8	4
	B3-14-09.7	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL4	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-14-09.8	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL4	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-14-09.9	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL4	CH42.LK01B.B01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-14-09.10	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL4	CH42.LK01B.H01	112,5	60,6	62,4	62,4	62,4		247,8	62,4	55,5	4
B3-14-10	B3-14-10.1	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.G25	141,6	107,1	107,8	108,1	96,6		419,6	108,7	76,8	4
	B3-14-10.2	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.A02M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.3	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.4	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-10.5	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.6	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.7	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-10.8	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.9	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL26	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-10.10	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-10.11	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-10.12	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.13	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.14	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-10.15	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.16	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-10.17	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-14-10.18	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL25	CH28.LK01H.G24	116,0	85,9	86,2	86,6	76,5		335,2	88,6	76,4	4
B3-14-11	B3-14-11.1	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-11.2	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-11.3	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-11.4	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-11.5	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4

	B3-14-11.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.B01M	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B3-14-11.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.C01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B3-14-11.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL31	CH28.LK01H.G28	134.9	104.4	106.1	106.5	94.1		411.1	106.5	78.9	4
	B3-14-11.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.G29	122.7	93.3	93.1	93.6	83.6		363.6	95.9	78.2	4
	B3-14-11.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.B02M	75.0	62.8	63.3	63.3	60.2		249.6	62.8	83.7	4
	B3-14-11.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.A02M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B3-14-11.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B3-14-11.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-11.20	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL32	CH28.LK01H.H01	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
B3-14-12	B3-14-12.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.G26	86.8	65.6	67.6	67.6	56.6		257.4	67.9	78.2	4
	B3-14-12.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.B03	75.0	62.8	63.4	63.4	60.2		249.8	62.8	83.7	4
	B3-14-12.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.A02M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-12.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-12.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B3-14-12.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-12.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-12.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.B01M	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B3-14-12.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL27	CH28.LK01H.H02	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
	B3-14-12.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.H02M	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
	B3-14-12.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B3-14-12.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-12.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B3-14-12.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4

	B3-14-12.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-12.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-12.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL15	CH28.LK01H.G15	157,2	114,7	115,6	116,0	104,1		450,4	116,5	74,1	4
B3-14-13	B3-14-13.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-14-13.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-13.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-13.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-14-13.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL33	CH28.LK01H.G30	96,5	72,1	71,4	71,8	62,9		278,2	74,1	76,8	4
	B3-14-13.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.G27	151,3	112,1	113,8	114,4	101,9		442,2	115,1	76,1	4
	B3-14-13.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-14-13.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.A02M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-13.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-14-13.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-14-13.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL28	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-15-01	B3-15-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.G01.2MT	194,0	118,2	120,6	100,4	98,7		437,9	118,2	60,9	4
	B3-15-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.A01.2MT	125,0	105,0	105,0	105,0	96,7		411,7	105,0	84,0	4
	B3-15-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.A02M.2MT	125,0	105,0	105,0	105,0	96,7		411,7	105,0	84,0	4
	B3-15-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.A02.2MT	125,0	105,0	105,0	105,0	96,7		411,7	105,0	84,0	4
	B3-15-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.A01M.2MT	125,0	105,0	105,0	105,0	96,7		411,7	105,0	84,0	4
	B3-15-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.B01.2MT	125,1	105,0	101,9	95,3	95,3		397,5	105,0	83,9	4
	B3-15-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.B02M.2MT	125,1	105,0	101,9	95,3	95,3		397,5	105,0	83,9	4

	B3-15-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01D.BL6	CH26.LK01D.H01.2MT	187,9	100,8	98,3	91,5	91,5		382,1	100,8	53,6	4
B3-15-02	B3-15-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.H01	224,1	97,2	100,0	96,8	96,6		390,6	100,8	45,0	4
	B3-15-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.A01	125,0	101,2	104,1	101,0	99,8		406,1	105,0	84,0	4
	B3-15-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.A01M	125,0	101,2	104,1	101,0	99,8		406,1	105,0	84,0	4
	B3-15-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.A01	125,0	101,2	104,1	101,0	99,8		406,1	105,0	84,0	4
	B3-15-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.A01M	125,0	101,2	104,1	101,0	99,8		406,1	105,0	84,0	4
	B3-15-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.A01	125,0	101,2	104,1	101,0	99,8		406,1	105,0	84,0	4
	B3-15-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.A01M	125,1	101,2	104,1	101,0	99,8		406,1	105,0	83,9	4
	B3-15-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01F.BL3	CH56.LK01F.G01	200,5	127,9	136,9	130,6	130,1		525,5	140,5	70,1	4
B3-15-03	B3-15-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.G02	166,6	102,7	102,6	93,7	79,8		378,8	102,7	61,6	4
	B3-15-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.A01M	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.A02M	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.A02	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.A01	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.B01M	100,0	85,0	83,5	80,2	75,7		324,4	85,0	85,0	4
	B3-15-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL4	CH26.LK01C.H01	150,0	81,6	80,2	77,0	72,6		311,4	81,6	54,4	4
	B3-15-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.H01	150,0	81,6	80,2	77,0	72,6		311,4	81,6	54,4	4
	B3-15-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.B01	100,0	85,0	83,5	80,2	75,7		324,4	85,0	85,0	4
	B3-15-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.A01M	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.A02	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.A02M	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.A01	100,0	85,0	85,0	85,0	76,3		331,3	85,0	85,0	4
	B3-15-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01C.BL5	CH26.LK01C.G01	199,4	126,5	126,3	116,1	100,9		469,8	126,5	63,4	4
B3-15-04	B3-15-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.H01M	150,0	81,1	82,1	80,9	74,9		319,0	83,0	55,3	4
	B3-15-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.B01	100,0	84,5	85,4	84,2	77,9		332,0	86,5	86,5	4
	B3-15-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.A01M	100,0	84,5	85,4	85,4	76,4		331,7	86,5	86,5	4
	B3-15-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.E01M	100,0	84,5	86,5	83,9	76,4		331,3	86,5	86,5	4
	B3-15-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.A01	100,0	84,5	85,4	85,4	76,4		331,7	86,5	86,5	4
	B3-15-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.B01M	100,0	84,5	85,4	84,2	77,9		332,0	86,5	86,5	4

	B3-15-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02M	CH05.LK01C.H02	150,0	72,7	73,5	72,7	67,0		285,9	74,4	49,6	4
	B3-15-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.H02M	150,0	72,7	73,5	72,7	67,0		285,9	74,4	49,6	4
	B3-15-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.B01	100,0	84,5	85,4	84,2	77,9		332,0	86,5	86,5	4
	B3-15-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.A01M	100,0	84,5	85,4	85,4	76,4		331,7	86,5	86,5	4
	B3-15-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.E01	100,0	84,5	86,5	83,9	76,4		331,3	86,5	86,5	4
	B3-15-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.A01	100,0	84,5	85,4	85,4	76,4		331,7	86,5	86,5	4
	B3-15-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.B01M	100,0	84,5	85,4	84,2	77,9		332,0	86,5	86,5	4
	B3-15-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01C.BL02	CH05.LK01C.H01	150,0	81,1	82,1	80,9	74,9		319,0	83,0	55,3	4
B3-15-05	B3-15-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.G02	144,4	76,4	81,3	79,7	70,8		308,2	84,0	58,2	4
	B3-15-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.A01M	98,7	73,1	74,6	73,0	64,9		285,6	75,0	76,0	4
	B3-15-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.B01	96,8	73,1	74,1	74,1	66,5		287,8	75,0	77,5	4
	B3-15-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.A01	94,9	73,1	74,6	73,0	64,9		285,6	75,0	79,0	4
	B3-15-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.A01M	92,9	73,1	74,6	73,0	64,9		285,6	75,0	80,7	4
	B3-15-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.A01	90,9	73,1	74,6	73,0	64,9		285,6	75,0	82,5	4
	B3-15-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01B.BL4	CH56.LK01B.G01	111,0	74,1	78,5	76,9	68,1		297,6	81,2	73,2	4
B3-15-06	B3-15-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.G02	201,0	110,0	114,9	113,3	102,2		440,4	118,0	58,7	4
	B3-15-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.A01M	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.A01	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.A01M	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.A01	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.A01M	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.A01	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL6	CH56.LK01E.H01	150,0	79,8	81,2	79,6	72,0		312,6	81,6	54,4	4
	B3-15-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.H01M	150,0	79,8	81,2	79,6	72,0		312,6	81,6	54,4	4
	B3-15-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.A01M	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.A01	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.A01M	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.B01	100,0	83,1	84,1	84,1	76,5		327,8	85,0	85,0	4
	B3-15-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.A01	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4

	B3-15-06.15	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.A01M	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.16	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.A01	100,0	83,1	84,6	83,0	74,9		325,6	85,0	85,0	4
	B3-15-06.17	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01E.BL5	CH56.LK01E.G01	180,6	89,0	94,7	93,1	83,8		360,6	97,6	54,0	4
B3-15-07	B3-15-07.1	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01M	CH05.LK01D.H01M	150,0	82,1	83,1	81,9	75,9		323,0	84,0	56,0	4
	B3-15-07.2	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01M	CH05.LK01D.B01	100,0	85,5	86,4	85,2	78,9		336,0	87,5	87,5	4
	B3-15-07.3	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01M	CH05.LK01D.A01M	100,0	85,5	86,4	86,4	77,4		335,7	87,5	87,5	4
	B3-15-07.4	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01M	CH05.LK01D.A01	100,0	85,5	86,4	86,4	77,4		335,7	87,5	87,5	4
	B3-15-07.5	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01M	CH05.LK01D.B01M	100,0	85,5	86,4	85,2	78,9		336,0	87,5	87,5	4
	B3-15-07.6	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01M	CH05.LK01D.H02	150,0	73,6	74,4	73,6	67,9		289,5	75,2	50,1	4
	B3-15-07.7	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01	CH05.LK01D.H02M	150,0	73,6	74,4	73,6	67,9		289,5	75,2	50,1	4
	B3-15-07.8	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01	CH05.LK01D.B01	100,0	85,5	86,4	85,2	78,9		336,0	87,5	87,5	4
	B3-15-07.9	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01	CH05.LK01D.A01M	100,0	85,5	86,4	86,4	77,4		335,7	87,5	87,5	4
	B3-15-07.10	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01	CH05.LK01D.A01	100,0	85,5	86,4	86,4	77,4		335,7	87,5	87,5	4
	B3-15-07.11	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01	CH05.LK01D.B01M	100,0	85,5	86,4	85,2	78,9		336,0	87,5	87,5	4
	B3-15-07.12	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01D.BL01	CH05.LK01D.H01	150,0	82,1	83,1	81,9	75,9		323,0	84,0	56,0	4
B3-15-08	B3-15-08.1	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.G02M	129,2	89,7	89,6	80,7	68,5		328,5	89,7	69,4	4
	B3-15-08.2	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.A01M	100,3	75,0	75,0	75,0	66,4		291,4	75,0	74,8	4
	B3-15-08.3	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.A02M	98,1	75,0	75,0	75,0	66,4		291,4	75,0	76,5	4
	B3-15-08.4	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.A02	95,8	75,0	75,0	75,0	66,4		291,4	75,0	78,3	4
	B3-15-08.5	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.A02M	93,5	75,0	75,0	75,0	66,4		291,4	75,0	80,2	4
	B3-15-08.6	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.A01	91,2	75,0	75,0	75,0	66,4		291,4	75,0	82,2	4
	B3-15-08.7	Đất nhà ở liên kế	CH26.LK01A.BL1	CH26.LK01A.G01	125,0	80,4	80,3	72,1	60,5		293,3	80,4	64,3	4
B3-16-01	B3-16-01.1	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.G01	288,4	169,6	173,2	173,2	173,2		689,2	173,2	60,1	4
	B3-16-01.2	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.B01	125,0	101,4	105,0	105,0	105,0		416,4	105,0	84,0	4
	B3-16-01.3	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.B01M	125,0	101,4	105,0	105,0	105,0		416,4	105,0	84,0	4
	B3-16-01.4	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.A01	125,0	101,4	105,0	105,0	105,0		416,4	105,0	84,0	4
	B3-16-01.5	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.A01M	125,0	101,4	105,0	105,0	105,0		416,4	105,0	84,0	4
	B3-16-01.6	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.B01	125,0	101,4	105,0	105,0	105,0		416,4	105,0	84,0	4
	B3-16-01.7	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01M.BL5	CH42.LK01M.H01M	188,0	111,9	115,5	115,5	115,5		458,4	115,5	61,4	4

B3-16-02	B3-16-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.H01.2MT	188,0	100,5	104,9	105,6	95,8		406,8	104,2	55,4	4
	B3-16-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.A01M.2MT	125,2	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,2	4
	B3-16-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.B01M.2MT	125,1	100,5	102,3	102,3	95,4		400,5	100,5	80,3	4
	B3-16-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.A01.2MT	125,0	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,4	4
	B3-16-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.A02M.2MT	125,0	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,4	4
	B3-16-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.B02.2MT	125,0	100,5	101,5	101,5	95,4		398,9	100,5	80,4	4
	B3-16-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL02	CH28.LK01W.G02.2MT	200,1	128,3	126,6	127,3	111,9		494,1	132,4	66,2	4
B3-16-03	B3-16-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.G01	244,9	149,8	152,2	152,2	152,2		606,4	152,2	62,1	4
	B3-16-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.A01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.A01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.B01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.B01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.A01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.A01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL6	CH42.LK01G.H01	150,0	79,8	81,6	81,6	81,6		324,6	81,6	54,4	4
	B3-16-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.H02	150,0	79,8	81,6	81,6	81,6		324,6	81,6	54,4	4
	B3-16-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.B01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.A01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.A01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.B01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.B01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.A01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.A01	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.17	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.B01M	100,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	85,0	4
	B3-16-03.18	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01G.BL7	CH42.LK01G.G02	174,5	102,2	104,7	104,7	104,7		416,3	104,7	60,0	4
B3-16-04	B3-16-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.H01M	150,0	82,3	84,0	87,3	82,1		335,7	82,3	54,9	4
	B3-16-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.A01	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.B01M	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.B01	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4

	B3-16-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.B01M	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.A01M	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.H01	150,0	82,3	84,0	87,3	82,1		335,7	82,3	54,9	4
	B3-16-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.H01M	150,0	82,3	84,0	87,3	82,1		335,7	82,3	54,9	4
	B3-16-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.A01	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.B01	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.B01M	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.B01	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.A01M	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL13	CH29.LK01G.H01	150,0	82,3	84,0	87,3	82,1		335,7	82,3	54,9	4
B3-16-05	B3-16-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.G02	150,8	103,5	100,9	101,3	92,2		397,9	105,4	69,9	4
	B3-16-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.B02M	101,9	72,8	73,3	73,3	70,2		289,6	72,8	71,4	4
	B3-16-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.C01	99,3	72,8	74,6	74,9	70,1		292,4	74,6	75,1	4
	B3-16-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.B01	96,7	72,8	73,6	73,6	70,2		290,2	72,8	75,3	4
	B3-16-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.C01M	94,1	72,8	74,6	74,9	70,1		292,4	74,6	79,3	4
	B3-16-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.B02	91,4	72,8	73,3	73,3	70,2		289,6	72,8	79,6	4
	B3-16-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01J.BL01	CH28.LK01J.G01	110,6	72,1	69,9	70,6	61,6		274,2	73,6	66,5	4
B3-16-06	B3-16-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.G02	144,7	106,2	104,4	104,9	94,6		410,1	108,8	75,2	4
	B3-16-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.B02	90,0	75,8	76,3	76,3	73,2		301,6	75,8	84,2	4
	B3-16-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.A02M	91,7	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	84,6	4
	B3-16-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.A01	93,3	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	83,2	4
	B3-16-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.B01	94,9	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	79,9	4
	B3-16-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.A01M	96,6	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	80,3	4
	B3-16-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.A01	98,2	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	79,0	4
	B3-16-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.B01M	99,8	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	76,0	4
	B3-16-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL02	CH28.LK01M.H02	152,8	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	48,8	4
	B3-16-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.H01	150,0	77,1	79,3	79,1	74,9		310,4	78,8	52,5	4
	B3-16-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.A01	100,0	80,3	82,1	82,4	77,5		322,3	82,1	82,1	4
	B3-16-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.B01	100,0	80,3	81,1	81,1	77,7		320,2	80,3	80,3	4

	B3-16-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.A01M	100,0	80,3	82,1	82,4	77,5		322,3	82,1	82,1	4
	B3-16-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.A01	100,0	80,3	82,1	82,4	77,5		322,3	82,1	82,1	4
	B3-16-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.B01M	100,0	80,3	81,1	81,1	77,7		320,2	80,3	80,3	4
	B3-16-06.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.A01M	100,0	80,3	82,1	82,4	77,5		322,3	82,1	82,1	4
	B3-16-06.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.A02	100,0	80,3	82,1	82,4	77,5		322,3	82,1	82,1	4
	B3-16-06.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01Q.BL01	CH28.LK01Q.G01	205,7	132,7	130,5	131,0	120,9		515,1	134,3	65,3	4
B3-16-07	B3-16-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.H03	156,5	82,5	84,2	87,5	82,3		336,5	82,5	52,7	4
	B3-16-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.A01	106,4	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	85,2	4
	B3-16-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.B01M	108,0	90,7	96,0	92,5	92,5		371,7	92,5	85,6	4
	B3-16-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.A01M	109,6	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	82,8	4
	B3-16-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.C01	111,3	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	81,5	4
	B3-16-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.A01	112,9	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	80,3	4
	B3-16-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.B01	114,5	90,7	96,0	92,5	92,5		371,7	92,5	80,8	4
	B3-16-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.A01M	116,2	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	78,1	4
	B3-16-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL18	CH29.LK01H.H02	177,2	74,5	75,9	78,8	74,0		303,2	74,5	42,0	4
	B3-16-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.H02	150,0	70,4	71,8	74,7	69,9		286,8	70,4	46,9	4
	B3-16-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.A01	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.B01M	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.A01M	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.C01	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-07.15	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.A01	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-07.16	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.B01	100,0	85,7	91,0	87,5	87,5		351,7	87,5	87,5	4
	B3-16-07.17	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.A01M	100,0	85,7	87,5	91,0	87,5		351,7	85,7	85,7	4
	B3-16-07.18	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01G.BL17	CH29.LK01G.H01	150,0	82,3	84,0	87,3	82,1		335,7	82,3	54,9	4
B3-16-08	B3-16-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.G03M	154,5	105,7	108,5	108,5	108,5		431,2	108,5	70,2	4
	B3-16-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.B01M	96,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	80,6	4
	B3-16-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.B01	94,8	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	81,8	4
	B3-16-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.A01M	93,5	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	82,9	4
	B3-16-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.A01	92,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	84,1	4

	B3-16-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.B01M	90,7	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	85,4	4
	B3-16-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL8	CH42.LK01E.G03	176,6	105,7	108,5	108,5	108,5		431,2	108,5	61,4	4
B3-17-01	B3-17-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.G13	193,0	132,7	130,6	124,4	113,6		501,3	137,5	71,2	4
	B3-17-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.B11M	125,1	101,4	102,2	102,2	98,1		403,9	105,0	83,9	4
	B3-17-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.A11	125,0	101,4	111,4	105,0	99,0		416,8	105,0	84,0	4
	B3-17-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.B11	125,0	101,4	102,2	102,2	98,1		403,9	105,0	84,0	4
	B3-17-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.B11M	125,0	101,4	102,2	102,2	98,1		403,9	105,0	84,0	4
	B3-17-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.A11M	125,0	101,4	111,4	105,0	99,0		416,8	105,0	84,0	4
	B3-17-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.B11	125,1	101,4	102,2	102,2	98,1		403,9	105,0	83,9	4
	B3-17-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01N.BL7	CH24.LK01N.H09M	187,9	97,2	98,1	98,1	94,4		387,8	100,8	53,6	4
B3-17-02	B3-17-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.H13	229,9	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	45,7	4
	B3-17-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.A07M	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-17-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.A07	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-17-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.A07M	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-17-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.A07	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-17-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.A07M	125,1	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	83,9	4
	B3-17-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.A07	125,2	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	83,9	4
	B3-17-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL13	CH34.LK01L.G09	224,9	150,8	150,8	150,8	150,8		603,2	150,8	67,1	4
B3-17-03	B3-17-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.G11	135,6	104,3	99,7	96,5	91,7		392,2	107,3	79,1	4
	B3-17-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.B09	100,0	85,7	86,1	86,1	79,9		337,8	87,5	87,5	4
	B3-17-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.A09M	100,0	85,7	90,7	87,5	80,4		344,3	87,5	87,5	4
	B3-17-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.F09	100,0	85,7	90,7	87,5	80,5		344,4	87,5	87,5	4
	B3-17-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.C09	100,0	85,7	86,2	86,2	80,1		338,2	87,5	87,5	4
	B3-17-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.A09M	100,0	85,7	90,7	87,5	80,4		344,3	87,5	87,5	4
	B3-17-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.A09	100,0	85,7	90,7	87,5	80,4		344,3	87,5	87,5	4
	B3-17-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.B09M	100,0	85,7	86,1	86,1	79,9		337,8	87,5	87,5	4
	B3-17-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL13	CH24.LK01K.H07	150,0	82,2	82,7	82,7	79,2		326,8	84,0	56,0	4
	B3-17-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.H07M	150,0	82,2	82,7	82,7	79,2		326,8	84,0	56,0	4
	B3-17-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.B09	100,0	85,7	86,1	86,1	79,9		337,8	87,5	87,5	4

	B3-17-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.A09M	100,0	85,7	90,7	87,5	80,4		344,3	87,5	87,5	4
	B3-17-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.C09M	100,0	85,7	86,2	86,3	80,1		338,2	87,5	87,5	4
	B3-17-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.C09	100,0	85,7	86,2	86,2	80,1		338,2	87,5	87,5	4
	B3-17-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.A09	100,0	85,7	90,7	87,5	80,4		344,3	87,5	87,5	4
	B3-17-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.B09M	100,0	85,7	86,1	86,1	79,9		337,8	87,5	87,5	4
	B3-17-03.17	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01K.BL8	CH24.LK01K.G12	201,8	137,3	131,2	128,0	122,8		519,3	140,2	69,5	4
B3-17-04	B3-17-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.H01M	150,0	81,9	82,6	82,6	79,2		326,3	81,9	54,6	4
	B3-17-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.B01	100,0	85,4	86,0	86,0	82,6		340,0	85,4	85,4	4
	B3-17-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.A01M	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.A01	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.B02M	100,0	85,4	86,1	86,1	82,7		340,3	85,4	85,4	4
	B3-17-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.A01M	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.A01	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.B01M	100,0	85,4	86,0	86,0	82,6		340,0	85,4	85,4	4
	B3-17-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1M	CH25.LK01Q.H03	150,0	70,0	71,1	71,1	67,7		279,9	70,0	46,7	4
	B3-17-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.H03M	150,0	70,0	71,1	71,1	67,7		279,9	70,0	46,7	4
	B3-17-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.B01	100,0	85,4	86,0	86,0	82,6		340,0	85,4	85,4	4
	B3-17-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.A01M	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.A01	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.B02	100,0	85,4	86,1	86,1	82,7		340,3	85,4	85,4	4
	B3-17-04.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.A01M	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.A01	100,0	85,4	87,1	87,5	86,5		346,5	87,1	87,1	4
	B3-17-04.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.B01M	100,0	85,4	86,0	86,0	82,6		340,0	85,4	85,4	4
	B3-17-04.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL1	CH25.LK01Q.H01	150,0	81,9	82,6	82,6	79,2		326,3	81,9	54,6	4
B3-17-05	B3-17-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL16	CH34.LK01F.G13	140,0	107,5	107,5	107,5	107,5		430,0	107,5	76,8	4
	B3-17-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL16	CH34.LK01F.A02	97,8	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	79,2	4
	B3-17-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL16	CH34.LK01F.A02M	96,1	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	80,6	4
	B3-17-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL16	CH34.LK01F.E01	94,4	77,5	77,5	77,5	77,5		310,0	77,5	82,1	4
	B3-17-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL16	CH34.LK01F.A02	92,7	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	83,6	4

	B3-17-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL15	CH34.LK01F.A02M	90,9	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	85,3	4
	B3-17-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL16	CH34.LK01F.G12	113,5	88,2	88,2	88,2	88,2		352,8	88,2	77,7	4
B3-17-06	B3-17-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.G10	196,0	137,6	137,6	137,6	137,6		550,4	137,6	70,2	4
	B3-17-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.A08	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.A08M	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.A08	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.A08M	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.A08	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.A08M	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL14	CH34.LK01G.H14	150,0	84,0	84,0	82,4	82,4		332,8	84,0	56,0	4
	B3-17-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.H15	150,0	84,0	84,0	82,5	82,5		333,0	84,0	56,0	4
	B3-17-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.A08M	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.A08	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.A08M	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.A08	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.A08M	100,0	87,5	87,5	85,9	85,9		346,8	87,5	87,5	4
	B3-17-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01G.BL15	CH34.LK01G.G11	185,7	125,4	125,4	125,4	125,4		501,6	125,4	67,5	4
B3-17-07	B3-17-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.H01M	150,0	84,3	85,0	85,0	81,6		335,9	84,3	56,2	4
	B3-17-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.B01	100,0	87,9	88,5	88,5	85,1		350,0	87,9	87,9	4
	B3-17-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.A01M	100,0	87,9	89,6	90,0	89,0		356,5	89,6	89,6	4
	B3-17-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.A02M	100,0	87,9	89,6	90,0	89,0		356,5	89,6	89,6	4
	B3-17-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.A01	100,0	87,9	89,6	90,0	89,0		356,5	89,6	89,6	4
	B3-17-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.B01M	100,0	87,9	88,5	88,5	85,1		350,0	87,9	87,9	4
	B3-17-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2M	CH25.LK01R.H02	150,0	72,1	73,1	73,1	69,7		288,0	72,1	48,1	4
	B3-17-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.H02M	150,0	72,1	73,1	73,1	69,7		288,0	72,1	48,1	4
	B3-17-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.B01	100,0	87,9	88,5	88,5	85,1		350,0	87,9	87,9	4
	B3-17-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.A01M	100,0	87,9	89,6	90,0	89,0		356,5	89,6	89,6	4
	B3-17-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.A02	100,0	87,9	89,6	90,0	89,0		356,5	89,6	89,6	4
	B3-17-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.A01	100,0	87,9	89,6	90,0	89,0		356,5	89,6	89,6	4

	B3-17-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.B01M	100,0	87,9	88,5	88,5	85,1		350,0	87,9	87,9	4
	B3-17-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01R.BL2	CH25.LK01R.H01	150,0	84,3	85,0	85,0	81,6		335,9	84,3	56,2	4
B3-17-08	B3-17-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.G10	137,4	106,7	101,8	97,8	94,0		400,3	109,6	79,8	4
	B3-17-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.F07	99,3	76,7	77,1	77,1	71,1		302,0	78,5	79,1	4
	B3-17-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.A07	97,3	76,7	81,7	78,5	71,4		308,3	78,5	80,7	4
	B3-17-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.A07M	95,3	76,7	81,7	78,5	71,4		308,3	78,5	82,4	4
	B3-17-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.A07	93,2	76,7	81,7	78,5	71,4		308,3	78,5	84,2	4
	B3-17-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.B07M	91,1	76,7	77,1	77,1	70,9		301,8	78,5	86,2	4
	B3-17-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01E.BL6	CH24.LK01E.G09	122,5	97,7	93,6	90,4	85,7		367,4	100,5	82,0	4
B3-19-01	B3-19-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.G02	100,7	76,8	78,6	78,6	78,6		312,6	78,6	78,1	4
	B3-19-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.A02M	76,5	60,7	62,5	62,5	62,5		248,2	62,5	81,7	4
	B3-19-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.A02	80,9	60,7	62,5	62,5	62,5		248,2	62,5	77,3	4
	B3-19-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.B02M	85,3	60,7	62,5	62,5	62,5		248,2	62,5	73,3	4
	B3-19-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.B03	89,7	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	86,4	4
	B3-19-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.A01M	94,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	82,4	4
	B3-19-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.A01	98,6	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	78,6	4
	B3-19-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.B01M	103,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	75,2	4
	B3-19-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL9	CH42.LK01E.H02	162,7	83,4	85,2	85,2	85,2		339,0	85,2	52,4	4
	B3-19-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.H01M	127,5	80,7	82,5	82,5	82,5		328,2	82,5	64,7	4
	B3-19-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.B01	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.A01M	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.A01	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.B01M	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.B01	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.A01M	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.A01	85,0	73,2	75,0	75,0	75,0		298,2	75,0	88,2	4
	B3-19-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01C.BL10	CH42.LK01C.G01	120,4	100,6	103,1	103,1	103,1		409,9	103,1	85,6	4
B3-19-02	B3-19-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.G02	173,9	128,1	129,9	137,0	129,9		524,9	128,1	73,7	4
	B3-19-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.B01	107,5	90,7	96,0	92,5	92,5		371,7	92,5	86,0	4

	B3-19-02.3	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.A01M	107,5	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	84,4	4
	B3-19-02.4	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.C01	107,5	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	84,4	4
	B3-19-02.5	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.A01	107,5	90,7	92,5	96,0	92,5		371,7	90,7	84,4	4
	B3-19-02.6	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.B01M	107,5	90,7	96,0	92,5	92,5		371,7	92,5	86,0	4
	B3-19-02.7	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01H.BL14	CH29.LK01H.G01	156,0	118,9	120,7	127,7	120,7		488,0	118,9	76,2	4
B3-24-01	B3-24-01.1	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.G01	178,9	106,0	107,2	107,2	107,0	99,4	526,8	107,2	59,9	5
	B3-24-01.2	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.B01M	80,0	63,3	64,5	59,7	59,3	57,9	304,7	64,5	80,6	5
	B3-24-01.3	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.B01	80,0	63,3	64,5	59,7	59,3	57,9	304,7	64,5	80,6	5
	B3-24-01.4	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.A01M	80,0	63,3	64,5	64,5	59,7	61,8	313,8	64,5	80,6	5
	B3-24-01.5	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.A01	80,0	63,3	64,5	64,5	59,7	61,8	313,8	64,5	80,6	5
	B3-24-01.6	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.B01M	80,0	63,3	64,5	59,7	59,3	57,9	304,7	64,5	80,6	5
	B3-24-01.7	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.B01	80,0	63,3	64,5	59,7	59,3	57,9	304,7	64,5	80,6	5
	B3-24-01.8	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.A01M	80,0	63,3	64,5	64,5	59,7	61,8	313,8	64,5	80,6	5
	B3-24-01.9	Đất nhà ở liên kế	CH19.LK01C.BL2	CH19.LK01C.H01	129,7	60,7	61,9	61,9	57,4	59,3	301,2	61,9	47,7	5
B3-24-02	B3-24-02.1	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.H01	129,6	64,0	63,0	63,0	63,0	59,5	312,5	64,0	49,4	5
	B3-24-02.2	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.3	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01M	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.4	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.5	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01M	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.6	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.7	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01M	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.8	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.A01	80,0	66,7	65,8	65,8	65,8	61,9	326,0	66,7	83,4	5
	B3-24-02.9	Đất nhà ở liên kế	CH20.LK01B.BL2	CH20.LK01B.H01M	129,6	64,0	63,0	63,0	63,0	59,5	312,5	64,0	49,4	5
B3-24-03	B3-24-03.1	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.H02	129,6	62,9	64,1	64,1	64,1	64,1	319,3	64,1	49,5	5
	B3-24-03.2	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.A02	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5
	B3-24-03.3	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.A02M	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5
	B3-24-03.4	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.B02	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5
	B3-24-03.5	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.C02	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5
	B3-24-03.6	Đất nhà ở liên kế	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.B02M	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5

	B3-24-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.A02	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5
	B3-24-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.A02M	80,0	65,5	66,8	66,8	66,8	66,8	332,7	66,8	83,5	5
	B3-24-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01B.BL2	CH21.LK01B.H02M	129,6	62,9	64,1	64,1	64,1	64,1	319,3	64,1	49,5	5
B3-24-04	B3-24-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.H01M	129,6	59,5	60,7	60,7	56,2	58,1	295,2	60,7	46,8	5
	B3-24-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.A01	80,0	62,0	63,3	63,3	58,5	60,6	307,7	63,3	79,1	5
	B3-24-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.B01M	80,0	62,0	63,3	58,5	58,0	56,7	298,5	63,3	79,1	5
	B3-24-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.B01	80,0	62,0	63,3	58,5	58,0	56,7	298,5	63,3	79,1	5
	B3-24-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.A01M	80,0	62,0	63,3	63,3	58,5	60,6	307,7	63,3	79,1	5
	B3-24-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.A01	80,0	62,0	63,3	63,3	58,5	60,6	307,7	63,3	79,1	5
	B3-24-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.B01M	80,0	62,0	63,3	58,5	58,0	56,7	298,5	63,3	79,1	5
	B3-24-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.B01	80,0	62,0	63,3	58,5	58,0	56,7	298,5	63,3	79,1	5
	B3-24-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.A01M	80,0	62,0	63,3	63,3	58,5	60,6	307,7	63,3	79,1	5
	B3-24-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL3	CH19.LK01B.G01	133,1	100,6	102,5	102,5	99,5	95,0	500,1	102,5	77,0	5
B3-25-01	B3-25-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL01	CH28.LK01W.G01.2MT	261,6	168,3	169,1	171,8	150,3		659,5	168,3	64,3	4
	B3-25-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL01	CH28.LK01W.A02.2MT	125,0	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,4	4
	B3-25-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL01	CH28.LK01W.A01M.2MT	125,1	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,3	4
	B3-25-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL01	CH28.LK01W.B01.2MT	125,2	100,5	102,3	102,3	95,4		400,5	100,5	80,3	4
	B3-25-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL01	CH28.LK01W.A01.2MT	125,3	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,2	4
	B3-25-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL01	CH28.LK01W.H01M.2MT	252,0	100,5	104,9	105,6	95,8		406,8	104,2	41,3	4
B3-25-02	B3-25-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.H02.2MT	188,0	97,5	101,7	102,4	93,0		394,6	101,0	53,7	4
	B3-25-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.B01M.2MT	125,1	100,5	102,3	102,3	95,4		400,5	100,5	80,3	4
	B3-25-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.A01.2MT	125,0	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,4	4
	B3-25-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.A01M.2MT	125,0	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,4	4
	B3-25-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.B01.2MT	125,0	100,5	102,3	102,3	95,4		400,5	100,5	80,4	4
	B3-25-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.A01.2MT	125,6	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	83,0	4
	B3-25-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.A01M.2MT	125,8	100,5	104,1	104,8	95,1		404,5	104,2	82,8	4
	B3-25-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.B01.2MT	126,0	100,5	102,3	102,3	95,4		400,5	100,5	79,8	4
	B3-25-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01W.BL03	CH28.LK01W.H03M.2MT	258,3	100,5	104,9	105,6	95,8		406,8	104,2	40,3	4
B3-25-	B3-25-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.H13	187,8	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	55,9	4

03	B3-25-03.2	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07M	125,1	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	83,9	4
	B3-25-03.3	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-25-03.4	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07M	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-25-03.5	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-25-03.6	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07M	125,0	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	84,0	4
	B3-25-03.7	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07	125,1	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	83,9	4
	B3-25-03.8	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.A07M	125,2	105,0	105,0	101,8	101,8		413,6	105,0	83,9	4
	B3-25-03.9	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01L.BL21	CH34.LK01L.H16	227,2	105,0	105,0	101,6	101,6		413,2	105,0	46,2	4
B3-25-04	B3-25-04.1	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.H17	187,7	103,0	103,0	99,6	99,6		405,2	103,0	54,9	4
	B3-25-04.2	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09	125,0	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,4	4
	B3-25-04.3	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09M	125,0	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,4	4
	B3-25-04.4	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09	125,0	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,4	4
	B3-25-04.5	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09M	125,0	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,4	4
	B3-25-04.6	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09	125,1	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,3	4
	B3-25-04.7	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09M	125,2	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,3	4
	B3-25-04.8	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.A09	124,5	103,0	103,0	99,8	99,8		405,6	103,0	82,7	4
	B3-25-04.9	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01K.BL22	CH34.LK01K.G21	210,6	129,2	129,2	129,2	129,2		516,8	129,2	61,3	4
B3-26-01	B3-26-01.1	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.G08M	106,6	86,0	84,0	80,8	76,2		327,0	88,9	83,4	4
	B3-26-01.2	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01F.B04	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-26-01.3	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-26-01.4	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.E04M	75,0	63,2	63,6	63,6	57,6		248,0	65,0	86,7	4
	B3-26-01.5	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.E04	75,0	63,2	63,6	63,6	57,6		248,0	65,0	86,7	4
	B3-26-01.6	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-26-01.7	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.B04M	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-26-01.8	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.G08	128,2	86,0	84,0	80,8	76,2		327,0	88,9	69,3	4
	B3-26-01.9	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.G08M	116,7	86,0	84,0	80,8	76,2		327,0	88,9	76,2	4
	B3-26-01.10	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01F.B04	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-26-01.11	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-26-01.12	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.E04M	75,0	63,2	63,6	63,6	57,6		248,0	65,0	86,7	4

	B3-26-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.E04	75,0	63,2	63,6	63,6	57,6		248,0	65,0	86,7	4
	B3-26-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-26-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.B04M	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-26-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL9	CH24.LK01C.G08	112,0	86,0	84,0	80,8	76,2		327,0	88,9	79,4	4
B3-26-02	B3-26-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.G19	113,0	83,5	83,5	83,5	83,5		334,0	83,5	73,9	4
	B3-26-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.E02	75,0	62,5	62,5	62,5	62,5		250,0	62,5	83,3	4
	B3-26-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL19	CH34.LK01B.G18	162,7	118,9	118,9	118,9	118,9		475,6	118,9	73,1	4
	B3-26-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.G20M	127,4	90,0	90,0	90,0	90,0		360,0	90,0	70,6	4
	B3-26-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.E02	75,0	62,5	62,5	62,5	62,5		250,0	62,5	83,3	4
	B3-26-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-26-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL20	CH34.LK01B.G20	125,6	90,0	90,0	90,0	90,0		360,0	90,0	71,7	4
B3-26-03	B3-26-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.G01	192,2	133,0	137,3	137,3	131,2		538,8	137,3	71,4	4
	B3-26-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.A01	125,0	100,8	104,2	105,0	103,0		413,0	104,2	83,4	4
	B3-26-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.B01M	125,0	100,8	102,0	102,0	95,2		400,0	100,8	80,6	4
	B3-26-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.B01	125,0	100,8	102,0	102,0	95,2		400,0	100,8	80,6	4
	B3-26-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.A01M	125,0	100,8	104,2	105,0	103,0		413,0	104,2	83,4	4
	B3-26-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.A01	125,0	100,8	104,2	105,0	103,0		413,0	104,2	83,4	4
	B3-26-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL3	CH25.LK01S.H01	187,7	96,6	98,2	98,2	91,4		384,4	96,6	51,5	4
B3-26-04	B3-26-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL4	CH25.LK01S.H02	208,8	96,6	98,2	98,2	91,2		384,2	96,6	46,3	4
	B3-26-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL4	CH25.LK01S.B01	125,0	100,8	102,0	102,0	95,2		400,0	100,8	80,6	4
	B3-26-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL4	CH25.LK01S.A01M	125,0	100,8	104,2	105,0	103,0		413,0	104,2	83,4	4
	B3-26-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL4	CH25.LK01S.A02	125,0	100,8	104,2	105,0	103,0		413,0	104,2	83,4	4

	B3-26-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01S.BL4	CH25.LK01S.G02	217,2	141,7	145,9	145,9	139,7		573,2	145,9	67,2	4
B3-26-05	B3-26-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.G12	145,4	109,7	111,5	111,8	99,1		432,1	112,3	77,2	4
	B3-26-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-26-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL12	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-26-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-26-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-05.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-05.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-26-05.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-26-05.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL16	CH28.LK01H.G16	90,2	65,7	65,2	65,7	56,5		253,1	67,6	74,9	4
B3-26-06	B3-26-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL07	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-26-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL07	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL07	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL07	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL07	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL07	CH28.LK01H.G07	122,6	88,3	86,6	86,8	77,8		339,5	89,5	73,0	4
	B3-26-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL03	CH28.LK01H.G03	142,6	96,4	96,3	96,8	86,7		376,2	98,2	68,9	4
	B3-26-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL03	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-26-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL03	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL03	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL03	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-26-07	B3-26-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL08	CH28.LK01H.G08	105,4	82,3	80,7	81,0	72,8		316,8	84,1	79,8	4
	B3-26-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL08	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4

	B3-26-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL08	CH28.LK01H.A02M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL08	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL08	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL08	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-26-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL09	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-26-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL09	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL09	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL09	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL09	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL09	CH28.LK01H.G09	132,4	96,4	96,3	96,8	86,7		376,2	98,3	74,2	4
B3-26-08	B3-26-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL10	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-26-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL10	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL10	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL10	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL10	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-26-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL10	CH28.LK01H.G10	117,6	77,7	76,3	76,5	67,5		298,0	78,9	67,1	4
	B3-26-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL01	CH28.LK01H.G01	188,2	127,9	131,1	132,1	117,2		508,3	132,4	70,4	4
	B3-26-08.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL01	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-26-08.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL01	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-26-08.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL01	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-26-09	B3-26-09.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03	CH29.LK01B.G03	131,5	101,0	102,8	108,3	102,8		414,9	101,0	76,8	4
	B3-26-09.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-26-09.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-09.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03	CH29.LK01B.H01	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-26-09.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03M	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-26-09.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03M	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-09.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03M	CH29.LK01B.B01M	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-26-09.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL03M	CH29.LK01B.G03M	165,8	101,0	102,8	108,3	102,8		414,9	101,0	60,9	4
B3-26-	B3-26-10.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL07	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4

10	B3-26-10.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL07	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-10.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL07	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-26-10.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL07	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-10.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL07	CH29.LK01B.G06	143,6	114,3	116,1	121,7	116,1		468,2	114,3	79,6	4
	B3-26-10.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL01	CH29.LK01B.G01	186,8	133,4	135,2	140,8	135,2		544,6	133,4	71,4	4
	B3-26-10.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL01	CH29.LK01B.C01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-10.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL01	CH29.LK01B.H01	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
B3-26-11	B3-26-11.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL08	CH29.LK01B.H02M	142,2	67,2	68,9	72,2	67,0		275,3	67,2	47,3	4
	B3-26-11.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL08	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-11.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL08	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-26-11.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL08	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-26-11.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL08	CH29.LK01B.G07	116,6	99,3	101,1	106,7	101,1		408,2	99,3	85,2	4
B3-26-12	B3-26-12.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL11	CH42.LK01K.G01	153,3	112,8	115,3	115,3	115,3		458,7	115,3	75,2	4
	B3-26-12.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL11	CH42.LK01K.A01	100,0	86,7	88,5	88,5	88,5		352,2	88,5	88,5	4
	B3-26-12.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL11	CH42.LK01K.A01M	100,0	86,7	88,5	88,5	88,5		352,2	88,5	88,5	4
	B3-26-12.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL11	CH42.LK01K.B01	100,0	86,7	88,5	88,5	88,5		352,2	88,5	88,5	4
	B3-26-12.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL11	CH42.LK01K.H01M	150,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	56,7	4
B3-26-13	B3-26-13.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL12	CH42.LK01K.H01	150,0	83,2	85,0	85,0	85,0		338,2	85,0	56,7	4
	B3-26-13.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL12	CH42.LK01K.A01	100,0	86,7	88,5	88,5	88,5		352,2	88,5	88,5	4
	B3-26-13.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL12	CH42.LK01K.A01M	100,0	86,7	88,5	88,5	88,5		352,2	88,5	88,5	4
	B3-26-13.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01K.BL12	CH42.LK01K.H02	227,6	139,8	141,6	141,6	141,6		564,6	141,6	62,2	4
B3-27-01	B3-27-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL5	CH25.LK01P.G01	196,5	134,5	138,8	138,8	132,7		544,8	138,8	70,6	4
	B3-27-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL5	CH25.LK01P.A01M	90,2	80,8	84,2	85,0	83,0		333,0	84,2	93,3	4
	B3-27-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL5	CH25.LK01P.A02	90,0	80,8	84,2	85,0	83,0		333,0	84,2	93,6	4
	B3-27-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL5	CH25.LK01P.B01	90,0	80,8	82,0	82,0	75,2		320,0	80,8	89,8	4
	B3-27-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL5	CH25.LK01P.H01M	135,0	77,4	78,8	78,8	72,0		307,0	77,4	57,3	4
B3-27-02	B3-27-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.H02	135,0	79,8	81,2	81,2	74,1		316,3	79,8	59,1	4
	B3-27-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.B03M	90,0	83,3	84,5	84,5	77,7		330,0	83,3	92,6	4
	B3-27-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.A02	90,0	83,3	86,7	87,5	85,5		343,0	86,7	96,3	4

	B3-27-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.B03	90,0	83,3	84,5	84,5	77,7		330,0	83,3	92,6	4
	B3-27-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.B03M	90,0	83,3	84,5	84,5	77,7		330,0	83,3	92,6	4
	B3-27-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.A02M	90,0	83,3	86,7	87,5	85,5		343,0	86,7	96,3	4
	B3-27-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.B03	90,0	83,3	84,5	84,5	77,7		330,0	83,3	92,6	4
	B3-27-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01Q.BL6	CH25.LK01Q.H02M	135,0	79,8	81,2	81,2	74,1		316,3	79,8	59,1	4
B3-27-03	B3-27-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL7	CH25.LK01P.H01	135,0	77,4	78,8	78,8	72,0		307,0	77,4	57,3	4
	B3-27-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL7	CH25.LK01P.B02	90,0	80,8	81,8	81,8	75,0		319,4	80,8	89,8	4
	B3-27-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL7	CH25.LK01P.B01M	90,0	80,8	82,0	82,0	75,2		320,0	80,8	89,8	4
	B3-27-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL7	CH25.LK01P.A01	90,0	80,8	84,2	85,0	83,0		333,0	84,2	93,6	4
	B3-27-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL7	CH25.LK01P.A03	90,0	80,8	84,2	85,0	83,0		333,0	84,2	93,6	4
	B3-27-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01P.BL7	CH25.LK01P.G02	140,8	108,8	113,0	113,0	107,6		442,4	113,0	80,3	4
B3-27-04	B3-27-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL01	CH28.LK01T.G01.2MT	126,8	92,9	99,3	100,3	78,2		370,7	97,1	76,6	4
	B3-27-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL01	CH28.LK01T.C01.2MT	90,0	83,0	86,6	87,3	77,6		334,5	86,7	96,3	4
	B3-27-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL01	CH28.LK01T.B01.2MT	90,0	83,0	84,8	84,8	77,9		330,5	83,0	92,2	4
	B3-27-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL01	CH28.LK01T.H02M.2MT	135,0	79,7	83,7	84,3	75,0		322,7	83,2	61,6	4
B3-27-05	B3-27-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.H01.2MT	135,0	79,8	83,7	84,3	75,0		322,8	83,2	61,6	4
	B3-27-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.A01M.2MT	90,0	83,0	86,6	87,3	77,6		334,5	86,7	96,3	4
	B3-27-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.B01M.2MT	90,0	83,0	84,8	84,8	77,9		330,5	83,0	92,2	4
	B3-27-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.A01.2MT	90,0	83,0	86,6	87,3	77,6		334,5	86,7	96,3	4
	B3-27-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.A01M.2MT	90,0	83,0	86,6	87,3	77,6		334,5	86,7	96,3	4
	B3-27-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.B01.2MT	90,0	83,0	84,8	84,8	77,9		330,5	83,0	92,2	4
	B3-27-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.A01.2MT	90,0	83,0	86,6	87,3	77,6		334,5	86,7	96,3	4
	B3-27-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01T.BL02	CH28.LK01T.H01M.2MT	135,0	79,8	83,7	84,3	75,0		322,8	83,2	61,6	4
B3-27-06	B3-27-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01R.BL01	CH28.LK01R.H02.2MT	135,0	78,8	82,7	83,4	74,0		318,9	82,3	60,9	4
	B3-27-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01R.BL01	CH28.LK01R.B01.2MT	90,0	82,0	83,8	83,8	76,9		326,5	82,0	91,1	4
	B3-27-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01R.BL01	CH28.LK01R.C01.2MT	90,0	82,0	85,6	86,3	76,6		330,5	85,7	95,2	4
	B3-27-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01R.BL01	CH28.LK01R.B02.2MT	90,0	82,0	83,0	83,0	76,9		324,9	82,0	91,1	4
	B3-27-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01R.BL01	CH28.LK01R.G01.2MT	196,1	111,8	113,5	114,1	96,4		435,8	115,4	58,8	4
B3-27-	B3-27-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.G13M	105,1	81,0	79,5	79,8	71,6		311,9	82,8	78,8	4

07	B3-27-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-27-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.A02M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13M	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-27-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-27-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-27-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL13	CH28.LK01H.G13	109,2	81,0	79,5	79,8	71,6		311,9	82,8	75,8	4
B3-27-08	B3-27-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-27-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-27-08.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-27-08.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-08.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-08.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-08.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL17	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4

B3-27-09	B3-27-09.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-27-09.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-09.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-09.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-09.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-09.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-27-09.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-27-09.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL18	CH28.LK01H.G17	93,4	67,8	69,6	70,1	59,5		267,0	70,5	75,4	4
	B3-27-09.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.G14	116,1	71,3	73,4	73,9	62,9		281,5	74,5	64,2	4
	B3-27-09.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-27-09.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.A02M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-09.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-09.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-27-09.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-27-09.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL14	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-27-10	B3-27-10.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL1	CH24.LK01C.G04	106,8	86,9	83,9	80,8	76,8		328,4	88,7	83,1	4
	B3-27-10.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL1	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-10.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL1	CH24.LK01C.B04M	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-27-10.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL1	CH24.LK01C.B04	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-27-10.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL1	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-10.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL1	CH24.LK01C.H03	112,5	60,6	61,1	61,1	57,6		240,4	62,4	55,5	4
	B3-27-10.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL2	CH24.LK01C.H03M	112,5	60,6	61,1	61,1	57,6		240,4	62,4	55,5	4
	B3-27-10.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL2	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-10.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL2	CH24.LK01C.B04M	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-27-10.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL2	CH24.LK01C.B04	75,0	63,2	63,6	63,6	57,4		247,8	65,0	86,7	4
	B3-27-10.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL2	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-10.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL2	CH24.LK01C.G05	117,9	96,1	92,3	89,2	85,4		363,0	97,9	83,0	4
B3-27-11	B3-27-11.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.H01M	112,5	60,3	61,0	61,0	57,6		239,9	60,3	53,6	4
	B3-27-11.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4

	B3-27-11.3	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.A02	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-11.4	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.B02M	75,0	62,9	63,6	63,6	60,2		250,3	62,9	83,9	4
	B3-27-11.5	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.A02	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-11.6	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-11.7	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.H01	112,5	60,3	61,0	61,0	57,6		239,9	60,3	53,6	4
	B3-27-11.8	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.H01M	112,5	60,3	61,0	61,0	57,6		239,9	60,3	53,6	4
	B3-27-11.9	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-11.10	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.A02	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-11.11	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.B02M	75,0	62,9	63,6	63,6	60,2		250,3	62,9	83,9	4
	B3-27-11.12	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.A02	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-11.13	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-11.14	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL8	CH25.LK01B.H01	112,5	60,3	61,0	61,0	57,6		239,9	60,3	53,6	4
B3-27-12	B3-27-12.1	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL9	CH34.LK01B.H11	112,5	60,0	60,0	58,5	58,5		237,0	60,0	53,3	4
	B3-27-12.2	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL9	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-12.3	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL9	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-12.4	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL9	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-12.5	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL9	CH34.LK01B.G05	197,8	137,6	137,6	137,6	137,6		550,4	137,6	69,6	4
	B3-27-12.6	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL10	CH34.LK01B.G06	158,0	90,6	90,6	90,6	90,6		362,4	90,6	57,3	4
	B3-27-12.7	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL10	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-12.8	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL10	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-12.9	Đất nhà ở liên kế	CH34.LK01B.BL10	CH34.LK01B.H12	112,5	60,0	60,0	58,4	58,4		236,8	60,0	53,3	4
B3-27-13	B3-27-13.1	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.G06	95,8	75,7	73,3	70,3	66,3		285,6	77,4	80,8	4
	B3-27-13.2	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.3	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.4	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.C04	75,0	63,2	63,7	63,7	57,4		248,0	65,0	86,7	4
	B3-27-13.5	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.6	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9		254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.7	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL4	CH24.LK01C.H03	112,5	60,6	61,1	61,1	57,6		240,4	62,4	55,5	4
	B3-27-13.8	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.H03M	112,5	60,6	61,1	61,1	57,6		240,4	62,4	55,5	4

	B3-27-13.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9	254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9	254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.C04	75,0	63,2	63,7	63,7	57,4	248,0	65,0	86,7	4
	B3-27-13.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.A04	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9	254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.A04M	75,0	63,2	68,2	65,0	57,9	254,3	65,0	86,7	4
	B3-27-13.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01C.BL5	CH24.LK01C.G07	113,8	90,6	87,1	84,0	80,2	341,9	92,3	81,1	4
B3-27-14	B3-27-14.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.H12M	112,5	60,0	60,0	58,4	58,4	236,8	60,0	53,3	4
	B3-27-14.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL11	CH34.LK01B.G07	130,4	81,1	81,1	81,1	81,1	324,4	81,1	62,2	4
	B3-27-14.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL12	CH34.LK01B.G08	156,6	103,1	103,1	103,1	103,1	412,4	103,1	65,8	4
	B3-27-14.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL12	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL12	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL12	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL12	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9	246,8	62,5	83,3	4
	B3-27-14.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL12	CH34.LK01B.H12	112,5	60,0	60,0	58,4	58,4	236,8	60,0	53,3	4
B3-27-15	B3-27-15.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL9	CH25.LK01A.G01	91,2	66,9	71,1	71,1	68,1	277,2	71,1	78,0	4
	B3-27-15.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL9	CH25.LK01A.A02	65,2	53,1	54,8	55,2	54,2	217,3	54,8	84,0	4
	B3-27-15.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL9	CH25.LK01A.A01	67,7	55,5	57,2	57,6	56,6	226,9	57,2	84,5	4
	B3-27-15.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL9	CH25.LK01A.B01	70,1	57,9	58,5	58,5	55,1	230,0	57,9	82,6	4
	B3-27-15.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL9	CH25.LK01A.H01	109,6	57,8	58,5	58,5	55,1	229,9	57,8	52,7	4
	B3-27-15.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL10	CH25.LK01A.H02	107,3	56,3	57,1	57,1	53,6	224,1	56,3	52,5	4
	B3-27-15.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL10	CH25.LK01A.B02	68,6	56,4	57,0	57,0	53,6	224,0	56,4	82,2	4
	B3-27-15.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL10	CH25.LK01A.A04	66,1	54,0	55,7	56,1	55,1	220,9	55,7	84,3	4
	B3-27-15.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01A.BL10	CH25.LK01A.A03	63,7	51,5	53,3	53,6	52,6	211,0	53,3	83,7	4

	B3-27-15.10	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01A.BL10	CH25.LK01A.G02	90,7	66,9	71,1	71,1	68,1		277,2	71,1	78,4	4
B3-27-16	B3-27-16.1	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL11	CH25.LK01C.H01	115,1	62,6	63,3	63,3	59,9		249,1	62,6	54,4	4
	B3-27-16.2	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL11	CH25.LK01C.B01	79,8	67,6	68,3	68,3	64,8		269,0	67,6	84,7	4
	B3-27-16.3	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL11	CH25.LK01C.A02	82,2	70,1	71,8	72,2	71,2		285,3	71,8	87,3	4
	B3-27-16.4	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL11	CH25.LK01C.A01	84,6	72,5	74,2	74,6	73,6		294,9	74,2	87,7	4
	B3-27-16.5	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL11	CH25.LK01C.G01	182,1	128,2	132,4	132,4	127,8		520,8	132,4	72,7	4
	B3-27-16.6	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL12	CH25.LK01C.G02	146,8	110,5	114,8	114,8	110,8		450,9	114,8	78,2	4
	B3-27-16.7	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL12	CH25.LK01C.B02	80,7	68,5	70,3	70,6	69,6		279,0	68,5	84,9	4
	B3-27-16.8	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL12	CH25.LK01C.A03	78,3	66,1	66,7	66,7	63,3		262,8	66,7	85,2	4
	B3-27-16.9	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01C.BL12	CH25.LK01C.H02	112,8	61,1	61,8	61,8	58,4		243,1	61,1	54,2	4
B3-27-17	B3-27-17.1	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.G13	129,3	102,0	106,3	106,3	102,4		417,0	106,3	82,2	4
	B3-27-17.2	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.3	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.A02M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.4	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-17.5	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-17.6	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.A02	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.7	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.8	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL13	CH25.LK01B.G14	143,0	105,7	109,9	109,9	106,0		431,5	109,9	76,9	4
	B3-27-17.9	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.G15	109,8	81,4	85,6	85,6	82,1		334,7	85,6	78,0	4
	B3-27-17.10	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.11	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.A02M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.12	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-17.13	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-17.14	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.A02	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.15	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-17.16	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL14	CH25.LK01B.G16	116,9	92,3	96,5	96,5	92,8		378,1	96,5	82,5	4
B3-27-18	B3-27-18.1	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.G09	125,9	100,9	105,1	105,1	101,3		412,4	105,1	83,5	4
	B3-27-18.2	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-18.3	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4

	B3-27-18.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.B03M	75,0	62,9	63,4	63,4	60,0		249,7	62,9	83,9	4
	B3-27-18.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-18.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-18.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL15	CH25.LK01B.G10	118,1	93,6	97,9	97,9	94,1		383,5	97,9	82,9	4
	B3-27-18.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.G11	99,5	77,9	82,1	82,1	78,7		320,8	82,1	82,5	4
	B3-27-18.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-18.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-18.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.B03M	75,0	62,9	63,4	63,4	60,0		249,7	62,9	83,9	4
	B3-27-18.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B3-27-18.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B3-27-18.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL16	CH25.LK01B.G12	120,5	97,5	101,7	101,7	97,9		398,8	101,7	84,4	4
B3-28-01	B3-28-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.G02	206,5	139,4	143,1	124,9	130,7		538,1	143,1	69,3	4
	B3-28-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.B03M	90,1	77,0	79,5	69,0	69,0		294,5	79,5	88,2	4
	B3-28-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.B02	90,1	77,0	79,5	69,0	69,0		294,5	79,5	88,2	4
	B3-28-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.A02M	90,1	77,0	79,5	70,0	76,8		303,3	79,5	88,2	4
	B3-28-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.A02	90,1	77,0	79,5	70,0	76,8		303,3	79,5	88,2	4
	B3-28-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.B02M	90,1	77,0	79,5	69,0	69,0		294,5	79,5	88,2	4
	B3-28-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.B02	90,1	77,0	79,5	69,0	69,0		294,5	79,5	88,2	4
	B3-28-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01D.BL4	CH19.LK01D.H02	135,1	73,9	76,3	67,3	73,7		291,2	76,3	56,5	4
B3-28-02	B3-28-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.H01	135,1	80,9	79,1	79,1	71,9		311,0	80,9	59,9	4
	B3-28-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.A01	90,0	84,4	82,6	82,6	74,9		324,5	84,4	93,8	4
	B3-28-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.A01M	90,0	84,4	82,6	82,6	74,9		324,5	84,4	93,8	4
	B3-28-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.A01	90,0	84,4	82,6	82,6	74,9		324,5	84,4	93,8	4
	B3-28-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.A01M	90,0	84,4	82,6	82,6	74,9		324,5	84,4	93,8	4
	B3-28-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.A01	90,0	84,4	82,6	82,6	74,9		324,5	84,4	93,8	4
	B3-28-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.A01M	90,0	84,4	82,6	82,6	74,9		324,5	84,4	93,8	4
	B3-28-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01C.BL3	CH20.LK01C.H01M	135,0	80,9	79,1	79,1	71,9		311,0	80,9	59,9	4
B3-28-03	B3-28-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01C.BL3	CH21.LK01C.H03	135,0	79,2	81,6	81,6	81,6		324,0	81,6	60,4	4
	B3-28-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01C.BL3	CH21.LK01C.A03M	90,0	82,5	85,0	85,0	85,0		337,5	85,0	94,4	4

	B3-28-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01C.BL3	CH21.LK01C.A03	90,0	82,5	85,0	85,0	85,0		337,5	85,0	94,4	4
	B3-28-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01C.BL3	CH21.LK01C.A03M	90,0	82,5	85,0	85,0	85,0		337,5	85,0	94,4	4
	B3-28-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01C.BL3	CH21.LK01C.G01	212,3	131,0	138,1	138,1	138,1		545,3	138,1	65,0	4
B3-28-04	B3-28-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.G01	144,2	113,2	116,8	116,8	116,8		463,6	116,8	81,0	4
	B3-28-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.B01	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.A01M	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.A01	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.B01M	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.B01	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.A01M	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.A01	90,0	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.B01M	90,3	83,4	87,0	87,0	87,0		344,4	87,0	96,7	4
	B3-28-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01H.BL13	CH42.LK01H.H01	180,2	114,5	118,1	118,1	118,1		468,8	118,1	96,3	4
B3-28-05	B3-28-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.H04	179,5	107,7	111,1	117,6	109,9		446,3	107,7	65,5	4
	B3-28-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.A02M	91,4	76,4	80,0	87,0	80,0		323,4	76,4	60,0	4
	B3-28-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.B02	90,5	76,4	87,0	80,0	80,0		323,4	80,0	83,6	4
	B3-28-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.A03	90,1	81,4	85,0	92,0	85,0		343,4	81,4	88,3	4
	B3-28-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.C02	90,0	81,4	85,0	92,0	85,0		343,4	81,4	90,3	4
	B3-28-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.A03M	90,3	81,4	85,0	92,0	85,0		343,4	81,4	90,4	4
	B3-28-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.B02M	90,9	76,4	87,0	80,0	80,0		323,4	80,0	90,1	4
	B3-28-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.A02	91,9	76,4	80,0	87,0	80,0		323,4	76,4	88,0	4
	B3-28-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL23	CH29.LK01F.H04M	196,8	107,7	111,1	117,6	109,9		446,3	107,7	83,1	4
B3-28-06	B3-28-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.G02.2MT	196,7	114,4	116,5	116,9	98,0		445,8	118,2	54,7	4
	B3-28-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.A02.2MT	92,2	74,5	78,1	78,8	69,1		300,5	78,2	60,1	4
	B3-28-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.E01M.2MT	91,0	74,7	78,2	79,1	69,3		301,3	78,4	84,8	4
	B3-28-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.B01.2MT	90,4	83,0	84,4	84,4	77,9		329,7	83,0	86,2	4
	B3-28-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.C01.2MT	90,0	83,0	86,6	87,3	77,6		334,5	86,7	91,8	4
	B3-28-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.B01M.2MT	90,1	83,0	84,4	84,4	77,9		329,7	83,0	96,3	4
	B3-28-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.E01.2MT	90,5	74,7	78,2	79,1	69,3		301,3	78,4	92,1	4
													86,6	4

	B3-28-06.8	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.A02M.2MT	91,2	74,5	78,1	78,8	69,1		300,5	78,2	85,7	4
	B3-28-06.9	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01S.BL1	CH28.LK01S.G01.2MT	207,2	126,1	128,0	128,4	109,6		492,1	129,5	62,5	4
B3-28-07	B3-28-07.1	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL11	CH28.LK01H.G11	108,3	80,3	79,2	79,5	70,9		309,9	82,3	76,0	4
	B3-28-07.2	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL11	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-28-07.3	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL11	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-28-07.4	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL11	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-07.5	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL11	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-07.6	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL11	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-28-08	B3-28-08.1	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.H01	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-28-08.2	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-08.3	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-08.4	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.B01M	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-08.5	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-08.6	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-08.7	Đất nhà ở liên kế	CH29.LK01B.BL12	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
B3-28-09	B3-28-09.1	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL14	CH42.LK01B.H01	112,5	60,6	62,4	62,4	62,4		247,8	62,4	55,5	4
	B3-28-09.2	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL14	CH42.LK01B.B01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-09.3	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL14	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-09.4	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL14	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-09.5	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL14	CH42.LK01B.B01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-09.6	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01B.BL14	CH42.LK01B.G03	128,7	97,0	98,8	98,8	98,8		393,4	98,8	76,8	4
B3-28-10	B3-28-10.1	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.G19	139,3	107,1	107,2	107,5	96,7		418,5	108,7	78,0	4
	B3-28-10.2	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.A02M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-10.3	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-10.4	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-10.5	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-28-10.6	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-10.7	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-10.8	Đất nhà ở liên kế	CH28.LK01H.BL20	CH28.LK01H.H01	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4

	B3-28-10.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.H01M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-10.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-10.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-10.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-28-10.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-10.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-28-10.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-28-10.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL19	CH28.LK01H.G18	129,1	99,1	99,8	100,2	89,0		388,1	101,2	78,4	4
B3-28-11	B3-28-11.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-28-11.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.B01M	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-11.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.C01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-11.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-28-11.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.H01M	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
	B3-28-11.11	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.12	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.B01M	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-11.13	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.14	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.C01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.15	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.16	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.B01	75,0	63,2	68,5	65,0	65,0		261,7	65,0	86,7	4
	B3-28-11.17	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	68,5	65,0		261,7	63,2	84,3	4
	B3-28-11.18	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL16	CH29.LK01B.H01	112,5	60,7	62,4	65,7	60,5		249,3	60,7	54,0	4
B3-28-12	B3-28-12.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.H01M	112,5	60,6	62,4	62,4	62,4		247,8	62,4	55,5	4
	B3-28-12.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4

	B3-28-12.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.B01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.B01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.B01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL15	CH42.LK01B.G04	139,5	109,1	112,5	112,5	112,5		446,6	112,5	80,6	4
	B3-28-12.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.G05	127,7	100,7	104,1	104,1	104,1		413,0	104,1	81,5	4
	B3-28-12.11	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.12	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.13	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.B01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.14	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.B01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.15	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.A01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.16	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.A01	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.17	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.B01M	75,0	63,2	65,0	65,0	65,0		258,2	65,0	86,7	4
	B3-28-12.18	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01B.BL16	CH42.LK01B.H01	112,5	60,6	62,4	62,4	62,4		247,8	62,4	55,5	4
B3-28-13	B3-28-13.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.G20	108,0	83,6	82,0	82,3	74,0		321,9	85,4	79,1	4
	B3-28-13.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-28-13.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-28-13.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-13.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-13.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-13.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-13.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL21	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-13.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-13.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-13.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-13.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-13.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-13.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4

	B3-28-13.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B3-28-13.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL22	CH28.LK01H.G21	105,0	82,3	80,7	81,0	72,8		316,8	84,1	80,1	4
B3-28-14	B3-28-14.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-14.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-14.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-14.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-14.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-14.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-14.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-14.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-14.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-14.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-14.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL29	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B3-28-15	B3-28-15.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.H02M	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
	B3-28-15.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-15.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-15.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-15.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-15.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-15.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-15.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL23	CH28.LK01H.G22	145,4	109,1	108,6	108,8	98,6		425,1	110,4	75,9	4
	B3-28-15.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.G23	92,7	60,8	63,8	63,8	53,0		241,4	63,8	68,8	4

	B3-28-15.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.B04	74,9	55,4	55,8	55,8	52,7		219,7	55,4	74,0	4
	B3-28-15.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.C02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B3-28-15.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-15.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-15.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B3-28-15.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B3-28-15.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL24	CH28.LK01H.H02	112,5	60,3	62,5	62,8	58,1		243,7	62,0	55,1	4
B4-04-01	B4-04-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.G03	139,9	109,8	109,8	109,8	109,8		439,2	109,8	78,5	4
	B4-04-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04M	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04M	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04M	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.A04	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-04-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL6	CH34.LK01H.H08	157,5	89,3	89,3	86,3	86,3		351,2	89,3	56,7	4
B4-04-02	B4-04-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.H08M	157,5	85,7	86,8	86,8	82,7		342,0	89,3	56,7	4
	B4-04-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.A10	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-04-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.A10M	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-04-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.B10M	105,0	89,5	90,1	90,1	86,1		355,8	93,0	88,6	4
	B4-04-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.E10	105,0	89,5	89,9	89,9	86,3		355,6	93,0	88,6	4
	B4-04-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.B10	105,0	89,5	90,1	90,1	86,1		355,8	93,0	88,6	4
	B4-04-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.A10	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-04-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.A10M	105,1	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,5	4
	B4-04-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL12	CH24.LK01L.H08	157,7	85,7	86,8	86,8	82,7		342,0	89,3	56,6	4
B4-05-01	B4-05-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL18	CH25.LK01F.H02M	138,0	75,9	76,4	76,4	73,0		301,7	75,9	55,0	4
	B4-05-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL18	CH25.LK01F.B01	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-05-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL18	CH25.LK01F.A01M	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-05-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL18	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4

	B4-05-01.5	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL18	CH25.LK01F.B01M	100.0	75.9	76.5	76.5	73.1		302.0	75.9	75.9	4
	B4-05-01.6	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL18	CH25.LK01F.H01	150.0	72.8	73.5	73.5	70.1		289.9	72.8	48.5	4
	B4-05-01.7	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.H01M	150.0	72.8	73.5	73.5	70.1		289.9	72.8	48.5	4
	B4-05-01.8	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.B01	100.0	75.9	76.5	76.5	73.1		302.0	75.9	75.9	4
	B4-05-01.9	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.A02	100.0	75.9	77.6	78.0	77.0		308.5	77.6	77.6	4
	B4-05-01.10	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.B01M	100.0	75.9	76.5	76.5	73.1		302.0	75.9	75.9	4
	B4-05-01.11	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.B01	100.0	75.9	76.5	76.5	73.1		302.0	75.9	75.9	4
	B4-05-01.12	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.A01M	100.0	75.9	77.6	78.0	77.0		308.5	77.6	77.6	4
	B4-05-01.13	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01F.BL19	CH25.LK01F.G01	142.0	109.7	114.0	114.0	109.8		447.5	114.0	80.3	4
B4-05-02	B4-05-02.1	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150.0	71.3	72.0	72.0	68.7		284.0	71.3	47.5	4
	B4-05-02.2	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.3	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.4	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.5	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.6	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100.0	74.4	74.9	74.9	71.5		295.7	74.4	74.4	4
	B4-05-02.7	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.8	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.9	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.10	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.11	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150.0	71.3	72.0	72.0	68.7		284.0	71.3	47.5	4
	B4-05-02.12	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150.0	71.3	72.0	72.0	68.7		284.0	71.3	47.5	4
	B4-05-02.13	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.14	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.15	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.16	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.17	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100.0	74.4	74.9	74.9	71.5		295.7	74.4	74.4	4
	B4-05-02.18	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100.0	74.4	75.0	75.0	71.6		296.0	74.4	74.4	4
	B4-05-02.19	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4
	B4-05-02.20	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100.0	74.4	76.2	76.5	75.5		302.6	76.2	76.2	4

	B4-05-02.21	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-02.22	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
B4-05-03	B4-05-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-05-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100,0	74,4	74,9	74,9	71,5		295,7	74,4	74,4	4
	B4-05-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-05-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-05-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100,0	74,4	74,9	74,9	71,5		295,7	74,4	74,4	4
	B4-05-03.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.19	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.20	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-03.21	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-03.22	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
B4-05-04	B4-05-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.H01M	150,0	71,6	73,0	71,4	63,9		279,9	73,4	48,9	4
	B4-05-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4

	B4-05-04.6	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.7	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.B01	100,0	74,6	75,6	75,6	68,0		293,8	76,5	76,5	4
	B4-05-04.8	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.9	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.10	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.11	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.H01	150,0	71,6	73,0	71,4	63,9		279,9	73,4	48,9	4
	B4-05-04.12	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.H01M	150,0	71,6	73,0	71,4	63,9		279,9	73,4	48,9	4
	B4-05-04.13	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.14	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.15	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.16	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.17	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.18	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.B01	100,0	74,6	75,6	75,6	68,0		293,8	76,5	76,5	4
	B4-05-04.19	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.20	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01M	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.21	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.A01	100,0	74,6	76,1	74,5	66,4		291,6	76,5	76,5	4
	B4-05-04.22	Đất nhà ở liên kế	CH56.LK01C.BL7	CH56.LK01C.H01	150,0	71,6	73,0	71,4	63,9		279,9	73,4	48,9	4
B4-05-05	B4-05-05.1	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.H01M	150,0	71,5	72,5	71,3	65,3		280,6	73,4	48,9	4
	B4-05-05.2	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01	100,0	74,5	75,4	74,2	67,9		292,0	76,5	76,5	4
	B4-05-05.3	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01M	100,0	74,5	75,4	75,4	66,4		291,7	76,5	76,5	4
	B4-05-05.4	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01	100,0	74,5	75,4	75,4	66,4		291,7	76,5	76,5	4
	B4-05-05.5	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01M	100,0	74,5	75,4	74,2	67,9		292,0	76,5	76,5	4
	B4-05-05.6	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.C01	100,0	74,5	74,3	74,3	67,8		290,9	76,5	76,5	4
	B4-05-05.7	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01	100,0	74,5	75,4	74,2	67,9		292,0	76,5	76,5	4
	B4-05-05.8	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01M	100,0	74,5	75,4	75,4	66,4		291,7	76,5	76,5	4
	B4-05-05.9	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01	100,0	74,5	75,4	75,4	66,4		291,7	76,5	76,5	4
	B4-05-05.10	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01M	100,0	74,5	75,4	74,2	67,9		292,0	76,5	76,5	4
	B4-05-05.11	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.H01	150,0	71,5	72,5	71,3	65,3		280,6	73,4	48,9	4
	B4-05-05.12	Đất nhà ở liên kế	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.H01M	150,0	71,5	72,5	71,3	65,3		280,6	73,4	48,9	4

	B4-05-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01	100.0	74.5	75.4	74.2	67.9		292.0	76.5	76.5	4
	B4-05-05.14	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01M	100.0	74.5	75.4	75.4	66.4		291.7	76.5	76.5	4
	B4-05-05.15	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01	100.0	74.5	75.4	75.4	66.4		291.7	76.5	76.5	4
	B4-05-05.16	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01M	100.0	74.5	75.4	74.2	67.9		292.0	76.5	76.5	4
	B4-05-05.17	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.C01	100.0	74.5	74.3	74.3	67.8		290.9	76.5	76.5	4
	B4-05-05.18	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01	100.0	74.5	75.4	74.2	67.9		292.0	76.5	76.5	4
	B4-05-05.19	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01M	100.0	74.5	75.4	75.4	66.4		291.7	76.5	76.5	4
	B4-05-05.20	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.A01	100.0	74.5	75.4	75.4	66.4		291.7	76.5	76.5	4
	B4-05-05.21	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.B01M	100.0	74.5	75.4	74.2	67.9		292.0	76.5	76.5	4
	B4-05-05.22	Đất nhà ở liền kề	CH05.LK01B.BL04	CH05.LK01B.H01	150.0	71.5	72.5	71.3	65.3		280.6	73.4	48.9	4
B4-05-06	B4-05-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.H01M	150.0	71.3	73.5	73.9	69.2		287.9	73.1	48.7	4
	B4-05-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-05-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-05-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-05-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.H01	150.0	71.3	73.5	73.9	69.2		287.9	73.1	48.7	4
	B4-05-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.H01M	150.0	71.3	73.5	73.9	69.2		287.9	73.1	48.7	4
	B4-05-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-05-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-05-06.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-05-06.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4

	B4-05-06.20	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.B01	100,0	74,3	75,1	75,1	71,7		296,2	74,3	74,3	4
	B4-05-06.21	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.A01M	100,0	74,3	76,1	76,4	71,5		298,3	76,1	76,1	4
	B4-05-06.22	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL04	CH28.LK01K.H01	150,0	71,3	73,5	73,9	69,2		287,9	73,1	48,7	4
B4-05-07	B4-05-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.H01M	150,0	71,7	73,4	76,7	71,6		293,4	71,7	47,8	4
	B4-05-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.B01M	100,0	74,7	80,0	76,5	76,5		307,7	76,5	76,5	4
	B4-05-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01M	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.B01	100,0	74,7	80,0	76,5	76,5		307,7	76,5	76,5	4
	B4-05-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01M	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.B01	100,0	74,7	80,0	76,5	76,5		307,7	76,5	76,5	4
	B4-05-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01M	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.H01	150,0	71,7	73,4	76,7	71,6		293,4	71,7	47,8	4
	B4-05-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.H01M	150,0	71,7	73,4	76,7	71,6		293,4	71,7	47,8	4
	B4-05-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.B01M	100,0	74,7	80,0	76,5	76,5		307,7	76,5	76,5	4
	B4-05-07.15	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01M	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.16	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.17	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.B01	100,0	74,7	80,0	76,5	76,5		307,7	76,5	76,5	4
	B4-05-07.18	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01M	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.19	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.20	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.B01	100,0	74,7	80,0	76,5	76,5		307,7	76,5	76,5	4
	B4-05-07.21	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.A01M	100,0	74,7	76,5	80,0	76,5		307,7	74,7	74,7	4
	B4-05-07.22	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01E.BL22	CH29.LK01E.H01	150,0	71,7	73,4	76,7	71,6		293,4	71,7	47,8	4
B4-05-08	B4-05-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.H01M	150,0	71,9	73,7	73,7	73,7		293,0	73,7	49,1	4
	B4-05-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4

	B4-05-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.11	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.H01	150,0	71,9	73,7	73,7	73,7		293,0	73,7	49,1	4
	B4-05-08.12	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.H01M	150,0	71,9	73,7	73,7	73,7		293,0	73,7	49,1	4
	B4-05-08.13	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.14	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.15	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.16	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.17	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.18	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.19	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.A01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.20	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01M	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.21	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.B01	100,0	75,0	76,8	76,8	76,8		305,4	76,8	76,8	4
	B4-05-08.22	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01D.BL17	CH42.LK01D.H01	150,0	71,9	73,7	73,7	73,7		293,0	73,7	49,1	4
B4-05-09	B4-05-09.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-05-09.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100,0	74,4	74,9	74,9	71,5		295,7	74,4	74,4	4
	B4-05-09.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4

	B4-05-09.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-05-09.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100,0	74,4	74,9	74,9	71,5		295,7	74,4	74,4	4
	B4-05-09.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.19	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.20	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-05-09.21	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-05-09.22	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
B4-05-10	B4-05-10.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL21	CH25.LK01F.H01M	150,0	72,8	73,5	73,5	70,1		289,9	72,8	48,5	4
	B4-05-10.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL21	CH25.LK01F.B01	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-05-10.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL21	CH25.LK01F.A01M	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-05-10.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL21	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-05-10.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL21	CH25.LK01F.B01M	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-05-10.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL21	CH25.LK01F.H02	139,7	75,9	76,4	76,4	73,0		301,7	75,9	54,3	4
	B4-05-10.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.G02	179,8	128,1	132,4	132,4	128,0		520,9	132,4	73,6	4
	B4-05-10.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-05-10.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.B01M	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-05-10.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.B01	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-05-10.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.A02	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-05-10.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.B01M	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-05-10.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL22	CH25.LK01F.H01	150,0	72,8	73,5	73,5	70,1		289,9	72,8	48,5	4
B4-06-01	B4-06-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.H02	140,0	75,5	76,0	76,0	72,6		300,1	75,5	53,9	4
	B4-06-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.B01	100,0	75,4	76,0	76,0	72,6		300,0	75,4	75,4	4
	B4-06-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.A01M	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.A01	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.B02	100,0	75,4	76,0	76,0	72,6		300,0	75,4	75,4	4

	B4-06-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.A01M	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL25	CH25.LK01E.A01	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL23	CH25.LK01E.B01M	100,0	75,4	76,0	76,0	72,6		300,0	75,4	75,4	4
	B4-06-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL25	CH25.LK01E.H01	150,0	72,0	73,0	73,0	69,6		287,6	72,0	48,0	4
	B4-06-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.H01M	150,0	72,0	73,0	73,0	69,6		287,6	72,0	48,0	4
	B4-06-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.B01	100,0	75,4	76,0	76,0	72,6		300,0	75,4	75,4	4
	B4-06-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.A01M	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.A02	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.A01	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.B01M	100,0	75,4	76,0	76,0	72,6		300,0	75,4	75,4	4
	B4-06-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.B03	100,0	75,4	75,9	75,9	72,5		299,7	75,4	75,4	4
	B4-06-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.B02	100,0	75,4	76,0	76,0	72,6		300,0	75,4	75,4	4
	B4-06-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.A01M	100,0	75,4	77,1	77,5	76,5		306,5	76,3	76,3	4
	B4-06-01.19	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01E.BL24	CH25.LK01E.G01	167,0	113,7	117,9	117,9	113,7		463,2	116,7	69,9	4
B4-06-02	B4-06-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.H01M	150,0	72,8	73,5	73,5	70,1		289,9	72,8	48,5	4
	B4-06-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.B01	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-06-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01M	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.B02	100,0	75,9	76,6	76,6	73,2		302,3	75,9	75,9	4
	B4-06-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01M	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.B01M	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-06-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.H01	150,0	72,8	73,5	73,5	70,1		289,9	72,8	48,5	4
	B4-06-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.H01M	150,0	72,8	73,5	73,5	70,1		289,9	72,8	48,5	4
	B4-06-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.B01	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-06-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01M	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.B02	100,0	75,9	76,6	76,6	73,2		302,3	75,9	75,9	4
	B4-06-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01M	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4

	B4-06-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.A01	100,0	75,9	77,6	78,0	77,0		308,5	77,6	77,6	4
	B4-06-02.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.B01M	100,0	75,9	76,5	76,5	73,1		302,0	75,9	75,9	4
	B4-06-02.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01F.BL25	CH25.LK01F.H01	150,0	72,8	73,5	73,5	70,1		289,9	72,8	48,5	4
B4-06-03	B4-06-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02M	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
	B4-06-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
	B4-06-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02M	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
	B4-06-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-03.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-03.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
B4-06-04	B4-06-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02M	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
	B4-06-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4

	B4-06-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
	B4-06-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02M	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
	B4-06-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-04.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01M	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.A01	100,0	75,8	77,6	77,9	73,0		304,3	77,6	77,6	4
	B4-06-04.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.B01M	100,0	75,8	76,6	76,6	73,2		302,2	75,8	75,8	4
	B4-06-04.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01M.BL01	CH28.LK01M.H02	150,0	72,8	74,5	74,8	70,6		292,7	74,5	49,7	4
B4-06-05	B4-06-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL01	CH28.LK01N.H02M	150,0	73,7	75,9	76,3	71,6		297,5	75,5	50,3	4
	B4-06-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL01	CH28.LK01N.B01	100,0	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	76,8	4
	B4-06-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL01	CH28.LK01N.A01M	100,0	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	78,6	4
	B4-06-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL01	CH28.LK01N.A01	100,0	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	78,6	4
	B4-06-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL01	CH28.LK01N.B01M	100,0	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	76,8	4
	B4-06-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL01	CH28.LK01N.H03	139,9	76,8	79,1	79,4	74,5		309,8	75,5	54,0	4
	B4-06-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL02	CH28.LK01N.G01	172,0	111,4	110,0	110,5	100,4		432,3	113,3	65,9	4
	B4-06-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL02	CH28.LK01N.C01	100,0	76,8	78,6	78,9	74,1		308,4	78,6	78,6	4
	B4-06-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL02	CH28.LK01N.B01	100,0	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	76,8	4
	B4-06-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL02	CH28.LK01N.A01M	100,0	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	78,6	4
	B4-06-05.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL02	CH28.LK01N.A01	100,0	76,8	78,6	78,9	74,0		308,3	78,6	78,6	4
	B4-06-05.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL02	CH28.LK01N.B01M	100,0	76,8	77,6	77,6	74,2		306,2	76,8	76,8	4
	B4-06-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01N.BL03	CH28.LK01N.H02	150,0	73,7	75,9	76,3	71,6		297,5	75,5	50,3	4
B4-07-01	B4-07-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.H03	160,0	93,0	93,0	91,0	91,0		368,0	93,0	58,1	4
	B4-07-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4

	B4-07-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL2	CH34.LK01F.H02	150,0	74,4	74,4	72,9	72,9		294,6	74,4	49,6	4
	B4-07-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.H04	150,0	74,4	74,4	72,8	72,8		294,4	74,4	49,6	4
	B4-07-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.A02M	100,0	77,5	77,5	75,9	75,9		306,8	77,5	77,5	4
	B4-07-01.19	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01F.BL3	CH34.LK01F.G02	207,0	111,7	111,7	111,7	111,7		446,8	111,7	54,0	4
B4-07-02	B4-07-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.H04M	150,0	71,6	72,1	72,1	68,6		284,4	73,4	48,9	4
	B4-07-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06M	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06M	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.E06	100,0	74,7	75,0	75,0	69,1		293,8	76,5	76,5	4
	B4-07-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06M	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06M	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.H04	150,0	71,6	72,1	72,1	68,6		284,4	73,4	48,9	4
	B4-07-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.H04M	150,0	71,6	72,1	72,1	68,6		284,4	73,4	48,9	4
	B4-07-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06M	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06M	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4

	B4-07-02.17	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.E06	100,0	74,7	75,0	75,0	69,1		293,8	76,5	76,5	4
	B4-07-02.18	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.19	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06M	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.20	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.A06	100,0	74,7	79,7	76,5	69,4		300,3	76,5	76,5	4
	B4-07-02.21	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.B06M	100,0	74,7	75,1	75,1	69,0		293,9	76,5	76,5	4
	B4-07-02.22	Đất nhà ở liên kế	CH24.LK01D.BL15	CH24.LK01D.H04	150,0	71,6	72,1	72,1	68,6		284,4	73,4	48,9	4
	B4-07-03.1	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-07-03.2	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.3	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.4	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.5	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.6	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100,0	74,4	74,9	74,9	71,5		295,7	74,4	74,4	4
	B4-07-03.7	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.8	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.9	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.10	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
B4-07-03	B4-07-03.11	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-07-03.12	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01M	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
	B4-07-03.13	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.14	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.15	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.16	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.17	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B02	100,0	74,4	74,9	74,9	71,5		295,7	74,4	74,4	4
	B4-07-03.18	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.19	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01M	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.20	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.A01	100,0	74,4	76,2	76,5	75,5		302,6	76,2	76,2	4
	B4-07-03.21	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.B01M	100,0	74,4	75,0	75,0	71,6		296,0	74,4	74,4	4
	B4-07-03.22	Đất nhà ở liên kế	CH25.LK01D.BL20	CH25.LK01D.H01	150,0	71,3	72,0	72,0	68,7		284,0	71,3	47,5	4
B4-07-	B4-07-04.1	Đất nhà ở liên kế	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.H01M	150,0	72,6	74,4	74,4	74,4		295,8	74,4	49,6	4

04	B4-07-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01M	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01M	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01M	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01	100,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,4	4
	B4-07-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01M	100,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,4	4
	B4-07-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.H01	150,3	72,6	74,4	74,4	74,4		295,8	74,4	49,5	4
	B4-07-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.H01M	150,3	72,6	74,4	74,4	74,4		295,8	74,4	49,5	4
	B4-07-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01	100,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,4	4
	B4-07-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01M	100,1	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,4	4
	B4-07-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.15	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01M	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.16	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.17	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01M	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.18	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.A01	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.19	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.B01M	100,0	75,7	77,5	77,5	77,5		308,2	77,5	77,5	4
	B4-07-04.20	Đất nhà ở liền kề	CH42.LK01E.BL18	CH42.LK01E.H01	150,0	72,6	74,4	74,4	74,4		295,8	74,4	49,6	4
B4-07-05	B4-07-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.H01M	225,3	75,1	76,8	80,1	74,9		306,9	75,1	33,3	4
	B4-07-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.A01	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.B01M	100,0	78,2	83,5	80,0	80,0		321,7	80,0	80,0	4
	B4-07-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.A01M	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.C01	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.C01M	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.A01	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.B01	100,1	78,2	83,5	80,0	80,0		321,7	80,0	79,9	4
	B4-07-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.A01M	100,1	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,1	4
	B4-07-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL20	CH29.LK01F.H02	150,4	86,3	88,0	91,3	86,1		351,7	86,3	57,4	4

	B4-07-05.11	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.H01M	150,4	75,1	76,8	80,1	74,9		306,9	75,1	49,9	4
	B4-07-05.12	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.A01	100,2	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,0	4
	B4-07-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.B01M	100,1	78,2	83,5	80,0	80,0		321,7	80,0	79,9	4
	B4-07-05.14	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.A01M	100,1	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,1	4
	B4-07-05.15	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.C01	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.16	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.C01M	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.17	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.A01	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.18	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.B01	100,0	78,2	83,5	80,0	80,0		321,7	80,0	80,0	4
	B4-07-05.19	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.A01M	100,0	78,2	80,0	83,5	80,0		321,7	78,2	78,2	4
	B4-07-05.20	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01F.BL21	CH29.LK01F.H01	175,1	75,1	76,8	80,1	74,9		306,9	75,1	42,9	4
B4-07-06	B4-07-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.H02	236,5	116,4	119,8	120,4	113,0		469,6	119,3	50,4	4
	B4-07-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.B01	100,1	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,7	4
	B4-07-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.B01	100,0	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,8	4
	B4-07-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.B01M	100,1	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,7	4
	B4-07-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL01	CH28.LK01P.H01	150,2	74,7	76,9	77,2	72,5		301,3	76,4	50,9	4
	B4-07-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.H01M	150,2	74,7	76,9	77,2	72,5		301,3	76,4	50,9	4
	B4-07-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.B01	100,1	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,7	4
	B4-07-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.B01	100,0	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,8	4
	B4-07-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-07-06.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.B01M	100,1	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,7	4
	B4-07-06.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL02	CH28.LK01P.H03	178,9	77,8	80,1	80,4	75,5		313,8	79,6	44,5	4
B4-07-	B4-07-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.H02	221,0	96,0	93,5	90,2	84,8		364,5	96,0	43,4	4

07	B4-07-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.B02M	100,1	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	79,9	4
	B4-07-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.B01	100,0	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.A01M	100,0	80,0	80,0	80,0	71,4		311,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.A02	100,0	80,0	80,0	80,0	71,4		311,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.A01	100,0	80,0	80,0	80,0	71,4		311,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.B01M	100,0	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.B02	100,1	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	79,9	4
	B4-07-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL2	CH26.LK01B.H01	150,2	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	53,3	4
	B4-07-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.H03	150,2	76,8	75,4	72,2	67,8		292,2	76,8	51,1	4
	B4-07-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.B02M	100,1	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	79,9	4
	B4-07-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.B01	100,0	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.A01M	100,0	80,0	80,0	80,0	71,4		311,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.A02	100,0	80,0	80,0	80,0	71,4		311,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.15	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.A01	100,0	80,0	80,0	80,0	71,4		311,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.16	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.B01M	100,0	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	80,0	4
	B4-07-07.17	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.B02	100,1	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	79,9	4
	B4-07-07.18	Đất nhà ở liền kề	CH26.LK01B.BL3	CH26.LK01B.H01	173,7	80,0	78,5	75,2	70,7		304,4	80,0	46,1	4
B4-07-08	B4-07-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.H03	209,3	90,6	92,4	90,6	81,2		354,8	93,0	44,4	4
	B4-07-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01M	100,0	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,5	4
	B4-07-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01	100,0	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,5	4
	B4-07-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01M	100,0	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,5	4
	B4-07-08.5	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01	100,0	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,5	4
	B4-07-08.6	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01M	100,1	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,4	4
	B4-07-08.7	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01	100,1	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,4	4
	B4-07-08.8	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01M	100,1	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	77,3	4
	B4-07-08.9	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.A01	100,2	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5	55,2	4
	B4-07-08.10	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL9	CH56.LK01D.H02	140,4	75,6	77,1	75,3	67,4		295,4	77,5	58,7	4
	B4-07-08.11	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.H02M	132,0	75,6	77,1	75,3	67,4		295,4	77,5	77,3	4
	B4-07-08.12	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01M	100,3	75,6	77,1	75,5	67,4		295,6	77,5		

	B4-07-08.13	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01	100.2	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.3	4
	B4-07-08.14	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01M	100.2	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.3	4
	B4-07-08.15	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01	100.1	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.4	4
	B4-07-08.16	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01M	100.1	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.4	4
	B4-07-08.17	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.B01	100.0	75.6	76.6	76.6	69.0		297.8	77.5	77.5	4
	B4-07-08.18	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01	100.0	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.5	4
	B4-07-08.19	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01M	100.0	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.5	4
	B4-07-08.20	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.A01	100.0	75.6	77.1	75.5	67.4		295.6	77.5	77.5	4
	B4-07-08.21	Đất nhà ở liền kề	CH56.LK01D.BL8	CH56.LK01D.H01	169.8	72.6	74.0	72.4	64.8		283.8	74.4	43.8	4
	B4-08-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.H02	140.1	71.3	73.5	73.9	69.2		287.9	73.1	52.2	4
	B4-08-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.B01M	100.1	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.2	4
	B4-08-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-08-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.B01	100.1	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.2	4
B4-08-01	B4-08-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL01	CH28.LK01K.H03	150.2	74.3	76.6	76.9	72.0		299.8	76.1	50.7	4
	B4-08-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.H01M	150.2	71.3	73.5	73.9	69.2		287.9	73.1	48.7	4
	B4-08-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.A01	100.1	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.0	4
	B4-08-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-08-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.A01	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.B01	100.0	74.3	75.1	75.1	71.7		296.2	74.3	74.3	4
	B4-08-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.A01M	100.0	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.1	4
	B4-08-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.A02	100.1	74.3	76.1	76.4	71.5		298.3	76.1	76.0	4
	B4-08-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.B02	100.1	74.3	74.8	74.8	71.7		295.6	74.3	74.2	4
	B4-08-01.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01K.BL03	CH28.LK01K.G01	148.6	82.8	81.1	81.4	72.7		318.0	84.5	56.9	4
B4-08-	B4-08-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.H04	215.9	105.6	108.7	109.2	102.5		426.0	108.2	50.1	4

02	B4-08-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.B01	100,0	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,8	4
	B4-08-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-08-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-08-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.B01	100,0	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,8	4
	B4-08-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-08-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.A01	100,1	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,5	4
	B4-08-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.B01M	100,1	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,7	4
	B4-08-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL03	CH28.LK01P.H01	150,3	74,7	76,9	77,2	72,5		301,3	76,4	50,8	4
	B4-08-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.H01M	150,3	74,7	76,9	77,2	72,5		301,3	76,4	50,8	4
	B4-08-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.B01	100,1	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,7	4
	B4-08-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.A01M	100,1	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,5	4
	B4-08-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-08-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.B01	100,0	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,8	4
	B4-08-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.A01M	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-08-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.A01	100,0	77,8	79,6	79,9	75,0		312,3	79,6	79,6	4
	B4-08-02.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.B01M	100,0	77,8	78,6	78,6	75,2		310,2	77,8	77,8	4
	B4-08-02.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01P.BL04	CH28.LK01P.H01	171,9	74,7	76,9	77,2	72,5		301,3	76,4	44,4	4
B4-08-03	B4-08-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.H02	227,6	92,2	92,2	92,2	88,5		365,1	92,2	40,5	4
	B4-08-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B01	100,0	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,4	4
	B4-08-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B02	100,0	79,4	80,1	80,1	76,7		316,3	79,4	79,4	4
	B4-08-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B01M	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.H01	150,3	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	50,6	4
	B4-08-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.H01M	150,3	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	50,6	4
	B4-08-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B01	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4

	B4-08-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B02	100,0	79,4	80,1	80,1	76,7		316,3	79,4	79,4	4
	B4-08-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-03.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B01M	100,0	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,4	4
	B4-08-03.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.H01	175,9	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	43,3	4
B4-08-04	B4-08-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.H02	232,9	92,2	92,2	92,2	88,5		365,1	92,2	39,6	4
	B4-08-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B01	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01M	100,1	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,0	4
	B4-08-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B02	100,0	79,4	80,1	80,1	76,7		316,3	79,4	79,4	4
	B4-08-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B01M	100,0	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,4	4
	B4-08-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.H01	150,2	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	50,7	4
	B4-08-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.H01M	150,2	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	50,7	4
	B4-08-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B01	100,0	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,4	4
	B4-08-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B02	100,0	79,4	80,1	80,1	76,7		316,3	79,4	79,4	4
	B4-08-04.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-04.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01	100,1	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,0	4
	B4-08-04.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B01M	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-04.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.H01	177,6	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	42,8	4
B4-08-05	B4-08-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.H02	232,1	92,2	92,2	92,2	88,5		365,1	92,2	39,7	4
	B4-08-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B01	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01M	100,1	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,0	4
	B4-08-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B02	100,0	79,4	80,1	80,1	76,7		316,3	79,4	79,4	4

	B4-08-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.B01M	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL26	CH25.LK01L.H01	150,2	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	50,7	4
	B4-08-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.H01M	150,2	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	50,7	4
	B4-08-05.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B01	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-05.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-05.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B02	100,0	79,4	80,1	80,1	76,7		316,3	79,4	79,4	4
	B4-08-05.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01M	100,0	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,1	4
	B4-08-05.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.A01	100,1	79,4	81,1	81,5	80,5		322,5	81,1	81,0	4
	B4-08-05.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.B01M	100,1	79,4	80,0	80,0	76,6		316,0	79,4	79,3	4
	B4-08-05.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01L.BL27	CH25.LK01L.H01	177,3	76,1	76,8	76,8	73,4		303,1	76,1	42,9	4
B4-08-06	B4-08-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.H05M	237,3	95,4	95,7	95,7	91,4		378,2	97,8	41,2	4
	B4-08-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.B08	100,1	79,7	80,1	80,1	73,9		313,8	81,5	81,4	4
	B4-08-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.A08M	100,1	79,7	84,7	81,5	74,4		320,3	81,5	81,4	4
	B4-08-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.F08	100,0	79,7	84,7	81,5	74,5		320,4	81,5	81,5	4
	B4-08-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.C08	100,0	79,7	80,2	80,2	73,9		314,0	81,5	81,5	4
	B4-08-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.A08M	100,0	79,7	84,7	81,5	74,4		320,3	81,5	81,5	4
	B4-08-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.A08	100,0	79,7	84,7	81,5	74,4		320,3	81,5	81,5	4
	B4-08-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.B08M	100,1	79,7	80,1	80,1	73,9		313,8	81,5	81,4	4
	B4-08-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL11	CH24.LK01F.H06	150,1	76,4	76,9	76,9	73,5		303,7	78,2	52,1	4
	B4-08-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.H06M	150,1	76,4	76,9	76,9	73,5		303,7	78,2	52,1	4
	B4-08-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.B08	100,1	79,7	80,1	80,1	73,9		313,8	81,5	81,4	4
	B4-08-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.A08M	100,0	79,7	84,7	81,5	74,4		320,3	81,5	81,5	4
	B4-08-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.F08	100,0	79,7	84,7	81,5	74,5		320,4	81,5	81,5	4
	B4-08-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.C08	100,0	79,7	80,2	80,2	73,9		314,0	81,5	81,5	4
	B4-08-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.A08M	100,0	79,7	84,7	81,5	74,4		320,3	81,5	81,5	4
	B4-08-06.16	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.A08	100,1	79,7	84,7	81,5	74,4		320,3	81,5	81,4	4

	B4-08-06.17	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.B08M	100.1	79.7	80.1	80.1	73.9		313.8	81.5	81.4	4
	B4-08-06.18	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01F.BL10	CH24.LK01F.H06	179.1	76.4	76.9	76.9	73.5		303.7	78.2	43.7	4
B4-08-07	B4-08-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.H06	174.9	82.5	82.5	80.5	80.5		326.0	82.5	47.2	4
	B4-08-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.A03	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.A03M	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.A03	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.A03M	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.A03	99.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.8	4
	B4-08-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.A03M	96.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	78.1	4
	B4-08-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.B01	91.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	82.4	4
	B4-08-07.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.C01M	84.8	69.1	69.1	67.5	67.5		273.2	69.1	81.5	4
	B4-08-07.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL4	CH34.LK01C.H05	115.5	67.8	67.8	65.8	65.8		267.2	67.8	58.7	4
	B4-08-07.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.H05M	119.0	67.8	67.8	65.8	65.8		267.2	67.8	57.0	4
	B4-08-07.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.C01	95.4	69.1	69.1	67.5	67.5		273.2	69.1	72.4	4
	B4-08-07.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.B01M	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.A03	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.15	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.A03M	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.16	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.A03	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.17	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.A03M	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.18	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.A03	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.19	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.A03M	100.0	75.0	75.0	73.4	73.4		296.8	75.0	75.0	4
	B4-08-07.20	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01C.BL5	CH34.LK01C.H07	158.3	72.0	72.0	70.4	70.4		284.8	72.0	45.5	4
B4-11-01	B4-11-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.G04	166.8	119.9	119.9	119.9	119.9		479.6	119.9	71.9	4
	B4-11-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04M	105.0	93.0	93.0	89.8	89.8		365.6	93.0	88.6	4
	B4-11-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04	105.0	93.0	93.0	89.8	89.8		365.6	93.0	88.6	4
	B4-11-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04M	105.0	93.0	93.0	89.8	89.8		365.6	93.0	88.6	4
	B4-11-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04	105.0	93.0	93.0	89.8	89.8		365.6	93.0	88.6	4
	B4-11-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04M	105.0	93.0	93.0	89.8	89.8		365.6	93.0	88.6	4
	B4-11-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04	105.0	93.0	93.0	89.8	89.8		365.6	93.0	88.6	4

	B4-11-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.A04M	105,0	93,0	93,0	89,8	89,8		365,6	93,0	88,6	4
	B4-11-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01H.BL7	CH34.LK01H.H08M	157,5	89,3	89,3	86,3	86,3		351,2	89,3	56,7	4
B4-11-02	B4-11-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.H08	157,5	85,7	86,8	86,8	82,7		342,0	89,3	56,7	4
	B4-11-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.A10M	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-11-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.A10	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-11-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.C10	105,0	89,5	90,3	90,3	86,1		356,2	93,0	88,6	4
	B4-11-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.A10M	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-11-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.A10	105,0	89,5	99,3	93,0	87,0		368,8	93,0	88,6	4
	B4-11-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01L.BL3	CH24.LK01L.H08M	157,6	85,7	86,8	86,8	82,7		342,0	89,3	56,7	4
B4-18-01	B4-18-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01E.BL6	CH21.LK01E.G04	124,7	96,0	101,1	101,1	101,1		399,3	101,1	81,1	4
	B4-18-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01E.BL6	CH21.LK01E.A06M	75,0	62,5	63,8	63,8	63,8		253,9	63,8	85,1	4
	B4-18-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01E.BL6	CH21.LK01E.A06	75,0	62,5	63,8	63,8	63,8		253,9	63,8	85,1	4
	B4-18-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH21.LK01E.BL6	CH21.LK01E.H06	136,7	65,8	67,3	67,3	67,3		267,7	67,3	49,2	4
B4-18-02	B4-18-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.G03	108,9	64,1	65,1	67,9	59,3		256,4	65,1	59,8	4
	B4-18-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.B02	75,0	62,0	63,3	58,0	56,7		240,0	63,3	84,4	4
	B4-18-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.B02M	75,0	62,0	63,3	58,0	56,7		240,0	63,3	84,4	4
	B4-18-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.C01	75,0	62,0	63,3	58,5	60,6		244,4	63,3	84,4	4
	B4-18-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.B02	75,0	62,0	63,3	58,0	56,7		240,0	63,3	84,4	4
	B4-18-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.B02M	75,0	62,0	63,3	58,0	56,7		240,0	63,3	84,4	4
	B4-18-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH19.LK01B.BL6	CH19.LK01B.G02	157,1	120,0	121,1	123,9	112,9		477,9	121,1	77,1	4
B4-18-03	B4-18-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.G03	114,9	84,3	72,0	75,8	67,5		299,6	85,1	74,1	4
	B4-18-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.A01	62,5	51,4	50,6	50,6	46,7		199,3	51,4	82,2	4
	B4-18-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.A01M	62,5	51,4	50,6	50,6	46,7		199,3	51,4	82,2	4
	B4-18-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.A01	62,5	51,4	50,6	50,6	46,7		199,3	51,4	82,2	4
	B4-18-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.A01M	62,5	51,4	50,6	50,6	46,7		199,3	51,4	82,2	4
	B4-18-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.A01	62,5	51,4	50,6	50,6	46,7		199,3	51,4	82,2	4
	B4-18-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL5	CH20.LK01E.G02	124,1	95,8	84,1	88,0	77,8		345,7	96,7	77,9	4
	B4-18-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.G01M	80,3	61,3	52,5	56,1	46,7		216,6	62,1	77,3	4
	B4-18-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01	62,5	51,4	50,6	50,6	46,7		199,3	51,4	82,2	4

	B4-18-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01M	62.5	51.4	50.6	50.6	46.7		199.3	51.4	82.2	4
	B4-18-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01	62.5	51.4	50.6	50.6	46.7		199.3	51.4	82.2	4
	B4-18-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01M	62.5	51.4	50.6	50.6	46.7		199.3	51.4	82.2	4
	B4-18-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01	62.5	51.4	50.6	50.6	46.7		199.3	51.4	82.2	4
	B4-18-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01M	62.5	51.4	50.6	50.6	46.7		199.3	51.4	82.2	4
	B4-18-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.A01	62.5	51.4	50.6	50.6	46.7		199.3	51.4	82.2	4
	B4-18-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH20.LK01E.BL6	CH20.LK01E.G01	80.4	61.3	52.5	56.1	46.7		216.6	62.1	77.2	4
B4-18-04	B4-18-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.G03	142.2	109.1	113.4	113.4	109.4		445.3	113.4	79.7	4
	B4-18-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.A01	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.B01M	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.B01	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.A02	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.B01M	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.B01	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.A01M	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL28	CH25.LK01B.G02	118.2	91.1	95.4	95.4	91.7		373.6	95.4	80.7	4
	B4-18-04.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.G03	137.7	109.1	113.4	113.4	109.4		445.3	113.4	82.4	4
	B4-18-04.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.A01	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-04.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.B01M	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.B01	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.A02	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-04.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.B01M	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.B01	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-04.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.A01M	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-04.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL29	CH25.LK01B.G04	127.3	98.9	103.2	103.2	99.4		404.7	103.2	81.1	4
B4-18-05	B4-18-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.G05	101.8	79.6	83.9	83.9	80.4		327.8	83.9	82.4	4
	B4-18-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01	75.0	62.9	64.6	65.0	64.0		256.5	64.6	86.1	4
	B4-18-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01M	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4
	B4-18-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01	75.0	62.9	63.5	63.5	60.1		250.0	62.9	83.9	4

	B4-18-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.G06	93,3	70,9	75,1	75,1	71,8		292,9	75,1	80,5	4
	B4-18-05.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.G05	105,3	79,6	83,9	83,9	80,4		327,8	83,9	79,7	4
	B4-18-05.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-05.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-05.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-05.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-05.19	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-05.20	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL30	CH25.LK01B.G06	93,7	70,9	75,1	75,1	71,8		292,9	75,1	80,1	4
B4-18-05	B4-18-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.G07M	104,5	82,4	86,6	86,6	83,1		338,7	86,6	82,9	4
	B4-18-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL31	CH25.LK01B.G07	104,1	82,4	86,6	86,6	83,1		338,7	86,6	83,3	4
	B4-18-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.G07M	108,6	82,4	86,6	86,6	83,1		338,7	86,6	79,7	4
	B4-18-06.12	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.13	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4

	B4-18-06.14	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.15	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.16	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.A01	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.17	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.B01M	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.18	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.B01	75,0	62,9	63,5	63,5	60,1		250,0	62,9	83,9	4
	B4-18-06.19	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.A01M	75,0	62,9	64,6	65,0	64,0		256,5	64,6	86,1	4
	B4-18-06.20	Đất nhà ở liền kề	CH25.LK01B.BL32	CH25.LK01B.G08	100,6	79,8	84,0	84,0	80,6		328,4	84,0	83,5	4
B4-30-01	B4-30-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.G32	114,5	85,7	87,5	88,1	76,8		338,1	88,9	77,6	4
	B4-30-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B4-30-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B4-30-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B4-30-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-30-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-30-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B4-30-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.C01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B4-30-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.B02	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B4-30-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL34	CH28.LK01H.G31	115,3	89,8	89,2	89,7	80,2		348,9	92,2	80,0	4
	B4-30-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.G34	110,2	84,7	84,6	85,1	75,2		329,6	87,2	79,1	4
	B4-30-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.B02M	75,0	62,8	63,3	63,3	60,2		249,6	62,8	83,7	4
	B4-30-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B4-30-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B4-30-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-30-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.A01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-30-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.B01	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B4-30-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-30-01.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.A02	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-30-01.20	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL35	CH28.LK01H.G33	133,8	103,2	104,5	104,8	93,0		405,5	105,3	78,7	4
B4-30-02	B4-30-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01B.BL01	CH28.LK01B.G02	109,7	78,3	77,9	78,3	69,2		303,7	80,5	73,4	4
	B4-30-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01B.BL01	CH28.LK01B.B01	76,2	56,8	56,9	56,9	54,2		224,8	56,8	74,5	4

	B4-30-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01B.BL01	CH28.LK01B.B01M	78,4	56,8	56,9	56,9	54,2		224,8	56,8	72,4	4
	B4-30-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01B.BL01	CH28.LK01B.G01	112,0	69,9	68,4	68,7	61,1		268,1	71,8	64,1	4
B4-30-03	B4-30-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.G01.2MT	161,4	113,7	115,7	116,5	98,7		444,6	118,1	73,2	4
	B4-30-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.B02.2MT	103,2	87,5	88,5	88,5	82,4		346,9	87,5	84,8	4
	B4-30-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.C01.2MT	106,8	87,5	91,1	91,8	82,1		352,5	91,2	85,4	4
	B4-30-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.B01.2MT	110,5	87,5	89,3	89,3	82,4		348,5	87,5	79,2	4
	B4-30-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.C02.2MT	114,1	87,7	91,2	91,9	82,3		353,1	91,4	80,1	4
	B4-30-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.B03.2MT	117,8	97,0	98,4	98,4	91,9		385,7	97,0	82,3	4
	B4-30-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01V.BL01	CH28.LK01V.H01.2MT	183,5	93,2	97,1	97,8	88,4		376,5	96,7	52,7	4
B4-31-01	B4-31-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL1	CH14.LK01A.G01M	233,7	138,4	138,4	138,4	138,4	116,2	669,8	138,4	59,2	5
	B4-31-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL1	CH14.LK01A.A02	125,2	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,8	5
	B4-31-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL1	CH14.LK01A.A01	125,2	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,8	5
	B4-31-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL1	CH14.LK01A.A01M	125,2	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,8	5
	B4-31-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL1	CH14.LK01A.H01	202,7	102,9	102,9	102,9	102,9	89,5	501,1	102,9	50,8	5
B4-31-02	B4-31-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.H01M	202,7	102,9	102,9	102,9	102,9	89,5	501,1	102,9	50,8	5
	B4-31-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,1	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01	125,1	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.H01	202,5	102,9	102,9	102,9	102,9	89,5	501,1	102,9	50,8	5
B4-31-03	B4-31-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.H01M	202,5	102,9	102,9	102,9	102,9	89,5	501,1	102,9	50,8	5
	B4-31-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5
	B4-31-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125,0	104,9	104,9	104,9	104,9	91,2	510,8	104,9	83,9	5

	B4-31-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01	125.0	104.9	104.9	104.9	104.9	91.2	510.8	104.9	83.9	5
	B4-31-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.A01M	125.1	104.9	104.9	104.9	104.9	91.2	510.8	104.9	83.9	5
	B4-31-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL2	CH14.LK01A.H01	202.7	102.9	102.9	102.9	102.9	89.5	501.1	102.9	50.8	5
B4-31-04	B4-31-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL3	CH14.LK01A.H01M	202.7	102.9	102.9	102.9	102.9	89.5	501.1	102.9	50.8	5
	B4-31-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL3	CH14.LK01A.A01	125.1	104.9	104.9	104.9	104.9	91.2	510.8	104.9	83.9	5
	B4-31-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL3	CH14.LK01A.A01M	125.2	104.9	104.9	104.9	104.9	91.2	510.8	104.9	83.8	5
	B4-31-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL3	CH14.LK01A.A01	125.2	104.9	104.9	104.9	104.9	91.2	510.8	104.9	83.8	5
	B4-31-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL3	CH14.LK01A.A02	125.2	104.9	104.9	104.9	104.9	91.2	510.8	104.9	83.8	5
	B4-31-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH14.LK01A.BL3	CH14.LK01A.G01	235.9	138.2	138.2	138.2	138.2	116.0	668.8	138.2	58.6	5
B4-33-01	B4-33-01.1	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.G01	121.0	89.7	85.8	83.0	78.6		337.1	91.5	75.6	4
	B4-33-01.2	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.Q02	69.0	57.2	57.5	57.5	51.4		223.6	59.0	85.5	4
	B4-33-01.3	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.P02	71.6	59.9	64.8	61.6	54.5		240.8	61.7	86.2	4
	B4-33-01.4	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.N02	74.3	62.5	67.4	64.3	57.2		251.4	64.3	86.5	4
	B4-33-01.5	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.L02	77.0	65.2	65.5	65.5	59.3		255.5	67.0	87.0	4
	B4-33-01.6	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.K02	79.6	67.9	68.2	68.2	62.0		266.3	69.6	87.4	4
	B4-33-01.7	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.F02	82.3	70.5	75.4	72.3	65.1		283.3	72.3	87.8	4
	B4-33-01.8	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.A02	84.9	73.2	78.0	74.9	67.8		293.9	74.9	88.2	4
	B4-33-01.9	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.B02	87.6	74.5	74.8	74.8	68.7		292.8	76.3	87.1	4
	B4-33-01.10	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL14	CH24.LK01B.G02	109.2	87.9	86.3	83.4	79.0		336.6	91.4	83.7	4
	B4-33-01.11	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.G03	84.5	65.6	63.6	60.6	56.5		246.3	67.4	79.8	4
	B4-33-01.12	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.B03	70.0	58.2	58.6	58.6	52.4		227.8	60.0	85.7	4
	B4-33-01.13	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.A03M	70.0	58.2	63.2	60.0	52.9		234.3	60.0	85.7	4
	B4-33-01.14	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.A03	70.0	58.2	63.2	60.0	52.9		234.3	60.0	85.7	4
	B4-33-01.15	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.B03M	70.0	58.2	58.6	58.6	52.4		227.8	60.0	85.7	4
	B4-33-01.16	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.E03	70.0	58.2	58.5	58.5	52.6		227.8	60.0	85.7	4
	B4-33-01.17	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.B03	70.0	58.2	58.6	58.6	52.4		227.8	60.0	85.7	4
	B4-33-01.18	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.A03M	70.0	58.2	63.2	60.0	52.9		234.3	60.0	85.7	4
	B4-33-01.19	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.A03	70.0	58.2	63.2	60.0	52.9		234.3	60.0	85.7	4
	B4-33-01.20	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.B03M	70.0	58.2	58.6	58.6	52.4		227.8	60.0	85.7	4

	B4-33-01.21	Đất nhà ở liền kề	CH24.LK01B.BL16	CH24.LK01B.G03M	81,7	65,6	63,6	60,6	56,5		246,3	67,4	82,5	4
B4-33-02	B4-33-02.1	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.G15	94,8	69,2	69,2	69,2	69,2		276,8	69,2	73,0	4
	B4-33-02.2	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.3	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.4	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.5	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.6	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.E02	75,0	62,5	62,5	62,5	62,5		250,0	62,5	83,3	4
	B4-33-02.7	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.8	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.9	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.10	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.11	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL17	CH34.LK01B.G14	88,2	65,4	65,4	65,4	65,4		261,6	65,4	74,1	4
	B4-33-02.12	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.G17	83,6	61,0	61,0	61,0	61,0		244,0	61,0	73,0	4
	B4-33-02.13	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.14	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.15	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.16	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.17	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.E02	75,0	62,5	62,5	62,5	62,5		250,0	62,5	83,3	4
	B4-33-02.18	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.19	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.20	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.21	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.A06M	75,0	62,5	62,5	60,9	60,9		246,8	62,5	83,3	4
	B4-33-02.22	Đất nhà ở liền kề	CH34.LK01B.BL18	CH34.LK01B.G16	102,3	77,4	77,4	77,4	77,4		309,6	77,4	75,7	4
B4-33-03	B4-33-03.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.G36	92,6	67,6	70,0	70,0	58,7		266,3	70,2	75,8	4
	B4-33-03.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.B03	75,0	62,8	63,4	63,4	60,2		249,8	62,8	83,7	4
	B4-33-03.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.C01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,1		252,4	64,6	86,1	4
	B4-33-03.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.B01M	75,0	62,8	63,6	63,6	60,2		250,2	62,8	83,7	4
	B4-33-03.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.A01M	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4
	B4-33-03.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.E01	75,0	62,8	64,6	64,9	60,0		252,3	64,6	86,1	4

	B4-33-03.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B4-33-03.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-03.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.C01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B4-33-03.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.B02	75.0	62.8	63.3	63.3	60.2		249.6	62.8	83.7	4
	B4-33-03.11	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL36	CH28.LK01H.G35	100.9	76.8	76.3	76.7	67.6		297.4	79.0	78.3	4
	B4-33-03.12	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.G38	88.8	65.0	67.2	67.2	56.2		255.6	67.6	76.1	4
	B4-33-03.13	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.B03	75.0	62.8	63.4	63.4	60.2		249.8	62.8	83.7	4
	B4-33-03.14	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.C01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B4-33-03.15	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.B01M	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-03.16	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B4-33-03.17	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.E01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B4-33-03.18	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.A01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B4-33-03.19	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-03.20	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.C01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B4-33-03.21	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.B02	75.0	62.8	63.3	63.3	60.2		249.6	62.8	83.7	4
	B4-33-03.22	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL37	CH28.LK01H.G37	110.0	83.7	82.5	82.9	74.2		323.3	85.7	77.9	4
B4-33-04	B4-33-04.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL02	CH28.LK01H.G02	153.8	112.5	114.4	114.9	102.1		443.9	112.5	73.1	4
	B4-33-04.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL02	CH28.LK01H.C01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B4-33-04.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL02	CH28.LK01H.B01M	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-04.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL02	CH28.LK01H.H02	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
	B4-33-04.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL04	CH28.LK01H.H02M	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
	B4-33-04.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL04	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-04.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL04	CH28.LK01H.C01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B4-33-04.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL04	CH28.LK01H.B02	75.0	62.8	63.3	63.3	60.2		249.6	62.8	83.7	4
	B4-33-04.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL04	CH28.LK01H.G04	106.0	76.0	76.4	77.0	66.6		296.0	79.9	75.4	4
B4-33-05	B4-33-05.1	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL06	CH28.LK01H.H02M	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
	B4-33-05.2	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL06	CH28.LK01H.B01	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-05.3	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL06	CH28.LK01H.A01M	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4
	B4-33-05.4	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL06	CH28.LK01H.A02	75.0	62.8	64.6	64.9	60.0		252.3	64.6	86.1	4

	B4-33-05.5	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL06	CH28.LK01H.G06	132.3	100.6	101.6	102.0	90.5		394.7	102.5	77.5	4
	B4-33-05.6	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL05	CH28.LK01H.G05	112.5	83.2	83.5	84.0	73.8		324.5	85.9	76.4	4
	B4-33-05.7	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL05	CH28.LK01H.B02M	75.0	62.8	63.3	63.3	60.2		249.6	62.8	83.7	4
	B4-33-05.8	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL05	CH28.LK01H.C01	75.0	62.8	64.6	64.9	60.1		252.4	64.6	86.1	4
	B4-33-05.9	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL05	CH28.LK01H.B01M	75.0	62.8	63.6	63.6	60.2		250.2	62.8	83.7	4
	B4-33-05.10	Đất nhà ở liền kề	CH28.LK01H.BL05	CH28.LK01H.H02	112.5	60.3	62.5	62.8	58.1		243.7	62.0	55.1	4
B4-33-06	B4-33-06.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01A.BL06	CH29.LK01A.G01	152.6	118.5	120.3	125.8	120.3		484.9	118.5	77.7	4
	B4-33-06.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01A.BL06	CH29.LK01A.A01	74.0	60.2	62.0	65.5	62.0		249.7	60.2	81.4	4
	B4-33-06.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01A.BL06	CH29.LK01A.B01	75.2	60.2	65.5	62.0	62.0		249.7	62.0	82.4	4
	B4-33-06.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01A.BL06	CH29.LK01A.A01M	76.4	60.2	62.0	65.5	62.0		249.7	60.2	78.8	4
	B4-33-06.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01A.BL06	CH29.LK01A.H01	117.0	57.8	59.5	62.8	57.7		237.8	57.8	49.4	4
	B4-33-06.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL09	CH29.LK01B.H01M	112.5	60.7	62.4	65.7	60.5		249.3	60.7	54.0	4
	B4-33-06.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL09	CH29.LK01B.A01	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-06.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL09	CH29.LK01B.B01	75.0	63.2	68.5	65.0	65.0		261.7	65.0	86.7	4
	B4-33-06.9	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL09	CH29.LK01B.A01M	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-06.10	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL09	CH29.LK01B.A01	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-06.11	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL09	CH29.LK01B.G08	102.3	80.4	82.2	87.7	82.2		332.5	80.4	78.6	4
B4-33-07	B4-33-07.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01C.BL05	CH29.LK01C.H01M	119.8	65.0	66.7	70.0	64.9		266.6	65.0	54.3	4
	B4-33-07.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01C.BL05	CH29.LK01C.A01	81.4	67.7	69.5	73.0	69.5		279.7	67.7	83.2	4
	B4-33-07.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01C.BL05	CH29.LK01C.B01M	82.6	67.7	73.0	69.5	69.5		279.7	69.5	84.1	4
	B4-33-07.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01C.BL05	CH29.LK01C.G01	162.2	121.2	123.0	128.5	123.0		495.7	121.2	74.7	4
	B4-33-07.5	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL02	CH29.LK01B.G02	125.0	99.3	101.1	106.6	101.1		408.1	99.3	79.4	4
	B4-33-07.6	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL02	CH29.LK01B.B01	75.0	63.2	68.5	65.0	65.0		261.7	65.0	86.7	4
	B4-33-07.7	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL02	CH29.LK01B.A01M	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-07.8	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL02	CH29.LK01B.H01	112.5	60.7	62.4	65.7	60.5		249.3	60.7	54.0	4
B4-33-08	B4-33-08.1	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.G10	125.5	104.2	106.0	113.1	106.0		429.3	104.2	83.0	4
	B4-33-08.2	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.A01	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-08.3	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.B01M	75.0	63.2	68.5	65.0	65.0		261.7	65.0	86.7	4
	B4-33-08.4	Đất nhà ở liền kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.A01M	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4

	B4-33-08.5	Đất nhà ở liên kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.A01	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-08.6	Đất nhà ở liên kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.B01	75.0	63.2	68.5	65.0	65.0		261.7	65.0	86.7	4
	B4-33-08.7	Đất nhà ở liên kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.A01M	75.0	63.2	65.0	68.5	65.0		261.7	63.2	84.3	4
	B4-33-08.8	Đất nhà ở liên kề	CH29.LK01B.BL15	CH29.LK01B.H05	131.8	64.6	66.3	69.6	64.4		264.9	64.6	49.0	4
B4-33-09	B4-33-09.1	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.G03	161.4	120.6	124.1	124.1	124.1		492.9	124.1	76.9	4
	B4-33-09.2	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.B02	100.0	85.2	87.0	87.0	87.0		346.2	87.0	87.0	4
	B4-33-09.3	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.A02M	100.0	85.2	87.0	87.0	87.0		346.2	87.0	87.0	4
	B4-33-09.4	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.A01	100.0	86.7	88.5	88.5	88.5		352.2	88.5	88.5	4
	B4-33-09.5	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.B01M	100.0	86.7	88.5	88.5	88.5		352.2	88.5	88.5	4
	B4-33-09.6	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.B01	100.0	86.7	88.5	88.5	88.5		352.2	88.5	88.5	4
	B4-33-09.7	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.A01M	100.0	86.7	88.5	88.5	88.5		352.2	88.5	88.5	4
	B4-33-09.8	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.A01	100.0	86.7	88.5	88.5	88.5		352.2	88.5	88.5	4
	B4-33-09.9	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.B01M	100.0	86.7	88.5	88.5	88.5		352.2	88.5	88.5	4
	B4-33-09.10	Đất nhà ở liên kề	CH42.LK01K.BL19	CH42.LK01K.G02	160.0	121.9	125.2	125.2	125.2		497.5	125.2	78.3	4
B.11	**Đất nhà ở biệt thự**													
B3-17-09	B3-17-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL10	CH26.DL10	333.7	131.7	136.1	128.6			396.4	131.7	39.50	3
B3-17-10	B3-17-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL06.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL06.SL04M	CH34.SL06	186.1	91.5	97.1	93.9			282.5	91.5	49.20	3
	B3-17-10.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL08	CH34.SL08	217.4	114.9	120.9	117.2			353.0	114.9	52.90	3
	B3-17-10.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL08	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3

	B3-17-10.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.19	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.20	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-17-10.21	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.22	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.23	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL45.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-17-10.24	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL45.SL03M	CH26.SL45	321.0	153.8	153.4	144.7			451.9	153.8	47.90	3
B3-18-01	B3-18-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLG01	CH34.DLG01	282.2	116.8	123.0	119.8			359.6	116.8	41.40	3
	B3-18-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL50.SL02M	CH26.SL02M	180.0	94.9	94.5	84.0			273.4	94.9	52.70	3
	B3-18-02.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL50.SL02M	CH26.SL50	181.3	79.8	79.4	74.4			233.6	79.8	44.00	3
	B3-18-02.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL49	CH26.SL49	264.0	133.8	133.4	124.7			381.9	133.8	50.70	3
	B3-18-02.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL49	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	180.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	54.60	3
	B3-18-02.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
B3-18-02	B3-18-02.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3

	B3-18-02.19	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL09.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.3			296.3	96.1	53.40	3
	B3-18-02.20	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL09.SL04M	CH34.SL09	270.5	144.4	150.7	146.0			441.1	144.4	53.40	3
B3-18-03	B3-18-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL43M	CH28.DLL43M	362.1	145.0	162.1	140.8			447.9	145	40.00	3
	B3-18-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL19	CH28.DLL19	316.9	125.8	139.9	122.1			387.8	125.8	39.70	3
B3-18-04	B3-18-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05M	180.0	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	54.70	3
	B3-18-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05	180.0	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	54.70	3
	B3-18-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05M	180.0	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	54.70	3
	B3-18-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05	180.0	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	54.70	3
	B3-18-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05M	180.0	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	54.70	3
	B3-18-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05	180.0	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	54.70	3
	B3-18-04.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	180.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	51.10	3
	B3-18-04.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	180.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	51.10	3
	B3-18-04.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	180.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	51.10	3
	B3-18-04.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	180.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	51.10	3
	B3-18-04.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	180.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	51.10	3
	B3-18-04.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	180.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	51.10	3
B3-18-05	B3-18-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL43	CH28.DLL43	349.5	145.0	162.1	140.8			447.9	145	41.50	3
	B3-18-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL19M	CH28.DLL19M	304.9	125.8	139.9	122.1			387.8	125.8	41.30	3
B3-18-06	B3-18-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL32	CH28.SL32	244.3	117.2	132.6	115.9			363.7	117.2	48.00	3
	B3-18-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL32	CH28.SL02	176.6	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	46.50	3
	B3-18-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05M	184.2	98.2	108.9	95.5			302.6	98.2	53.30	3
	B3-18-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05	191.8	98.2	108.9	95.5			302.6	98.2	51.20	3
	B3-18-06.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	199.5	110.1	120.8	107.4			338.3	110.1	55.20	3
	B3-18-06.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	207.1	110.1	120.8	107.4			338.3	110.1	53.20	3
	B3-18-06.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	171.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	53.70	3
	B3-18-06.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	171.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	53.70	3
	B3-18-06.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	171.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	53.70	3
	B3-18-06.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	171.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	53.70	3
	B3-18-06.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL16.SL03M	CH29.SL03M	171.0	91.9	97.6	95.1			284.6	91.9	53.70	3

	B3-18-06.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL16.SL03M	CH29.SLL16	206.7	97.7	102.6	99.7			300.0	97.7	47.30	3
B3-18-07	B3-18-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL53	CH42.DLL53	308.1	128.3	140.3	128.2			396.8	128.3	41.60	3
	B3-18-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL16	CH42.DL16	290.3	137.6	147.6	138.8			424.0	137.6	47.40	3
	B3-18-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL06	CH42.DLL06	272.1	111.0	123.0	110.9			344.9	111	40.80	3
B3-19-03	B3-19-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL07M	CH34.SL07M	215.9	113.2	118.8	114.7			346.7	113.2	52.40	3
	B3-19-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL07M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL07.SL04M	CH34.SL04M	180.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	53.40	3
	B3-19-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL07.SL04M	CH34.SL07	219.0	113.2	118.8	114.7			346.7	113.2	51.70	3
B3-19-04	B3-19-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLG04	CH34.DLG04	320.7	152.7	161.2	155.7			469.6	152.7	47.60	3
	B3-19-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLG02	CH34.DLG02	307.8	140.8	148.7	143.8			433.3	140.8	45.70	3
B3-19-05	B3-19-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL02M	CH25.SL02M	201.4	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	44.40	3
	B3-19-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL02M	CH25.SL05	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05M	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05M	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05M	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05M	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3
	B3-19-05.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL13.SL05M	CH25.SL05M	180.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	53.60	3

	B3-19-05.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL13.SL05M	CH25.SLL13	239,4	115,8	124,9	113,1			353,8	115,8	48,40	3
B3-19-06	B3-19-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL33	CH25.DLL33	319,5	141,4	151,0	141,3			433,7	141,4	44,30	3
	B3-19-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL34	CH25.DLL34	295,7	126,1	135,1	123,3			384,5	126,1	42,60	3
	B3-20.1	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SLL02	CH31.SLL02	211,0	114,8	114,5	111,2			340,5	114,8	54,40	3
	B3-20.2	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SLL02	CH31.SL01	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
	B3-20.3	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SL01M	CH31.SL01M	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
	B3-20.4	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SL01M	CH31.SL01	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
B3-20	B3-20.5	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SL01.SL01M	CH30.SL01M	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-20.6	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SL01.SL01M	CH30.SL01	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-20.7	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SL01.SL01M	CH30.SL01M	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-20.8	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SL01.SL01M	CH30.SL01	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-20.9	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SLL02.SL01M	CH30.SL01M	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-20.10	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SLL02.SL01M	CH30.SLL02	179,1	77,8	77,9	77,9			233,6	77,8	43,40	3
	B3-21.1	Đất nhà ở biệt thự	CH31SL01.SLL02	CH31.SLL02	234,4	114,8	114,5	111,2			340,5	114,8	49,00	3
	B3-21.2	Đất nhà ở biệt thự	CH31SL01.SLL02	CH31.SL01	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
	B3-21.3	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SL01M	CH31.SL01M	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
	B3-21.4	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SL01M	CH31.SL01	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
B3-21	B3-21.5	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SL01M	CH31.SL01M	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
	B3-21.6	Đất nhà ở biệt thự	CH31.SL01.SL01M	CH31.SL01	180,0	90,2	89,8	86,9			266,9	90,2	50,10	3
	B3-21.7	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SL01.SL01M	CH30.SL01M	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-21.8	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SL01.SL01M	CH30.SL01	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-21.9	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SLL01.SL01M	CH30.SL01M	180,0	89,5	89,6	89,6			268,7	89,5	49,70	3
	B3-21.10	Đất nhà ở biệt thự	CH30.SLL01.SL01M	CH30.SLL01	232,4	107,0	111,4	111,3			329,7	107	46,00	3
	B3-22-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLL05	CH26.DLL05	294,9	121,6	128,4	121,4			371,4	121,6	41,20	3
B3-22-01	B3-22-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL11	CH26.DL11	285,0	134,2	137,9	130,3			402,4	134,2	47,10	3
	B3-22-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL11M	CH26.DL11M	285,0	134,2	137,9	130,3			402,4	134,2	47,10	3
	B3-22-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLL06	CH26.DLL06	307,0	138,2	145,0	137,8			421,0	138,2	45,00	3
B3-22-02	B3-22-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL48.SL48M	CH26.SL48M	171,0	84,9	84,5	75,3			244,7	84,9	49,60	3
	B3-22-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL48.SL48M	CH26.SL48	171,0	84,9	84,5	75,3			244,7	84,9	49,60	3

B3-22-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01M	171.0	83.8	89.6	82.1			255.5	83.8	49.00	3
B3-22-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01	171.0	83.8	89.6	82.1			255.5	83.8	49.00	3
B3-22-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01M	171.0	83.8	89.6	82.1			255.5	83.8	49.00	3
B3-22-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01	171.0	83.8	89.6	82.1			255.5	83.8	49.00	3
B3-22-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01M	171.0	84.2	90.1	86.3			260.6	84.2	49.20	3
B3-22-02.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01	171.0	84.2	90.1	86.3			260.6	84.2	49.20	3
B3-22-02.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01M	171.0	84.2	90.1	86.3			260.6	84.2	49.20	3
B3-22-02.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01	171.0	84.2	90.1	86.3			260.6	84.2	49.20	3
B3-22-02.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01M	171.0	84.2	90.1	86.3			260.6	84.2	49.20	3
B3-22-02.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01	171.0	84.2	90.1	86.3			260.6	84.2	49.20	3
B3-22-02.13	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3
B3-22-02.14	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3
B3-22-02.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3
B3-22-02.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3
B3-22-02.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3
B3-22-02.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3
B3-22-02.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02M	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02M	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.23	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02M	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.24	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02	167.5	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	48.60	3
B3-22-02.25	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02M	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.26	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.27	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02M	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.28	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.29	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02M	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.30	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL02.SL02M	CH29.SL02	171.0	81.4	87.1	84.6			253.1	81.4	47.60	3
B3-22-02.31	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	171.0	82.1	92.8	79.6			254.5	82.1	48.00	3

	B3-22-02.32	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	171,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	48,00	3
	B3-22-02.33	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	171,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	48,00	3
	B3-22-02.34	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	171,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	48,00	3
	B3-22-02.35	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	171,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	48,00	3
	B3-22-02.36	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	171,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	48,00	3
	B3-22-02.37	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01M	171,0	84,2	90,1	86,3			260,6	84,2	49,20	3
	B3-22-02.38	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01	171,0	84,2	90,1	86,3			260,6	84,2	49,20	3
	B3-22-02.39	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01M	171,0	84,2	90,1	86,3			260,6	84,2	49,20	3
	B3-22-02.40	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01	171,0	84,2	90,1	86,3			260,6	84,2	49,20	3
	B3-22-02.41	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01M	171,0	84,2	90,1	86,3			260,6	84,2	49,20	3
	B3-22-02.42	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL01.SL01M	CH34.SL01	171,0	84,2	90,1	86,3			260,6	84,2	49,20	3
	B3-22-02.43	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01M	171,0	83,8	89,6	82,1			255,5	83,8	49,00	3
	B3-22-02.44	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01	171,0	83,8	89,6	82,1			255,5	83,8	49,00	3
	B3-22-02.45	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01M	171,0	83,8	89,6	82,1			255,5	83,8	49,00	3
	B3-22-02.46	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL01.SL01M	CH25.SL01	171,0	83,8	89,6	82,1			255,5	83,8	49,00	3
	B3-22-02.47	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL48.SL48M	CH26.SL48M	171,0	84,9	84,5	75,3			244,7	84,9	49,60	3
	B3-22-02.48	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL48.SL48M	CH26.SL48	171,0	84,9	84,5	75,3			244,7	84,9	49,60	3
B3-22-03	B3-22-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL03	CH42.DL03	256,5	114,8	126,6	115,7			357,1	114,8	44,80	3
	B3-22-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT04	CH42.DLT04	346,5	153,0	166,6	153,0			472,6	153	44,20	3
B3-23-01	B3-23-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG05	CH26.DLG05	390,5	178,8	183,2	176,1			538,1	178,8	45,80	3
B3-23-02	B3-23-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05	254,2	123,0	122,6	112,6			358,2	123	48,40	3
	B3-23-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05M	254,2	123,0	122,6	112,6			358,2	123	48,40	3
	B3-23-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05	254,1	123,0	122,6	112,6			358,2	123	48,40	3
	B3-23-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05M	254,1	123,0	122,6	112,6			358,2	123	48,40	3
	B3-23-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	254,6	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	45,70	3
	B3-23-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	216,0	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	53,80	3
	B3-23-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	216,0	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	53,80	3
	B3-23-02.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	216,0	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	53,80	3
	B3-23-02.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14	216,0	107,6	113,5	109,7			330,8	107,6	49,80	3

	B3-23-02.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14M	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14M	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14M	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14M	216.0	107.6	113.5	109.7			330.8	107.6	49.80	3
	B3-23-02.17	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SL09M	CH25.SL09	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.18	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SL09M	CH25.SL09M	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.19	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SL09M	CH25.SL09	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.20	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SL09M	CH25.SL09M	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.21	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SL09M	CH25.SL09	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.22	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SL09M	CH25.SL09M	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SLL03	CH25.SL09	216.0	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	51.10	3
	B3-23-02.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL09.SLL03	CH25.SLL03	228.0	96.7	102.6	94.8			294.1	96.7	42.40	3
B4-03-07	B4-03-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL40	CH29.DLL40	395.7	181.5	190.3	184.9			556.7	181.5	45.90	3
	B4-03-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT15	CH29.DLT15	499.0	218.5	225.8	220.2			664.5	218.5	43.80	3
	B4-03-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT14	CH29.DLT14	474.1	202.5	209.7	204.6			616.8	202.5	42.70	3
	B4-03-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT14	CH29.DLT14	482.6	202.5	209.7	204.6			616.8	202.5	42.00	3
	B4-03-07.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL08	CH29.DLL08	321.7	144.7	151.9	148.9			445.5	144.7	45.00	3
B4-03-08	B4-03-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	280.7	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	52.90	3
	B4-03-08.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	273.9	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.30	3
	B4-03-08.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	274.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.20	3
	B4-03-08.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	274.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.20	3
	B4-03-08.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	274.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.20	3
	B4-03-08.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	274.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.20	3
	B4-03-08.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	274.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.20	3
	B4-03-08.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	274.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	54.20	3
	B4-03-08.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	274.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	53.80	3

	B4-03-08.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	282.6	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	52.20	3
	B4-03-08.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-03-08.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-03-08.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-03-08.14	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270.3	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
B4-03-09	B4-03-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL19	CH42.DL19	456.0	214.7	224.7	214.4			653.8	214.7	47.10	3
B4-03-10	B4-03-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG08	CH26.DLG08	434.0	198.8	203.3	192.0			594.1	198.8	45.80	3
	B4-03-11.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL28.SL17M	CH26.SL17M	286.1	143.6	143.1	132.7			419.4	143.6	50.20	3
	B4-03-11.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL28.SL17M	CH26.SL28	283.6	158.6	158.1	147.7			464.4	158.6	55.90	3
	B4-03-11.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL20.SL20M	CH26.SL20M	283.5	154.6	154.1	142.2			450.9	154.6	54.50	3
	B4-03-11.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL20.SL20M	CH26.SL20	283.5	154.6	154.1	142.2			450.9	154.6	54.50	3
	B4-03-11.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL20.SL20M	CH26.SL20M	283.5	154.6	154.1	142.2			450.9	154.6	54.50	3
	B4-03-11.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL20.SL20M	CH26.SL20	283.5	154.6	154.1	142.2			450.9	154.6	54.50	3
	B4-03-11.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL20.SL20M	CH26.SL20M	283.5	154.6	154.1	142.2			450.9	154.6	54.50	3
	B4-03-11.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL20.SL20M	CH26.SL20	283.5	154.6	154.1	142.2			450.9	154.6	54.50	3
	B4-03-11.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	243.4	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	52.90	3
	B4-03-11.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	235.4	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	54.70	3
B4-03-11	B4-03-11.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-03-11.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-03-11.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-03-11.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-03-11.15	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12M	250.4	126.5	132.3	124.7			383.5	126.5	50.50	3
	B4-03-11.16	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12	234.0	126.5	132.3	124.7			383.5	126.5	54.10	3
	B4-03-11.17	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12M	234.0	126.5	132.3	124.7			383.5	126.5	54.10	3
	B4-03-11.18	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12	234.0	126.5	132.3	124.7			383.5	126.5	54.10	3
	B4-03-11.19	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06M	234.0	130.0	129.6	119.6			379.2	130	55.60	3
	B4-03-11.20	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06	234.0	130.0	129.6	119.6			379.2	130	55.60	3
	B4-03-11.21	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05M	234.1	123.0	122.6	112.6			358.2	123	52.50	3
	B4-03-11.22	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05	227.0	123.0	122.6	112.6			358.2	123	54.20	3

B4-03-12	B4-03-12.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL07	CH34.DL07	347,2	167,1	174,9	170,0			512,0	167,1	48,10	3
	B4-03-12.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT09	CH34.DLT09	542,4	253,3	262,1	242,5			757,9	253,3	46,70	3
	B4-03-12.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT08	CH34.DLT08	473,4	233,9	242,7	228,2			704,8	233,9	49,40	3
	B4-03-12.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT08	CH34.DLT08	470,7	233,9	242,7	228,2			704,8	233,9	49,70	3
	B4-03-12.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL08	CH34.DL08	384,0	182,0	190,2	184,9			557,1	182	47,40	3
B4-03-13	B4-03-13.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL25	CH42.DLL25	428,5	185,8	199,1	186,1			571,0	185,8	43,40	3
B4-03-14	B4-03-14.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	255,2	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	57,80	3
	B4-03-14.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	273,6	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	53,90	3
	B4-03-14.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	273,6	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	53,90	3
	B4-03-14.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	273,6	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	53,90	3
	B4-03-14.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18M	273,6	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	51,90	3
	B4-03-14.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18	273,6	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	51,90	3
	B4-03-14.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18M	273,6	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	51,90	3
	B4-03-14.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18	273,6	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	51,90	3
	B4-03-14.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	279,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	53,00	3
	B4-03-14.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-03-14.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-03-14.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-03-14.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	274,2	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,00	3
	B4-03-14.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	281,8	148,0	153,9	153,1			455,0	148	52,50	3
	B4-03-14.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL24.SLL21M	CH28.SLL21M	291,1	131,0	140,4	128,6			400,0	131	45,00	3
	B4-03-14.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL24.SLL21M	CH28.SL24	283,5	155,5	167,8	152,4			475,7	155,5	54,90	3
	B4-03-14.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL24.SL24M	CH28.SL24M	283,5	155,5	167,8	152,4			475,7	155,5	54,90	3
	B4-03-14.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL24.SL24M	CH28.SL24	283,5	155,5	167,8	152,4			475,7	155,5	54,90	3
	B4-03-14.19	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL24.SL24M	CH42.SL24M	283,5	157,7	164,5	158,6			480,8	157,7	55,60	3
	B4-03-14.20	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL24.SL24M	CH42.SL24	283,5	157,7	164,5	158,6			480,8	157,7	55,60	3
	B4-03-14.21	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL24.SL24M	CH42.SL24M	283,5	157,7	164,5	158,6			480,8	157,7	55,60	3
	B4-03-14.22	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL24.SL24M	CH42.SL24	283,5	157,7	164,5	158,6			480,8	157,7	55,60	3
	B4-03-14.23	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	241,8	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	52,20	3

	B4-03-14.24	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	235,1	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	53,70	3
	B4-03-14.25	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-03-14.26	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-03-14.27	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-03-14.28	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	245,3	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	51,50	3
	B4-03-14.29	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-03-14.30	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-03-14.31	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-03-14.32	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	239,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	53,40	3
	B4-03-14.33	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-03-14.34	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
B4-03-15	B4-03-15.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL08	CH42.DLL08	318,4	140,7	151,6	140,5			432,8	140,7	44,20	3
	B4-03-15.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT16	CH42.DLT16	459,5	206,9	222,6	206,4			635,9	206,9	45,00	3
	B4-03-15.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT17	CH42.DLT17	446,6	205,5	221,2	205,0			631,7	205,5	46,00	3
	B4-03-15.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT16	CH42.DLT16	489,3	206,9	222,6	206,4			635,9	206,9	42,30	3
	B4-03-15.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL51	CH42.DLL51	448,9	195,4	213,6	196,2			605,2	195,4	43,50	3
B4-03-16	B4-03-16.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL11.SL11M	CH28.SL11M	214,0	113,6	124,3	110,9			348,8	113,6	53,10	3
	B4-03-16.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL11.SL11M	CH28.SL11	251,5	113,6	124,3	110,9			348,8	113,6	45,20	3
	B4-03-16.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	273,2	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	55,70	3
	B4-03-16.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	273,2	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	55,70	3
	B4-03-16.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	279,7	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	54,40	3
	B4-03-16.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	270,0	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	56,30	3
	B4-03-16.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	270,0	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	56,30	3
	B4-03-16.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	279,7	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	54,40	3
	B4-03-16.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19M	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-03-16.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-03-16.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19M	282,1	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	53,30	3
	B4-03-16.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-03-16.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270,0	146,3	152,1	149,6			445,0	146,3	54,20	3

	B4-03-16.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	270.0	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	54.20	3
	B4-03-16.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270.0	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	54.20	3
	B4-03-16.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	300.6	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	48.70	3
B4-04-03	B4-04-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	254.6	116.3	115.9	107.1			339.3	116.3	45.70	3
	B4-04-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	234.0	116.3	115.9	107.1			339.3	116.3	49.70	3
	B4-04-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06M	234.0	130.0	129.6	119.6			379.2	130	55.60	3
	B4-04-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06	234.0	130.0	129.6	119.6			379.2	130	55.60	3
	B4-04-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06M	234.1	130.0	129.6	119.6			379.2	130	55.50	3
	B4-04-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06	244.5	130.0	129.6	119.6			379.2	130	53.20	3
	B4-04-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-04-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-04-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	234.0	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	55.00	3
	B4-04-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	243.2	128.7	134.6	130.8			394.1	128.7	52.90	3
	B4-04-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL13.SL13M	CH25.SL13M	234.0	131.4	137.2	129.6			398.2	131.4	56.20	3
	B4-04-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL13.SL13M	CH25.SL13	234.0	131.4	137.2	129.6			398.2	131.4	56.20	3
	B4-04-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL09M	CH25.SL09M	221.4	110.4	116.2	108.6			335.2	110.4	49.90	3
	B4-04-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL09M	CH25.SL05	198.6	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	49.00	3
B4-04-04	B4-04-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT06	CH26.DLT06	490.9	212.1	220.1	203.3			635.5	212.1	43.20	3
	B4-04-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT07	CH26.DLT07	566.5	256.9	264.1	243.1			764.1	256.9	45.30	3
	B4-04-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL04M	CH26.DL04M	505.6	221.8	221.9	207.4			651.1	221.8	43.90	3
	B4-04-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL05M	CH26.DL05M	358.6	167.0	171.5	164.4			502.9	167	46.60	3
B4-04-05	B4-04-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL14M	CH25.SL14M	255.2	133.5	139.3	131.7			404.5	133.5	52.30	3
	B4-04-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL14M	CH25.SL20	270.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	54.40	3
	B4-04-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	273.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	53.80	3
	B4-04-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	273.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	53.80	3
	B4-04-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	277.5	148.0	153.9	153.1			455.0	148	53.30	3
	B4-04-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3
	B4-04-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3
	B4-04-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3

	B4-04-05.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	269.9	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-04-05.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.5	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.60	3
	B4-04-05.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL21	CH29.SLL21	326.2	152.6	159.0	155.4			467.0	152.6	46.80	3
	B4-04-05.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL21	CH29.SL14	243.0	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	53.50	3
	B4-04-05.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL24.SL14M	CH29.SL14M	243.0	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	53.50	3
	B4-04-05.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL24.SL14M	CH29.SL24	283.5	158.6	165.1	161.0			484.7	158.6	55.90	3
	B4-04-05.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL24.SL24M	CH29.SL24M	283.5	158.6	165.1	161.0			484.7	158.6	55.90	3
	B4-04-05.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL24.SL24M	CH29.SL24	283.5	158.6	165.1	161.0			484.7	158.6	55.90	3
	B4-04-05.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SLL21M	CH28.SLL21M	282.1	131.0	140.4	128.6			400.0	131	46.40	3
	B4-04-05.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SLL21M	CH28.SL14	235.7	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	54.10	3
	B4-04-05.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL21.SL14M	CH28.SL14M	228.4	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	55.90	3
	B4-04-05.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL21.SL14M	CH28.SLL21	254.1	131.0	140.4	128.6			400.0	131	51.60	3
	B4-04-05.21	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL20.SL20M	CH42.SL20M	268.9	154.5	160.5	154.8			469.8	154.5	57.50	3
	B4-04-05.22	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL20.SL20M	CH42.SL20	269.0	154.5	160.5	154.8			469.8	154.5	57.40	3
	B4-04-05.23	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL20.SL20M	CH42.SL20M	269.0	154.5	160.5	154.8			469.8	154.5	57.40	3
	B4-04-05.24	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL20.SL20M	CH42.SL20	269.0	154.5	160.5	154.8			469.8	154.5	57.40	3
	B4-04-05.25	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL20.SL20M	CH42.SL20M	269.0	154.5	160.5	154.8			469.8	154.5	57.40	3
	B4-04-05.26	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL20.SL20M	CH42.SL20	269.0	154.5	160.5	154.8			469.8	154.5	57.40	3
	B4-04-05.27	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL10.SL07M	CH42.SL07M	244.3	104.8	110.8	104.7			320.3	104.8	42.90	3
	B4-04-05.28	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL10.SL07M	CH42.SLL10	193.9	97.7	103.8	97.7			299.2	97.7	50.40	3
B4-04-06	B4-04-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL15	CH28.DL15	292.2	106.6	119.5	103.1			329.2	106.6	36.50	3
	B4-04-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT16	CH28.DLT16	532.8	192.0	210.6	187.6			590.2	192	36.00	3
	B4-04-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT05	CH28.DLT05	368.1	143.4	160.7	139.5			443.6	143.4	39.00	3
	B4-04-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT17	CH28.DLT17	590.5	254.2	277.5	248.9			780.6	254.2	43.00	3
B4-09-01	B4-09-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL26	CH42.DLL26	438.6	204.8	213.8	203.6			622.2	204.8	46.70	3
	B4-09-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL23	CH42.DLL23	349.6	157.5	167.7	157.3			482.5	157.5	45.10	3
B4-09-02	B4-09-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	297.0	158.0	164.0	158.3			480.3	158	53.20	3
	B4-09-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	297.0	158.0	164.0	158.3			480.3	158	53.20	3
	B4-09-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	315.0	158.0	164.0	158.3			480.3	158	50.20	3

B4-09-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	324,7	158,0	164,0	158,3			480,3	158	48,70	3
B4-09-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	324,7	158,0	164,0	158,3			480,3	158	48,70	3
B4-09-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	324,7	158,0	164,0	158,3			480,3	158	48,70	3
B4-09-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	324,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	48,60	3
B4-09-02.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	359,0	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	44,00	3
B4-09-02.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	297,2	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	53,10	3
B4-09-02.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	297,2	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	52,40	3
B4-09-02.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	297,2	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	52,40	3
B4-09-02.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	297,1	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	52,40	3
B4-09-02.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	388,7	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	40,00	3
B4-09-02.21	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	297,9	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	52,20	3
B4-09-02.22	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	297,1	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	52,40	3
B4-09-02.23	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	402,9	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	38,60	3
B4-09-02.24	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	298,5	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	52,10	3
B4-09-02.25	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	297,4	148,0	153,9	153,1			455,0	148	49,80	3
B4-09-02.26	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	297,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	49,80	3
B4-09-02.27	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL35	CH34.SL25	297,5	148,0	153,9	153,1			455,0	148	49,70	3
B4-09-02.28	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL35	CH34.SL35	436,0	217,9	226,3	221,6			665,8	217,9	50,00	3
B4-09-02.29	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	297,9	148,0	153,9	153,1			455,0	148	49,70	3
B4-09-02.30	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	297,1	148,0	153,9	153,1			455,0	148	49,80	3
B4-09-02.31	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL23.SL25M	CH25.SL23	297,2	160,1	165,9	158,3			484,3	160,1	53,90	3
B4-09-02.32	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL23.SL25M	CH25.SL25M	341,9	171,1	176,6	169,1			516,8	171,1	50,00	3

	B4-09-02.33	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL23.SLL08M	CH25.SL23	343,7	160,1	165,9	158,3			484,3	160,1	46,60	3
	B4-09-02.34	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL23.SLL08M	CH25.SLL08M	383,4	197,9	203,9	194,9			596,7	197,9	51,60	3
	B4-09-02.35	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL08.SLL08M	CH25.SLL08	383,4	197,9	203,9	194,9			596,7	197,9	51,60	3
	B4-09-02.36	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL08.SLL08M	CH25.SLL08M	383,4	197,9	203,9	194,9			596,7	197,9	51,60	3
	B4-09-02.37	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	383,4	190,0	189,4	177,6			557,0	190	49,60	3
	B4-09-02.38	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	383,4	190,0	189,4	177,6			557,0	190	49,60	3
	B4-09-02.39	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	383,4	190,0	189,4	177,6			557,0	190	49,60	3
	B4-09-02.40	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	424,7	190,0	189,4	177,6			557,0	190	44,70	3
	B4-09-02.41	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL47.SL33	CH26.SL33	362,6	190,0	189,4	177,6			557,0	190	52,40	3
	B4-09-02.42	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL47.SL33	CH26.SL47	353,3	182,9	182,3	170,7			535,9	182,9	51,80	3
B4-10-01	B4-10-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL23.SL34	CH26.SL34	416,4	196,0	195,6	183,8			575,4	196	47,10	3
	B4-10-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL23.SL34	CH26.SL23	313,5	177,0	176,6	164,7			518,3	177	56,50	3
	B4-10-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL23.SL23M	CH26.SL23M	313,5	177,0	176,6	164,7			518,3	177	56,50	3
	B4-10-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL23.SL23M	CH26.SL23	313,5	177,0	176,6	164,7			518,3	177	56,50	3
	B4-10-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL22.SL22M	CH26.SL22M	313,5	173,3	172,8	161,0			507,1	173,3	55,30	3
	B4-10-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL22.SL22M	CH26.SL22	295,1	173,3	172,8	161,0			507,1	173,3	58,70	3
B4-10-02	B4-10-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL17	CH25.DL17	355,7	165,4	176,0	163,6			505,0	165,4	46,50	3
	B4-10-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT05	CH25.DLT05	490,4	219,2	228,9	229,8			677,9	219,2	44,70	3
	B4-10-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT05	CH25.DLT05	473,0	219,2	228,9	229,8			677,9	219,2	46,30	3
	B4-10-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT20	CH25.DLT20	441,8	207,8	217,6	223,9			649,3	207,8	47,00	3
	B4-10-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL19	CH25.DLL19	507,0	250,1	263,1	243,6			756,8	250,1	49,30	3
	B4-10-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL18	CH25.DL18	361,2	167,2	177,8	165,4			510,4	167,2	46,30	3
B4-10-03	B4-10-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL17.SL17M	CH25.SL17M	255,8	138,4	147,8	140,0			426,2	138,4	54,10	3
	B4-10-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL17.SL17M	CH25.SL17	258,1	138,4	147,8	140,0			426,2	138,4	53,60	3
	B4-10-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL21	CH29.SLL21	347,0	152,6	159,0	155,4			467,0	152,6	44,00	3
	B4-10-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL21	CH29.SL14	249,0	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	52,20	3
	B4-10-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	239,0	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	54,40	3
	B4-10-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	230,2	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	56,50	3
	B4-10-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	227,6	130,0	136,0	130,3			396,3	130	57,10	3

	B4-10-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	230.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	56.50	3
	B4-10-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	266.9	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.70	3
	B4-10-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	229.3	130.0	136.0	130.3			396.3	130	56.70	3
	B4-10-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL05.SL06M	CH42.SL06M	219.7	102.0	108.0	103.5			313.5	102	46.40	3
	B4-10-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL05.SL06M	CH42.SLL05	222.5	89.1	95.0	90.5			274.6	89.1	40.00	3
	B4-10-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	267.3	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	55.60	3
	B4-10-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	269.2	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	55.20	3
	B4-10-03.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	55.00	3
	B4-10-03.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	55.00	3
	B4-10-03.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	55.00	3
	B4-10-03.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270.0	148.6	159.3	145.9			453.8	148.6	55.00	3
	B4-10-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL12	CH29.DLL12	325.1	123.5	131.4	129.6			384.5	123.5	38.00	3
	B4-10-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL22	CH29.DL22	314.8	143.8	153.3	147.0			444.1	143.8	45.70	3
	B4-10-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT05	CH29.DLT05	398.6	166.4	173.7	168.1			508.2	166.4	41.70	3
	B4-10-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT15	CH29.DLT15	507.3	218.5	225.8	220.2			664.5	218.5	43.10	3
B4-10-04	B4-10-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT07	CH29.DLT07	452.8	215.8	222.9	217.8			656.5	215.8	47.70	3
	B4-10-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL06	CH29.DL06	283.5	125.1	132.3	129.8			387.2	125.1	44.10	3
	B4-10-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06M	189.0	99.6	110.3	96.9			306.8	99.6	52.70	3
	B4-10-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06	189.0	99.6	110.3	96.9			306.8	99.6	52.70	3
	B4-10-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06M	189.0	99.6	110.3	96.9			306.8	99.6	52.70	3
	B4-10-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06	189.0	99.6	110.3	96.9			306.8	99.6	52.70	3
	B4-10-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06M	189.7	99.6	110.3	96.9			306.8	99.6	52.50	3
B4-10-05	B4-10-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06	193.9	99.6	110.3	96.9			306.8	99.6	51.40	3
	B4-10-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL28.SL24	CH26.SL24	332.9	151.0	150.6	140.2			441.8	151	45.40	3
	B4-10-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL28.SL24	CH26.SL28	293.2	158.6	158.1	147.7			464.4	158.6	54.10	3
	B4-10-05.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08M	231.6	133.8	133.3	124.7			391.8	133.8	57.80	3
	B4-10-05.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08	230.0	133.8	133.3	124.7			391.8	133.8	58.20	3
	B4-10-05.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL28.SL08M	Ch26.SL08M	231.4	133.8	133.3	124.7			391.8	133.8	57.80	3
	B4-10-05.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL28.SL08M	CH26.SL28	284.9	158.6	158.1	147.7			464.4	158.6	55.70	3

B4-10-06	B4-10-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL07	CH26.DL07	338.0	156.3	160.8	153.2			470.3	156.3	46.20	3
	B4-10-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG01	CH26.DLG01	318.0	133.6	137.6	124.6			395.8	133.6	42.00	3
B4-10-07	B4-10-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19M	268.2	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.40	3
	B4-10-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19	269.9	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-10-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19M	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-10-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-10-07.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19M	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-10-07.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
B4-10-08	B4-10-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL03	CH34.DL03	405.0	199.1	206.5	202.0			607.6	199.1	49.20	3
	B4-10-08.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL06	CH34.DL06	352.3	176.3	184.2	179.3			539.8	176.3	48.70	3
	B4-10-08.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL02	CH34.DL02	302.3	141.7	149.9	144.7			436.3	141.7	46.90	3
	B4-10-08.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT01	CH34.DLT01	381.8	173.7	182.5	170.4			526.6	173.7	45.50	3
	B4-10-08.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT05	CH34.DLT05	505.3	235.7	244.5	227.7			707.9	235.7	46.60	3
	B4-10-08.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT10	CH34.DLT10	619.3	265.4	274.2	254.1			793.7	265.4	42.90	3
	B4-10-08.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL01	CH34.DL01	283.5	136.2	144.2	139.1			419.5	136.2	48.00	3
B4-10-09	B4-10-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13M	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-10-09.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-10-09.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL12.SL12M	CH34.SL12M	189.0	100.8	106.7	102.9			310.4	100.8	53.30	3
	B4-10-09.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL12.SL12M	CH34.SL12	189.0	100.8	106.7	102.9			310.4	100.8	53.30	3
	B4-10-09.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06M	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-10-09.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-10-09.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06M	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-10-09.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-10-09.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SLL02	CH42.SLL02	412.6	193.8	201.0	194.9			589.7	193.8	47.00	3
	B4-10-09.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SLL02	CH42.SL22	344.1	165.0	171.0	165.3			501.3	165	48.00	3
	B4-10-09.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL23.SL23M	CH42.SL23M	287.9	154.2	160.5	154.7			469.4	154.2	53.60	3
	B4-10-09.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL23.SL23M	CH42.SL23	280.4	154.2	160.5	154.7			469.4	154.2	55.00	3
	B4-10-09.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL23.SL23M	CH42.SL23M	289.3	154.2	160.5	154.7			469.4	154.2	53.30	3
	B4-10-09.14	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL23.SL23M	CH42.SL23	283.7	154.2	160.5	154.7			469.4	154.2	54.40	3

	B4-10-09.15	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL25.SL41	CH42.SL41	369,7	176,4	187,0	176,0			539,4	176,4	47,70	3
	B4-10-09.16	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL25.SL41	CH42.SLL25	307,7	152,0	160,8	152,4			465,2	152	49,40	3
	B4-10-09.17	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19M	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-10-09.18	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-10-09.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19M	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-10-09.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19	270,0	150,4	156,1	153,6			460,1	150,4	55,70	3
	B4-10-09.21	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-10-09.22	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-10-09.23	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16M	270,0	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	49,90	3
	B4-10-09.24	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16	242,7	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	55,50	3
B4-10-10	B4-10-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL42	CH42.DLL42	327,1	138,7	154,7	139,4			432,8	138,7	42,40	3
	B4-10-10.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT05	CH42.DLT05	399,8	152,1	168,1	152,5			472,7	152,1	38,00	3
	B4-10-10.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT11	CH42.DLT11	569,2	209,2	225,1	208,6			642,9	209,2	36,80	3
	B4-10-10.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT11	CH42.DLT11	568,9	209,2	225,1	208,6			642,9	209,2	36,80	3
B4-10-11	B4-10-11.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	189,0	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	54,20	3
	B4-10-11.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	189,0	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	54,20	3
	B4-10-11.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	189,0	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	54,20	3
	B4-10-11.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	189,0	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	54,20	3
	B4-10-11.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	189,0	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	54,20	3
	B4-10-11.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	189,0	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	54,20	3
	B4-10-11.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07M	189,0	104,6	110,3	107,8			322,7	104,6	55,30	3
	B4-10-11.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07	189,0	104,6	110,3	107,8			322,7	104,6	55,30	3
	B4-10-11.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL04.SL07M	CH29.SL07M	189,0	104,6	110,3	107,8			322,7	104,6	55,30	3
	B4-10-11.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL04.SL07M	CH29.SLL04	293,3	131,6	138,6	133,7			403,9	131,6	44,90	3
B4-11-03	B4-11-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT18	CH28.DLT18	492,2	214,6	237,7	209,8			662,1	214,6	43,60	3
	B4-11-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT04	CH28.DLT04	355,0	157,7	178,6	153,1			489,4	157,7	44,40	3
	B4-11-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT06	CH28.DLT06	450,6	168,3	186,6	164,4			519,3	168,3	37,40	3
	B4-11-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL43M	CH28.DLL43M	364,2	145,0	162,1	140,8			447,9	145	39,80	3
B4-11-04	B4-11-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL07	CH28.DLL07	404,5	165,9	179,3	157,7			502,9	165,9	41,00	3

B4-11-05	B4-11-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL11.SL11M	CH42.SL11	334,6	116,0	122,0	115,9			353,9	116	49,40	3
	B4-11-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL11.SL11M	CH42.SL11	274,8	116,0	122,0	115,9			353,9	116	42,20	3
	B4-11-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22M	279,8	165,0	171,0	165,3			501,3	165	59,00	3
	B4-11-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22	284,7	165,0	171,0	165,3			501,3	165	58,00	3
	B4-11-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15M	244,0	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	53,70	3
	B4-11-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15	237,2	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	55,30	3
	B4-11-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL34.SL34M	CH28.SL34M	297,0	174,1	187,5	170,8			532,4	174,1	58,60	3
	B4-11-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL34.SL34M	CH28.SL34	295,9	174,1	187,5	170,8			532,4	174,1	58,80	3
	B4-11-05.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL24M	CH29.SL24M	310,9	158,6	165,1	161,0			484,7	158,6	51,00	3
	B4-11-05.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL24M	CH29.SL14	234,4	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	55,50	3
	B4-11-05.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL09.SL14M	CH29.SL14M	235,2	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	55,30	3
	B4-11-05.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL09.SL14M	CH29.SLL09	253,1	121,7	127,3	124,8			373,8	121,7	48,10	3
B4-11-06	B4-11-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL54	CH42.DLL54	362,9	190,8	203,2	190,6			584,6	190,8	52,60	3
	B4-11-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL36	CH42.DLL36	445,2	181,9	195,8	182,1			559,8	181,9	40,90	3
	B4-11-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT09	CH42.DLT09	537,3	220,3	236,3	219,8			676,4	220,3	41,00	3
	B4-11-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT09	CH42.DLT09	534,9	220,3	236,3	219,8			676,4	220,3	41,20	3
	B4-11-06.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT11	CH42.DLT11	508,8	209,2	225,1	208,6			642,9	209,2	41,10	3
	B4-11-06.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL35	CH42.DLL35	431,8	173,0	186,9	173,1			533,0	173	40,10	3
B4-11-07	B4-11-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	280,3	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	56,30	3
	B4-11-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	297,0	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	53,10	3
	B4-11-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL14.SL21M	CH29.SL21M	297,0	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	53,10	3
	B4-11-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL14.SL21M	CH29.SLL14	297,3	141,7	147,3	145,3			434,3	141,7	47,70	3
B4-12-01	B4-12-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL01.SL20M	CH25.SLL01	306,6	140,5	145,8	139,3			425,6	140,5	45,80	3
	B4-12-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL01.SL20M	CH25.SL20M	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-12-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-12-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-12-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-12-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-12-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33	270,0	162,3	168,2	167,4			497,9	162,3	60,10	3

	B4-12-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33M	312.1	162.3	168.2	167.4			497.9	162.3	52.00	3
	B4-12-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL29.SL29M	CH34.SL29	355.6	180.1	186.0	184.0			550.1	180.1	50.60	3
	B4-12-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL29.SL29M	CH34.SL29M	330.2	180.1	186.0	184.0			550.1	180.1	54.50	3
	B4-12-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL29.SL29M	CH34.SL29	330.2	180.1	186.0	184.0			550.1	180.1	54.50	3
	B4-12-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL29.SL29M	CH34.SL29M	330.2	180.1	186.0	184.0			550.1	180.1	54.50	3
	B4-12-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27	330.2	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	51.70	3
	B4-12-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27M	330.2	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	51.70	3
	B4-12-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27	330.2	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	51.70	3
	B4-12-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27M	298.3	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	57.30	3
	B4-12-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL07.SL07M	CH26.SL07	270.0	133.7	133.4	126.6			393.7	133.7	49.50	3
	B4-12-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL07.SL07M	CH26.SL07M	235.6	133.7	133.4	126.6			393.7	133.7	56.70	3
B4-12-02	B4-12-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL25	CH25.DL25	278.4	119.5	130.1	117.7			367.3	119.5	42.90	3
	B4-12-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT24	CH25.DLT24	452.9	201.4	217.6	218.3			637.3	201.4	44.50	3
	B4-12-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT24	CH25.DLT24	447.8	201.4	217.6	218.3			637.3	201.4	45.00	3
	B4-12-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT23	CH25.DLT23	504.1	221.5	231.2	232.9			685.6	221.5	43.90	3
	B4-12-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL13	CH25.DL13	270.3	124.4	134.0	122.3			380.7	124.4	46.00	3
	B4-12-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL22	CH25.DL22	283.5	138.2	147.9	136.1			422.2	138.2	48.70	3
	B4-12-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL21	CH25.DLL21	309.4	147.9	154.3	148.1			450.3	147.9	47.80	3
B4-12-03	B4-12-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL03	CH28.DL03	287.3	117.8	129.0	110.8			357.6	117.8	41.00	3
B4-12-04	B4-12-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	189.0	102.4	113.1	99.7			315.2	102.4	54.20	3
	B4-12-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	189.0	102.4	113.1	99.7			315.2	102.4	54.20	3
	B4-12-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	189.0	102.4	113.1	99.7			315.2	102.4	54.20	3
	B4-12-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	189.0	102.4	113.1	99.7			315.2	102.4	54.20	3
	B4-12-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SLL17	CH28.SL07	189.0	102.4	113.1	99.7			315.2	102.4	54.20	3
	B4-12-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SLL17	CH28.SLL17	225.9	109.8	119.7	107.3			336.8	109.8	48.60	3
	B4-12-04.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22	270.2	165.0	171.0	165.3			501.3	165	61.10	3
	B4-12-04.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22M	270.3	165.0	171.0	165.3			501.3	165	61.00	3
	B4-12-04.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22	342.3	165.0	171.0	165.3			501.3	165	48.20	3
	B4-12-04.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22M	270.2	165.0	171.0	165.3			501.3	165	61.10	3

	B4-12-04.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SLL22	CH29.SL19	271.5	150.4	156.1	153.6			460.1	150.4	55,40	3
	B4-12-04.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SLL22	CH29.SLL22	402.2	202.1	208.5	203.8			614.4	202.1	50,20	3
	B4-12-04.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19	270.1	150.4	156.1	153.6			460.1	150.4	55,70	3
	B4-12-04.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19M	270.4	150.4	156.1	153.6			460.1	150.4	55,60	3
	B4-12-04.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	359.2	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	43,90	3
	B4-12-04.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	355.0	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	44,50	3
B4-13-01	B4-13-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLF01.SLL27	CH42.SLF01	524.5	220.4	230.8	221.9			673.1	220.4	42,00	3
	B4-13-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLF01.SLL27	CH42.SLL27	377.1	216.7	226.5	217.8			661.0	216.7	57,50	3
	B4-13-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL26.SLL26M	CH42.SLL26	308.5	172.0	178.2	172.4			522.6	172	55,80	3
	B4-13-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL26.SLL26M	CH42.SLL26M	308.5	172.0	178.2	172.4			522.6	172	55,80	3
	B4-13-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL26.SLL26M	CH42.SLL26	308.5	172.0	178.2	172.4			522.6	172	55,80	3
	B4-13-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL26.SLL26M	CH42.SLL26M	308.5	172.0	178.2	172.4			522.6	172	55,80	3
	B4-13-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL26.SLL26M	CH28.SLL26	308.5	164.6	175.8	161.9			502.3	164.6	53,40	3
	B4-13-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL26.SLL26M	CH28.SLL26M	308.5	164.6	175.8	161.9			502.3	164.6	53,40	3
	B4-13-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL26.SLL26M	CH28.SLL26	308.5	164.6	175.8	161.9			502.3	164.6	53,40	3
	B4-13-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL26.SLL26M	CH28.SLL26M	294.5	164.6	175.8	161.9			502.3	164.6	55,90	3
	B4-13-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL27.SLL24	CH28.SLL27	327.7	175.9	187.6	173.0			536.5	175.9	53,70	3
	B4-13-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL27.SLL24	CH28.SLL24	411.7	218.8	234.5	215.9			669.2	218.8	53,10	3
	B4-13-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	271.7	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	58,10	3
	B4-13-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270.8	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	58,30	3
	B4-13-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19	270.2	150.4	156.1	153.6			460.1	150.4	55,70	3
	B4-13-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL19M	CH29.SL19M	270.0	150.4	156.1	153.6			460.1	150.4	55,70	3
	B4-13-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17	270.0	143.1	148.8	146.3			438.2	143.1	53,00	3
	B4-13-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17M	250.8	143.1	148.8	146.3			438.2	143.1	57,10	3
B4-13-02	B4-13-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL32	CH42.DLL32	332.8	148.3	161.7	148.4			458.4	148.3	44,60	3
	B4-13-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT06	CH42.DLT06	409.6	164.6	180.3	165.0			509.9	164.6	40,20	3
	B4-13-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT13	CH42.DLT13	467.3	187.1	204.5	187.7			579.3	187.1	40,00	3
	B4-13-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT13	CH42.DLT13	474.4	187.1	204.5	187.7			579.3	187.1	39,40	3
	B4-13-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL30	CH42.DLL30	374.8	173.2	191.8	175.0			540.0	173.2	46,20	3

B4-13-03	B4-13-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06	189,0	101,8	107,5	105,0			314,3	101,8	53,90	3
	B4-13-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06M	189,0	101,8	107,5	105,0			314,3	101,8	53,90	3
	B4-13-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06	189,4	101,8	107,5	105,0			314,3	101,8	53,70	3
	B4-13-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06M	196,2	101,8	107,5	105,0			314,3	101,8	51,90	3
	B4-13-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07	196,2	104,6	110,3	107,8			322,7	104,6	53,30	3
	B4-13-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07M	196,2	104,6	110,3	107,8			322,7	104,6	53,30	3
	B4-13-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	196,2	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	52,20	3
	B4-13-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	196,2	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	52,20	3
	B4-13-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SLL05	CH28.SL06	196,2	99,6	110,3	96,9			306,8	99,6	50,80	3
	B4-13-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SLL05	CH28.SLL05	206,2	94,3	103,5	91,9			289,7	94,3	45,70	3
B4-14-01	B4-14-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL32.SL25M	CH34.SL32	416,1	213,2	222,2	218,0			653,4	213,2	51,20	3
	B4-14-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL32.SL25M	CH34.SL25M	268,1	148,0	153,9	153,1			455,0	148	55,20	3
	B4-14-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	269,9	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-14-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-14-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-14-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-14-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-14-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-14-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-14-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-14-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SLL02	CH25.SL20	270,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-14-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SLL02	CH25.SLL02	250,6	131,4	137,2	129,6			398,2	131,4	52,40	3
B4-14-02	B4-14-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL02M	CH26.DL02M	303,2	125,4	129,8	123,9			379,1	125,4	41,40	3
	B4-14-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLL02	CH26.DLL02	337,8	154,4	155,5	141,7			451,6	154,4	45,70	3
	B4-14-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT01	CH26.DLT01	354,3	151,6	158,2	141,4			451,2	151,6	42,80	3
	B4-14-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT01	CH26.DLT01	356,1	151,6	158,2	141,4			451,2	151,6	42,60	3
	B4-14-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT02	CH26.DLT02	386,1	162,4	168,8	152,0			483,2	162,4	42,10	3
	B4-14-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL04	CH26.DL04	318,9	156,0	162,1	155,0			473,1	156	48,90	3
	B4-14-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL03	CH26.DL03	283,5	133,6	138,2	130,8			402,6	133,6	47,10	3

B4-14-03	B4-14-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-14-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06M	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-14-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-14-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06M	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-14-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-14-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13M	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-14-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-14-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13M	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-14-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL11.SL11M	CH34.SL11	189.0	99.5	105.4	101.6			306.5	99.5	52.60	3
	B4-14-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL11.SL11M	CH34.SL11M	189.2	99.5	105.4	101.6			306.5	99.5	52.80	3
	B4-14-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL25.SL19	CH26.SL25	304.8	155.2	154.9	145.9			456.0	155.2	50.90	3
	B4-14-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL25.SL19	CH26.SL19	281.5	158.4	158.1	145.9			462.4	158.4	56.30	3
	B4-14-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21	291.9	162.0	161.6	149.7			473.3	162	55.50	3
	B4-14-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21M	289.6	162.0	161.6	149.7			473.3	162	55.90	3
	B4-14-03.15	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	287.8	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	53.70	3
	B4-14-03.16	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	278.9	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.40	3
	B4-14-03.17	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL08.SL07M	CH29.SL08	270.4	123.0	129.1	125.4			377.5	123	45.50	3
	B4-14-03.18	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL08.SL07M	CH29.SL07M	189.0	104.6	110.3	107.8			322.7	104.6	55.30	3
	B4-14-03.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07	189.0	104.6	110.3	107.8			322.7	104.6	55.30	3
	B4-14-03.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07M	189.0	104.6	110.3	107.8			322.7	104.6	55.30	3
	B4-14-03.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07	189.0	104.6	110.3	107.8			322.7	104.6	55.30	3
	B4-14-03.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL07.SL07M	CH29.SL07M	189.0	104.6	110.3	107.8			322.7	104.6	55.30	3
	B4-14-03.23	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
	B4-14-03.24	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
	B4-14-03.25	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
	B4-14-03.26	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
	B4-14-03.27	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
	B4-14-03.28	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
	B4-14-03.29	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3

	B4-14-03.30	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	189.0	102.0	108.0	103.5			313.5	102	54.00	3
B4-14-04	B4-14-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL05	CH28.DL05	274.6	111.8	122.4	103.4			337.6	111.8	40.70	3
	B4-14-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT08	CH28.DLT08	495.2	196.9	217.5	192.4			606.8	196.9	39.80	3
	B4-14-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT13	CH28.DLT13	464.1	195.9	215.2	191.8			602.9	195.9	42.20	3
	B4-14-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT06	CH28.DLT06	416.9	168.3	186.6	164.4			519.3	168.3	40.40	3
	B4-14-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL12	CH28.DLL12	306.4	126.6	137.3	123.6			387.5	126.6	41.30	3
B4-14-05	B4-14-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	249.9	137.0	143.0	137.3			417.3	137	54.80	3
	B4-14-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	270.0	137.0	143.0	137.3			417.3	137	50.70	3
	B4-14-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-14-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-14-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-14-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270.0	147.5	153.5	147.8			448.8	147.5	54.60	3
	B4-14-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	270.0	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	54.20	3
	B4-14-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270.0	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	54.20	3
	B4-14-05.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	270.0	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	54.20	3
	B4-14-05.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270.0	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	54.20	3
	B4-14-05.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	271.9	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	53.80	3
	B4-14-05.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	275.6	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	53.10	3
	B4-14-05.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL28.SL28M	CH25.SL28	305.6	161.9	168.1	159.8			489.8	161.9	53.00	3
	B4-14-05.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL28.SL28M	CH25.SL28M	306.4	161.9	168.1	159.8			489.8	161.9	52.80	3
	B4-14-05.15	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL28.SL28M	CH25.SL28	309.4	161.9	168.1	159.8			489.8	161.9	52.30	3
	B4-14-05.16	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL28.SL28M	CH25.SL28M	313.0	161.9	168.1	159.8			489.8	161.9	51.70	3
	B4-14-05.17	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL11.SL28M	CH25.SLL11	463.8	247.7	257.6	241.9			747.2	247.7	53.40	3
	B4-14-05.18	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL11.SL28M	CH25.SL28M	300.0	161.9	168.1	159.8			489.8	161.9	54.00	3
	B4-14-05.19	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-14-05.20	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-14-05.21	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-14-05.22	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-14-05.23	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3

	B4-14-05.24	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-14-05.25	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3
	B4-14-05.26	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3
	B4-14-05.27	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3
	B4-14-05.28	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270.0	148.0	153.9	153.1			455.0	148	54.80	3
B4-14-06	B4-14-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL01	CH29.DL01	473.4	202.7	209.9	207.4			620.0	202.7	42.80	3
	B4-14-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT22	CH29.DLT22	698.5	307.0	314.4	308.2			929.6	307	44.00	3
	B4-14-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT22	CH29.DLT22	685.6	307.0	314.4	308.2			929.6	307	44.80	3
	B4-14-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT21	CH29.DLT21	758.7	329.4	337.4	331.2			998.0	329.4	43.40	3
B4-14-07	B4-14-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL09	CH29.DL09	405.2	187.1	194.3	191.8			573.2	187.1	46.20	3
	B4-14-07.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL11	CH42.DL11	405.0	209.8	219.9	209.6			639.3	209.8	51.80	3
	B4-14-07.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL11	CH42.DL11	405.0	209.8	219.9	209.6			639.3	209.8	51.80	3
	B4-14-07.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT22	CH42.DLT22	712.8	302.0	321.8	300.9			924.7	302	42.40	3
	B4-14-07.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT25	CH42.DLT25	613.3	272.9	289.2	273.0			835.1	272.9	44.50	3
	B4-14-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33	282.9	162.3	168.2	167.4			497.9	162.3	57.40	3
	B4-14-08.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33M	295.6	162.3	168.2	167.4			497.9	162.3	54.90	3
	B4-14-08.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33	309.8	162.3	168.2	167.4			497.9	162.3	52.40	3
	B4-14-08.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33M	309.8	162.3	168.2	167.4			497.9	162.3	52.40	3
	B4-14-08.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27	309.8	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	55.10	3
	B4-14-08.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27M	309.8	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	55.10	3
B4-14-08	B4-14-08.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27	309.8	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	55.10	3
	B4-14-08.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL27.SL27M	CH26.SL27M	309.8	170.8	170.3	160.5			501.6	170.8	55.10	3
	B4-14-08.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL25.SL25M	CH25.SL25	309.8	171.1	176.6	169.1			516.8	171.1	55.20	3
	B4-14-08.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL25.SL25M	CH25.SL25M	309.8	171.1	176.6	169.1			516.8	171.1	55.20	3
	B4-14-08.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL25.SL25M	CH25.SL25	309.8	171.1	176.6	169.1			516.8	171.1	55.20	3
	B4-14-08.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL25.SL25M	CH25.SL25M	309.8	171.1	176.6	169.1			516.8	171.1	55.20	3
	B4-14-08.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL25.SLL05	CH25.SL25	309.8	171.1	176.6	169.1			516.8	171.1	55.20	3
	B4-14-08.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL25.SLL05	CH25.SLL05	455.7	228.4	238.0	223.0			689.4	228.4	50.10	3
B4-15-01	B4-15-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL05.SL06M	CH42.SLL05	219.7	89.1	95.0	90.5			274.6	89.1	40.60	3

	B4-15-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL05.SL06M	CH42.SL06M	189.1	102.0	108.0	103.5			313.5	102	53.90	3
	B4-15-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SLL08	CH42.SL02	189.7	91.5	97.5	93.0			282.0	91.5	48.20	3
	B4-15-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SLL08	CH42.SLL08	241.6	104.8	111.9	107.1			323.8	104.8	43.40	3
	B4-15-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	189.1	102.0	108.0	103.5			313.5	102	53.90	3
	B4-15-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	189.1	102.0	108.0	103.5			313.5	102	53.90	3
	B4-15-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06	224.6	101.8	107.5	105.0			314.3	101.8	45.30	3
	B4-15-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06M	189.0	101.8	107.5	105.0			314.3	101.8	53.90	3
	B4-15-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06	189.0	101.8	107.5	105.0			314.3	101.8	53.90	3
	B4-15-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06M	189.0	101.8	107.5	105.0			314.3	101.8	53.90	3
	B4-15-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06	189.0	101.8	107.5	105.0			314.3	101.8	53.90	3
	B4-15-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL06.SL06M	CH29.SL06M	189.0	101.8	107.5	105.0			314.3	101.8	53.90	3
	B4-15-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL05	CH28.DL05	274.3	111.8	122.4	103.4			337.6	111.8	40.80	3
	B4-15-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL52	CH28.DLL52	345.1	159.6	178.3	155.0			492.9	159.6	46.20	3
B4-15-02	B4-15-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT18	CH28.DLT18	511.1	214.6	237.7	209.8			662.1	214.6	42.00	3
	B4-15-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT19	CH28.DLT19	552.5	256.0	279.2	251.2			786.4	256	46.30	3
	B4-15-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT06	CH28.DLT06	438.3	168.3	186.5	164.4			519.3	168.3	38.40	3
	B4-15-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL11	CH28.DLL11	291.1	117.0	127.7	114.0			358.7	117	40.20	3
	B4-15-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	248.3	136.8	142.5	140.0			419.3	136.8	55.10	3
	B4-15-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	270.0	136.8	142.5	140.0			419.3	136.8	50.70	3
	B4-15-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	270.0	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	57.10	3
	B4-15-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	270.0	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	57.10	3
	B4-15-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	275.9	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	55.90	3
B4-15-03	B4-15-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	291.6	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	52.90	3
	B4-15-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	291.6	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	52.90	3
	B4-15-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	291.6	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	52.90	3
	B4-15-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	291.6	158.0	164.0	158.3			480.3	158	54.20	3
	B4-15-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	291.6	158.0	164.0	158.3			480.3	158	54.20	3
	B4-15-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	291.6	158.0	164.0	158.3			480.3	158	54.20	3
	B4-15-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	291.6	158.0	164.0	158.3			480.3	158	54.20	3

	B4-15-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SLL23	CH42.SL21	291.6	158.0	164.0	158.3			480.3	158	54.20	3
	B4-15-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SLL23	CH42.SLL23	369.6	185.0	191.6	185.7			562.3	185	50.10	3
B4-16-01	B4-16-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL16.SL03M	CH26.SL16	248.1	102.5	102.1	90.4			295.0	102.5	41.30	3
	B4-16-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL16.SL03M	CH26.SL03M	189.0	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	52.00	3
	B4-16-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	189.3	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	51.90	3
	B4-16-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	212.5	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	46.20	3
	B4-16-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL41.SL41M	CH26.SL41	189.0	101.4	101.0	88.1			290.5	101.4	53.70	3
	B4-16-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL41.SL41M	CH26.SL41M	189.3	101.4	101.0	88.1			290.5	101.4	53.60	3
	B4-16-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL40	CH26.SL02	189.7	94.9	94.5	84.0			273.4	94.9	50.00	3
	B4-16-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL40	CH26.SL40	227.5	99.3	98.8	88.3			286.4	99.3	43.60	3
	B4-16-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-16-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06M	189.1	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-16-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL32.SL32M	CH25.SL32	189.3	98.2	104.0	96.5			298.7	98.2	51.90	3
	B4-16-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL32.SL32M	CH25.SL32M	213.5	98.2	104.0	96.5			298.7	98.2	46.00	3
	B4-16-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06	189.0	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-16-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL06.SL06M	CH25.SL06M	189.1	101.3	107.2	99.6			308.1	101.3	53.60	3
	B4-16-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL12.SL12M	CH34.SL12	189.1	100.8	106.7	102.9			310.4	100.8	53.30	3
	B4-16-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL12.SL12M	CH34.SL12M	194.5	100.8	106.7	102.9			310.4	100.8	51.80	3
	B4-16-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-16-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL13.SL13M	CH34.SL13M	189.0	102.9	108.8	105.0			316.7	102.9	54.40	3
	B4-16-01.19	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	189.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	50.80	3
	B4-16-01.20	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	182.6	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	52.60	3
B4-16-02	B4-16-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLL03	CH26.DLL03	384.5	177.6	178.9	165.3			521.8	177.6	46.20	3
	B4-16-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT05	CH26.DLT05	463.5	204.3	212.3	195.5			612.1	204.3	44.10	3
	B4-16-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT05	CH26.DLT05	471.4	204.3	212.3	195.5			612.1	204.3	43.30	3
	B4-16-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT03	CH26.DLT03	387.3	170.8	177.3	160.4			508.5	170.8	44.10	3
	B4-16-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL02	CH26.DL02	298.4	125.4	129.8	123.9			379.1	125.4	42.00	3
B4-16-03	B4-16-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL22.SL22M	CH34.SL22	249.7	136.9	142.8	139.0			418.7	136.9	54.80	3
	B4-16-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL22.SL22M	CH34.SL22M	270.0	136.9	142.8	139.0			418.7	136.9	50.70	3

B4-16-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL26.SL26M	CH34.SL26	270,0	151,4	157,3	156,5			465,2	151,4	56,10	3
B4-16-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL26.SL26M	CH34.SL26M	270,0	151,4	157,3	156,5			465,2	151,4	56,10	3
B4-16-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL26.SL26M	CH34.SL26	270,0	151,4	157,3	156,5			465,2	151,4	56,10	3
B4-16-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL26.SL26M	CH34.SL26M	270,0	151,4	157,3	156,5			465,2	151,4	56,10	3
B4-16-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	278,3	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	54,80	3
B4-16-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	284,1	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	53,60	3
B4-16-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	284,1	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	53,60	3
B4-16-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	284,1	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	53,60	3
B4-16-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	284,1	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	53,60	3
B4-16-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	284,1	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	53,60	3
B4-16-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.15	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.16	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.17	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.18	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.19	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL46	CH26.SL14	284,1	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	54,40	3
B4-16-03.20	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL46	CH26.SL46	518,7	185,7	185,2	173,3			544,2	185,7	35,80	3
B4-16-03.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL25M	CH29.SL19	579,6	252,5	261,8	253,1			767,4	252,5	43,60	3
B4-16-03.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL19.SL25M	CH29.SL25M	322,0	186,7	193,7	188,5			568,9	186,7	58,00	3
B4-16-03.23	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL25.SL16M	CH29.SL25	322,0	186,7	193,7	188,5			568,9	186,7	58,00	3
B4-16-03.24	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL25.SL16M	CH29.SL16M	255,0	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	53,60	3
B4-16-03.25	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	261,0	154,3	160,0	157,5			471,8	154,3	59,10	3
B4-16-03.26	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	369,1	154,3	160,0	157,5			471,8	154,3	41,80	3
B4-16-03.27	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL29.SLL28M	CH42.SLL29	341,0	180,9	190,3	181,3			552,5	180,9	53,00	3
B4-16-03.28	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL29.SLL28M	CH42.SLL28M	448,8	222,5	232,4	222,4			677,3	222,5	49,60	3
B4-16-03.29	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL28.SLL28M	CH42.SLL28	452,0	222,5	232,4	222,4			677,3	222,5	49,20	3
B4-16-03.30	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL28.SLL28M	CH42.SLL28M	415,6	222,5	232,4	222,4			677,3	222,5	53,50	3
B4-16-03.31	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL29.SLL29M	CH42.SLL29	397,7	180,9	190,3	181,3			552,5	180,9	45,50	3

	B4-16-03.32	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL29.SLL29M	CH42.SLL29M	326.7	180.9	190.3	181.3			552.5	180.9	55.40	3
B4-16-04	B4-16-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL02	CH42.DL02	464.3	211.9	222.2	211.8			645.9	211.9	45.60	3
B4-17-01	B4-17-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL01.SL04	CH28.SL04	256.6	84.3	96.9	82.1			263.3	84.3	32.90	3
	B4-17-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL01.SL04	CH28.SL01	178.8	73.7	84.4	71.2			229.3	73.7	41.20	3
	B4-17-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	180.0	89.1	99.8	86.6			275.5	89.1	49.50	3
	B4-17-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	180.0	89.1	99.8	86.6			275.5	89.1	49.50	3
	B4-17-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	180.0	89.1	99.8	86.6			275.5	89.1	49.50	3
	B4-17-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	180.0	89.1	99.8	86.6			275.5	89.1	49.50	3
	B4-17-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04M	183.7	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	53.10	3
	B4-17-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04	190.6	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04M	190.5	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04	190.6	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04M	190.6	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04	190.6	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04M	190.6	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL04.SL04M	CH29.SL04	190.6	97.5	103.2	100.7			301.4	97.5	51.20	3
	B4-17-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	190.6	94.7	100.6	96.8			292.1	94.7	49.70	3
	B4-17-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	190.5	94.7	100.6	96.8			292.1	94.7	49.70	3
	B4-17-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	190.5	94.7	100.6	96.8			292.1	94.7	49.70	3
	B4-17-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	198.9	94.7	100.6	96.8			292.1	94.7	47.60	3
	B4-17-01.19	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL02.SL02M	CH25.SL02M	180.0	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	49.70	3
	B4-17-01.20	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL02.SL02M	CH25.SL02	180.1	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	49.60	3
	B4-17-01.21	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL02.SL02M	CH25.SL02M	180.0	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	49.70	3
	B4-17-01.22	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL02.SL02M	CH25.SL02	180.0	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	49.70	3
	B4-17-01.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL02.SL02M	CH25.SL02M	180.0	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	49.70	3
	B4-17-01.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL02.SL02M	CH25.SL02	180.0	89.4	95.2	87.6			272.2	89.4	49.70	3
	B4-17-01.25	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL01.SL01M	CH26.SL01M	190.4	91.2	90.8	81.7			263.7	91.2	47.90	3
	B4-17-01.26	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL01.SL01M	CH26.SL01	180.1	91.2	90.8	81.7			263.7	91.2	50.60	3
	B4-17-01.27	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL01.SL01M	CH26.SL01M	180.0	91.2	90.8	81.7			263.7	91.2	50.70	3

	B4-17-01.28	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL01.SL01M	CH26.SL01	180.0	91.2	90.8	81.7			263.7	91.2	50.70	3
	B4-17-01.29	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL01.SL01M	CH26.SL01M	180.0	91.2	90.8	81.7			263.7	91.2	50.70	3
	B4-17-01.30	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL01.SL01M	CH26.SL01	180.0	91.2	90.8	81.7			263.7	91.2	50.70	3
B4-19-01	B4-19-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL40	CH34.SL40	229.3	113.0	118.9	114.5			346.4	113	49.30	3
	B4-19-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL40	CH34.SL04	189.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	50.80	3
	B4-19-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL39.SL04M	CH34.SL04M	203.7	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	47.20	3
	B4-19-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL39.SL04M	CH34.SL39	210.1	110.2	116.1	111.5			337.8	110.2	52.50	3
	B4-19-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL39.SL39M	CH34.SL39M	210.0	110.2	116.1	111.5			337.8	110.2	52.50	3
	B4-19-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL39.SL39M	CH34.SL39	216.6	110.2	116.1	111.5			337.8	110.2	50.90	3
	B4-19-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL26.SL26M	CH25.SL26M	210.0	109.8	116.0	107.8			333.6	109.8	52.30	3
	B4-19-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL26.SL26M	CH25.SL26	210.0	109.8	116.0	107.8			333.6	109.8	52.30	3
	B4-19-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL26.SL26M	CH25.SL26M	210.0	109.8	116.0	107.8			333.6	109.8	52.30	3
	B4-19-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL26.SL26M	CH25.SL26	210.0	109.8	116.0	107.8			333.6	109.8	52.30	3
	B4-19-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05M	189.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	51.00	3
	B4-19-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL05.SL05M	CH25.SL05	189.0	96.4	102.3	94.7			293.4	96.4	51.00	3
B4-19-02	B4-19-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL01	CH26.DL01	267.3	118.6	123.3	118.8			360.7	118.6	44.40	3
	B4-19-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT04	CH26.DLT04	461.2	186.8	194.7	178.2			559.7	186.8	40.50	3
	B4-19-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT05	CH26.DLT05	448.9	204.3	212.3	195.5			612.1	204.3	45.50	3
	B4-19-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT04	CH26.DLT04	465.2	186.8	194.7	178.2			559.7	186.8	40.20	3
	B4-19-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLL01	CH26.DLL01	372.1	169.9	171.2	156.6			497.7	169.9	45.70	3
B4-19-03	B4-19-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL10M	CH25.SL10M	206.3	112.5	118.3	110.7			341.5	112.5	54.50	3
	B4-19-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL10M	CH25.SL12	248.8	126.5	132.3	124.7			383.5	126.5	50.80	3
	B4-19-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	54.40	3
	B4-19-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	54.40	3
	B4-19-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	54.40	3
	B4-19-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270.0	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	54.40	3
	B4-19-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	269.8	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	54.40	3
	B4-19-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	280.2	146.8	152.6	145.0			444.4	146.8	52.40	3
	B4-19-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	280.2	148.0	153.9	153.1			455.0	148	52.80	3

	B4-19-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	280.2	148.0	153.9	153.1			455.0	148	52.80	3
	B4-19-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	279.4	148.0	153.9	153.1			455.0	148	53.00	3
	B4-19-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	279.8	148.0	153.9	153.1			455.0	148	52.90	3
	B4-19-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	279.8	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.60	3
	B4-19-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	295.3	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	47.00	3
	B4-20-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	265.6	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	52.90	3
	B4-20-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	270.9	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	51.90	3
	B4-20-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	270.4	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	52.00	3
	B4-20-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	270.0	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	52.10	3
	B4-20-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	330.2	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	42.60	3
	B4-20-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	270.2	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	52.00	3
	B4-20-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	270.0	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	51.20	3
	B4-20-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	270.0	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	51.20	3
	B4-20-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	270.0	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	51.20	3
	B4-20-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	270.0	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	51.20	3
B4-20-01	B4-20-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	281.1	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.20	3
	B4-20-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	282.6	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	48.90	3
	B4-20-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	282.6	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-20-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	282.6	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-20-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	282.6	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-20-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	282.6	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-20-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	282.6	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-20-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	303.4	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	46.50	3
	B4-20-01.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL09M	CH29.SLL09M	264.1	121.7	127.3	124.8			373.8	121.7	46.10	3
	B4-20-01.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL09M	CH29.SL14	282.7	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	46.00	3
	B4-20-01.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	300.9	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	48.60	3
	B4-20-01.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	307.8	146.3	152.1	149.6			448.0	146.3	47.50	3
B4-20-02	B4-20-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL18	CH28.DL18	454.9	214.7	230.1	205.1			649.9	214.7	47.20	3
	B4-20-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL12	CH28.DL12	502.9	232.5	247.3	223.2			703.0	232.5	46.20	3

	B4-20-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL12	CH28.DL12	510.2	232.5	247.3	233.2			703.0	232.5	45.60	3
	B4-20-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL17	CH28.DLL17	501.9	233.4	247.7	234.6			705.7	233.4	46.50	3
B4-20-03	B4-20-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	270.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.10	3
	B4-20-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	270.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.10	3
	B4-20-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	270.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.10	3
	B4-20-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	270.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.10	3
	B4-20-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	270.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.10	3
	B4-20-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	270.0	130.0	136.0	130.3			396.3	130	48.10	3
	B4-20-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	270.0	136.8	142.5	140.0			419.3	136.8	50.70	3
	B4-20-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	270.0	136.8	142.5	140.0			419.3	136.8	50.70	3
	B4-20-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	270.0	136.8	142.5	140.0			419.3	136.8	50.70	3
	B4-20-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	270.0	136.8	142.5	140.0			419.3	136.8	50.70	3
	B4-20-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12M	270.0	122.8	128.5	126.0			377.3	122.8	45.50	3
	B4-20-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12	237.7	122.8	128.5	126.0			377.3	122.8	51.70	3
B4-20-04	B4-20-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLF01	CH28.DLF01	381.1	154.8	173.0	150.5			478.3	154.8	40.60	3
	B4-20-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT15	CH28.DLT15	459.8	199.1	219.9	194.5			613.5	199.1	43.30	3
	B4-20-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT07	CH28.DLT07	421.1	182.1	199.3	177.9			559.5	182.1	43.20	3
	B4-20-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT18	CH28.DLT18	529.8	214.6	237.7	209.8			662.1	214.6	40.50	3
	B4-20-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL23	CH28.DLL23	317.0	147.0	163.1	143.2			453.3	147	46.40	3
	B4-20-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL07	CH28.DL07	351.0	152.6	166.2	149.0			467.8	152.6	43.50	3
B4-20-05	B4-20-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL39	CH29.DLL39	531.8	251.7	259.2	254.9			765.8	251.7	47.30	3
B4-20-06	B4-20-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL10.SL10M	CH29.SL10M	234.0	112.3	118.0	115.5			345.8	112.3	48.00	3
	B4-20-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL10.SL10M	CH29.SL10	234.0	112.3	118.0	115.5			345.8	112.3	48.00	3
	B4-20-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL10.SL10M	CH29.SL10M	234.0	112.3	118.0	115.5			345.8	112.3	48.00	3
	B4-20-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL10.SL10M	CH29.SL10	234.0	112.3	118.0	115.5			345.8	112.3	48.00	3
	B4-20-06.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10M	234.0	112.5	118.5	112.4			343.4	112.5	48.10	3
	B4-20-06.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10	234.0	112.5	118.5	112.4			343.4	112.5	48.10	3
	B4-20-06.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10M	234.0	112.5	118.5	112.4			343.4	112.5	48.10	3
	B4-20-06.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10	234.0	112.5	118.5	112.4			343.4	112.5	48.10	3

B4-20-06.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10M	234.0	112.5	118.5	112.4			343.4	112.5	48.10	3
B4-20-06.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10	234.0	112.5	118.5	112.4			343.4	112.5	48.10	3
B4-20-06.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	275.6	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	47.20	3
B4-20-06.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	271.5	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	47.90	3
B4-20-06.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	270.1	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	48.20	3
B4-20-06.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	270.1	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	48.20	3
B4-20-06.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	291.8	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	44.60	3
B4-20-06.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	265.8	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	48.90	3
B4-20-06.17	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL09.SL14M	CH29.SL14M	257.2	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	50.60	3
B4-20-06.18	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL09.SL14M	CH29.SLL09	296.9	121.7	127.3	124.8			373.8	121.7	42.40	3
B4-20-06.19	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	278.7	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.20	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	278.8	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.21	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	278.7	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.22	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	278.8	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	278.7	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	278.8	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.25	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15M	278.7	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.26	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL15.SL15M	CH25.SL15	278.8	138.3	144.2	136.6			419.1	138.3	49.60	3
B4-20-06.27	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	278.7	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.28	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	278.8	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.29	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	278.7	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.30	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	278.8	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.31	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	278.7	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.32	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	278.8	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.33	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	278.7	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.34	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	278.8	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.35	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	278.7	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.36	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	278.8	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.80	3
B4-20-06.37	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL09.SL09M	CH26.SL09M	278.7	137.0	136.8	126.7			400.3	137	49.20	3

	B4-20-06.38	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL09.SL09M	CH26.SL09	278.8	137.0	136.6	126.7			400.3	137	49.10	3
	B4-20-06.39	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL09.SL09M	CH26.SL09M	278.7	137.0	136.6	126.7			400.3	137	49.20	3
	B4-20-06.40	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL09.SL09M	CH26.SL09	278.8	137.0	136.6	126.7			400.3	137	49.10	3
	B4-20-06.41	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL09.SL09M	CH26.SL09M	278.7	137.0	136.6	126.7			400.3	137	49.20	3
	B4-20-06.42	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL09.SL09M	CH26.SL09	278.8	137.0	136.6	126.7			400.3	137	49.10	3
B4-20-07	B4-20-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL12	CH26.DL12	480.1	225.1	228.4	221.2			674.7	225.1	46.90	3
	B4-20-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL12	CH26.DL12	457.4	225.1	228.4	221.2			674.7	225.1	49.20	3
B4-20-08	B4-20-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL21	CH42.DL21	633.2	285.9	297.6	285.5			869.0	285.9	45.20	3
B4-20-09	B4-20-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL44	CH29.DLL44	464.9	222.3	230.5	226.2			679.0	222.3	47.80	3
	B4-20-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL17.SL17M	CH42.SL17M	284.7	144.0	150.0	144.3			438.3	144	50.60	3
	B4-20-10.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL17.SL17M	CH42.SL17	284.6	144.0	150.0	144.3			438.3	144	50.60	3
	B4-20-10.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL17.SL17M	CH42.SL17M	284.6	144.0	150.0	144.3			438.3	144	50.60	3
	B4-20-10.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL17.SL17M	CH42.SL17	284.7	144.0	150.0	144.3			438.3	144	50.60	3
	B4-20-10.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	285.4	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	45.60	3
	B4-20-10.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	264.6	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	49.20	3
	B4-20-10.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	264.6	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	49.20	3
	B4-20-10.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	264.6	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	49.20	3
	B4-20-10.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	264.6	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	49.20	3
B4-20-10	B4-20-10.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	264.6	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	49.20	3
	B4-20-10.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	264.6	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	48.20	3
	B4-20-10.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	264.6	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	48.20	3
	B4-20-10.13	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	264.6	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	48.20	3
	B4-20-10.14	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	264.6	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	48.20	3
	B4-20-10.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	264.6	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	48.20	3
	B4-20-10.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	264.6	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	48.20	3
	B4-20-10.17	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	264.6	130.0	136.0	130.3			396.3	130	49.10	3
	B4-20-10.18	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	264.6	130.0	136.0	130.3			396.3	130	49.10	3
	B4-20-10.19	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	264.6	130.0	136.0	130.3			396.3	130	49.10	3
	B4-20-10.20	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	264.6	130.0	136.0	130.3			396.3	130	49.10	3

	B4-20-10.21	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	264,6	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,10	3
	B4-20-10.22	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	264,6	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,10	3
B4-20-11	B4-20-11.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL16	CH42.DLL16	450,4	197,2	209,3	196,9			603,4	197,2	43,80	3
	B4-21-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	254,2	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	50,20	3
	B4-21-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,4	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,40	3
	B4-21-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL11.SLL20	CH28.SLL20	370,6	168,9	183,7	165,2			517,8	168,9	45,60	3
	B4-21-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL11.SLL20	CH28.SL11	234,9	113,6	124,3	110,9			348,8	113,6	48,40	3
	B4-21-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,3	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-21-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	236,7	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	53,90	3
	B4-21-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SLL20	CH29.SLL20	414,8	194,2	202,1	195,6			591,9	194,2	46,80	3
	B4-21-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SLL20	CH29.SL12	234,8	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	52,30	3
	B4-21-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	234,3	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	55,50	3
	B4-21-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	236,9	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	54,90	3
	B4-21-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SLL20	CH42.SLL20	392,0	190,5	199,1	192,6			582,2	190,5	48,60	3
	B4-21-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SLL20	CH42.SL13	234,1	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,00	3
	B4-21-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL03.SL13M	CH42.SL13M	235,3	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	53,80	3
	B4-21-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL03.SL13M	CH42.SLL03	359,8	170,5	180,6	172,7			523,8	170,5	47,40	3
	B4-21-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08M	234,0	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,20	3
	B4-21-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08	234,0	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,20	3
	B4-21-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08M	234,0	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,20	3
	B4-21-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08	234,0	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,20	3
	B4-21-01.19	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08M	234,0	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,20	3
	B4-21-01.20	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL08M	Ch26.SL08	234,0	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,20	3
	B4-21-01.21	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12M	234,0	126,5	132,3	124,7			383,5	126,5	54,10	3
	B4-21-01.22	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12	234,0	126,5	132,3	124,7			383,5	126,5	54,10	3
	B4-21-01.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12M	234,0	126,5	132,3	124,7			383,5	126,5	54,10	3
	B4-21-01.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL12.SL12M	CH25.SL12	234,0	126,5	132,3	124,7			383,5	126,5	54,10	3
B4-21-01	B4-21-01.25	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL10.SL12M	CH25.SL12M	234,0	126,5	132,3	124,7			383,5	126,5	54,10	3
	B4-21-01.26	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL10.SL12M	CH25.SL10	216,9	112,5	118,3	110,7			341,5	112,5	51,90	3

B4-21-02	B4-21-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT06	CH34.DLT06	431.5	206.9	215.7	206.5			629.1	206.9	47.90	3
	B4-21-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT02	CH34.DLT02	466.1	217.0	225.8	210.8			653.6	217	46.60	3
	B4-21-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT03	CH34.DLT03	403.9	196.2	205.0	192.3			593.5	196.2	48.60	3
	B4-21-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT04	CH34.DLT04	453.4	223.1	231.9	218.3			673.3	223.1	49.20	3
B4-21-03	B4-21-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL11	CH25.SL11	209.0	117.4	123.2	115.0			356.2	117.4	56.20	3
	B4-21-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL11	CH25.SL14	249.6	133.5	139.3	131.7			404.5	133.5	53.50	3
	B4-21-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19M	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-21-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-21-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19M	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-21-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL19.SL19M	CH25.SL19	270.0	143.3	149.1	141.5			433.9	143.3	53.10	3
	B4-21-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-21-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-21-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-21-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-21-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-21-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270.0	147.6	147.1	137.3			432.0	147.6	54.70	3
	B4-21-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22M	294.9	165.0	171.0	165.3			501.3	165	56.00	3
	B4-21-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22	307.8	165.0	171.0	165.3			501.3	165	53.60	3
	B4-21-03.15	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22M	307.8	165.0	171.0	165.3			501.3	165	53.60	3
	B4-21-03.16	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22	307.8	165.0	171.0	165.3			501.3	165	53.60	3
	B4-21-03.17	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22M	307.8	165.0	171.0	165.3			501.3	165	53.60	3
	B4-21-03.18	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL22.SL22M	CH42.SL22	307.8	165.0	171.0	165.3			501.3	165	53.60	3
	B4-21-03.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22M	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3
	B4-21-03.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3
	B4-21-03.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22M	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3
	B4-21-03.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3
	B4-21-03.23	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22M	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3
	B4-21-03.24	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3
	B4-21-03.25	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22M	307.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	53.50	3

B4-21-03.26	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22	307,8	164,8	170,5	168,0			503,3	164,8	53,50	3
B4-21-03.27	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	307,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,80	3
B4-21-03.28	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	307,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,80	3
B4-21-03.29	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	307,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,80	3
B4-21-03.30	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	307,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,80	3
B4-21-03.31	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	307,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,80	3
B4-21-03.32	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	307,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,80	3
B4-21-03.33	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	300,9	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	54,00	3
B4-21-03.34	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	301,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	53,90	3
B4-21-03.35	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21M	301,8	162,0	161,6	149,7			473,3	162	53,70	3
B4-21-03.36	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21	301,8	162,0	161,6	149,7			473,3	162	53,70	3
B4-21-03.37	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21M	301,8	162,0	161,6	149,7			473,3	162	53,70	3
B4-21-03.38	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21	301,8	162,0	161,6	149,7			473,3	162	53,70	3
B4-21-03.39	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21M	301,8	162,0	161,6	149,7			473,3	162	53,70	3
B4-21-03.40	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL21.SL21M	CH26.SL21	301,8	162,0	161,6	149,7			473,3	162	53,70	3
B4-21-03.41	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21M	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-05.42	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.43	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21M	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.44	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.45	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21M	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.46	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.47	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21M	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.48	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21	301,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	49,30	3
B4-21-03.49	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33M	301,8	162,3	168,2	167,4			497,9	162,3	53,80	3
B4-21-03.50	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33	301,8	162,3	168,2	167,4			497,9	162,3	53,80	3
B4-21-03.51	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33M	300,5	162,3	168,2	167,4			497,9	162,3	54,00	3
B4-21-03.52	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL33.SL33M	CH34.SL33	275,5	162,3	168,2	167,4			497,9	162,3	58,90	3
B4-21-03.53	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL29.SL29M	CH34.SL29M	325,0	180,1	186,0	184,0			550,1	180,1	55,40	3
B4-21-03.54	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL29.SL29M	CH34.SL29	331,6	180,1	186,0	184,0			550,1	180,1	54,30	3

B4-21-04	B4-21-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG02	CH26.DLG02	380,0	156,9	161,6	154,6			473,1	156,9	41,30	3
	B4-21-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL09	CH26.DL09	397,5	191,9	196,5	188,8			577,2	191,9	48,30	3
B4-21-05	B4-21-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270,0	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,70	3
	B4-21-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270,0	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,70	3
	B4-21-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL44	CH26.SL44	300,0	155,8	155,3	145,6			456,7	155,8	51,90	3
	B4-21-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL44	CH26.SL13	270,0	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,70	3
	B4-21-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL35.SL12M	CH26.SL12M	270,0	147,0	146,6	134,4			428,0	147	54,40	3
	B4-21-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL35.SL12M	CH26.SL35	326,6	159,2	158,8	149,9			467,9	159,2	48,70	3
	B4-21-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	268,6	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	56,60	3
	B4-21-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	269,7	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	56,40	3
	B4-21-05.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SLL15M	CH28.SLL15M	358,2	188,5	202,2	185,1			575,8	188,5	52,60	3
	B4-21-05.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SLL15M	CH28.SL21	270,1	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,60	3
	B4-21-05.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	321,7	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	47,30	3
	B4-21-05.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	270,1	152,1	162,8	149,4			464,3	152,1	56,30	3
	B4-21-05.13	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL15.SL21M	CH28.SL21M	270,9	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,40	3
	B4-21-05.14	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL15.SL21M	CH28.SLL15	347,7	188,5	202,2	185,1			575,8	188,5	54,20	3
	B4-21-05.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,1	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-21-05.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	270,9	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,30	3
	B4-21-05.17	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	347,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	45,40	3
	B4-21-05.18	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	270,1	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-21-05.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,9	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,30	3
	B4-21-05.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	395,0	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	39,90	3
	B4-21-05.21	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19M	272,1	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,50	3
	B4-21-05.22	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19	271,6	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,60	3
	B4-21-05.23	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19M	271,0	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,70	3
	B4-21-05.24	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19	270,6	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,80	3
	B4-21-05.25	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19M	270,3	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,80	3
	B4-21-05.26	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19	270,1	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,90	3
	B4-21-05.27	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270,0	146,8	152,6	143,0			444,4	146,8	54,40	3

	B4-21-05.28	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270,1	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,40	3
	B4-21-05.29	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	270,2	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,30	3
	B4-21-05.30	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	270,5	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,30	3
	B4-21-05.31	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20M	271,0	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,20	3
	B4-21-05.32	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SL20M	CH25.SL20	271,5	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,10	3
	B4-21-05.33	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SLL06	CH25.SLL06	361,3	170,0	176,8	168,4			515,2	170	47,10	3
	B4-21-05.34	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL20.SLL06	CH25.SL20	270,3	146,8	152,6	145,0			444,4	146,8	54,30	3
	B4-21-05.35	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL29.SL14M	CH26.SL14M	272,4	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	56,80	3
	B4-21-05.36	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL29.SL14M	CH26.SL29	406,7	172,0	171,6	161,8			505,4	172	42,30	3
	B4-21-05.37	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL15.SL15M	CH26.SL15M	270,3	157,8	157,4	146,4			461,6	157,8	58,40	3
	B4-21-05.38	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL15.SL15M	CH26.SL15	272,4	157,8	157,4	146,4			461,6	157,8	57,90	3
	B4-21-05.39	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL15.SL30	CH26.SL30	406,7	175,3	174,9	163,9			514,1	175,3	43,10	3
	B4-21-05.40	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL15.SL30	CH26.SL15	270,3	157,8	157,4	146,4			461,6	157,8	58,40	3
	B4-21-05.41	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL15.SL30	CH26.SL30	410,9	175,3	174,9	163,9			514,1	175,3	42,70	3
	B4-21-05.42	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL15.SL30	CH26.SL15	270,5	157,8	157,4	146,4			461,6	157,8	58,30	3
	B4-21-05.43	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270,2	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-21-05.44	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	272,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,40	3
	B4-21-05.45	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL31.SL25M	CH34.SL25M	273,1	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,20	3
	B4-21-05.46	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL31.SL25M	CH34.SL31	380,0	209,0	215,3	213,7			638,0	209	55,00	3
B4-21-06	B4-21-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT11	CH34.DLT11	636,7	274,2	282,9	263,6			820,7	274,2	43,10	3
	B4-21-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT13	CH34.DLT13	557,8	260,3	268,6	266,3			795,2	260,3	46,70	3
	B4-21-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT13	CH34.DLT13	563,8	260,3	268,6	266,3			795,2	260,3	46,20	3
B4-21-07	B4-21-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	273,1	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,00	3
	B4-21-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	270,4	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,50	3
	B4-21-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL19.SL16M	CH28.SL16M	271,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	49,60	3
	B4-21-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL19.SL16M	CH28.SLL19	529,4	248,3	270,8	243,6			762,7	248,3	46,90	3
	B4-21-07.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	272,2	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,20	3
	B4-21-07.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	270,2	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,60	3
	B4-21-07.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL10.SL18M	CH28.SL18M	272,5	145,1	155,8	142,4			443,3	145,1	53,20	3

	B4-21-07.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL10.SL18M	CH28.SLL10	449,8	217,1	232,1	213,4			662,6	217,1	48,30	3
	B4-21-07.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL10.SL18M	CH29.SL18M	270,7	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,00	3
	B4-21-07.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL10.SL18M	CH29.SLL10	394,1	188,9	197,1	191,4			577,4	188,9	47,90	3
	B4-21-07.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,2	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-21-07.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	271,8	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,10	3
	B4-21-07.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SLL10M	CH29.SLL10M	384,6	188,9	197,1	191,4			577,4	188,9	49,10	3
	B4-21-07.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SLL10M	CH29.SL18	270,2	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,10	3
	B4-21-07.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL10.SL18M	CH29.SL18M	271,8	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	53,80	3
	B4-21-07.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL10.SL18M	CH29.SLL10	384,6	188,9	197,1	191,4			577,4	188,9	49,10	3
	B4-21-07.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	270,2	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,60	3
	B4-21-07.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	271,5	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,30	3
	B4-21-07.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	340,4	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	45,70	3
	B4-21-07.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	271,8	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,30	3
	B4-21-07.21	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL31M	271,5	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,30	3
	B4-21-07.22	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	270,6	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,50	3
B4-21-08	B4-21-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL04	CH28.DLL04	426,7	176,2	189,7	168,1			534,0	176,2	41,30	3
	B4-21-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL44	CH42.DLL44	548,9	246,7	263,2	246,2			756,1	246,7	44,90	3
	B4-21-09.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT21	CH42.DLT21	622,4	270,8	289,2	269,5			829,5	270,8	43,50	3
	B4-21-09.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT21	CH42.DLT21	616,1	270,8	289,2	269,5			829,5	270,8	44,00	3
B4-21-09	B4-21-09.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT22	CH42.DLT22	702,0	302,0	321,8	300,9			924,7	302	43,00	3
	B4-21-09.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT21	CH42.DLT21	644,5	270,8	289,2	269,5			829,5	270,8	42,00	3
	B4-21-09.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT08	CH42.DLT08	557,4	245,6	261,0	244,5			751,1	245,6	44,10	3
	B4-21-09.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT22	CH42.DLT22	722,9	302,0	321,8	300,9			924,7	302	41,80	3
	B4-21-09.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT22	CH42.DLT22	715,7	302,0	321,8	300,9			924,7	302	42,20	3
B4-21-10	B4-21-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG07	CH26.DLG07	474,3	218,6	226,1	210,4			655,1	218,6	46,10	3
	B4-21-11.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	301,9	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	53,90	3
B4-21-11	B4-21-11.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	301,9	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	53,90	3
	B4-21-11.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	301,9	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	53,90	3
	B4-21-11.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	301,9	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	53,90	3

	B4-21-11.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	301.8	162.6	173.3	159.9			495.8	162.6	53.90	3
	B4-21-11.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	301.8	162.6	173.3	159.9			495.8	162.6	53.90	3
	B4-21-11.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22M	301.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	54.60	3
	B4-21-11.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22	301.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	54.60	3
	B4-21-11.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22M	301.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	54.60	3
	B4-21-11.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL22.SL22M	CH29.SL22	301.8	164.8	170.5	168.0			503.3	164.8	54.60	3
	B4-21-11.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	301.8	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	52.30	3
	B4-21-11.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	303.7	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	52.00	3
	B4-21-11.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	262.5	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	58.90	3
	B4-21-11.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	291.0	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	53.10	3
	B4-21-11.15	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	291.0	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	53.10	3
	B4-21-11.16	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	291.0	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	53.10	3
	B4-21-11.17	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	291.0	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	53.10	3
	B4-21-11.18	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	291.0	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	53.10	3
	B4-21-11.19	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27M	291.0	160.2	166.1	165.3			491.6	160.2	55.10	3
	B4-21-11.20	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27	291.0	160.2	166.1	165.3			491.6	160.2	55.10	3
	B4-21-11.21	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27M	291.0	160.2	166.1	165.3			491.6	160.2	55.10	3
	B4-21-11.22	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27	291.0	160.2	166.1	165.3			491.6	160.2	55.10	3
	B4-21-11.23	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27M	291.0	160.2	166.1	165.3			491.6	160.2	55.10	3
	B4-21-11.24	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27	291.0	160.2	166.1	165.3			491.6	160.2	55.10	3
	B4-21-11.25	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	291.0	152.4	158.2	150.6			461.2	152.4	52.40	3
	B4-21-11.26	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	291.0	152.4	158.2	150.6			461.2	152.4	52.40	3
	B4-21-11.27	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	291.0	152.4	158.2	150.6			461.2	152.4	52.40	3
	B4-21-11.28	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	291.0	152.4	158.2	150.6			461.2	152.4	52.40	3
	B4-21-11.29	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL15.SL22M	CH25.SL22M	291.0	152.4	158.2	150.6			461.2	152.4	52.40	3
	B4-21-11.30	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL15.SL22M	CH25.SLL15	460.7	238.0	247.6	233.5			719.1	238	51.70	3
B4-22-01	B4-22-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL18	CH29.SLL18	391.0	183.7	191.9	185.8			561.4	183.7	47.00	3
	B4-22-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SLL18	CH29.SL14	234.0	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	55.60	3
	B4-22-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14M	234.0	130.1	135.8	133.3			399.2	130.1	55.60	3

	B4-22-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL14.SL14M	CH29.SL14	234,0	130,1	135,8	133,3			399,2	130,1	55,60	3
	B4-22-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-22-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-22-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-22-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-22-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-22-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	225,6	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	56,60	3
	B4-22-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL13	CH42.DL13	365,8	147,8	157,3	148,9			454,0	147,8	40,40	3
	B4-22-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT16	CH42.DLT16	459,0	206,9	222,6	206,4			635,9	206,9	45,10	3
B4-22-02	B4-22-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT16	CH42.DLT16	485,7	206,9	222,6	206,4			635,9	206,9	42,60	3
	B4-22-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT16	CH42.DLT16	481,9	206,9	222,6	206,4			635,9	206,9	42,90	3
	B4-22-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL47	CH42.DLL47	375,1	182,2	198,5	182,7			563,4	182,2	48,60	3
	B4-22-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL15	CH42.DLL15	364,9	168,4	178,9	167,7			515,0	168,4	46,10	3
	B4-22-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-22-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-22-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-22-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
B4-22-03	B4-22-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-22-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-22-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-22-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-22-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL11.SL18M	CH29.SL18M	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-22-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL11.SL18M	CH29.SLL11	289,0	136,5	142,1	139,6			418,2	136,5	47,20	3
	B4-23-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18M	291,8	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	48,60	3
	B4-23-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18	296,6	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	47,80	3
B4-23-01	B4-23-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18M	296,6	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	47,80	3
	B4-23-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL18.SL18M	CH25.SL18	312,5	141,9	147,8	140,1			429,8	141,9	45,40	3
	B4-23-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14M	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-23-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3

	B4-23-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14M	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-23-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
B4-23-02	B4-23-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL03M	CH34.DL03M	405,0	199,1	206,5	202,0			607,6	199,1	49,20	3
	B4-23-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL05	CH34.DL05	360,7	171,0	178,9	174,0			523,9	171	47,40	3
	B4-23-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT07	CH34.DLT07	416,4	205,4	214,2	204,5			624,1	205,4	49,30	3
	B4-23-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT08	CH34.DLT08	473,2	233,9	242,7	228,2			704,8	233,9	49,40	3
	B4-23-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT04	CH34.DLT04	454,2	223,1	231,9	218,3			673,3	223,1	49,10	3
	B4-23-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT08	CH34.DLT08	470,0	233,9	242,7	228,2			704,8	233,9	49,80	3
	B4-23-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL04	CH34.DL04	330,5	155,0	162,8	157,9			475,7	155	46,90	3
B4-23-03	B4-23-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL38.SL38M	CH34.SL38M	234,0	116,5	122,4	118,6			357,5	116,5	49,80	3
	B4-23-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL38.SL38M	CH34.SL38	234,0	116,5	122,4	118,6			357,5	116,5	49,80	3
	B4-23-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL38.SL38M	CH34.SL38M	234,0	116,5	122,4	118,6			357,5	116,5	49,80	3
	B4-23-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL38.SL38M	CH34.SL38	234,0	116,5	122,4	118,6			357,5	116,5	49,80	3
	B4-23-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL38.SL38M	CH34.SL38M	234,0	116,5	122,4	118,6			357,5	116,5	49,80	3
	B4-23-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL38.SL38M	CH34.SL38	234,3	116,5	122,4	118,6			357,5	116,5	49,70	3
	B4-23-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL17M	Ch26.SL17M	315,1	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	42,50	3
	B4-23-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL08.SL17M	Ch26.SL08	234,2	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,10	3
	B4-23-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL17.SL08M	Ch26.SL08M	234,3	133,8	133,3	124,7			391,8	133,8	57,10	3
	B4-23-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL17.SL08M	CH26.SL17	336,1	143,6	143,1	132,7			419,4	143,6	42,70	3
	B4-23-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	234,9	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	49,50	3
	B4-23-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	233,9	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	49,70	3
	B4-23-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	228,8	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	50,80	3
	B4-23-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	239,0	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	48,70	3
B4-24-01	B4-24-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL30	CH34.SL30	337,0	177,3	182,8	178,6			538,7	177,3	52,60	3
	B4-24-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL30	CH34.SL25	270,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-24-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	270,0	141,2	147,1	146,3			434,6	141,2	52,30	3
	B4-24-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	270,0	141,2	147,1	146,3			434,6	141,2	52,30	3
	B4-24-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	270,0	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	57,30	3
	B4-24-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	270,0	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	57,30	3

	B4-24-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	270,0	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	57,30	3
	B4-24-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	270,0	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	57,30	3
	B4-24-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL38.SL39	CH26.SL39	270,0	136,6	136,1	123,9			396,6	136,6	50,60	3
	B4-24-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL38.SL39	CH26.SL38	238,0	133,4	133,0	123,9			390,3	133,4	56,10	3
B4-24-02	B4-24-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL06	CH25.DLL06	447,4	216,8	226,6	211,1			654,5	216,8	48,50	3
	B4-24-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT07	CH25.DLT07	464,4	211,1	220,1	220,4			651,6	211,1	45,50	3
	B4-24-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT08	CH25.DLT08	430,2	190,0	198,9	198,0			586,9	190	44,20	3
	B4-24-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT08	CH25.DLT08	428,1	190,0	198,9	198,0			586,9	190	44,40	3
	B4-24-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL09	CH25.DLL09	373,0	167,5	177,1	165,4			510,0	167,5	44,90	3
B4-24-03	B4-24-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLG03	CH34.DLG03	400,8	188,8	197,1	191,8			577,7	188,8	47,10	3
B4-24-04	B4-24-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06M	234,0	130,0	129,6	119,6			379,2	130	55,60	3
	B4-24-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06	234,0	130,0	129,6	119,6			379,2	130	55,60	3
	B4-24-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06M	234,0	130,0	129,6	119,6			379,2	130	55,60	3
	B4-24-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06	234,0	130,0	129,6	119,6			379,2	130	55,60	3
	B4-24-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06M	234,0	130,0	129,6	119,6			379,2	130	55,60	3
	B4-24-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL06.SL06M	CH26.SL06	234,0	130,0	129,6	119,6			379,2	130	55,60	3
	B4-24-04.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	232,6	128,7	134,6	130,8			394,1	128,7	55,30	3
	B4-24-04.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	229,9	128,7	134,6	130,8			394,1	128,7	56,00	3
	B4-24-04.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL34.SL34M	CH34.SL34M	298,6	156,1	162,1	161,3			479,5	156,1	52,30	3
	B4-24-04.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL34.SL34M	CH34.SL34	286,3	156,1	162,0	161,2			479,3	156,1	54,50	3
	B4-24-04.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL34.SL34M	CH34.SL34M	278,0	156,1	162,1	161,3			479,5	156,1	56,20	3
	B4-24-04.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL34.SL34M	CH34.SL34	274,1	156,1	162,0	161,2			479,3	156,1	57,00	3
	B4-24-04.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL23.SL29	CH25.SL29	330,3	182,6	188,8	180,6			552,0	182,6	55,30	3
	B4-24-04.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL23.SL29	CH25.SL23	303,5	160,1	165,9	158,3			484,3	160,1	52,80	3
	B4-24-04.15	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL09.SL24	CH25.SL24	329,0	178,3	184,1	176,5			538,9	178,3	54,20	3
	B4-24-04.16	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL09.SL24	CH25.SLL09	477,1	202,9	208,8	200,7			612,4	202,9	42,50	3
	B4-24-04.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-24-04.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-24-04.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19M	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3

	B4-24-04.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL19.SL19M	CH28.SL19	270,0	148,6	159,3	145,9			453,8	148,6	55,00	3
	B4-24-04.21	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-24-04.22	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-24-04.23	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-24-04.24	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-24-04.25	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	270,0	130,0	136,0	130,3			396,3	130	48,10	3
	B4-24-04.26	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	246,8	130,0	136,0	130,3			396,3	130	52,70	3
B4-24-05	B4-24-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL21	CH29.DLL21	342,4	148,6	156,5	154,8			459,9	148,6	43,40	3
	B4-24-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT15	CH29.DLT15	483,4	218,5	225,8	220,2			664,5	218,5	45,20	3
	B4-24-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT14	CH29.DLT14	452,9	202,5	209,7	204,6			616,8	202,5	44,70	3
	B4-24-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT15	CH29.DLT15	502,6	218,5	225,8	220,2			664,5	218,5	43,50	3
	B4-24-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL47	CH29.DLL47	404,9	206,3	215,3	208,3			629,9	206,3	51,00	3
	B4-24-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL07	CH29.DL07	348,1	162,5	169,7	167,1			499,3	162,5	46,70	3
B4-24-06	B4-24-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SL13M	CH42.SL13M	234,0	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,10	3
	B4-24-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SL13M	CH42.SL13	234,0	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,10	3
	B4-24-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	234,0	130,0	136,0	130,3			396,3	130	55,60	3
	B4-24-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	234,0	130,0	136,0	130,3			396,3	130	55,60	3
	B4-24-06.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	234,0	130,0	136,0	130,3			396,3	130	55,60	3
	B4-24-06.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	234,0	130,0	136,0	130,3			396,3	130	55,60	3
	B4-24-06.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-24-06.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-24-06.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-24-06.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-24-06.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL18.SL14M	CH28.SL14M	234,0	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	54,50	3
	B4-24-06.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SLL18.SL14M	CH28.SLL18	352,5	167,8	181,7	164,3			513,8	167,8	47,60	3
B4-24-07	B4-24-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL09M	CH29.DL09M	415,0	187,1	194,3	191,8			573,2	187,1	45,10	3
B4-24-08	B4-24-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	285,9	154,3	160,0	157,5			471,8	154,3	54,00	3
	B4-24-08.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	293,4	154,3	160,0	157,5			471,8	154,3	52,60	3
	B4-24-08.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	293,4	154,3	160,0	157,5			471,8	154,3	52,60	3

	B4-24-08.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	293.4	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	52.60	3
	B4-24-08.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20M	285.7	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	54.00	3
	B4-24-08.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL20.SL20M	CH29.SL20	274.6	154.3	160.0	157.5			471.8	154.3	56.20	3
	B4-24-08.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	399.2	190.0	189.4	177.6			557.0	190	47.60	3
	B4-24-08.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	342.7	190.0	189.4	177.6			557.0	190	55.40	3
	B4-24-08.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	273.2	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	56.60	3
	B4-24-08.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	268.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	57.60	3
	B4-24-08.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	264.8	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	58.40	3
	B4-24-08.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	261.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	59.20	3
	B4-24-08.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL42.SL43	CH26.SL43	257.8	144.0	143.6	133.8			421.4	144	55.90	3
	B4-24-08.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL42.SL43	CH26.SL42	290.4	139.5	139.0	133.6			412.1	139.5	48.00	3
	B4-25-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17M	290.9	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	45.90	3
	B4-25-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17	270.0	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
	B4-25-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17M	270.0	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
B4-25-01	B4-25-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17	270.2	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
	B4-25-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17M	270.2	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
	B4-25-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17	270.4	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
	B4-25-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17M	270.4	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
	B4-25-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17	270.4	133.5	139.4	135.6			408.5	133.5	49.40	3
	B4-25-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT10	CH26.DLT10	683.5	301.7	311.1	290.9			903.7	301.7	44.10	3
	B4-25-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT10	CH26.DLT10	685.5	301.7	311.1	290.9			903.7	301.7	44.00	3
B4-25-02	B4-25-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT10	CH26.DLT10	685.6	301.7	311.1	290.9			903.7	301.7	44.00	3
	B4-25-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT09	CH26.DLT09	607.0	282.0	289.2	268.7			839.9	282	46.50	3
	B4-25-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT09	CH26.DLT09	632.4	282.0	289.2	268.7			839.9	282	44.60	3
	B4-25-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT08	CH26.DLT08	559.9	257.6	263.2	246.1			766.9	257.6	46.00	3
	B4-25-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	270.0	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	47.30	3
B4-25-03	B4-25-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	270.0	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	47.30	3
	B4-25-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	270.0	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	47.30	3
	B4-25-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	273.2	127.6	138.3	124.9			390.8	127.6	46.70	3

	B4-25-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	275,7	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	46,30	3
	B4-25-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	275,7	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	46,30	3
	B4-25-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	275,7	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	46,30	3
	B4-25-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	275,7	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	46,30	3
	B4-25-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16M	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL16.SL16M	CH29.SL16	275,7	136,8	142,5	140,0			419,3	136,8	49,60	3
	B4-25-03.17	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	275,7	137,0	143,0	137,3			417,3	137	49,70	3
	B4-25-03.18	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	275,7	137,0	143,0	137,3			417,3	137	49,70	3
	B4-25-03.19	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	275,7	137,0	143,0	137,3			417,3	137	49,70	3
	B4-25-03.20	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	275,7	137,0	143,0	137,3			417,3	137	49,70	3
	B4-25-03.21	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL09.SL16M	CH42.SL16M	279,3	137,0	143,0	137,3			417,3	137	49,10	3
	B4-25-03.22	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL09.SL16M	CH42.SLL09	246,7	136,0	141,6	136,0			413,6	136	55,10	3
B4-25-04	B4-25-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL10M	CH25.DLL10M	394,7	183,3	192,9	180,7			556,9	183,3	46,40	3
	B4-25-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT07	CH25.DLT07	457,8	211,1	220,1	220,4			651,6	211,1	46,10	3
	B4-25-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT11	CH25.DLT11	438,2	200,9	210,7	210,8			622,4	200,9	45,80	3
	B4-25-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT08	CH25.DLT08	429,6	190,0	198,9	198,0			586,9	190	44,20	3
	B4-25-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL10	CH25.DLL10	402,2	183,3	192,9	180,7			556,9	183,3	45,60	3
B4-25-05	B4-25-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL30	CH25.DL30	389,4	160,3	169,4	158,5			488,2	160,3	41,20	3
B4-25-06	B4-25-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	234,0	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	49,70	3
	B4-25-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	234,0	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	49,70	3
	B4-25-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05M	234,0	123,0	122,6	112,6			358,2	123	52,60	3
	B4-25-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL05.SL05M	CH26.SL05	273,4	123,0	122,6	112,6			358,2	123	45,00	3
	B4-25-06.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04M	234,4	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	49,60	3

	B4-25-06.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL04.SL04M	CH26.SL04	234,3	116,3	115,9	107,1			339,3	116,3	49,60	3
	B4-25-06.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14M	234,1	107,6	113,5	109,7			330,8	107,6	46,00	3
	B4-25-06.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL14.SL14M	CH34.SL14	235,6	107,6	113,5	109,7			330,8	107,6	45,70	3
	B4-25-06.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15M	244,0	128,7	134,6	130,8			394,1	128,7	52,70	3
	B4-25-06.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL15.SL15M	CH34.SL15	251,0	128,7	134,6	130,8			394,1	128,7	51,30	3
	B4-25-06.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL20.SL15M	CH34.SL15M	255,3	128,7	134,6	130,8			394,1	128,7	50,40	3
	B4-25-06.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL20.SL15M	CH34.SL20	370,2	180,3	186,2	180,9			547,4	180,3	48,70	3
	B4-25-06.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL27.SL27M	CH25.SL27M	318,0	152,2	158,4	150,2			460,8	152,2	47,90	3
	B4-25-06.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL27.SL27M	CH25.SL27	317,6	152,2	158,4	150,2			460,8	152,2	47,90	3
	B4-25-06.15	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL27.SL27M	CH25.SL27M	316,6	152,2	158,4	150,2			460,8	152,2	48,10	3
	B4-25-06.16	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL27.SL27M	CH25.SL27	315,9	152,2	158,4	150,2			460,8	152,2	48,20	3
	B4-25-06.17	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14M	270,7	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,30	3
	B4-25-06.18	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14	270,7	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,30	3
	B4-25-06.19	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17M	310,5	143,1	148,8	146,3			438,2	143,1	46,10	3
	B4-25-06.20	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17	279,3	143,1	148,8	146,3			438,2	143,1	51,20	3
	B4-25-06.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17M	279,9	143,1	148,8	146,3			438,2	143,1	51,10	3
	B4-25-06.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17	279,9	143,1	148,8	146,3			438,2	143,1	51,10	3
	B4-25-06.23	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17M	279,9	143,1	148,8	146,3			438,2	143,1	51,10	3
	B4-25-06.24	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17	279,9	143,1	148,8	146,3			438,2	143,1	51,10	3
	B4-25-06.25	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16M	279,9	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	48,10	3
	B4-25-06.26	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16	279,9	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	48,10	3
	B4-25-06.27	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16M	279,9	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	48,10	3
	B4-25-06.28	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16	279,9	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	48,10	3
	B4-25-06.29	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	279,9	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	45,60	3
	B4-25-06.30	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	289,7	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	44,00	3
B4-25-07	B4-25-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL01	CH42.DL01	400,7	191,0	199,8	191,1			581,9	191	47,70	3
	B4-25-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL23	CH42.DLL23	339,1	157,5	167,7	157,3			482,5	157,5	46,40	3
	B4-25-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT03	CH42.DLT03	410,3	183,6	199,3	184,1			567,0	183,6	44,70	3
	B4-25-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT14	CH42.DLT14	468,6	194,4	211,3	193,9			599,6	194,4	41,50	3

	B4-25-07.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT14	CH42.DLT14	434,9	194,4	211,3	193,9			599,6	194,4	44,70	3
	B4-25-07.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT14	CH42.DLT14	483,5	194,4	211,3	193,9			599,6	194,4	40,20	3
B4-25-08	B4-25-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05M	209,5	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	46,90	3
	B4-25-08.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05	234,3	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	41,90	3
	B4-25-08.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	234,2	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	47,00	3
	B4-25-08.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	234,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	47,10	3
	B4-25-08.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	234,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	47,10	3
	B4-25-08.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	275,4	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	40,00	3
	B4-25-08.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	234,3	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	47,00	3
	B4-25-08.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	234,1	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	47,00	3
	B4-25-08.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12M	234,0	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	52,50	3
	B4-25-08.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12	283,7	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	43,30	3
	B4-25-08.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12M	235,2	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	52,20	3
	B4-25-08.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12	234,7	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	52,30	3
	B4-25-08.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12M	234,3	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	52,40	3
	B4-25-08.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL12.SL12M	CH29.SL12	234,8	122,8	128,5	126,0			377,3	122,8	52,30	3
	B4-25-08.15	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	270,4	137,0	143,0	137,3			417,3	137	50,70	3
	B4-25-08.16	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	270,0	137,0	143,0	137,3			417,3	137	50,70	3
	B4-25-08.17	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	270,0	137,0	143,0	137,3			417,3	137	50,70	3
	B4-25-08.18	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	270,0	137,0	143,0	137,3			417,3	137	50,70	3
	B4-25-08.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL17.SL17M	CH28.SL17M	270,0	141,6	152,3	138,9			432,8	141,6	52,40	3
	B4-25-08.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL17.SL17M	CH28.SL17	270,0	141,6	152,3	138,9			432,8	141,6	52,40	3
B4-25-09	B4-25-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL34	CH42.DLL34	503,1	236,8	250,3	237,2			724,3	236,8	47,10	3
B4-25-10	B4-25-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL11	CH28.DL11	450,8	209,1	223,4	200,3			632,8	209,1	46,40	3
B4-25-11	B4-25-11.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL04	CH28.DLL04	445,3	176,2	189,7	168,1			534,0	176,2	39,60	3
B4-25-12	B4-25-12.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15M	269,9	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	48,60	3
	B4-25-12.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15	269,9	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	48,60	3
	B4-25-12.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17M	280,3	133,5	139,4	135,6			408,5	133,5	47,60	3
	B4-25-12.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17	274,4	133,5	139,4	135,6			408,5	133,5	48,70	3

	B4-25-12.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17M	271,0	133,5	139,4	135,6			408,5	133,5	49,30	3
	B4-25-12.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL17.SL17M	CH34.SL17	270,0	133,5	139,4	135,6			408,5	133,5	49,40	3
	B4-25-12.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL28.SL23M	CH34.SL23M	293,9	138,9	144,8	141,0			424,7	138,9	47,30	3
	B4-25-12.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL28.SL23M	CH34.SL28	350,6	175,2	181,1	178,9			535,2	175,2	50,00	3
B4-25-13	B4-25-13.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT12	CH34.DLT12	752,4	280,0	289,3	269,4			838,7	280	37,20	3
	B4-25-13.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT12	CH34.DLT12	793,8	280,0	289,3	269,4			838,7	280	35,30	3
	B4-25-13.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT12	CH34.DLT12	779,4	280,0	289,3	269,4			838,7	280	35,90	3
	B4-25-13.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DLT11	CH34.DLT11	655,8	274,2	282,9	263,6			820,7	274,2	41,80	3
	B4-25-13.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL06	CH26.DL06	405,0	193,5	198,4	187,2			579,1	193,5	47,80	3
	B4-25-13.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL06	CH26.DL06	405,0	193,5	198,4	187,2			579,1	193,5	47,80	3
	B4-25-13.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL06	CH26.DL06	405,0	193,5	198,4	187,2			579,1	193,5	47,80	3
	B4-25-13.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL06	CH26.DL06	405,0	193,5	198,4	187,2			579,1	193,5	47,80	3
	B4-25-13.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL06	CH26.DL06	405,0	193,5	198,4	187,2			579,1	193,5	47,80	3
	B4-25-13.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT11	CH26.DLT11	896,2	351,8	357,2	337,2			######	351,8	39,30	3
	B4-25-13.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLT11M	CH26.DLT11M	895,9	351,8	357,2	337,2			######	351,8	39,30	3
	B4-25-13.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL26	CH42.DLL26	457,2	204,8	213,8	203,6			622,3	204,8	44,80	3
	B4-25-13.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL18	CH42.DL18	444,6	220,8	229,5	220,8			671,1	220,8	49,70	3
B4-25-14	B4-25-14.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	270,0	137,0	143,0	137,3			417,3	137	50,70	3
	B4-25-14.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	288,3	137,0	143,0	137,3			417,3	137	47,50	3
	B4-25-14.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16M	283,2	137,0	143,0	137,3			417,3	137	48,40	3
	B4-25-14.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SL16M	CH42.SL16	283,2	137,0	143,0	137,3			417,3	137	48,40	3
	B4-25-14.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16M	285,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	47,50	3
	B4-25-14.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16	283,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	47,50	3
	B4-25-14.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16M	283,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	47,50	3
	B4-25-14.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16	283,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	47,50	3
	B4-25-14.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16M	283,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	47,50	3
	B4-25-14.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL16.SL16M	CH28.SL16	283,2	134,6	145,3	131,9			411,8	134,6	47,50	3
	B4-25-14.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL17.SL17M	CH28.SL17M	283,2	141,6	152,3	138,9			432,8	141,6	50,00	3
	B4-25-14.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL17.SL17M	CH28.SL17	283,2	141,6	152,3	138,9			432,8	141,6	50,00	3

	B4-25-14.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17M	283.2	143.1	148.8	146.3			438.2	143.1	50.50	3
	B4-25-14.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17	283.2	143.1	148.8	146.3			438.2	143.1	50.50	3
	B4-25-14.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17M	283.2	143.1	148.8	146.3			438.2	143.1	50.50	3
	B4-25-14.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL17.SL17M	CH29.SL17	283.2	143.1	148.8	146.3			438.2	143.1	50.50	3
B4-25-15	B4-25-15.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL19	CH29.DL19	472.0	225.5	233.5	229.3			688.3	225.5	47.80	3
	B4-25-15.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL20	CH29.DL20	503.3	241.6	249.3	245.0			735.9	241.6	48.00	3
	B4-25-15.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG02	CH26.DLG02	368.9	156.9	161.6	154.6			473.1	156.9	42.50	3
	B4-25-15.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL09	CH26.DL09	412.1	191.9	196.5	188.8			577.2	191.9	46.60	3
B4-25-16	B4-25-16.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	282.3	140.6	140.1	130.2			410.9	140.6	49.80	3
	B4-25-16.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	282.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-25-16.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	282.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-25-16.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	282.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-25-16.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	282.4	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-25-16.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	282.4	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-25-16.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	282.4	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.00	3
	B4-25-16.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	282.4	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-25-16.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	282.4	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-25-16.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23M	282.4	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-25-16.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL23.SL23M	CH34.SL23	282.4	138.9	144.8	141.0			424.7	138.9	49.20	3
	B4-25-16.19	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16M	282.4	141.9	147.7	140.1			429.7	141.9	50.20	3
	B4-25-16.20	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16	282.4	141.9	147.7	140.1			429.7	141.9	50.20	3
	B4-25-16.21	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16M	282.4	141.9	147.7	140.1			429.7	141.9	50.20	3

	B4-25-16.22	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16	282,4	141,9	147,7	140,1			429,7	141,9	50,20	3
	B4-25-16.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16M	282,4	141,9	147,7	140,1			429,7	141,9	50,20	3
	B4-25-16.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16	282,4	141,9	147,7	140,1			429,7	141,9	50,20	3
	B4-25-16.25	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16M	282,4	141,9	147,7	140,1			429,7	141,9	50,20	3
	B4-25-16.26	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL16.SL16M	CH25.SL16	282,4	141,9	147,7	140,1			429,7	141,9	50,20	3
	B4-25-16.27	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL04.SL16M	CH25.SL16M	285,9	141,9	147,7	140,1			429,7	141,9	49,60	3
	B4-25-16.28	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL04.SL16M	CH25.SLL04	317,2	149,8	155,8	147,6			453,2	149,8	47,20	3
B4-26-01	B4-26-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	290,4	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	43,50	3
	B4-26-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-26-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-26-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-26-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-26-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	234,0	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-26-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SL13M	CH42.SL13M	234,0	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,10	3
	B4-26-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SL13M	CH42.SL13	234,0	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,10	3
	B4-26-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SL13M	CH42.SL13M	234,0	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,10	3
	B4-26-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL13.SL13M	CH42.SL13	234,0	126,5	132,5	126,4			385,4	126,5	54,10	3
	B4-26-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10M	234,0	112,5	118,5	112,4			343,4	112,5	48,10	3
	B4-26-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10	217,0	112,5	118,5	112,4			343,4	112,5	51,80	3
B4-26-02	B4-26-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLF01	CH28.DLF01	389,8	154,8	173,0	150,5			478,3	154,8	39,70	3
	B4-26-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT15	CH28.DLT15	464,0	199,1	219,9	194,5			613,5	199,1	42,90	3
	B4-26-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT15	CH28.DLT15	460,8	199,1	219,9	194,5			613,5	199,1	43,20	3
	B4-26-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT15	CH28.DLT15	460,7	199,1	219,9	194,5			613,5	199,1	43,20	3
	B4-26-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL29	CH28.DLL29	370,1	183,4	199,4	179,9			562,7	183,4	49,60	3
	B4-26-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL09	CH28.DL09	405,0	199,6	213,4	191,0			604,0	159,6	49,30	3
B4-26-03	B4-26-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-26-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-26-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-26-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3

	B4-26-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-26-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-26-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18M	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-26-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL18.SL18M	CH29.SL18	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-26-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL11.SL18M	CH29.SL18M	270,0	146,3	152,1	149,6			448,0	146,3	54,20	3
	B4-26-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL11.SL18M	CH29.SLL11	295,7	136,5	142,1	139,6			418,2	136,5	46,20	3
B4-27-01	B4-27-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL13M	CH26.DL13M	442,1	216,4	220,7	209,4			646,5	216,4	48,90	3
	B4-27-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10M	270,0	140,6	140,1	130,2			410,9	140,6	52,10	3
B4-27-02	B4-27-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL10.SL10M	CH26.SL10	270,1	140,6	140,1	130,2			410,9	140,6	52,10	3
	B4-27-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL18.SL10M	CH26.SL10M	270,5	140,6	140,1	130,2			410,9	140,6	52,00	3
	B4-27-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL18.SL10M	CH26.SL18	340,4	150,8	150,3	138,5			439,6	150,8	44,30	3
B4-27-03	B4-27-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL13	CH26.DL13	476,1	216,4	220,7	209,4			646,5	216,4	45,50	3
B4-27-04	B4-27-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL31	CH25.DL31	469,4	222,5	233,2	220,5			676,2	222,5	47,40	3
	B4-27-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SLL14	CH25.SLL14	333,8	155,4	157,5	153,4			466,3	155,4	46,60	3
	B4-27-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SLL14	CH25.SL14	270,4	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-27-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14M	270,1	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
B4-27-05	B4-27-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-27-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14M	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-27-05.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL14.SL14M	CH25.SL14	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-27-05.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL10.SL14M	CH25.SL14M	270,0	133,5	139,3	131,7			404,5	133,5	49,40	3
	B4-27-05.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL10.SL14M	CH25.SLL10	393,2	161,6	167,5	158,8			487,9	161,6	41,10	3
	B4-28-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SLL01	CH42.SLL01	367,5	168,1	178,5	167,4			514,0	168,1	45,70	3
	B4-28-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL16.SLL01	CH42.SL16	268,3	137,0	143,0	137,3			417,3	137	51,10	3
	B4-28-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19M	270,7	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,70	3
B4-28-01	B4-28-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19	270,1	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,90	3
	B4-28-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19M	270,0	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,90	3
	B4-28-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL19.SL19M	CH42.SL19	270,1	150,9	157,0	151,3			459,2	150,9	55,90	3
	B4-28-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,30	3
	B4-28-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	372,9	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	42,30	3

	B4-28-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	271,0	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,20	3
	B4-28-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	270,4	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-28-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	269,6	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,50	3
	B4-28-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	266,5	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	59,20	3
B4-28-02	B4-28-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL34	CH29.DLL34	545,1	255,1	263,6	257,7			776,4	255,1	46,80	3
	B4-28-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL08	CH28.DLL08	344,5	147,0	162,0	138,5			447,5	147	42,70	3
B4-28-03	B4-28-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL03	CH28.DLL03	293,3	95,8	106,7	88,3			290,8	95,8	32,70	3
B4-28-04	B4-28-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07M	198,1	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	51,70	3
	B4-28-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL07.SL07M	CH28.SL07	203,1	102,4	113,1	99,7			315,2	102,4	50,40	3
	B4-28-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	210,8	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	52,20	3
	B4-28-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	208,8	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	52,70	3
	B4-28-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13M	232,5	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,30	3
	B4-28-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL13.SL13M	CH29.SL13	234,1	126,3	132,0	129,5			387,8	126,3	54,00	3
	B4-28-04.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL10.SL10M	CH29.SL10M	234,2	112,3	118,0	115,5			345,8	112,3	48,00	3
	B4-28-04.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL10.SL10M	CH29.SL10	212,7	112,3	118,0	115,5			345,8	112,3	52,80	3
B4-28-05	B4-28-05.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT16	CH28.DLT16	468,9	192,0	210,6	187,6			590,2	192	40,90	3
	B4-28-05.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT16	CH28.DLT16	474,7	192,0	210,6	187,6			590,2	192	40,40	3
	B4-28-05.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT16	CH28.DLT16	474,0	192,0	210,6	187,6			590,2	192	40,50	3
	B4-28-05.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLT07	CH28.DLT07	426,1	182,1	199,5	177,9			559,5	182,1	42,70	3
	B4-28-05.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL14	CH28.DLL14	346,2	143,5	154,7	140,4			438,6	143,5	41,50	3
B4-28-06	B4-28-06.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-28-06.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	270,0	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-28-06.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SLL06	CH42.SLL06	233,0	111,0	117,7	112,9			341,6	111	47,60	3
	B4-28-06.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SLL06	CH42.SL06	189,1	102,0	108,0	103,5			313,5	102	53,90	3
	B4-28-06.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	188,5	102,0	108,0	103,5			313,5	102	54,10	3
	B4-28-06.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	189,0	102,0	108,0	103,5			313,5	102	54,00	3
	B4-28-06.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL04.SL06M	CH42.SL06M	189,2	102,0	108,0	103,5			313,5	102	53,90	3
	B4-28-06.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL04.SL06M	CH42.SLL04	247,2	133,1	140,5	134,3			407,9	133,1	53,80	3
B4-28-07	B4-28-07.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL08.SL05M	CH25.SL05M	191,4	96,4	102,3	94,7			293,4	96,4	50,40	3

	B4-28-07.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL08.SL05M	CH25.SL08	197,1	102,0	107,8	100,0			309,8	102	51,80	3
	B4-28-07.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL08.SL08M	CH25.SL08M	197,3	102,0	107,8	100,0			309,8	102	51,70	3
	B4-28-07.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL08.SL08M	CH25.SL08	197,3	102,0	107,8	100,0			309,8	102	51,70	3
	B4-28-07.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL08.SL08M	CH25.SL08M	197,3	102,0	107,8	100,0			309,8	102	51,70	3
	B4-28-07.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL08.SL08M	CH25.SL08	197,3	102,0	107,8	100,0			309,8	102	51,70	3
B4-28-08	B4-28-08.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL26	CH25.DL26	294,8	133,0	142,6	130,3			405,9	133	45,10	3
	B4-28-08.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT27	CH25.DLT27	432,4	191,8	201,6	202,5			595,9	191,8	44,40	3
	B4-28-08.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT07	CH25.DLT07	463,0	211,1	220,1	220,4			651,6	211,1	45,60	3
	B4-28-08.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT28	CH25.DLT28	482,8	209,0	218,8	219,9			647,7	209	43,30	3
	B4-28-08.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL26M	CH25.DL26M	311,0	133,0	142,6	130,3			403,9	133	42,80	3
B4-28-09	B4-28-09.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL21.SL21M	CH34.SL21M	241,2	127,3	133,2	129,4			389,9	127,3	52,80	3
	B4-28-09.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL21.SL21M	CH34.SL21	270,0	127,3	133,2	129,4			389,9	127,3	47,10	3
	B4-28-09.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	270,2	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
	B4-28-09.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270,8	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,70	3
	B4-28-09.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	272,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,40	3
	B4-28-09.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	273,9	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,00	3
	B4-28-09.7	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	273,7	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,10	3
	B4-28-09.8	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	294,3	148,0	153,9	153,1			455,0	148	50,30	3
	B4-28-09.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	349,8	190,0	189,4	177,6			557,0	190	54,30	3
	B4-28-09.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	349,8	190,0	189,4	177,6			557,0	190	54,30	3
	B4-28-09.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	349,8	190,0	189,4	177,6			557,0	190	54,30	3
	B4-28-09.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	349,8	190,0	189,4	177,6			557,0	190	54,30	3
	B4-28-09.13	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	349,8	190,0	189,4	177,6			557,0	190	54,30	3
	B4-28-09.14	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	349,8	190,0	189,4	177,6			557,0	190	54,30	3
	B4-28-09.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	349,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	46,50	3
	B4-28-09.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	287,8	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	56,50	3
	B4-28-09.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	270,2	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,60	3
	B4-28-09.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	365,5	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	42,60	3
	B4-28-09.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21M	271,1	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,40	3

	B4-28-09.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL21.SL21M	CH28.SL21	270,4	155,6	166,3	152,9			474,8	155,6	57,50	3
	B4-28-09.21	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,1	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-28-09.22	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	321,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	49,10	3
	B4-28-09.23	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,4	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-28-09.24	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	270,1	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-28-09.25	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	321,7	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	49,10	3
	B4-28-09.26	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	270,3	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-28-09.27	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	270,1	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	58,40	3
	B4-28-09.28	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	287,8	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	54,80	3
B4-28-10	B4-28-10.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG06	CH26.DLG06	417,4	207,9	211,8	199,0			618,7	207,9	49,80	3
	B4-28-10.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DL08	CH26.DL08	363,9	178,7	183,2	176,5			538,4	178,7	49,10	3
B4-28-11	B4-28-11.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL18.SL18M	CH26.SL18M	270,2	150,8	150,3	138,5			439,6	150,8	55,80	3
	B4-28-11.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL18.SL18M	CH26.SL18	270,4	150,8	150,3	138,5			439,6	150,8	55,80	3
	B4-28-11.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL24.SL24M	CH26.SL24M	271,0	151,0	150,6	140,2			441,8	151	55,70	3
	B4-28-11.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL24.SL24M	CH26.SL24	315,4	151,0	150,6	140,2			441,8	151	47,90	3
	B4-28-11.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL12.SLL07M	CH25.SLL07M	274,8	130,6	136,3	128,7			395,8	130,6	47,50	3
	B4-28-11.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SLL12.SLL07M	CH25.SLL12	357,9	193,7	202,8	189,5			586,0	193,7	54,10	3
	B4-28-11.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	270,3	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	56,40	3
	B4-28-11.8	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	285,3	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	53,40	3
	B4-28-11.9	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22M	294,2	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	51,80	3
	B4-28-11.10	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL22.SL22M	CH25.SL22	294,2	152,4	158,2	150,6			461,2	152,4	51,80	3
	B4-28-11.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27M	294,2	160,2	166,1	165,3			491,6	160,2	54,50	3
	B4-28-11.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27	294,2	160,2	166,1	165,3			491,6	160,2	54,50	3
	B4-28-11.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27M	294,2	160,2	166,1	165,3			491,6	160,2	54,50	3
	B4-28-11.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27	294,2	160,2	166,1	165,3			491,6	160,2	54,50	3
	B4-28-11.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27M	294,2	160,2	166,1	165,3			491,6	160,2	54,50	3
	B4-28-11.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL27.SL27M	CH34.SL27	294,2	160,2	166,1	165,3			491,6	160,2	54,50	3
	B4-28-11.17	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	294,2	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	52,50	3
	B4-28-11.18	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	294,2	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	52,50	3

	B4-28-11.19	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	294,2	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	52,50	3
	B4-28-11.20	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	294,2	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	52,50	3
	B4-28-11.21	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	294,2	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	52,50	3
	B4-28-11.22	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	294,0	154,6	154,1	144,3			453,0	154,6	52,60	3
B4-28-12	B4-28-12.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG03	CH26.DLG03	459,0	190,2	199,2	185,0			574,4	190,2	41,40	3
B4-28-13	B4-28-13.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	191,1	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	46,60	3
	B4-28-13.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	190,1	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	46,90	3
	B4-28-13.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05M	189,5	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	51,80	3
	B4-28-13.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05	189,1	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	51,90	3
	B4-28-13.5	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05M	189,0	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	52,00	3
	B4-28-13.6	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL05.SL05M	CH28.SL05	189,3	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	51,90	3
	B4-28-13.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SLL12	CH28.SLL12	235,2	99,6	111,1	96,8			307,5	99,6	42,30	3
	B4-28-13.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SLL12	CH28.SL03	189,4	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	47,00	3
	B4-28-13.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL05.SL05M	CH29.SL05M	189,0	98,9	104,6	102,1			305,6	98,9	52,30	3
	B4-28-13.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL05.SL05M	CH29.SL05	189,1	98,9	104,6	102,1			305,6	98,9	52,30	3
	B4-28-13.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL12.SL03M	CH29.SL03M	189,4	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	48,50	3
	B4-28-13.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SLL12.SL03M	CH29.SLL12	234,4	111,9	118,3	114,2			344,4	111,9	47,70	3
	B4-28-13.13	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL05.SL05M	CH29.SL05M	189,2	98,9	104,6	102,1			305,6	98,9	52,30	3
	B4-28-13.14	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL05.SL05M	CH29.SL05	189,0	98,9	104,6	102,1			305,6	98,9	52,30	3
	B4-28-13.15	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL05.SL05M	CH29.SL05M	189,1	98,9	104,6	102,1			305,6	98,9	52,30	3
	B4-28-13.16	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL05.SL05M	CH29.SL05	189,5	98,9	104,6	102,1			305,6	98,9	52,20	3
B4-28-14	B4-28-14.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL30	CH42.DLL30	299,7	124,3	137,7	124,4			386,4	124,3	41,50	3
	B4-28-14.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT10	CH42.DLT10	418,5	169,4	185,1	170,0			524,5	169,4	40,50	3
	B4-28-14.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT12	CH42.DLT12	442,8	181,4	197,1	181,8			560,3	181,4	41,00	3
	B4-28-14.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLT10	CH42.DLT10	436,0	169,4	185,1	170,0			524,5	169,4	38,90	3
	B4-28-14.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL52	CH42.DLL52	385,0	171,1	189,6	172,1			532,8	171,1	44,40	3
	B4-28-14.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL36M	CH42.DLL36M	385,2	181,9	195,8	182,1			559,8	181,9	47,20	3
	B4-28-14.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DL01	CH42.DL01	405,2	191,0	199,8	191,1			581,9	191	47,10	3
B4-28-15	B4-28-15.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	286,6	157,8	163,5	161,0			482,3	157,8	55,10	3

	B4-28-15.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	286.6	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	55.10	3
	B4-28-15.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	286.6	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	55.10	3
	B4-28-15.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	286.6	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	55.10	3
	B4-28-15.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21M	286.6	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	55.10	3
	B4-28-15.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL21.SL21M	CH29.SL21	286.6	157.8	163.5	161.0			482.3	157.8	55.10	3
	B4-28-15.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.13	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.14	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20M	286.6	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.10	3
	B4-28-15.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL20.SL20M	CH28.SL20	285.3	152.1	162.8	149.4			464.3	152.1	53.30	3
	B4-28-15.17	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL31	CH42.SL31	241.7	112.5	119.0	114.3			345.8	112.5	46.50	3
	B4-28-15.18	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL31	CH42.SL05	183.4	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	53.70	3
	B4-28-15.19	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05M	184.9	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	53.30	3
	B4-28-15.20	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL05M	CH42.SL05	189.2	98.5	104.5	100.0			303.0	98.5	52.10	3
B4-28-16	B4-28-16.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL19	CH42.DLL19	360.2	147.9	161.2	148.6			457.7	147.9	41.10	3
B4-28-17	B4-28-17.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL40.SL40M	CH42.SL40M	294.5	131.5	140.5	131.6			403.6	131.5	44.70	3
	B4-28-17.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL40.SL40M	CH42.SL40	253.7	131.5	140.5	131.6			403.6	131.5	51.80	3
B4-28-18	B4-28-18.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL07.SL07M	CH25.SL07M	201.3	99.9	105.7	98.1			303.7	99.9	49.60	3
	B4-28-18.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL07.SL07M	CH25.SL07	189.0	99.9	105.7	98.1			303.7	99.9	52.90	3
	B4-28-18.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL07.SL07M	CH25.SL07M	189.0	99.9	105.7	98.1			303.7	99.9	52.90	3
	B4-28-18.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL07.SL07M	CH25.SL07	207.9	99.9	105.7	98.1			303.7	99.9	48.10	3
	B4-28-18.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL07.SL07M	CH25.SL07M	189.0	99.9	105.7	98.1			303.7	99.9	52.90	3
	B4-28-18.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL07.SL07M	CH25.SL07	189.0	99.9	105.7	98.1			303.7	99.9	52.90	3
	B4-28-18.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03M	189.1	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	51.90	3

	B4-28-18.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL03.SL03M	CH26.SL03	213.3	98.2	97.7	86.1			282.0	98.2	46.00	3
	B4-28-18.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	189.0	94.9	94.5	84.0			273.4	94.9	50.20	3
	B4-28-18.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	189.0	94.9	94.5	84.0			273.4	94.9	50.20	3
	B4-28-18.11	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	189.2	94.9	94.5	84.0			273.4	94.9	50.20	3
	B4-28-18.12	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	189.4	94.9	94.5	84.0			273.4	94.9	50.10	3
	B4-28-18.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL10	CH34.SL10	227.8	113.6	119.5	114.9			348.0	113.6	49.90	3
	B4-28-18.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL10	CH34.SL04	189.2	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	50.80	3
	B4-28-18.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL12.SL12M	CH34.SL12M	189.1	100.8	106.7	102.9			310.4	100.8	53.30	3
	B4-28-18.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL12.SL12M	CH34.SL12	189.0	100.8	106.7	102.9			310.4	100.8	53.30	3
	B4-28-18.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04M	189.1	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	50.80	3
	B4-28-18.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL04.SL04M	CH34.SL04	205.0	96.1	102.0	98.2			296.3	96.1	46.90	3
B4-28-19	B4-28-19.1	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL15	CH25.DL15	274.6	118.7	129.3	116.5			364.5	118.7	43.20	3
	B4-28-19.2	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT16	CH25.DLT16	397.4	173.6	183.4	182.6			539.6	173.6	43.70	3
	B4-28-19.3	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT07	CH25.DLT07	454.6	211.1	220.1	220.4			651.6	211.1	46.40	3
	B4-28-19.4	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLT05	CH25.DLT05	471.8	219.2	228.9	229.8			677.9	219.2	46.50	3
	B4-28-19.5	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DLL14	CH25.DLL14	359.5	164.8	177.8	160.2			502.8	164.8	45.80	3
	B4-28-19.6	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL22	CH25.DL22	336.5	138.2	147.9	136.1			422.2	138.2	41.10	3
	B4-28-19.7	Đất nhà ở biệt thự	CH25.DL12	CH25.DL12	405.1	198.5	209.2	196.6			604.3	198.5	49.00	3
B4-28-20	B4-28-20.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	281.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.20	3
	B4-28-20.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	281.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.20	3
	B4-28-20.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24M	281.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.20	3
	B4-28-20.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL24.SL24M	CH34.SL24	281.3	141.2	147.1	146.3			434.6	141.2	50.20	3
	B4-28-20.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	281.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.00	3
	B4-28-20.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	281.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.00	3
	B4-28-20.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	281.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.00	3
	B4-28-20.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	281.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.00	3
	B4-28-20.9	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14M	281.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.00	3
	B4-28-20.10	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL14.SL14M	CH26.SL14	281.3	154.6	154.1	144.3			453.0	154.6	55.00	3
	B4-28-20.11	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21M	281.3	148.9	154.7	147.1			450.7	148.9	52.90	3

B4-28-20.12	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21	281,3	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	52,90	3
B4-28-20.13	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21M	270,0	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	55,10	3
B4-28-20.14	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL21.SL21M	CH25.SL21	280,8	148,9	154,7	147,1			450,7	148,9	53,80	3
B4-28-20.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL36.SL37	CH34.SL37	434,9	230,1	236,0	233,6			699,7	230,1	52,90	3
B4-28-20.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL36.SL37	CH34.SL36	294,9	177,9	183,8	183,0			544,7	177,9	60,30	3
B4-28-20.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	278,9	148,0	153,9	153,1			455,0	148	53,10	3
B4-28-20.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	267,2	148,0	153,9	153,1			455,0	148	55,40	3
B4-28-20.19	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	263,1	148,0	153,9	153,1			455,0	148	56,30	3
B4-28-20.20	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	266,7	148,0	153,9	153,1			455,0	148	55,50	3
B4-28-20.21	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25M	303,0	148,0	153,9	153,1			455,0	148	48,80	3
B4-28-20.22	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL25.SL25M	CH34.SL25	270,1	148,0	153,9	153,1			455,0	148	54,80	3
B4-28-20.23	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270,1	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,60	3
B4-28-20.24	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270,3	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,60	3
B4-28-20.25	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	301,2	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	49,00	3
B4-28-20.26	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270,0	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,70	3
B4-28-20.27	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13M	270,1	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,60	3
B4-28-20.28	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL13.SL13M	CH26.SL13	270,4	147,6	147,1	137,3			432,0	147,6	54,60	3
B4-28-20.29	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33M	371,5	190,0	189,4	177,6			557,0	190	51,10	3
B4-28-20.30	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL33.SL33M	CH26.SL33	344,6	190,0	189,4	177,6			557,0	190	55,10	3
B4-28-20.31	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL18.SLL11	CH28.SLL11	322,6	161,5	171,5	159,0			492,0	161,5	50,10	3
B4-28-20.32	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL18.SLL11	CH28.SL18	270,0	145,1	155,8	142,4			443,3	145,1	53,70	3
B4-28-20.33	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL42.SL18M	CH28.SL18M	270,0	145,1	155,8	142,4			443,3	145,1	53,70	3
B4-28-20.34	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL42.SL18M	CH28.SL42	360,0	187,3	200,2	184,1			571,6	187,3	52,00	3
B4-28-20.35	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL42.SL42M	CH28.SL42M	360,0	187,3	200,2	184,1			571,6	187,3	52,00	3
B4-28-20.36	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL42.SL42M	CH28.SL42	330,0	187,3	200,2	184,1			571,6	187,3	56,80	3
B4-28-20.37	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	365,3	158,0	164,0	158,3			480,3	158	43,30	3
B4-28-20.38	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	283,3	158,0	164,0	158,3			480,3	158	55,80	3
B4-28-20.39	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21M	283,3	158,0	164,0	158,3			480,3	158	55,80	3
B4-28-20.40	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL21.SL21M	CH42.SL21	288,4	158,0	164,0	158,3			480,3	158	54,80	3

	B4-28-20.41	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18M	277,2	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	53,20	3
	B4-28-20.42	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL18.SL18M	CH42.SL18	273,2	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,00	3
	B4-28-20.43	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL14.SL18M	CH42.SL18M	270,2	147,5	153,5	147,8			448,8	147,5	54,60	3
	B4-28-20.44	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL14.SL18M	CH42.SLL14	331,4	169,3	178,0	169,7			517,0	169,3	51,10	3
	B4-28-20.45	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	309,4	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,60	3
	B4-28-20.46	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	309,4	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,60	3
	B4-28-20.47	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	309,4	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,60	3
	B4-28-20.48	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	309,4	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,60	3
	B4-28-20.49	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22M	309,4	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,60	3
	B4-28-20.50	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL22.SL22M	CH28.SL22	309,4	162,6	173,3	159,9			495,8	162,6	52,60	3
	B4-28-20.51	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15M	309,4	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	42,40	3
	B4-28-20.52	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15	240,3	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	54,60	3
B4-28-21	B4-28-21.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL10	CH29.DLL10	296,0	115,8	123,7	121,9			361,4	115,8	39,10	3
	B4-28-21.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT05	CH29.DLT05	410,2	166,4	173,7	168,1			508,2	166,4	40,60	3
	B4-28-21.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT15	CH29.DLT15	486,6	218,5	225,8	220,2			664,5	218,5	44,90	3
	B4-28-21.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLT14	CH29.DLT14	444,0	202,5	209,7	204,6			616,8	202,5	45,60	3
	B4-28-21.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL30	CH29.DLL30	328,6	134,0	141,4	137,7			413,1	134	40,80	3
	B4-28-21.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLL10M	CH29.DLL10M	289,9	115,8	123,7	121,9			361,4	115,8	39,90	3
B4-28-22	B4-28-22.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL33.SL05M	CH28.SL05M	189,4	98,2	108,9	95,5			302,6	98,2	51,80	3
	B4-28-22.2	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL33.SL05M	CH28.SL33	247,7	119,7	134,3	116,5			370,5	119,7	48,30	3
	B4-28-22.3	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06M	189,4	99,6	110,3	96,9			306,8	99,6	52,60	3
	B4-28-22.4	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL06.SL06M	CH28.SL06	189,4	99,6	110,3	96,9			306,8	99,6	52,60	3
	B4-28-22.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL33	CH42.SL33	255,9	116,5	122,6	118,0			357,1	116,5	45,50	3
	B4-28-22.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL05.SL33	CH42.SL05	186,0	98,5	104,5	100,0			303,0	98,5	53,00	3
	B4-28-22.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	184,5	102,0	108,0	103,5			313,5	102	55,30	3
	B4-28-22.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	184,5	102,0	108,0	103,5			313,5	102	55,30	3
	B4-28-22.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06M	184,5	102,0	108,0	103,5			313,5	102	55,30	3
	B4-28-22.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL06.SL06M	CH42.SL06	184,5	102,0	108,0	103,5			313,5	102	55,30	3
	B4-28-22.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL05.SL06M	CH42.SL06M	184,5	102,0	108,0	103,5			313,5	102	55,30	3

	B4-28-22.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL05.SL06M	CH42.SLL05	198,6	89,1	95,0	90,5			274,6	89,1	44,90	3
B4-29-01	B4-29-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.DLL01	CH42.DLL01	422,8	193,2	205,7	202,5			601,4	193,2	45,70	3
	B4-29-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	265,1	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,00	3
	B4-29-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	261,8	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,70	3
	B4-29-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	261,9	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,60	3
	B4-29-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	263,0	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,40	3
	B4-29-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14M	264,2	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,20	3
B4-29-02	B4-29-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL14.SL14M	CH42.SL14	265,3	130,0	136,0	130,3			396,3	130	49,00	3
	B4-29-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14M	266,4	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	47,90	3
	B4-29-02.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL14.SL14M	CH28.SL14	267,6	127,6	138,3	124,9			390,8	127,6	47,70	3
	B4-29-02.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15M	268,7	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	48,80	3
	B4-29-02.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15	269,9	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	48,60	3
	B4-29-02.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15M	270,1	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	48,50	3
	B4-29-02.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL15.SL15M	CH28.SL15	265,6	131,1	141,8	128,4			401,3	131,1	49,40	3
B4-29-03	B4-29-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DLL33	CH28.DLL33	568,9	236,0	253,2	232,1			721,3	236	41,50	3
	B4-32-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02M	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02M	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL30.SLL30M	CH42.SLL30M	238,8	100,0	106,6	101,9			308,5	100	41,90	3
	B4-32-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SLL30.SLL30M	CH42.SLL30	287,9	100,0	106,6	101,9			308,5	100	34,70	3
B4-32-01	B4-32-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	182,9	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	50,20	3
	B4-32-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	184,4	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	49,80	3
	B4-32-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	194,8	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	47,20	3
	B4-32-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	194,8	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	47,20	3
	B4-32-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03M	194,8	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	47,20	3
	B4-32-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH29.SL03.SL03M	CH29.SL03	194,8	91,9	97,6	95,1			284,6	91,9	47,20	3
	B4-32-01.13	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	194,8	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	45,70	3
	B4-32-01.14	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	194,8	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	45,70	3

	B4-32-01.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	194,7	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	45,80	3
	B4-32-01.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	194,7	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	45,80	3
	B4-32-01.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	194,7	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	45,80	3
	B4-32-01.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	194,7	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	45,80	3
	B4-32-01.19	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	194,7	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	48,70	3
	B4-32-01.20	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	194,7	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	48,70	3
	B4-32-01.21	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	194,7	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	48,70	3
	B4-32-01.22	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	194,7	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	48,70	3
	B4-32-01.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL04.SL04M	CH25.SL04M	194,7	92,9	98,7	91,1			282,7	92,9	47,70	3
	B4-32-01.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL04.SL04M	CH25.SL04	194,7	92,9	98,7	91,1			282,7	92,9	47,70	3
	B4-32-01.25	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL04.SL04M	CH25.SL04M	194,7	92,9	98,7	91,1			282,7	92,9	47,70	3
	B4-32-01.26	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL04.SL04M	CH25.SL04	194,7	92,9	98,7	91,1			282,7	92,9	47,70	3
	B4-32-01.27	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL04.SL04M	CH25.SL04M	194,7	92,9	98,7	91,1			282,7	92,9	47,70	3
	B4-32-01.28	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL04.SL04M	CH25.SL04	183,0	92,9	98,7	91,1			282,7	92,9	50,80	3
B4-32-02	B4-32-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.DL09	CH34.DL09	333,9	132,9	139,6	133,9			406,4	132,9	39,80	3
	B4-32-03.1	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL02.SL05	CH34.SL05M	288,1	140,2	148,5	137,6			426,3	140,2	48,70	3
	B4-32-03.2	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL02.SL05	CH34.SL02	180,0	89,9	95,8	92,0			277,7	89,9	49,90	3
	B4-32-03.3	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL02.SL02M	CH34.SL02M	180,1	89,9	95,8	92,0			277,7	89,9	49,90	3
	B4-32-03.4	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL02.SL02M	CH34.SL02	180,1	89,9	95,8	92,0			277,7	89,9	49,90	3
	B4-32-03.5	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL02.SL02M	CH34.SL02M	180,2	89,9	95,8	92,0			277,7	89,9	49,90	3
	B4-32-03.6	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL02.SL02M	CH34.SL02	193,2	89,9	95,8	92,0			277,7	89,9	46,50	3
B4-32-03	B4-32-03.7	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02M	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-03.8	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-03.9	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02M	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-03.10	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02	180,1	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-03.11	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02M	180,2	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3
	B4-32-03.12	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02	180,3	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,70	3
	B4-32-03.13	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02M	193,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	47,40	3
	B4-32-03.14	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL02.SL02M	CH42.SL02	180,0	91,5	97,5	93,0			282,0	91,5	50,80	3

	B4-32-03.15	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	180,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	45,60	3
	B4-32-03.16	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	180,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	45,60	3
	B4-32-03.17	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	180,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	45,60	3
	B4-32-03.18	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	180,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	45,60	3
	B4-32-03.19	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02M	180,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	45,60	3
	B4-32-03.20	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL02.SL02M	CH28.SL02	180,0	82,1	92,8	79,6			254,5	82,1	45,60	3
	B4-32-03.21	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03M	180,0	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	49,50	3
	B4-32-03.22	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL03.SL03M	CH28.SL03	168,7	89,1	99,8	86,6			275,5	89,1	44,80	3
B4-32-04	B4-32-04.1	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.2	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.3	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.4	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.5	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.6	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.7	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	302,7	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	44,70	3
	B4-32-04.8	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DL03	CH29.DL03	286,1	135,4	144,4	139,7			419,5	135,4	47,30	3
	B4-32-04.9	Đất nhà ở biệt thự	CH29.DLF01	CH29.DLF01	325,3	143,2	152,4	149,1			444,7	143,2	44,00	3
B4-34-01	B4-34-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.DLG04	CH26.DLG04	404,4	159,0	163,0	149,3			471,3	159	39,30	3
B4-34-01	B4-34-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	192,5	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	49,30	3
	B4-34-02.2	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.3	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.4	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.5	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.6	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.7	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02M	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.8	Đất nhà ở biệt thự	CH26.SL02.SL02M	CH26.SL02	187,0	94,9	94,5	84,0			273,4	94,9	50,70	3
	B4-34-02.9	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	187,0	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	50,60	3
	B4-34-02.10	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	185,0	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	51,20	3
	B4-34-02.11	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	180,0	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	52,60	3

	B4-34-02.12	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	181,7	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	52,10	3
	B4-34-02.13	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	192,3	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	49,20	3
	B4-34-02.14	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	192,3	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	49,20	3
	B4-34-02.15	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	192,3	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	49,20	3
	B4-34-02.16	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	192,3	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	49,20	3
	B4-34-02.17	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03M	192,2	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	49,30	3
	B4-34-02.18	Đất nhà ở biệt thự	CH34.SL03.SL03M	CH34.SL03	192,2	94,7	100,6	96,8			292,1	94,7	49,30	3
	B4-34-02.19	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03M	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.20	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.21	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03M	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.22	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.23	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03M	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.24	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.25	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03M	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
	B4-34-02.26	Đất nhà ở biệt thự	CH25.SL03.SL03M	CH25.SL03	192,2	93,6	99,4	91,9			284,9	93,6	48,70	3
B4-35-01	B4-35-01.1	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL07.SL11M	CH42.SL07	249,7	109,5	115,6	109,5			334,6	109,5	43,90	3
	B4-35-01.2	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL07.SL11M	CH42.SL11M	225,0	116,0	122,0	115,9			353,9	116	51,60	3
	B4-35-01.3	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL07.SL07M	CH42.SL07	225,0	104,8	110,8	104,7			320,3	104,8	46,60	3
	B4-35-01.4	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL07.SL07M	CH42.SL07M	225,0	104,8	110,8	104,7			320,3	104,8	46,60	3
	B4-35-01.5	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10	225,0	112,5	118,5	112,4			343,4	112,5	50,00	3
B4-35-01	B4-35-01.6	Đất nhà ở biệt thự	CH42.SL10.SL10M	CH42.SL10M	225,0	112,5	118,5	112,4			343,4	112,5	50,00	3
	B4-35-01.7	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	225,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	48,90	3
	B4-35-01.8	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	225,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	48,90	3
	B4-35-01.9	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	225,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	48,90	3
	B4-35-01.10	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	225,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	48,90	3
	B4-35-01.11	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09	225,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	48,90	3
	B4-35-01.12	Đất nhà ở biệt thự	CH28.SL09.SL09M	CH28.SL09M	225,0	110,1	120,8	107,4			338,3	110,1	48,90	3
B4-35-02	B4-35-02.1	Đất nhà ở biệt thự	CH28.DL07	CH28.DL07	335,9	152,6	166,2	149,0			467,8	152,6	45,40	3

Phụ lục III

Đối chiếu các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của từng lô đất quy hoạch tại Báo cáo nghiên cứu khả thi so với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt

(Đính kèm Công văn số 17186 /SXD-QLXDCT ngày 24/11/2025)

STT		Tên lô đất theo QHCT	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo QHCT 1/500 được duyệt	Thiết kế cơ sở	Tăng(+) Giảm(-) so với QH 1/500	Đánh giá
A		PHÂN KHU A							
I		Đất nhà ở liền kề							
1	a	A3-01-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.679,0	1.679,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,9	78,4	-5,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.408,7	1.316,0	-92,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.634,7	5.088,1	-546,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,4	3,0	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
2	a	A3-01-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.760,0	1.760,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,1	76,9	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.427,4	1.353,2	-74,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.709,4	5.210,8	-498,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	3,0	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
3	a	A3-01-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.639,7	1.639,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,7	78,1	-5,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.372,4	1.280,1	-92,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.489,7	5.046,5	-443,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,1	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
4	a	A3-01-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.696,2	1.696,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,4	77,8	-5,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.414,7	1.318,9	-95,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.658,7	5.095,3	-563,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	21	21	Không đổi	Phù hợp
5	a	A3-01-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.650,0	1.650,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,4	76,0	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.326,6	1.253,6	-73,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.306,4	4.812,4	-494,0	Phù hợp

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
6	a	A3-01-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.559,2	1.559,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,9	76,6	-6,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.292,6	1.193,9	-98,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.170,4	4.705,1	-465,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
7	a	A3-01-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.383,8	2.383,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,0	74,3	-5,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.907,0	1.771,3	-135,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.628,1	6.817,7	-810,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	27	27	Không đổi	Phù hợp
8	a	A3-01-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.464,0	2.464,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,1	76,0	-4,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.973,7	1.873,2	-100,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.894,7	7.288,8	-605,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	3,0	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	29	29	Không đổi	Phù hợp
9	a	A3-01-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.657,8	1.657,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,7	77,8	-5,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.387,5	1.289,9	-97,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.550,1	4.990,4	-559,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
10	a	A3-01-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.860,0	1.860,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,3	77,1	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.512,2	1.434,5	-77,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.048,7	5.524,5	-524,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
11	a	A3-01-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.597,6	1.597,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,4	78,6	-4,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.332,4	1.255,3	-77,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.329,7	4.941,1	-388,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,1	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
12	a	A3-02-01	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	1.415,0	1.415,0	Không đổi	Phù hợp

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,1	78,5	-4,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.175,9	1.110,6	-65,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.703,5	4.601,5	-102,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,3	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
13	a	A3-02-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.280,0	1.280,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,8	73,4	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.008,6	939,8	-68,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.034,6	3.760,2	-274,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
14	a	A3-02-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.263,0	1.263,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,0	77,2	-4,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.035,6	975,5	-60,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.142,5	4.054,8	-87,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,2	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
15	a	A3-02-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	900,0	900,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	72,2	64,5	-7,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	649,8	580,2	-69,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.599,2	2.324,8	-274,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,9	2,6	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
16	c	A3-02-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.001,5	1.001,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,8	73,8	-7,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	809,2	738,9	-70,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.236,8	3.009,9	-226,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	3,0	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
17	c	A3-02-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	900,0	900,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,1	68,0	-7,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	675,9	612,4	-63,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.703,6	2.489,0	-214,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0	2,8	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
18	c	A3-02-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.704,7	1.704,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,5	77,3	-6,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.423,4	1.318,2	-105,2	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.693,7	5.361,5	-332,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,1	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
19	c	A3-03-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.238,0	1.238,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,3	77,2	-5,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.018,9	955,8	-63,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.075,5	3.933,9	-141,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,2	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
20	c	A3-03-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.395,0	1.395,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	79,4	75,2	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.107,6	1.049,0	-58,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.430,5	4.317,0	-113,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	3,1	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
21	c	A3-03-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.298,2	1.298,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,5	77,1	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.071,0	1.000,7	-70,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.284,0	4.122,1	-161,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,2	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
22	c	A3-03-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.377,4	1.377,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,5	75,2	-7,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.136,4	1.036,3	-100,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.681,8	5.377,6	-304,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	4,1	3,9	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
23	c	A3-03-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.559,1	1.559,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,0	71,2	-8,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.247,3	1.110,4	-136,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.236,5	5.662,3	-574,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	4,0	3,6	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
24	c	A3-03-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.555,0	1.555,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,0	71,3	-8,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.244,0	1.108,3	-135,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.219,8	5.585,1	-634,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	4,0	3,6	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp

25	c	A3-03-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.703,5	1.703,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,6	71,3	-9,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.373,0	1.214,5	-158,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.865,1	5.899,7	-965,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	4,0	3,5	-0,5	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
26	c	A3-03-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.546,7	1.546,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,9	74,4	-8,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.282,2	1.150,0	-132,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.410,9	5.582,6	-828,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	4,1	3,6	-0,5	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
27	c	A3-03-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.255,6	1.255,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,7	77,6	-5,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.038,4	974,1	-64,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.153,6	4.013,7	-139,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,2	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
28	c	A3-03-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.240,0	1.240,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,4	74,0	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	972,2	917,6	-54,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.888,6	3.776,0	-112,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,1	3,0	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
29	c	A3-03-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.095,7	1.095,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,8	77,4	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	896,3	847,9	-48,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.585,1	3.491,0	-94,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,2	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
30	c	A3-04-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.569,4	1.569,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,3	77,3	-6,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.307,3	1.212,4	-94,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.229,1	4.934,0	-295,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,1	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
31	c	A3-04-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.536,2	1.536,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,6	77,5	-6,1	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	1.284,2	1.190,5	-93,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.136,9	4.837,7	-299,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,1	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
32	c	A3-04-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.447,8	1.447,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,3	78,5	-4,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.206,0	1.137,0	-69,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.824,0	4.376,2	-447,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
33	c	A3-04-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.253,2	1.253,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,2	76,8	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.030,2	961,9	-68,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.120,7	3.703,2	-417,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
34	c	A3-04-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.286,3	1.286,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,6	78,0	-4,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.062,5	1.003,3	-59,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.249,9	3.951,8	-298,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,1	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
35	c	A3-04-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.380,4	1.380,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,0	77,4	-5,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.145,7	1.068,6	-77,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.582,9	4.126,5	-456,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
36	c	A3-05-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.557,9	1.557,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,4	78,5	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.299,3	1.223,5	-75,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.197,2	4.720,6	-476,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	3,0	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
37	c	A3-05-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	990,3	990,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,9	75,1	-5,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	801,2	744,0	-57,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.204,7	2.856,5	-348,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
38	c	A3-05-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	900,0	900,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,1	68,4	-6,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	675,9	615,2	-60,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.703,6	2.384,2	-319,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,0	2,6	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
39	c	A4-06-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.415,0	1.415,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,0	76,6	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.146,2	1.083,5	-62,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.584,7	4.311,7	-273,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	3,0	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
40	c	A4-06-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.350,0	1.350,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	79,0	72,9	-6,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.066,5	984,8	-81,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.266,0	3.905,2	-360,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
41	c	A4-06-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.505,7	1.505,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	79,8	72,2	-7,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.201,5	1.087,2	-114,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.806,1	4.307,4	-498,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
42	c	A4-06-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.104,6	1.104,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,7	71,8	-9,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	902,4	793,4	-109,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.609,7	3.161,3	-448,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	2,9	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
43	c	A4-07-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.486,6	1.486,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,3	71,9	-9,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.208,6	1.068,3	-140,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.834,5	4.164,6	-669,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	2,8	-0,5	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
44	c	A4-07-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.666,0	1.666,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

	c			Mật độ xây dựng	%	80,4	72,2	-8,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.339,5	1.203,4	-136,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.358,0	4.691,3	-666,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,8	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
45	c	A4-07-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.678,5	1.678,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,5	69,4	-11,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.351,2	1.165,1	-186,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.404,9	4.876,0	-528,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	2,9	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
46	c	A4-07-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.671,4	1.671,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,4	72,3	-8,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.343,8	1.208,0	-135,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.375,1	4.935,2	-439,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,2	3,0	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
47	c	A4-07-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.534,3	1.534,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,7	71,4	-10,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.253,5	1.095,2	-158,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.014,2	4.394,7	-619,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,3	2,9	-0,4	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
II		**Đất nhà ở Biệt thự**							
1	c	A3-02-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	558,1	558,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,3	-5,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	279,1	247,0	-32,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	837,2	727,4	-109,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
2	c	A3-02-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	565,2	565,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,6	-7,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	282,6	240,8	-41,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	847,8	737,8	-110,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
3	c	A3-02-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	575,0	575,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,1	-8,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	287,5	236,2	-51,3	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	862,6	696,4	-166,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,2	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
4	c	A3-02-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	633,4	633,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,8	-7,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	316,7	270,8	-45,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	950,1	833,8	-116,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
5	c	A3-04-07	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	586,3	586,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,9	-7,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	293,1	251,5	-41,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	879,4	741,7	-137,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
6	c	A3-04-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	565,9	565,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,0	-8,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	282,9	237,6	-45,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	848,8	727,6	-121,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
7	c	A3-04-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	570,3	570,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,6	-7,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	285,2	242,9	-42,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	855,5	711,1	-144,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,2	-0,3	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
8	c	A3-04-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	609,0	609,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,5	-4,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	304,5	277,3	-27,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	913,5	841,1	-72,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,4	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
9	c	A3-04-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	629,1	629,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,3	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	314,6	285,0	-29,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	943,7	838,3	-105,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp

10	c	A3-04-12	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	544,3	544,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,4	-6,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	272,2	236,3	-35,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	816,5	721,0	-95,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
11	c	A3-05-04	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	549,9	549,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,3	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	274,9	248,9	-26,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	824,8	733,5	-91,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
12	c	A3-05-05	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.366,7	3.366,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.683,3	1.634,0	-49,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.050,0	4.893,4	-156,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,5	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
13	c	A3-05-06	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	581,5	581,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,4	-5,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	290,8	258,1	-32,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	872,3	783,9	-88,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
14	c	A4-06-05	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	374,0	374,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,4	-0,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	205,7	203,6	-2,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	617,1	604,6	-12,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
15	c	A4-06-06	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	2.018,8	2.018,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,5	-4,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.009,4	918,8	-90,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.028,2	2.789,6	-238,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,4	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
16	c	A4-06-07	Đất nhà ở biệt thự (BT Song	Diện tích đất	m²	4.959,2	4.959,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp

	d		Lập)	Diện tích xây dựng	m²	2.727,5	2.631,4	-96,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.182,6	8.060,8	-121,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
17	c	A4-06-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	1.260,6	1.260,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,9	-0,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	630,3	628,5	-1,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.890,8	1.867,2	-23,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,5	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	3	3	Không đổi	Phù hợp
18	c	A4-06-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	4.966,4	4.966,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,0	-2,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.731,5	2.634,0	-97,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.194,5	8.032,7	-161,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
19	c	A4-06-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	2.480,5	2.480,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,7	-5,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.240,3	1.109,9	-130,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.720,8	3.335,2	-385,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
20	c	A4-06-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.792,1	3.792,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.085,6	2.025,8	-59,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.256,9	6.187,1	-69,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
21	c	A4-07-06	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	474,7	474,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	237,3	232,4	-4,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	712,0	702,5	-9,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,5	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
22	c	A4-07-07	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.647,0	3.647,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,8	-2,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.005,9	1.927,4	-78,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.017,6	5.956,0	-61,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
23	c	A4-07-08	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	8.683,7	8.683,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	47,7	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.341,8	4.142,6	-199,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	13.025,5	12.331,8	-693,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,4	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
24	c	A4-07-09	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	6.380,4	6.380,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.509,2	3.423,3	-85,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.527,6	10.456,8	-70,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
25	c	A4-07-10	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	5.680,1	5.680,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,8	-2,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.124,1	3.001,0	-123,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.372,2	9.202,8	-169,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
26	c	A4-07-11	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.207,9	3.207,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,4	-4,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.603,9	1.457,0	-146,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.811,8	4.363,8	-448,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,4	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
27	c	A4-07-12	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.104,7	3.104,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,3	-2,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.707,6	1.623,4	-84,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.122,7	4.962,9	-159,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
28	c	A4-07-13	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.853,3	3.853,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,7	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.119,3	2.030,8	-88,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.358,0	6.240,9	-117,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
29	c	A4-07-14	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	3.759,6	3.759,6	Không đổi	Phù hợp

	b		biệt thự (BT Đơn Lập)	Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,0	-5,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.879,8	1.692,4	-187,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.639,3	5.039,3	-600,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,3	-0,2	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
30	c	A4-07-15	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	4.473,4	4.473,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,2	-1,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.460,4	2.380,0	-80,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.381,1	7.296,0	-85,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
31	c	A4-07-16	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.797,3	3.797,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,1	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.088,5	1.977,1	-111,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.265,6	6.068,9	-196,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
32	c	A4-07-17	Đất nhà ở biệt thự (BT Đơn Lập)	Diện tích đất	m²	3.041,5	3.041,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,0	-5,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.520,7	1.369,1	-151,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.562,2	4.135,1	-427,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	1,4	-0,1	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
33	c	A4-07-18	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	3.812,5	3.812,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.096,9	2.051,6	-45,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.290,6	6.290,0	-0,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
34	c	A4-07-19	Đất nhà ở biệt thự (BT Song Lập)	Diện tích đất	m²	546,3	546,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	300,5	292,2	-8,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	901,4	900,2	-1,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,7	1,6	0,0	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp

STT		Tên lô đất theo QHCT	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo QHCT 1/500 được duyệt	Thiết kế cơ sở	Tăng(+) Giảm(-) so với QH 1/500	Đánh giá
B		PHÂN KHU B							
I		Đất nhà ở liền kề							
1	a	B3-05-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.555,0	1.555,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	70,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.088,5	1.088,0	-0,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.354,0	4.301,6	-52,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,77	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
2	a	B3-05-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.800,0	1.800,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,8	-0,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.260,0	1.216,2	-43,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.040,0	4.819,0	-221	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,68	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
3	a	B3-05-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.650,0	1.650,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,7	-0,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.155,0	1.126,4	-28,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.620,0	4.408,0	-212	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,67	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
4	a	B3-05-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.654,9	1.654,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,6	-1,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.158,4	1.134,8	-23,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.633,6	4.407,6	-226	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,66	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
5	a	B3-05-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.655,7	1.655,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.159,0	1.101,2	-57,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.636,0	4.481,6	-154,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
6	a	B3-05-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.805,7	1.805,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,5	-0,5	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	1.264,0	1.212,2	-51,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.056,0	4.878,0	-178	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,70	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
7	a	B3-05-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.747,5	1.747,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	70,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.223,3	1.174,4	-48,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.893,2	4.639,1	-254,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,65	-0,15	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	21	21	Không đổi	Phù hợp
8	a	B3-09-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.034,7	1.034,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	67,9	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	724,3	689,4	-34,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.897,2	2.741,6	-155,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,65	-0,15	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
9	a	B3-09-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.500,0	1.500,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.050,0	1.004,2	-45,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.200,0	4.029,6	-170,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,69	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
10	a	B3-09-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.014,9	1.014,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	67,9	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	710,4	676,1	-34,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.841,6	2.689,8	-151,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,65	-0,15	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
11	a	B3-12-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.083,9	1.083,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	72,1	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	812,9	777,6	-35,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.251,6	3.200,5	-51,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,95	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
12	a	B3-12-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.054,4	1.054,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	73,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	790,8	761,8	-29	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.163,2	3.055,1	-108,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,90	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp

13	a	B3-12-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.055,6	1.055,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	75,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	791,7	772,4	-19,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.166,8	3.146,6	-20,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,98	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
14	a	B3-13-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.191,2	1.191,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,0	77,1	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	976,7	899,0	-77,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.906,8	3.584,4	-322,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,28	3,01	-0,27	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
15	a	B3-13-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.654,4	1.654,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,4	75,0	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.329,8	1.216,0	-113,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.319,2	4.879,2	-440	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,22	2,95	-0,27	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
16	a	B3-13-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.229,6	1.229,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,1	77,2	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.010,0	929,6	-80,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.040,0	3.711,7	-328,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,29	3,02	-0,27	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
17	a	B3-14-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.208,6	1.208,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,1	72,7	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	944,2	860,6	-83,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.776,8	3.432,2	-344,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,12	2,84	-0,29	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
18	a	B3-14-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.290,4	1.290,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,0	71,9	-8,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.031,7	905,5	-126,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.126,8	3.636,7	-490,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,20	2,82	-0,38	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
19	a	B3-14-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.196,0	1.196,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,5	73,2	-5,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	939,3	855,2	-84,1	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.757,2	3.411,3	-345,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,14	2,85	-0,29	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
20	a	B3-14-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	568,6	568,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	93,5	84,2	-9,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	531,6	478,6	-53	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.126,4	2.022,6	-103,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,74	3,56	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
21	a	B3-14-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	880,0	880,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	92,7	88,0	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	816,0	749,2	-66,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.264,0	3.011,9	-252,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,71	2,30	-1,41	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
22	a	B3-14-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	557,3	557,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	94,2	88,8	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	524,7	474,3	-50,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.098,8	1.959,6	-139,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,77	3,52	-0,25	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
23	a	B3-14-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	920,9	920,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,7	75,3	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	743,2	689,9	-53,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.927,8	2.847,8	-80	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,23	3,09	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
24	a	B3-14-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.650,0	1.650,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,4	77,0	-3,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.326,0	1.246,0	-80	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.304,0	4.999,0	-305	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,21	3,03	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
25	a	B3-14-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	921,9	921,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,7	78,0	-2,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	743,6	699,3	-44,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.974,4	2.855,4	-119	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,23	3,10	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
26	a	B3-14-10	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	1.532,6	1.532,6	Không đổi	Phù hợp

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,1	79,4	-3,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.273,3	1.192,8	-80,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.093,2	4.763,3	-329,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,32	3,11	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
27	a	B3-14-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.682,6	1.682,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,4	80,2	-3,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.402,9	1.323,1	-79,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.611,6	5.285,8	-325,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,34	3,14	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
28	a	B3-14-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.444,0	1.444,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,9	78,9	-4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.196,5	1.117,3	-79,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.786,0	4.464,2	-321,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,31	3,09	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
29	a	B3-14-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.597,8	1.597,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,2	79,6	-3,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.328,7	1.246,8	-81,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.314,8	4.978,5	-336,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,33	3,12	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
30	a	B3-15-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.132,1	1.132,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	75,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	849,1	849,0	-0,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.396,4	3.261,8	-134,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,88	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
31	a	B3-15-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.174,7	1.174,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,2	-0,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	881,0	832,3	-48,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.524,0	3.352,7	-171,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,85	-0,15	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
32	a	B3-15-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.666,0	1.666,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,6	-0,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.249,5	1.242,4	-7,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.998,0	4.770,6	-227,4	Phù hợp

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,86	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
33	a	B3-15-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.600,0	1.600,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	73,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.200,0	1.152,6	-47,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.800,0	4.527,2	-272,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,83	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
34	a	B3-15-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	729,6	729,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,0	-1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	547,2	516,0	-31,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.188,8	2.036,0	-152,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,79	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
35	a	B3-15-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.981,6	1.981,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,9	-0,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.486,2	1.438,9	-47,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.944,8	5.661,2	-283,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,86	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
36	a	B3-15-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.400,0	1.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	72,7	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.050,0	995,4	-54,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.200,0	3.911,8	-288,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,79	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
37	a	B3-15-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	733,1	733,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,4	-0,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	549,8	545,1	-4,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.199,2	2.078,8	-120,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,84	-0,16	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
38	a	B3-16-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.101,4	1.101,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	73,9	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	837,1	788,5	-48,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.348,4	3.229,6	-118,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	2,93	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
39	a	B3-16-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.013,4	1.013,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	74,0	-2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	770,2	731,3	-38,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.080,8	2.913,8	-167	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	2,88	-0,16	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
40	a	B3-16-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.119,4	2.119,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	76,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.610,7	1.576,4	-34,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.442,8	6.406,7	-36,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	3,02	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
41	a	B3-16-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.600,0	1.600,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	74,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.216,0	1.186,2	-29,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.864,0	4.859,8	-4,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	3,04	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
42	a	B3-16-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	744,8	744,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	73,4	-2,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	566,0	539,6	-26,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.264,0	2.126,3	-137,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	2,85	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
43	a	B3-16-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.017,7	2.017,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	74,6	-1,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.533,5	1.481,5	-52	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.134,0	5.903,4	-230,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	2,93	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
44	a	B3-16-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.112,6	2.112,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	73,4	-2,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.605,6	1.544,5	-61,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.422,4	6.326,0	-96,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	2,99	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
45	a	B3-16-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	798,3	798,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,0	75,7	-0,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	606,7	589,9	-16,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.426,8	2.403,4	-23,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,04	3,01	-0,03	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
46	a	B3-17-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.131,1	1.131,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,6	76,8	-3,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	911,6	838,3	-73,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.646,4	3.338,3	-308,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,22	2,95	-0,27	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
47	a	B3-17-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.205,1	1.205,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,3	73,5	-4,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	943,7	885,8	-57,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.774,8	3.498,4	-276,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,13	2,90	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
48	a	B3-17-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.937,4	1.937,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,9	80,2	-5,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.663,3	1.520,1	-143,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.653,2	5.996,8	-656,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,43	3,10	-0,34	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
49	a	B3-17-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0	2.000,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,8	75,7	-7,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.656,0	1.499,4	-156,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.624,0	6.025,0	-599	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,31	3,01	-0,30	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
50	a	B3-17-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	725,4	725,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	89,0	80,4	-8,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	645,4	583,2	-62,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.581,6	2.320,0	-261,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,56	3,20	-0,36	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
51	a	B3-17-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.781,7	1.781,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	84,4	78,2	-6,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.504,1	1.393,5	-110,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.016,4	5.532,6	-483,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,38	3,11	-0,27	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
52	a	B3-17-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.600,0	1.600,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,0	75,1	-5,9	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	1.296,0	1.191,8	-104,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.184,0	4.786,8	-397,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,24	2,99	-0,25	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
53	a	B3-17-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	736,1	736,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	89,1	81,9	-7,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	656,1	587,9	-68,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.624,4	2.296,4	-328	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,57	3,12	-0,45	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
54	a	B3-19-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.734,4	1.734,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	84,3	79,1	-5,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.462,1	1.338,8	-123,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.848,4	5.454,5	-393,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,37	3,14	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
55	a	B3-19-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	867,4	867,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	84,1	81,2	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	729,3	700,5	-28,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.917,2	2.871,4	-45,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,36	3,31	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
56	a	B3-24-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	868,6	868,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	71,4	-3,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	651,5	609,8	-41,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.257,5	2.988,2	-269,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,44	-0,31	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
57	a	B3-24-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	819,2	819,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	72,6	-2,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	614,4	594,9	-19,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.072,0	2.907,0	-165	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,55	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
58	a	B3-24-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	819,2	819,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	72,7	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	614,4	584,3	-30,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.072,0	2.967,5	-104,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,62	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp

59	a	B3-24-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	902,7	902,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,2	-0,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	677,0	656,1	-20,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.383,0	3.220,1	-164,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,57	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
60	a	B3-25-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.014,2	1.014,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	74,5	67,6	-6,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	755,6	670,8	-84,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.022,4	2.680,3	-342,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,98	2,64	-0,34	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
61	a	B3-25-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.323,8	1.323,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	69,8	-5,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	992,9	901,5	-91,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.971,6	3.620,9	-350,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,74	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
62	a	B3-25-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.290,4	1.290,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	73,2	-1,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	967,8	945,0	-22,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.871,2	3.722,0	-149,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,88	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
63	a	B3-25-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.273,1	1.273,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	74,9	-0,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	954,8	953,2	-1,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.819,2	3.761,2	-58	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,00	2,95	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
64	a	B3-26-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.363,5	1.363,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,2	83,3	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.174,8	1.102,4	-72,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.699,2	4.308,4	-390,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,16	-0,29	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
65	a	B3-26-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.278,7	1.278,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,1	78,8	-7,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.101,3	1.007,4	-93,9	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.405,2	4.004,0	-401,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,13	-0,31	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
66	a	B3-26-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.004,9	1.004,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,1	74,4	-5,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	805,1	733,6	-71,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.220,4	2.962,2	-258,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,20	2,95	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
67	a	B3-26-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	801,0	801,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	76,3	68,9	-7,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	611,5	540,7	-70,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.446,0	2.183,4	-262,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,05	2,73	-0,33	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
68	a	B3-26-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.285,6	1.285,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,4	78,2	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.059,9	986,8	-73,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	4.235,6	3.937,0	-298,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,29	3,06	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
69	a	B3-26-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.015,2	1.015,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,2	74,9	-6,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	824,2	744,9	-79,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.296,8	2.965,1	-331,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,25	2,92	-0,33	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
70	a	B3-26-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	1.062,8	1.062,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,5	76,9	-4,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	865,9	801,7	-64,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.463,6	3.191,9	-271,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,26	3,00	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
71	a	B3-26-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m^2	980,8	980,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,0	73,3	-7,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	794,5	703,0	-91,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.178,0	2.803,4	-374,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,24	2,86	-0,38	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
72	a	B3-26-09	Đất nhà ở	Diện tích đất	m^2	822,3	822,3	Không đổi	Phù hợp

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,0	70,5	-9,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	657,5	576,2	-81,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.630,0	2.375,2	-254,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,20	2,89	-0,31	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
73	a	B3-26-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	855,4	855,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,2	72,9	-7,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	685,9	0,0	-685,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.743,6	2.558,2	-185,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,21	2,99	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
74	a	B3-26-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	483,8	483,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,5	74,0	-7,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	394,3	356,1	-38,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.577,2	1.468,6	-108,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,26	3,04	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
75	a	B3-26-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	603,3	603,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,3	77,2	-6,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	502,3	456,1	-46,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.009,2	1.853,5	-155,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,33	3,07	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
76	a	B3-26-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	577,6	577,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,4	69,9	-8,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	452,9	396,4	-56,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.811,6	1.607,2	-204,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,14	2,78	-0,35	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
77	a	B3-27-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	601,7	601,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,6	77,3	-9,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	521,0	454,3	-66,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.084,0	1.837,8	-246,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,46	3,05	-0,41	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
78	a	B3-27-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	810,0	810,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	91,1	82,2	-8,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	738,0	659,4	-78,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.952,0	2.638,6	-313,4	Phù hợp

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,64	3,26	-0,39	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
79	a	B3-27-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	635,8	635,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	92,4	81,8	-10,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	587,3	509,4	-77,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.349,2	2.054,8	-294,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,69	3,23	-0,46	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
80	a	B3-27-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	441,8	441,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	90,4	79,2	-11,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	399,4	338,6	-60,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.597,6	1.358,4	-239,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,62	3,07	-0,54	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
81	a	B3-27-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	810,0	810,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	91,1	83,9	-7,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	738,0	657,6	-80,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.952,0	2.644,6	-307,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,64	3,26	-0,38	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
82	a	B3-27-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	601,1	601,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,7	74,4	-12,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	520,9	436,6	-84,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.083,6	1.736,6	-347	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,47	2,89	-0,58	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
83	a	B3-27-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.189,3	1.189,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,1	78,1	-4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	976,7	910,6	-66,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.906,8	3.624,6	-282,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,28	3,05	-0,24	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
84	a	B3-27-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.350,0	1.350,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	79,0	75,3	-3,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.066,0	994,8	-71,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.264,0	3.994,0	-270	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,16	2,96	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
85	a	B3-27-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.259,5	1.259,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

	c			Mật độ xây dựng	%	82,0	77,1	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.033,3	950,5	-82,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.133,2	3.799,6	-333,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,28	3,02	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
86	a	B3-27-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.049,7	1.049,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,5	79,2	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	855,7	809,8	-45,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.422,8	3.180,6	-242,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,26	3,03	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
87	a	B3-27-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.200,0	1.200,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,0	73,1	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	936,0	870,2	-65,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.744,0	3.486,2	-257,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,12	2,91	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
88	a	B3-27-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	955,8	955,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,6	69,1	-11,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	770,5	660,7	-109,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.082,0	2.620,6	-461,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,22	2,74	-0,48	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
89	a	B3-27-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.184,6	1.184,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,1	79,7	-2,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	972,7	919,5	-53,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.890,8	3.638,7	-252,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,28	3,07	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
90	a	B3-27-14	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.262,0	1.262,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,2	73,6	-8,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.037,9	929,2	-108,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.151,6	3.678,4	-473,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,29	2,91	-0,37	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
91	a	B3-27-15	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	800,2	800,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,1	73,9	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	624,6	576,3	-48,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.498,4	2.338,5	-159,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,12	2,92	-0,20	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
92	a	B3-27-16	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	962,4	962,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,5	74,8	-7,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	794,1	707,2	-86,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.176,4	2.854,9	-321,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,30	2,97	-0,33	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
93	a	B3-27-17	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.399,0	1.399,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,4	83,4	-3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.208,7	1.136,2	-72,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.834,8	4.613,3	-221,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,46	3,30	-0,16	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
94	a	B3-27-18	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.214,0	1.214,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,2	84,2	-2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.047,0	998,9	-48,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.188,0	4.040,9	-147,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,33	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
95	a	B3-28-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	882,2	882,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	90,2	78,9	-11,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	795,4	675,3	-120,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.181,6	2.613,9	-567,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,61	2,96	-0,64	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
96	a	B3-28-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	810,1	810,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	91,1	82,5	-8,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	738,1	668,2	-69,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.952,4	2.569,0	-383,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,64	3,17	-0,47	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
97	a	B3-28-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	617,3	617,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,6	76,9	-8,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	528,2	457,7	-70,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.112,8	1.881,8	-231	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,42	3,05	-0,37	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
98	a	B3-28-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.044,7	1.044,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	92,9	89,1	-3,8	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	970,4	894,9	-75,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.881,6	3.687,6	-194	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,72	3,53	-0,19	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
99	a	B3-28-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.011,5	1.011,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	89,2	76,4	-12,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	902,4	765,2	-137,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.609,6	3.216,4	-393,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,57	3,18	-0,39	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
100	a	B3-28-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.039,3	1.039,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	87,9	78,3	-9,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	913,1	787,9	-125,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.652,4	3.135,4	-517	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,51	3,02	-0,50	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
101	a	B3-28-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	520,8	520,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,3	76,6	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	423,4	391,8	-31,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.693,6	1.558,1	-135,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,25	2,99	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
102	a	B3-28-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	600,0	600,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	78,0	73,8	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	468,0	437,4	-30,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.872,0	1.807,1	-64,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,12	3,01	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
103	a	B3-28-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	541,2	541,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,0	77,8	-5,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	449,2	410,4	-38,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.796,8	1.674,0	-122,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,32	3,09	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
104	a	B3-28-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.393,4	1.393,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,8	78,9	-3,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.153,6	1.080,4	-73,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.614,4	4.310,8	-303,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,31	3,09	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp

105	a	B3-28-11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.500,0	1.500,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	79,7	75,7	-4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.196,0	1.127,6	-68,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.784,0	4.661,0	-123	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,19	3,11	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
106	a	B3-28-12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.542,2	1.542,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,2	81,1	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.282,7	1.215,8	-66,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.130,8	4.970,0	-160,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,33	3,22	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
107	a	B3-28-13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.338,0	1.338,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,6	79,1	-3,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.105,6	1.040,1	-65,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.422,4	4.140,1	-282,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,31	3,09	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
108	a	B3-28-14	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.500,0	1.500,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	79,7	76,1	-3,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.196,0	1.120,4	-75,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.784,0	4.494,4	-289,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,19	3,00	-0,19	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
109	a	B3-28-15	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.363,0	1.363,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	82,5	77,5	-5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.124,8	1.036,7	-88,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.499,2	4.140,6	-358,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,30	3,04	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
110	a	B4-04-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.032,4	1.032,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,5	82,3	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	892,7	850,1	-42,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.570,8	3.349,6	-221,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,46	3,24	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
111	a	B4-04-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.050,3	1.050,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,9	79,0	-6,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	901,9	797,9	-104	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.607,6	3.226,4	-381,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,43	3,07	-0,36	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
112	a	B4-05-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.480,0	1.480,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,3	-0,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.036,0	1.014,3	-21,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.144,0	4.073,0	-71	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,75	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
113	a	B4-05-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.624,4	-55,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.516,2	-203,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
114	a	B4-05-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.624,4	-55,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.516,2	-203,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
115	a	B4-05-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,6	-0,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.629,2	-50,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.372,8	-347,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,66	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
116	a	B4-05-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,6	-0,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.627,0	-53	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.373,8	-346,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,66	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
117	a	B4-05-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.622,6	-57,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.508,4	-211,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
118	a	B4-05-07	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.631,4	-48,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.712,2	-7,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,80	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
119	a	B4-05-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,9	-0,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.637,6	-42,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.669,2	-50,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,78	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
120	a	B4-05-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.624,4	-55,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.516,2	-203,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
121	a	B4-05-10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.519,5	1.519,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.063,7	1.032,7	-31	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.254,8	4.146,4	-108,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,73	-0,07	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
122	a	B4-06-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.107,0	2.107,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	70,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.474,9	1.464,2	-10,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.899,6	5.890,2	-9,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,80	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
123	a	B4-06-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0	2.000,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.400,0	1.353,8	-46,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.600,0	5.440,2	-159,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
124	a	B4-06-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0	2.000,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.400,0	1.352,4	-47,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.600,0	5.418,4	-181,6	Phù hợp

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
125	a	B4-06-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.000,0	2.000,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.400,0	1.352,4	-47,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.600,0	5.418,4	-181,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
126	a	B4-06-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.511,9	1.511,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.058,3	1.026,8	-31,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.233,2	4.103,5	-129,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
127	a	B4-07-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.167,0	2.167,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	70,0	0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.516,9	1.516,0	-0,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.067,6	6.005,8	-61,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,77	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
128	a	B4-07-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,6	-0,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.631,0	-49	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.478,8	-241,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,70	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
129	a	B4-07-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.400,0	2.400,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.680,0	1.624,4	-55,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.720,0	6.516,2	-203,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
130	a	B4-07-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.201,0	2.201,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,9	-0,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.540,7	1.501,6	-39,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.162,8	6.114,4	-48,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,78	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
131	a	B4-07-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.301,8	2.301,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,2	-1,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.611,3	1.562,8	-48,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.445,2	6.419,6	-25,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,79	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
132	a	B4-07-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.116,2	2.116,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.481,3	1.432,8	-48,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.925,2	5.745,6	-179,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
133	a	B4-07-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.095,5	2.095,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,3	-0,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.466,9	1.452,8	-14,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.867,6	5.569,1	-298,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,66	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
134	a	B4-07-08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.352,9	2.352,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,7	-0,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.647,0	1.599,6	-47,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.588,0	6.256,8	-331,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,66	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	21	21	Không đổi	Phù hợp
135	a	B4-08-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.089,6	2.089,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.462,7	1.414,2	-48,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.850,8	5.654,9	-195,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	19	19	Không đổi	Phù hợp
136	a	B4-08-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.088,8	2.088,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,0	-1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.462,2	1.418,9	-43,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.848,8	5.689,5	-159,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
137	a	B4-08-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.104,3	2.104,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.473,0	1.432,1	-40,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.892,0	5.751,0	-141	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,73	-0,07	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
138	a	B4-08-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.111,3	2.111,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.477,9	1.432,1	-45,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.911,6	5.751,0	-160,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,72	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
139	a	B4-08-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.110,4	2.110,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	68,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.477,3	1.432,1	-45,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.909,2	5.751,0	-158,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,73	-0,07	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
140	a	B4-08-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.117,2	2.117,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,6	-0,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.482,0	1.440,4	-41,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.928,0	5.735,1	-192,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,71	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
141	a	B4-08-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	2.133,9	2.133,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	70,0	69,3	-0,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.493,7	1.478,3	-15,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.974,8	5.846,8	-128	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	2,80	2,74	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
142	a	B4-11-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.059,3	1.059,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,5	81,2	-4,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	906,0	860,2	-45,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.624,0	3.390,0	-234	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,42	3,20	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
143	a	B4-11-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	840,1	840,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,1	76,6	-8,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	714,8	618,9	-95,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.859,2	2.515,4	-343,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,40	2,99	-0,41	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
144	a	B4-18-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	411,4	411,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,8	71,9	-9,9	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	336,5	286,8	-49,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.346,0	1.174,8	-171,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,27	2,86	-0,42	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
145	a	B4-18-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	641,0	641,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,9	78,4	-7,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	550,9	494,1	-56,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.203,6	1.938,7	-264,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,44	3,02	-0,41	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
146	a	B4-18-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.149,7	1.149,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,2	80,3	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	957,0	919,5	-37,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.828,0	3.470,1	-357,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,33	3,02	-0,31	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
147	a	B4-18-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.575,4	1.575,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,2	83,5	-2,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.358,3	1.288,8	-69,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.433,2	5.207,9	-225,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,31	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
148	a	B4-18-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.594,1	1.594,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,3	83,9	-2,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.375,0	1.307,4	-67,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.500,0	5.293,4	-206,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,32	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
149	a	B4-18-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.617,8	1.617,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,2	84,3	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.394,7	1.333,4	-61,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.578,8	5.396,5	-182,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,34	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
150	a	B4-30-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.673,8	1.673,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,2	83,3	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.443,2	1.368,2	-75	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.772,8	5.442,7	-330,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,25	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp

151	a	B4-30-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	376,3	376,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,6	70,7	-15,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	326,0	261,8	-64,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.304,0	1.021,4	-282,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,47	2,71	-0,75	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
152	a	B4-30-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	897,3	897,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,0	74,6	-8,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	745,2	654,1	-91,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.980,8	2.607,8	-373	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,32	2,91	-0,42	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
153	a	B4-31-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	812,0	812,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	68,5	-6,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	609,0	556,0	-53	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.045,0	2.703,3	-341,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,33	-0,42	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
154	a	B4-31-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.280,4	1.280,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	73,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	960,2	940,1	-20,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.801,0	4.577,8	-223,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,58	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
155	a	B4-31-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.280,3	1.280,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	73,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	960,2	940,1	-20,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.801,0	4.577,8	-223,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,58	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
156	a	B4-31-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	939,3	939,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	5	5	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	75,0	70,3	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	704,5	660,7	-43,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.522,5	3.213,1	-309,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,75	3,42	-0,33	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
157	a	B4-33-01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.652,7	1.652,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	85,8	84,9	-0,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.418,2	1.363,5	-54,7	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.672,8	5.350,1	-322,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,43	3,24	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	21	21	Không đổi	Phù hợp
158	a	B4-33-02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.718,9	1.718,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,3	81,3	-5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.483,1	1.398,0	-85,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.932,4	5.540,8	-391,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,22	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
159	a	B4-33-03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.742,3	1.742,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,3	83,3	-3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.503,4	1.423,5	-79,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.013,6	5.665,6	-348	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,45	3,25	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
160	a	B4-33-04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	859,8	859,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,3	73,7	-6,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	690,0	623,1	-66,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.760,0	2.482,1	-277,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,21	2,89	-0,32	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
161	a	B4-33-05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	919,8	919,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,6	75,5	-5,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	741,7	681,2	-60,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.966,8	2.713,6	-253,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,23	2,95	-0,28	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
162	a	B4-33-06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.010,0	1.010,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	81,0	74,7	-6,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	818,3	750,8	-67,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.273,2	3.100,4	-172,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,24	3,07	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
163	a	B4-33-07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	833,5	833,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	80,5	73,4	-7,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	670,9	608,0	-62,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.683,6	2.502,5	-181,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,22	3,00	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
164	a	B4-33-08	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	707,3	707,3	Không đổi	Phù hợp

	b		liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	83,4	78,0	-5,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	590,1	548,0	-42,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.360,4	2.264,4	-96	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,34	3,20	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
165	a	B4-33-09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m²	1.121,4	1.121,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	86,5	85,1	-1,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	970,2	933,1	-37,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.880,8	3.796,0	-84,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3,46	3,39	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
II		**Biệt thự song lập**							
1	a	B3-17-10	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.504,5	4.504,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.477,5	2.393,0	-84,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.432,4	7.209,6	-222,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	24	24	Không đổi	Phù hợp
2	a	B3-18-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.775,8	3.775,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.076,7	2.005,2	-71,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.230,1	5.980,7	-249,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,58	-0,07	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
3	a	B3-18-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.160,0	2.160,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,9	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.188,0	1.142,4	-45,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.564,0	3.525,6	-38,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
4	a	B3-18-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.265,2	2.265,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	51,8	-3,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.245,9	1.173,1	-72,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.737,6	3.623,0	-114,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
5	a	B3-19-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.234,9	2.234,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.229,2	1.187,4	-41,8	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.687,6	3.656,4	-31,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,64	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
6	a	B3-19-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	2.240,8	2.240,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,2	-2,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.232,4	1.169,2	-63,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.697,3	3.560,0	-137,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,59	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
7	a	B3-20	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	1.830,1	1.830,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,8	-0,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	915,1	910,7	-4,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.745,2	2.718,3	-26,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
8	a	B3-21	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	1.906,8	1.906,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,4	-0,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	953,4	941,3	-12,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	2.860,2	2.810,8	-49,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,47	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
9	a	B3-22-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	8.204,5	8.204,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	4.102,3	3.982,4	-119,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	12.306,8	12.241,2	-65,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	48	48	Không đổi	Phù hợp
10	a	B3-23-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	5.387,2	5.387,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,9	-0,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.693,6	2.687,5	-6,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	8.080,8	8.076,9	-3,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	24	24	Không đổi	Phù hợp
11	a	B4-03-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	3.835,5	3.835,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,1	-0,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.109,5	2.073,8	-35,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	6.328,6	6.323,2	-5,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
12	a	B4-03-11	Đất nhà ở	Diện tích đất	m^2	5.567,0	5.567,0	Không đổi	Phù hợp

	b		biệt thự (BT song lập)	Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,1	-0,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.061,9	3.014,0	-47,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.185,6	8.962,6	-222,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
13	a	B4-03-14	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	8.924,2	8.924,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.908,3	4.797,7	-110,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	14.724,9	14.599,1	-125,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,64	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	34	34	Không đổi	Phù hợp
14	a	B4-03-16	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.314,0	4.314,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.372,7	2.326,6	-45,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.118,1	7.115,8	-2,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
15	a	B4-04-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.266,4	3.266,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,2	-1,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.796,5	1.737,0	-59,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.389,6	5.196,8	-192,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,59	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
16	a	B4-04-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	7.414,2	7.414,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.077,8	3.996,4	-81,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	12.233,4	12.161,1	-72,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,64	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	28	28	Không đổi	Phù hợp
17	a	B4-09-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	14.060,2	14.060,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,4	-0,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	7.030,1	6.946,6	-83,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	21.090,3	21.040,4	-49,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	42	42	Không đổi	Phù hợp
18	a	B4-10-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song	Diện tích đất	m²	1.965,5	1.965,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,6	-0,4	Phù hợp

	d		lập)	Diện tích xây dựng	m²	1.081,0	1.073,6	-7,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.243,1	3.144,5	-98,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
19	a	B4-10-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.591,6	4.591,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,8	-2,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.525,4	2.422,4	-103,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.576,1	7.413,1	-163,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
20	a	B4-10-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.743,6	2.743,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.509,0	1.467,2	-41,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.526,9	4.386,8	-140,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
21	a	B4-10-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.618,1	1.618,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	890,0	859,8	-30,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.669,9	2.603,4	-66,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
22	a	B4-10-09	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.220,1	6.220,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,8	-2,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.421,1	3.284,6	-136,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.263,2	10.031,4	-231,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	24	24	Không đổi	Phù hợp
23	a	B4-10-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.994,3	1.994,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.096,9	1.059,8	-37,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.290,6	3.263,2	-27,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,64	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
24	a	B4-11-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.181,6	3.181,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.749,9	1.712,9	-37,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.249,6	5.234,7	-14,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp

25	a	B4-11-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.171,6	1.171,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,5	-2,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	644,4	615,1	-29,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.933,1	1.881,2	-51,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
26	a	B4-12-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.379,4	5.379,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.958,7	2.870,1	-88,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.876,0	8.637,6	-238,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
27	a	B4-12-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.252,3	4.252,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,9	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.338,8	2.250,7	-88,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.016,3	6.877,3	-139,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,62	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
28	a	B4-13-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.698,5	5.698,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,1	-0,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.134,2	3.080,8	-53,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.402,5	9.400,6	-1,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
29	a	B4-13-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.950,8	1.950,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,0	-3,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.072,9	1.015,1	-57,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.218,8	3.129,5	-89,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
30	a	B4-14-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.364,7	3.364,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.850,6	1.818,6	-32,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.551,8	5.548,6	-3,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
31	a	B4-14-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.352,1	6.352,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.493,7	3.424,6	-69,1	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m^2	10.481,0	10.382,2	-98,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	30	30	Không đổi	Phù hợp
32	a	B4-14-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	7.925,6	7.925,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	4.359,1	4.276,6	-82,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	13.077,2	12.926,0	-151,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	28	28	Không đổi	Phù hợp
33	a	B4-14-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	4.442,0	4.442,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,4	-0,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.443,1	2.416,3	-26,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	7.329,3	7.271,4	-57,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,64	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
34	a	B4-15-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	2.387,9	2.387,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	50,3	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	1.313,3	1.202,2	-111,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	3.940,0	3.706,7	-233,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,55	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
35	a	B4-15-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	4.036,6	4.036,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.220,1	2.174,4	-45,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	6.660,4	6.633,2	-27,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,64	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
36	a	B4-16-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	3.926,7	3.926,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	50,8	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	2.159,7	1.995,3	-164,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	6.479,1	5.958,4	-520,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,52	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
37	a	B4-16-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m^2	10.296,4	10.296,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	51,9	-3,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m^2	5.663,0	5.343,2	-319,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m^2	16.989,1	16.138,1	-850,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,57	-0,08	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	32	32	Không đổi	Phù hợp
38	a	B4-17-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	5.614,5	5.614,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,1	-0,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.807,3	2.756,8	-50,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.421,8	8.389,6	-32,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	30	30	Không đổi	Phù hợp
39	a	B4-19-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.476,7	2.476,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	51,2	-3,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.362,2	1.267,8	-94,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.086,6	3.873,6	-213,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,56	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
40	a	B4-19-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.779,8	3.779,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,6	-2,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.078,9	1.989,6	-89,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.236,7	6.060,8	-175,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
41	a	B4-20-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.192,9	6.192,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,3	-0,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.096,5	3.055,8	-40,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.289,4	9.217,0	-72,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
42	a	B4-20-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.207,7	3.207,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.603,9	1.572,8	-31,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.811,6	4.809,6	-1,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
43	a	B4-20-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	11.219,0	11.219,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	5.609,5	5.474,0	-135,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	16.828,5	16.613,4	-215,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,48	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	42	42	Không đổi	Phù hợp
44	a	B4-20-10	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	5.922,2	5.922,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp

	c		(BT song lập)	Mật độ xây dựng	%	50,0	49,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.961,1	2.902,2	-58,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	8.883,3	8.871,0	-12,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
45	a	B4-21-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.698,0	6.698,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,7	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.683,9	3.531,9	-152,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.051,7	10.684,0	-367,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	26	26	Không đổi	Phù hợp
46	a	B4-21-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	15.965,8	15.965,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,2	-1,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	8.781,2	8.491,5	-289,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	26.343,6	25.626,1	-717,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	54	54	Không đổi	Phù hợp
47	a	B4-21-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	13.564,4	13.564,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,2	-1,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	7.460,4	7.212,6	-247,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	22.381,3	21.718,0	-663,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	46	46	Không đổi	Phù hợp
48	a	B4-21-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.822,6	6.822,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,1	-1,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.752,4	3.622,3	-129,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.257,3	11.069,2	-188,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,62	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
49	a	B4-21-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	9.003,1	9.003,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.951,7	4.839,2	-112,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	14.855,1	14.645,3	-209,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	30	30	Không đổi	Phù hợp
50	a	B4-22-01	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	2.488,6	2.488,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp

	c		(BT song lập)	Mật độ xây dựng	%	55,0	53,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.368,7	1.339,6	-29,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.106,2	4.103,8	-2,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
51	a	B4-22-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.719,0	2.719,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.495,5	1.467,0	-28,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.486,4	4.485,0	-1,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
52	a	B4-23-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.277,5	2.277,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.138,8	1.101,6	-37,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.416,3	3.337,2	-79,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,47	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
53	a	B4-23-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.460,6	3.460,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,4	-0,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.730,3	1.709,2	-21,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.190,9	5.097,0	-93,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,47	-0,03	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
54	a	B4-24-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.735,0	2.735,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,7	-0,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.504,3	1.496,1	-8,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.512,8	4.461,8	-50,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
55	a	B4-24-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	7.120,2	7.120,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.916,1	3.830,1	-86,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.748,3	11.571,6	-176,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	26	26	Không đổi	Phù hợp
56	a	B4-24-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.926,5	2.926,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.609,6	1.578,8	-30,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.828,7	4.823,8	-4,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
57	a	B4-24-08		Diện tích đất	m²	4.084,1	4.084,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,1	-0,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.246,3	2.207,7	-38,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.738,8	6.590,3	-148,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,61	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
58	a	B4-25-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.182,5	2.182,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.091,3	1.068,0	-23,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.273,8	3.268,0	-5,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
59	a	B4-25-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.020,4	6.020,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.010,2	2.936,2	-74,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	9.030,6	8.980,9	-49,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
60	a	B4-25-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	8.242,4	8.242,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.121,2	4.020,8	-100,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	12.363,6	12.175,1	-188,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,48	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	30	30	Không đổi	Phù hợp
61	a	B4-25-08	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.966,9	4.966,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.483,5	2.425,0	-58,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.450,4	7.433,6	-16,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
62	a	B4-25-12	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.280,0	2.280,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.140,0	1.110,3	-29,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.420,0	3.396,5	-23,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
63	a	B4-25-14	Đất nhà ở biệt thự (BT song	Diện tích đất	m²	4.523,1	4.523,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,9	-1,1	Phù hợp

	d		lập)	Diện tích xây dựng	m²	2.261,6	2.211,2	-50,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.784,7	6.758,4	-26,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
64	a	B4-25-16	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	7.944,4	7.944,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,8	-0,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.972,2	3.954,5	-17,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.916,6	11.914,1	-2,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	28	28	Không đổi	Phù hợp
65	a	B4-26-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.847,4	2.847,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,3	-2,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.566,1	1.488,8	-77,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.698,2	4.555,2	-143,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
66	a	B4-26-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.725,7	2.725,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.499,1	1.458,0	-40,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.497,4	4.453,4	-44,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
67	a	B4-27-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.151,0	1.151,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,7	-0,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	575,5	572,6	-2,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.726,5	1.672,3	-54,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,45	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
68	a	B4-27-05	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.347,5	2.347,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	47,6	-2,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.173,8	1.118,0	-55,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.521,3	3.381,2	-140,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
69	a	B4-28-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.437,8	3.437,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	54,0	-1,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.890,8	1.855,5	-35,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.672,4	5.661,9	-10,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,65	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp

70	a	B4-28-04	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.734,3	1.734,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	52,0	-3,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	953,9	902,2	-51,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.861,6	2.774,2	-87,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
71	a	B4-28-06	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.776,0	1.776,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	976,8	947,1	-29,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.930,4	2.901,1	-29,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
72	a	B4-28-07	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	1.177,7	1.177,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	51,5	-3,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	647,7	606,4	-41,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.943,2	1.842,4	-100,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,56	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
73	a	B4-28-09	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	8.361,9	8.361,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,7	-1,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	4.599,0	4.492,6	-106,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	13.797,1	13.601,0	-196,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	28	28	Không đổi	Phù hợp
74	a	B4-28-11	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	6.433,9	6.433,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.538,6	3.426,3	-112,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	10.615,9	10.257,0	-358,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,59	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
75	a	B4-28-13	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	3.121,4	3.121,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	49,9	-5,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.716,8	1.556,9	-159,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.150,3	4.807,0	-343,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,54	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
76	a	B4-28-15	Đất nhà ở biệt thự (BT song	Diện tích đất	m²	5.383,5	5.383,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	55,0	53,4	-1,6	Phù hợp

	d			lập)	Diện tích xây dựng	m²	2.960,9	2.875,8	-85,1	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	8.882,8	8.791,6	-91,2	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,63	-0,02	Phù hợp
	g				Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
77	a	B4-28-17	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)		Diện tích đất	m²	548,2	548,2	Không đổi	Phù hợp
	b				Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c				Mật độ xây dựng	%	55,0	48,0	-7,0	Phù hợp
	d				Diện tích xây dựng	m²	301,5	263,0	-38,5	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	904,5	807,2	-97,3	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,47	-0,18	Phù hợp
	g				Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
78	a	B4-28-18	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)		Diện tích đất	m²	3.513,4	3.513,4	Không đổi	Phù hợp
	b				Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c				Mật độ xây dựng	%	55,0	50,6	-4,4	Phù hợp
	d				Diện tích xây dựng	m²	1.932,4	1.778,9	-153,5	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	5.797,1	5.337,5	-459,6	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,52	-0,13	Phù hợp
	g				Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
79	a	B4-28-20	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)		Diện tích đất	m²	15.364,3	15.364,3	Không đổi	Phù hợp
	b				Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c				Mật độ xây dựng	%	55,0	53,0	-2,0	Phù hợp
	d				Diện tích xây dựng	m²	8.450,4	8.144,8	-305,6	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	25.351,1	24.595,0	-756,1	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,60	-0,05	Phù hợp
	g				Số thửa	thửa	52	52	Không đổi	Phù hợp
80	a	B4-28-22	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)		Diện tích đất	m²	2.378,9	2.378,9	Không đổi	Phù hợp
	b				Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c				Mật độ xây dựng	%	55,0	51,8	-3,2	Phù hợp
	d				Diện tích xây dựng	m²	1.308,4	1.231,2	-77,2	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	3.925,2	3.788,9	-136,3	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,65	1,59	-0,06	Phù hợp
	g				Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
81	a	B4-29-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)		Diện tích đất	m²	3.189,6	3.189,6	Không đổi	Phù hợp
	b				Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c				Mật độ xây dựng	%	50,0	48,9	-1,1	Phù hợp
	d				Diện tích xây dựng	m²	1.594,8	1.559,6	-35,2	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	4.784,4	4.764,6	-19,8	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g				Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
82	a	B4-32-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)		Diện tích đất	m²	5.496,9	5.496,9	Không đổi	Phù hợp
	b				Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c				Mật độ xây dựng	%	50,0	47,1	-2,9	Phù hợp
	d				Diện tích xây dựng	m²	2.748,5	2.589,0	-159,4	Phù hợp
	e				Tổng diện tích sàn	m²	8.245,4	7.895,4	-349,9	Phù hợp
	f				Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	28	28	Không đổi	Phù hợp
83	a	B4-32-03	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.114,0	4.114,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,4	-1,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.057,0	1.992,5	-64,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.171,0	6.148,8	-22,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,49	-0,01	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
84	a	B4-34-02	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	4.926,4	4.926,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,8	-0,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.463,2	2.455,0	-8,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.389,6	7.387,4	-2,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,50	0,00	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	26	26	Không đổi	Phù hợp
85	a	B4-35-01	Đất nhà ở biệt thự (BT song lập)	Diện tích đất	m²	2.724,7	2.724,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,5	-1,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.362,4	1.320,7	-41,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.087,1	4.045,7	-41,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,48	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
III		Biệt thự đơn lập							
1	a	B3-17-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	333,7	333,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	39,5	-10,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	166,9	131,7	-35,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	500,6	396,4	-104,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,19	-0,31	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
2	a	B3-18-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	282,2	282,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,4	-8,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	141,1	116,8	-24,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	423,3	359,6	-63,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,27	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
3	a	B3-18-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	679,0	679,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	39,9	-10,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	339,5	270,8	-68,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.018,5	835,7	-182,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,23	-0,27	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
4	a	B3-18-05	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	654,4	654,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp

	c		(BT đơn lập)	Mật độ xây dựng	%	50,0	41,4	-8,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	327,2	270,8	-56,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	981,6	835,7	-145,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,28	-0,22	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
5	a	B3-18-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	870,5	870,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,3	-6,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	435,3	376,9	-58,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.305,8	1.165,7	-140,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,34	-0,16	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	3	3	Không đổi	Phù hợp
6	a	B3-19-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	628,5	628,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,7	-3,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	314,3	293,5	-20,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	942,8	902,9	-39,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
7	a	B3-19-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	615,2	615,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,5	-6,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	307,6	267,5	-40,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	922,8	818,2	-104,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,33	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
8	a	B3-22-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.171,9	1.171,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,1	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	586,0	528,2	-57,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.757,9	1.597,2	-160,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,36	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
9	a	B3-22-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	603,0	603,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,4	-5,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	301,5	267,8	-33,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	904,5	829,7	-74,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,38	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
10	a	B3-23-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	390,5	390,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,8	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	195,3	178,8	-16,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	585,8	538,1	-47,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,38	-0,12	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
11	a	B4-03-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.173,1	2.173,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,7	-6,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.086,6	949,7	-136,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.259,7	2.900,3	-359,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,33	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
12	a	B4-03-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	456,0	456,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	47,1	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	228,0	214,7	-13,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	684,0	653,8	-30,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,43	-0,07	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
13	a	B4-03-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	434,0	434,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,8	-4,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	217,0	198,8	-18,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	651,0	594,1	-56,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,37	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
14	a	B4-03-12	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.217,7	2.217,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,3	-1,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.108,9	1.070,2	-38,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.326,6	3.236,6	-89,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,46	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
15	a	B4-03-13	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	428,5	428,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,4	-6,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	214,3	185,8	-28,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	642,8	571,0	-71,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,33	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
16	a	B4-03-15	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.162,7	2.162,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,2	-5,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.081,4	955,4	-126,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.244,1	2.941,5	-302,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,36	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
17	a	B4-04-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.921,6	1.921,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,6	-5,4	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	960,8	857,8	-103,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.882,4	2.553,6	-328,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,33	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
18	a	B4-04-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.783,6	1.783,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	39,0	-11,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	891,8	696,2	-195,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.675,4	2.143,6	-531,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,20	-0,30	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
19	a	B4-09-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	788,2	788,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,0	-4,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	394,1	362,3	-31,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.182,3	1.104,7	-77,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,40	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
20	a	B4-10-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.629,1	2.629,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,7	-3,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.314,6	1.228,9	-85,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.943,7	3.777,3	-166,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
21	a	B4-10-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.282,1	2.282,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,5	-6,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.141,1	993,1	-148,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.423,2	3.045,0	-378,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,33	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
22	a	B4-10-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	656,0	656,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,2	-5,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	328,0	289,9	-38,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	984,0	866,1	-117,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,32	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
23	a	B4-10-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.859,5	2.859,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,4	-3,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.429,8	1.328,1	-101,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.289,3	4.031,4	-257,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,41	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp

24	a	B4-10-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.865,0	1.865,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	38,0	-12,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	932,5	709,2	-223,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.797,5	2.191,3	-606,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,17	-0,33	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
25	a	B4-11-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.662,0	1.662,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,3	-8,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	831,0	685,6	-145,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.493,0	2.118,7	-374,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,27	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
26	a	B4-11-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	404,5	404,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,0	-9,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	202,3	165,9	-36,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	606,8	502,9	-103,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,24	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
27	a	B4-11-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.820,9	2.820,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,4	-7,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.410,5	1.195,5	-215,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.231,4	3.673,1	-558,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,30	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
28	a	B4-12-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.546,4	2.546,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,3	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.273,2	1.154,3	-118,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.819,6	3.580,7	-238,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,41	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
29	a	B4-12-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	287,3	287,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,0	-9,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	143,7	117,8	-25,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	431,0	357,6	-73,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,24	-0,26	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
30	a	B4-13-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.058,9	2.058,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,8	-8,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.029,5	860,3	-169,2	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.088,4	2.666,9	-421,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,30	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
31	a	B4-14-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.339,9	2.339,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,2	-5,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.170,0	1.035,0	-135,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.509,9	3.092,0	-417,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,32	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
32	a	B4-14-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.957,2	1.957,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	40,8	-9,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	978,6	799,5	-179,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.935,8	2.454,1	-481,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,25	-0,25	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
33	a	B4-14-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	473,4	473,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,8	-7,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	236,7	202,7	-34,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	710,1	620,0	-90,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,31	-0,19	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
34	a	B4-14-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	4.684,0	4.684,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	48,3	45,4	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.262,4	2.125,0	-137,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	6.791,8	6.468,8	-323,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,45	1,38	-0,07	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
35	a	B4-15-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.412,4	2.412,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,6	-7,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.206,2	1.027,3	-178,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.618,6	3.157,0	-461,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,31	-0,19	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
36	a	B4-16-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.005,1	2.005,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,0	-6,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.002,6	882,4	-120,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.007,7	2.633,6	-374,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,31	-0,19	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
37	a	B4-16-04	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	464,3	464,3	Không đổi	Phù hợp

	b		biệt thự (BT đơn lập)	Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,6	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	232,2	211,9	-20,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	696,5	645,9	-50,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,39	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
38	a	B4-19-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.014,7	2.014,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,0	-7,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.007,4	866,4	-141,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.022,1	2.589,9	-432,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,29	-0,21	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
39	a	B4-20-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.969,9	1.969,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,4	-3,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	985,0	913,1	-71,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.954,9	2.761,6	-193,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,40	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
40	a	B4-20-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.459,8	2.459,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,7	-6,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.229,9	1.050,2	-164,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.689,7	3.234,5	-406,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,31	-0,17	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
41	a	B4-20-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	531,8	531,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	49,4	47,3	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	262,7	251,7	-11,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	787,1	765,8	-21,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,48	1,44	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
42	a	B4-20-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	937,5	937,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,0	-2,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	468,8	450,2	-18,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.406,3	1.349,4	-56,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
43	a	B4-20-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	633,2	633,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	47,3	45,2	-2,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	299,5	285,9	-13,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	899,1	869,0	-30,1	Phù hợp

	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,42	1,37	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
44	a	B4-20-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	464,9	464,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	47,8	-2,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	232,5	222,3	-10,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	697,4	679,0	-18,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,46	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
45	a	B4-20-11	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	450,4	450,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	43,8	-6,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	225,2	197,2	-28,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	675,6	603,4	-72,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,34	-0,16	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
46	a	B4-21-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.754,9	1.754,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,0	-2,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	877,5	843,2	-34,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.632,4	2.549,5	-82,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,45	-0,05	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
47	a	B4-21-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	777,5	777,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,9	-5,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	388,8	348,8	-40,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.166,3	1.050,3	-116,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,35	-0,15	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
48	a	B4-21-06	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.758,3	1.758,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	48,2	45,2	-3,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	847,5	794,8	-52,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.549,5	2.411,1	-138,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,45	1,37	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	3	3	Không đổi	Phù hợp
49	a	B4-21-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	426,7	426,7	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,3	-8,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	213,4	176,2	-37,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	640,1	534,0	-106,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,25	-0,25	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
50	a	B4-21-09	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	5.129,9	5.129,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp

	e		(BT đơn lập)	Mật độ xây dựng	%	47,1	43,1	-4,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	2.416,2	2.210,7	-205,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	7.233,2	6.769,8	-463,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,41	1,32	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
51	a	B4-21-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	474,3	474,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,1	-3,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	237,2	218,6	-18,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	711,5	655,1	-56,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,38	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
52	a	B4-22-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.532,4	2.532,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,2	-5,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.266,2	1.119,1	-147,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.798,6	3.440,1	-358,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,36	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
53	a	B4-23-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.910,0	2.910,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,8	-1,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.455,0	1.421,4	-33,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.365,0	4.314,2	-50,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,48	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
54	a	B4-24-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.143,1	2.143,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,5	-4,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.071,6	975,4	-96,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.214,7	2.989,9	-224,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,40	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
55	a	B4-24-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	400,8	400,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	47,1	-2,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	200,4	188,8	-11,6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	601,2	577,7	-23,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
56	a	B4-24-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.534,3	2.534,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,6	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.267,2	1.156,9	-110,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.801,5	3.534,9	-266,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,39	-0,11	Phù hợp

	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
57	a	B4-24-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	415,0	415,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,1	-4,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	207,5	187,1	-20,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	622,5	573,2	-49,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,38	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
58	a	B4-25-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	3.853,9	3.853,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	47,1	44,8	-2,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.815,2	1.726,7	-88,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	5.434,0	5.157,8	-276,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,41	1,34	-0,07	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
59	a	B4-25-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.122,5	2.122,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,6	-4,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.061,3	968,6	-92,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.183,8	2.974,7	-209,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,40	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
60	a	B4-25-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	389,4	389,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,2	-8,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	194,7	160,3	-34,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	584,1	488,2	-95,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,25	-0,25	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
61	a	B4-25-07	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.537,1	2.537,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,0	-6,0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.268,6	1.115,3	-153,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.805,7	3.430,2	-375,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,35	-0,15	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
62	a	B4-25-09	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	503,1	503,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	49,9	47,1	-2,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	251,0	236,8	-14,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	754,7	724,3	-30,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
63	a	B4-25-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	450,8	450,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,4	-3,6	Phù hợp

	d			Diện tích xây dựng	m²	225,4	209,1	-16,3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	676,2	632,8	-43,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,40	-0,10	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
64	a	B4-25-11	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	445,3	445,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	39,6	-10,4	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	222,7	176,2	-46,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	668,0	534,0	-134,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,20	-0,30	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
65	a	B4-25-13	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	7.700,3	7.700,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	47,8	41,7	-6,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	3.680,7	3.210,9	-469,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	11.011,4	9.618,0	-1393,4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,43	1,25	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
66	a	B4-25-15	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.756,3	1.756,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	46,5	-3,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	878,2	815,9	-62,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.634,5	2.474,5	-160,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,41	-0,09	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	4	4	Không đổi	Phù hợp
67	a	B4-26-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.550,4	2.550,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,5	-5,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.275,2	1.135,1	-140,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.825,6	3.485,5	-340,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,37	-0,13	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
68	a	B4-27-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	442,1	442,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	48,9	-1,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	221,1	216,4	-4,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	663,2	646,5	-16,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,46	-0,04	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
69	a	B4-27-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	476,1	476,1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,5	-4,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	238,1	216,4	-21,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	714,2	646,5	-67,7	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,36	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp

70	a	B4-27-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	469,4	469,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	47,4	-2,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	234,7	222,5	-12,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	704,1	676,2	-27,9	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,44	-0,06	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
71	a	B4-28-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	889,6	889,6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,2	-4,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	444,8	402,1	-42,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.334,4	1.223,9	-110,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,38	-0,12	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
72	a	B4-28-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	293,3	293,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	32,7	-17,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	146,7	95,8	-50,9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	440,0	290,8	-149,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	0,99	-0,51	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
73	a	B4-28-05	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.189,9	2.189,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,2	-8,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.095,0	901,6	-193,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.284,9	2.768,7	-516,2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,26	-0,24	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
74	a	B4-28-08	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	1.984,0	1.984,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,2	-5,8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	992,0	877,9	-114,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	2.976,0	2.707,0	-269,0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,36	-0,14	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
75	a	B4-28-10	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	781,3	781,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	49,5	-0,5	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	390,7	386,6	-4,0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	1.172,0	1.157,1	-14,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,48	-0,02	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	2	2	Không đổi	Phù hợp
76	a	B4-28-12	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	459,0	459,0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,4	-8,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	229,5	190,2	-39,3	Phù hợp

	e			Tổng diện tích sàn	m²	688,5	574,4	-114,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,25	-0,25	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
77	a	B4-28-14	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.772,4	2.772,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,9	-7,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.386,2	1.188,5	-198,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.158,6	3.670,2	-488,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,32	-0,18	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
78	a	B4-28-16	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	360,2	360,2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	41,1	-8,9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	180,1	147,9	-32,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	540,3	457,7	-82,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,27	-0,23	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
79	a	B4-28-19	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.699,5	2.699,5	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,3	-4,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.349,8	1.224,1	-125,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.049,3	3.762,9	-286,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,39	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
80	a	B4-28-21	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.255,3	2.255,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	42,3	-7,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.127,7	953,0	-174,7	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	3.383,0	2.925,4	-457,6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,30	-0,20	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
81	a	B4-29-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	422,8	422,8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,7	-4,3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	211,4	193,2	-18,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	634,2	601,4	-32,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,42	-0,08	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
82	a	B4-29-03	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	568,9	568,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	48,6	41,5	-7,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	276,5	236,0	-40,5	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	830,6	721,3	-109,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,46	1,27	-0,19	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
83	a	B4-32-02	Đất nhà ở	Diện tích đất	m²	333,9	333,9	Không đổi	Phù hợp

	b		biệt thự (BT đơn lập)	Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	39,8	-10,2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	167,0	132,9	-34,1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	500,9	406,4	-94,5	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,22	-0,28	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
84	a	B4-32-04	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	2.730,3	2.730,3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	44,9	-5,1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	1.365,2	1.226,4	-138,8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	4.095,5	3.800,7	-294,8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,39	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
85	a	B4-34-01	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	404,4	404,4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	39,3	-10,7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	202,2	159,0	-43,2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	606,6	471,3	-135,3	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,17	-0,33	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
86	a	B4-35-02	Đất nhà ở biệt thự (BT đơn lập)	Diện tích đất	m²	335,9	335,9	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	c			Mật độ xây dựng	%	50,0	45,4	-4,6	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m²	168,0	152,6	-15,4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m²	503,9	467,8	-36,1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	1,50	1,39	-0,11	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp